

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê quy định “*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”. Thực hiện quy định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành xây dựng Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Nghị định). Quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện:

- Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (sau đây viết gọn là Nghị định 97).

- Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Đề án 715).

Dưới đây là nội dung chi tiết:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 97/2016/NĐ-CP NGÀY 01/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA

1. Tổng quan về Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Luật Thống kê.

1.2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định này gồm:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan khác có liên quan theo quy định của Luật Thống kê.

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

1.3. Nội dung chỉ tiêu thống kê

Luật Thống kê quy định nội dung chỉ tiêu thống kê gồm khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp. Nghị định 97 quy định nội dung của 186 chỉ tiêu thống kê thuộc 20 nhóm gồm:

- (1) Đất đai, dân số;
- (2) Lao động, việc làm và bình đẳng giới;
- (3) Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp;
- (4) Đầu tư và xây dựng;
- (5) Tài khoản quốc gia;
- (6) Tài chính công;
- (7) Tiền tệ và bảo hiểm;
- (8) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- (9) Công nghiệp;
- (10) Thương mại, dịch vụ;
- (11) Giá cả;
- (12) Giao thông vận tải;
- (13) Công nghệ thông tin và truyền thông;
- (14) Khoa học và công nghệ;
- (15) Giáo dục;
- (16) Y tế và chăm sóc sức khỏe;
- (17) Văn hóa, thể thao và du lịch;
- (18) Mức sống dân cư;
- (19) Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp;
- (20) Bảo vệ môi trường.

Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp chỉ tiêu, Nghị định số 97 quy định 22 cơ quan thực hiện, cụ thể như sau:

Stt	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Số lượng chỉ tiêu
1	Tổng cục Thống kê	107
2	Bộ Tài chính	9
3	Ngân hàng Nhà nước	9
4	Bộ Thông tin và Truyền thông	9
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	6
6	Bộ Y tế	5
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	5
8	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
9	Bộ Công an	4
10	Bộ Tư pháp	3
11	Bộ Nội vụ	3
12	Bộ Công Thương	3
13	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	3
14	Bộ Giao thông vận tải	3
15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	3
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3
17	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	3
18	Bộ Xây dựng	2
19	Bộ Quốc phòng	2
20	Văn phòng Quốc hội	2
21	Tòa án nhân dân tối cao	2
22	Ban Tổ chức Trung ương	1

(Ghi chú: Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng thực hiện chỉ tiêu “0211 - Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền”; Bộ Công an và Bộ Quốc phòng cùng thực hiện chỉ tiêu: “1704 - Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam” và “1705 - Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài”).

2. Kết quả thực hiện Nghị định 97

2.1. Kết quả xây dựng các hình thức thu thập thông tin thống kê quốc gia

Thực hiện Luật Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định 97. Đây là cơ sở phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc xây dựng Chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê, cụ thể:

- Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia. Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia gồm 114 biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với 21 Bộ, ngành, được chia thành 2 phần: Danh mục biểu mẫu báo cáo; biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng cho từng Bộ, ngành.

- Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 50 cuộc điều tra, trong đó có 03 cuộc Tổng điều tra (Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế) và 47 cuộc điều tra thống kê. Theo Chương trình này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì thực hiện 35 cuộc điều tra thống kê; Bộ, ngành (09 Bộ, ngành) chủ trì thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã xây dựng và ký kết thỏa thuận chia sẻ thông tin thống kê với các Bộ, ngành để kịp thời cập nhật thông tin thống kê từ Bộ, ngành nhằm tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tính đến ngày 31/12/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã ký thỏa thuận chia sẻ thông tin với 08 Bộ, ngành. Đây là kênh thông tin thống kê rất quan trọng và hữu ích, tận dụng được dữ liệu hành chính phát sinh trong quá trình hoạt động của Bộ, ngành với chi phí thấp, giá trị thông tin có tính tin cậy cao. Đặc biệt là những thông tin thống kê liên quan đến doanh nghiệp; đăng ký doanh nghiệp; thuế; xuất, nhập cảnh; xuất, nhập khẩu;...

2.2. Kết quả thực hiện Nghị định 97

Kết quả thực hiện Nghị định 97 được thể hiện qua kết quả thực hiện 186 chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Sau hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị định 97, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và Bộ, ngành liên quan đã tích cực chủ động triển khai thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định. Tuy nhiên, mỗi chỉ tiêu thống kê quốc gia thường phân tổ theo nhiều tiêu thức với kỳ công bố khác nhau, do đó không phải tất cả các chỉ tiêu đều có thể thực hiện được đầy đủ phân tổ và kỳ công bố đúng quy định. Một số chỉ tiêu chỉ thu thập, tổng hợp được một số phân tổ hoặc kỳ công bố theo quy định. Cá biệt còn có một số chỉ tiêu chưa được thu thập, tổng hợp. Dưới đây là bảng đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

tổng hợp căn cứ vào báo cáo đánh giá tổng kết tình hình thực hiện Luật Thống kê của các Bộ, ngành (cập nhật đến hết tháng 02/2022):

Stt	Tình hình thực hiện	Số lượng chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1	Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ	113	60,75
2	Thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ	69	37,1
2	Chưa thu thập, tổng hợp	4	2,15
	Tổng số	186	100,00

(1) Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ

Trong 186 chỉ tiêu thống kê quốc gia có 113 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ (đạt 60,75%). Điều đó cho thấy, công tác thu thập thông tin thống kê quốc gia được các cơ quan triển khai thực hiện một cách nghiêm túc với chất lượng cao từ khâu thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý đến chia sẻ thông tin.

(Danh mục chỉ tiêu thống kê đã được thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tổ theo phụ lục I).

(2) Thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ

Phần lớn các chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được triển khai thu thập tuy nhiên mức độ hoàn thành là khác nhau. Cụ thể, có 69/186 chỉ tiêu mới tổng hợp và công bố một số phân tổ, chưa thực hiện đầy đủ theo quy định (chiếm 37,1%), cụ thể:

- 04 chỉ tiêu mới công bố được tổng số, chưa có số liệu theo phân tổ (0402 - Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước; 0403 - Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR); 1002 - Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống; 1003 - Doanh thu dịch vụ khác).

- 03 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp nhưng số liệu chưa bảo đảm, cần có thời gian nghiên cứu và thử nghiệm trước khi công bố (0708 - Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước; 1107 - Chỉ số giá bất động sản; 1201 - Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải).

- 62 chỉ tiêu chưa thu thập đầy đủ phân tổ theo quy định.

(Danh mục chỉ tiêu thống kê đã được thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ theo phụ lục II).

(3) Chưa thu thập, tổng hợp

Hiện nay, còn 04 chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa được triển khai thu thập số liệu (chiếm 2,15%). Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc chưa triển khai thực hiện các chỉ tiêu, cụ thể:

- Chỉ tiêu 0504 - Tổng sản phẩm trong nước xanh (GDP xanh): Trên thực tế, rất ít nước trên thế giới có thể tính toán được chỉ tiêu GDP xanh một cách đầy đủ. Hiện tại, Đan Mạch, Hà Lan, Úc, Mỹ và một số quốc gia có hệ thống kiểm soát, quản lý môi trường tiên tiến mới có thể thực hiện tính toán GDP xanh (theo từng mức độ “xanh” khác nhau) nhưng chưa quốc gia nào công bố chỉ tiêu này. Đến nay, chỉ tiêu GDP xanh chưa thực hiện được chủ yếu do thiếu nguồn thông tin, hạn chế về nguồn lực,... Nhiều thông tin đầu vào về môi trường quan trọng rất khó đo lường như: Đánh giá hao hụt nguồn tài nguyên (khoáng sản, đất, nước, không khí, rừng,...), chi phí liên quan đến xử lý ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...), chi phí sử dụng đất,...

- Chỉ tiêu 0513 - Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước và chỉ tiêu 1406 - Tỷ lệ chi đổi mới công nghệ so với tổng vốn cố định của doanh nghiệp: Việc thực hiện những chỉ tiêu này gặp khó khăn do chưa đủ phương pháp luận và kinh phí triển khai thực hiện. Hiện cơ quan hữu quan tiếp tục nghiên cứu, tính toán thử nghiệm để thu thập và công bố chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 1906 - Tỷ lệ dân số từ mười lăm tuổi trở lên bị bạo lực: Chỉ tiêu này có kỳ công bố 10 năm/lần, do vậy chưa đến kỳ công bố số liệu của chỉ tiêu.

(Danh mục chỉ tiêu thống kê chưa được thu thập, tổng hợp theo phụ lục III).

Xét về cơ quan thực hiện, trong số 186 chỉ tiêu thống kê quốc gia, Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp 107/186 chỉ tiêu và Bộ, ngành chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp 79/186 chỉ tiêu. Kết quả thực hiện chỉ tiêu theo cơ quan phụ trách như sau:

Stt	Tình hình thực hiện	Tổng cục Thống kê		Bộ, ngành	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tử	67	62,62	46	58,23
2	Thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử	36	33,64	33	41,77
2	Chưa thu thập, tổng hợp	4	3,74	0	0,00
	Tổng số	107	100,00	79	100,00

Kết quả trên cho thấy tất cả các cơ quan được phân công thực hiện chỉ tiêu thống kê quốc gia đều tích cực trong việc triển khai thu thập, tổng hợp chỉ tiêu. Trong đó, tỷ lệ thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ các phân tử của các chỉ tiêu do Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp chiếm 62,62% tổng số chỉ tiêu được giao, thực hiện chưa đầy đủ 33,64% số chỉ tiêu, còn 3,74% số chỉ tiêu chưa được thực hiện. Về phía các Bộ, ngành tỷ lệ thu thập, tổng hợp và công

bổ đầy đủ các phân tử của các chỉ tiêu chiếm 58,23% tổng số chỉ tiêu được giao, thực hiện chưa đầy đủ 41,77% số chỉ tiêu được phân công.

Công tác thống kê nói chung, thu thập, tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia nói riêng luôn được cơ quan hữu quan quan tâm. Trong hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị định 97, số liệu chỉ tiêu thống kê quốc gia phần lớn đã đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nền kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước cả số lượng, chất lượng và độ tin cậy của thông tin thống kê. Cùng với đó, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cũng sử dụng thông tin thống kê ngày càng nhiều trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Có được kết quả như trên do:

- Bộ máy tổ chức thống kê tại cơ quan thống kê tập trung và cơ quan thống kê tại một số Bộ, ngành khá quy củ. Hệ thống thông tin thống kê thống nhất, thông suốt và hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.

- Nhận thức về công tác thống kê tại một số Bộ, ngành và địa phương ngày càng cao. Các cơ quan ý thức được vai trò của công tác thống kê và thông tin thống kê trong việc xây dựng và điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Sự phối hợp giữa cơ quan thống kê trung ương với thống kê Bộ, ngành trong thời gian qua đã đạt được những bước tiến đáng kể.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê trong những năm gần đây đã đạt được những kết quả nhất định. Việc ứng dụng Web-form, CAPI trong điều tra thống kê giúp đẩy nhanh quá trình thực hiện và tiết kiệm chi phí thu thập thông tin thống kê quốc gia.

3. Hạn chế, bất cập

Bên cạnh kết quả đạt được trong việc thu thập số liệu của chỉ tiêu thống kê quốc gia, quá trình thực hiện Nghị định 97 vẫn còn một số hạn chế, bất cập như:

- Nội dung của một số chỉ tiêu thống kê đã thay đổi do các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách được ban hành từ 2016 đến nay nhưng vẫn chưa được cập nhật vào nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Ví dụ: Nội dung chỉ tiêu 1802 - Tỷ lệ nghèo quy định chuẩn nghèo thu nhập được chuẩn hóa theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, cần thiết phải quy định nội dung chỉ tiêu 1802 theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP,...

- Kênh thu thập thông tin từ Bộ, ngành tuy đã được cải thiện song còn nhiều hạn chế. Một số Bộ, ngành không gửi báo cáo chính thức sang Tổng cục Thống kê theo quy định. Việc chia sẻ thông tin thống kê giữa Bộ, ngành và Tổng cục Thống kê chưa kịp thời.

- Một số Bộ, ngành chưa ban hành hoặc ban hành không đầy đủ hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành dẫn đến việc thiếu cơ sở pháp lý để thu thập chỉ tiêu thống kê.

- Khái niệm, phạm vi, phương pháp tính một số chỉ tiêu còn khác biệt giữa quy định và cách hiểu thông thường trong thực tế dẫn đến khó khăn trong việc thu thập, tổng hợp thông tin.

- Việc phối hợp trong triển khai các cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê của Bộ, ngành còn hạn chế nên chưa tận dụng được lợi thế về chuyên môn của các cơ quan.

- Một số Bộ, ngành không có tổ chức bộ máy thống kê chuyên trách. Cán bộ làm công tác thống kê chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo một cách chính quy, do đó, khả năng phân tích, đánh giá số liệu thống kê sau khi thu thập, tổng hợp còn nhiều hạn chế.

- Kinh phí ngân sách cấp cho việc thực hiện các cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, địa phương, ngành, lĩnh vực còn hạn hẹp; quy định mức chi trong điều tra còn thấp, thiếu một số nội dung chi, thủ tục thanh toán chi cho điều tra còn phức tạp,...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 715/QĐ-TTG NGÀY 22/5/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI QUY TRÌNH BIÊN SOẠN SỐ LIỆU TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Tổng quan về Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1.1. Mục tiêu của Đề án 715

Xây dựng và áp dụng quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là GRDP) theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn nước ta nhằm nâng cao chất lượng số liệu GRDP, đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội; phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trên phạm vi cả nước; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức, cá nhân khác.

1.2. Nội dung của Đề án 715

Nội dung chính của Đề án 715 gồm:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trực tiếp biên soạn và công bố số liệu GRDP.

- Xây dựng và chuẩn hóa đồng bộ hệ thống thông tin thống kê phục vụ biên soạn GRDP.

- Phương pháp, kỳ biên soạn số liệu GRDP phù hợp với nhu cầu sử dụng và nguồn lực của ngành Thống kê.

1.3. Giải pháp thực hiện Đề án 715

- Đánh giá hiện trạng quy trình biên soạn GRDP.
- Xây dựng nguồn thông tin đầu vào để biên soạn số liệu GRDP.
- Xây dựng cơ chế phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các Bộ, ngành với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).
- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các công cụ phục vụ biên soạn GRDP.
- Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, thực hiện tin học hóa biên soạn, công bố, phổ biến và lưu trữ số liệu GRDP.
- Nâng cao năng lực, chất lượng nhân lực và các nguồn lực khác phục vụ biên soạn GRDP.

2. Kết quả thực hiện Đề án 715

2.1. Quy trình biên soạn và công bố GRDP được đổi mới

Năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) bắt đầu biên soạn và công bố GRDP theo quy trình mới, đúng lộ trình và thời gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Việc biên soạn và công bố GRDP tiến hành tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), thay cho quy trình biên soạn và công bố phân tán tại các Cục Thống kê áp dụng nhiều năm trước đó. Trách nhiệm biên soạn, phương pháp biên soạn, kỳ biên soạn; thời gian và trách nhiệm công bố thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1026/QĐ-TCTK ngày 26/10/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định biên soạn và công bố số liệu tổng sản phẩm trong nước (GDP).

Quy trình biên soạn và công bố GRDP tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã được tiến hành 4 năm với 8 kỳ biên soạn và công bố, bao gồm: 4 kỳ 6 tháng đầu năm và 4 kỳ cả năm. Mặc dù đang trong quá trình hiệu chỉnh, hoàn thiện nhưng quy trình mới cho thấy có tính khả thi cao với nhiều ưu điểm vượt trội so với quy trình biên soạn và công bố phân tán tại các Cục Thống kê. Đây là kết quả rất quan trọng, có ý nghĩa cả về lý luận, nghiệp vụ chuyên môn và thực tiễn.

2.2. Số liệu GRDP biên soạn và công bố theo quy trình mới phản ánh chính xác hơn tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

Một trong những ưu điểm nổi bật của quy trình biên soạn và công bố GRDP theo Đề án 715 là thông tin đầu vào được thu thập từ nhiều nguồn; xử lý qua nhiều cấp, nhiều vòng với sự tham gia của nhiều đơn vị nghiệp vụ. Mặc dù GRDP biên soạn và công bố tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nhưng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Cục Thống kê) vẫn có vai trò quan trọng trong việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin đầu vào, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để xử lý, tổng hợp và biên soạn; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để rà soát, giải trình kết quả đầu ra.

Nhờ thực hiện quy trình biên soạn chặt chẽ như trên nên chất lượng số liệu GRDP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trực tiếp biên soạn và công bố được nâng cao, phản ánh chính xác hơn thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Theo kết quả của hai cuộc khảo sát đánh giá thực hiện Đề án 715 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tiến hành¹ tại 63 Cục Thống kê:

- 49/63 Cục Thống kê (tương ứng 77,8%) cho rằng số liệu GRDP phù hợp với quy mô kinh tế của địa phương.

- 47/63 Cục Thống kê (tương ứng 74,6%) cho rằng phù hợp về tốc độ tăng GRDP.

- 51/63 Cục Thống kê (tương ứng 81,0%) cho rằng phù hợp về cơ cấu kinh tế trên địa bàn.

Chất lượng bảo đảm, kỳ biên soạn và thời gian công bố ổn định nên số liệu GRDP giai đoạn 2017-2020 được các đối tượng, đặc biệt là cấp ủy, chính quyền địa phương tin cậy sử dụng.

2.3. Biên soạn đồng thời GRDP và GDP tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tạo khả năng đối chiếu, so sánh, nâng cao chất lượng số liệu của cả hai chỉ tiêu

Những năm gần đây, biên soạn và công bố GRDP theo quy trình mới được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tiến hành đồng thời với biên soạn và công bố GDP. Kết quả cho thấy, chất lượng số liệu của cả hai chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng này đều nâng lên rõ rệt. Một trong những yếu tố dẫn tới kết quả đó là GDP và GRDP được biên soạn theo nguyên tắc 3 cùng: (i) Cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trực tiếp biên soạn; (ii) Cùng phương pháp tính toán; (iii) Cùng nguồn số liệu đầu vào và số liệu trung gian. Nguyên tắc biên soạn này đã khắc phục được tình trạng vận dụng phương pháp tính thiếu nhất quán diễn ra khá phổ biến trong những năm biên soạn và công bố GRDP phân tán tại các Cục Thống kê trước đây, đồng thời tạo điều kiện kiểm soát và quản lý chất lượng, đối chiếu, so sánh số liệu GDP và GRDP dễ dàng, thuận lợi hơn.

Kết quả quan trọng khác của việc trực tiếp biên soạn và công bố số liệu GDP và GRDP theo nguyên tắc 3 cùng là Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nhận biết rõ hơn những bất cập không chỉ trong biên soạn GRDP mà cả trong biên soạn GDP. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã chú trọng hoàn thiện quy trình nghiệp vụ biên soạn nhằm nâng cao tính đầy đủ của số liệu GDP. Do vậy, khoảng cách chênh lệch số liệu giữa GRDP và GDP những năm 2017-2020 về quy mô chỉ còn dưới 4% so với mức trên 30%, về tốc độ chỉ còn dưới 1% so với 5-6% của những năm trước. Kết quả

¹ Khảo sát tình hình tiếp nhận, công bố và sử dụng số liệu GRDP (tháng 9/2020) và Khảo sát tình hình sử dụng số liệu thống kê trong các Văn kiện Đại hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tháng 11/2020).

đổi mới, hoàn thiện nghiệp vụ biên soạn và nâng cao chất lượng số liệu đồng thời cả GRDP và GDP là thành công kép của quá trình triển khai thực hiện Đề án 715 trong 5 năm (2015-2020).

3. Một số hạn chế, bất cập

3.1. Nguồn thông tin ban đầu phục vụ biên soạn GRDP còn hạn chế về số lượng và chất lượng

Trong những năm vừa qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nỗ lực khai thác các nguồn thông tin ban đầu theo nhiều kênh thông tin khác nhau; đồng thời tăng cường rà soát, xử lý nên thông tin ban đầu phục vụ biên soạn GRDP đã đầy đủ hơn và bảo đảm chất lượng hơn. Tuy nhiên, so với nhu cầu thực tế, nguồn thông tin này còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

Hiện nay, thông tin thống kê ban đầu phục vụ biên soạn GRDP chủ yếu dựa vào nguồn thông tin từ điều tra thống kê, thông tin trong các báo cáo thống kê phần lớn là chỉ tiêu tổng hợp, thông tin khai thác từ hồ sơ hành chính tiếp cận khó khăn, chưa khai thác được nhiều. Trong các cuộc điều tra, một số thông tin không được thu thập theo định kỳ 6 tháng hoặc hằng năm. Hầu hết hoạt động của các đơn vị sự nghiệp chỉ thu thập theo chu kỳ 5 năm qua Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp. Để có thông tin 6 tháng hoặc cả năm để biên soạn GRDP, thường phải dựa vào số dự ước chi ngân sách Nhà nước hằng năm để ước tính chung và áp dụng hệ số tổng điều tra để ước tính cho từng ngành. Số chính thức chi ngân sách Nhà nước luôn chậm hơn so với thời điểm biên soạn nên phạm vi tính toán không bảo đảm, chất lượng số liệu thấp. Mặt khác, các cuộc điều tra thống kê hằng năm phần lớn là điều tra mẫu với cỡ mẫu nhỏ. Kết quả các cuộc điều tra này chủ yếu sử dụng để đánh giá động thái phát triển kinh tế - xã hội và tồn tại nhiều bất cập khi sử dụng biên soạn quy mô GRDP vì hạn chế về phạm vi của số liệu tổng thể.

Việc thu thập, phân bổ kết quả sản xuất kinh doanh của các Tập đoàn, Tổng công ty đa ngành, đa lĩnh vực, đa địa bàn, mô hình tổ chức, quản lý phức tạp và khác biệt cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vẫn còn bất cập trong công tác thống kê theo lĩnh vực đối với kỳ số liệu 6 tháng. Hệ thống Tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc tuy đưa ra kỹ thuật xử lý vấn đề này, nhưng khuyến cáo cần vận dụng theo đặc điểm kinh tế - xã hội của mỗi nền kinh tế.

3.2. Công cụ tính toán GRDP chưa hoàn thiện

Trong quy trình biên soạn GRDP thường phải sử dụng hàng loạt các công cụ tính toán như hệ số chi phí trung gian, hệ thống giá và chỉ số giá. Các hệ thống này cung cấp số liệu trung gian phục vụ biên soạn GRDP nên có ảnh hưởng lớn tới chất lượng số liệu đầu ra. Do vậy, trong những năm trước đây và nhất là trong những năm triển khai thực hiện Đề án 715 vừa qua, hệ số chi phí trung gian, hệ thống giá và chỉ số giá đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) cập nhật, bổ sung hoàn thiện hơn.

Tuy nhiên, phần lớn các chỉ số giá đã xây dựng từ nhiều năm trước, bảng giá so sánh xây dựng từ năm 2010 và hệ số chi phí trung gian xây dựng từ năm 2012. Một số chỉ số giá không còn phù hợp với thực trạng và cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của cả nước cũng như của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mặt khác, tính đại diện của các hệ thống này không cao do xây dựng trên cơ sở điều tra mẫu, một số địa phương không có trong dàn mẫu.

Công cụ phục vụ biên soạn GRDP quan trọng khác là các phần mềm ứng dụng. Trong những năm triển khai thực hiện Đề án 715 vừa qua, nhiều phần mềm ứng dụng đã được nâng cấp và xây dựng mới. Quy trình biên soạn và công bố GRDP được tin học hóa hoàn toàn bằng phần mềm ứng dụng phát triển trên nền tảng internet. Tuy nhiên, một số chức năng chưa thân thiện với người sử dụng, tiện ích hỗ trợ người dùng chưa phát triển đầy đủ.

3.3. Kỳ biên soạn, thời điểm công bố GRDP chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng của một số địa phương

Trong những năm 2017-2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nghiêm túc thực hiện biên soạn GRDP theo 2 kỳ (6 tháng và năm) và công bố số liệu đúng thời gian quy định của Đề án 715. Trong một số kỳ còn nỗ lực đẩy nhanh tốc độ biên soạn để công bố số liệu ước tính sớm hơn quy định 1-2 ngày. Do vậy, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số địa phương cho rằng chưa thực sự phù hợp, cụ thể như sau:

- 30/63 Cục Thống kê, (chiếm 47,6%) đề nghị bổ sung biên soạn GRDP theo quý.
- 20/63 Cục Thống kê (chiếm 31,7%) đề nghị công bố số liệu ước tính GRDP trước ngày 30/5.
- 45/63 Cục Thống kê (chiếm 71,4%) cho rằng ngày 30/11 công bố số liệu ước tính GRDP cả năm là không kịp thời, trong đó 29 Cục Thống kê (chiếm 46,0%) đề nghị công bố vào ngày 20/11.

3.4. Thẩm định số liệu GRDP quý theo đề nghị của các Cục Thống kê chưa bảo đảm

Điểm c mục 3 phần Nội dung của Đề án 715 quy định: “*Nếu địa phương có nhu cầu số liệu GRDP quý, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm biên soạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thẩm định và công bố*”. Trong thời gian qua, một số Cục Thống kê có nhu cầu thẩm định số liệu GRDP quý. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian, nguồn thông tin và nhân lực nên việc thẩm định số liệu GRDP chưa được thực hiện đầy đủ. Năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chỉ thực hiện thẩm định số liệu GRDP quý cho Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhưng căn cứ để thẩm định còn chưa chắc chắn. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần phải xây dựng quy trình thẩm định số liệu GRDP quý, kế hoạch thực hiện và bố trí đầy đủ các nguồn lực bảo đảm vận hành quy trình hiệu quả.

Khái quát lại, qua 5 năm (2015 - 2020) triển khai thực hiện Đề án đổi mới quy trình biên soạn GRDP, trong đó quy trình mới được xây dựng và áp dụng từ năm 2017 đã thu được kết quả bước đầu rất quan trọng. Kỳ biên soạn, thời gian công bố thống nhất và ổn định, chất lượng số liệu GRDP bảo đảm nên các đối tượng dùng tin, trong đó có lãnh đạo các địa phương tin cậy sử dụng. Những kết quả này khẳng định chủ trương đổi mới quy trình biên soạn và công bố GRDP tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) là đúng đắn, thiết thực và hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập như: Số lượng và chất lượng thông tin đầu vào, số liệu trung gian còn hạn chế; công cụ tính toán chưa hoàn thiện, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tính kịp thời, đầy đủ và chính xác của số liệu GRDP. Những yếu kém này cần có giải pháp đồng bộ xử lý, khắc phục, nhằm nâng cao hơn nữa kết quả và hiệu quả của Đề án 715.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và trên cơ sở kết quả rà soát tình hình thực hiện Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

1. Đề xuất Chính phủ

Chính phủ ban hành Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thay thế Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đề nghị Bộ, ngành

- Các Bộ, ngành cần quan tâm xây dựng tổ chức thống kê và bổ sung lực lượng làm công tác thống kê. Tăng cường phối hợp với Tổng cục Thống kê trong việc thực hiện công tác thống kê, đặc biệt là việc thu thập, tổng hợp số liệu thống kê quốc gia.

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin phục vụ biên soạn và công bố GDP, GRDP cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

- Xây dựng, ký kết và thực hiện có hiệu quả quy chế, thỏa thuận trao đổi, chia sẻ thông tin thống kê giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) với Bộ, ngành, trong đó có dữ liệu hành chính.

3. Đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thống nhất sử dụng số liệu GRDP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) biên soạn.

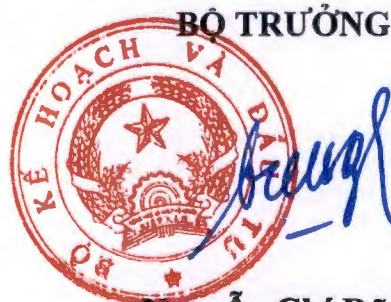
- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, chỉ tiêu GRDP.

- Nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu Kế hoạch, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cân đối với năng lực thực tế; góp phần giảm áp lực và bảo đảm tính khách quan, tính thống nhất đối với việc tính toán, công bố, sử dụng các chỉ tiêu đánh giá hoàn thành Kế hoạch, Chiến lược, trong đó có chỉ tiêu GRDP.

- Nghiên cứu xây dựng lịch công tác, hội nghị có nội dung liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với thời gian công bố số liệu GRDP

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó TTg (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTH);
- Lưu: VT, TCTK.



Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I:**DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP,
TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ ĐẦY ĐỦ THEO PHẦN TỬ**

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
3	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Y tế.
4	0105	Tổng tỷ suất sinh	Tổng cục Thống kê
5	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
6	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
7	0201	Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê
8	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
9	0209	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
10	0211	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
11	0301	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở kinh tế, sự nghiệp	Tổng cục Thống kê
12	0302	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính	Bộ Nội vụ
13	0303	Số hộ, lao động kinh tế cá thể nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Tổng cục Thống kê
14	0304	Số doanh nghiệp, lao động, vốn, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
15	0305	Giá trị tăng thêm trên 01 đồng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
16	0306	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
17	0307	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
18	0405	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
19	0407	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
20	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê
21	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
22	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
23	0505	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người (tính bằng Đồng Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD))	Tổng cục Thống kê
24	0506	Tích lũy tài sản	Tổng cục Thống kê
25	0507	Tiêu dùng cuối cùng	Tổng cục Thống kê
26	0508	Thu nhập quốc gia (GNI)	Tổng cục Thống kê
27	0509	Tỷ lệ thu nhập quốc gia so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
28	0602	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
29	0603	Tỷ lệ động viên thu ngân sách từ thuế, lệ phí so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
30	0605	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
31	0607	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
32	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính
33	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
34	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính
35	0701	Tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
36	0702	Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
37	0703	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
38	0704	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
39	0705	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
40	0706	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
41	0707	Cán cân thanh toán quốc tế	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
42	0710	Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
43	0711	Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
44	0712	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
45	0713	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
46	0714	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
47	0801	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Tổng cục Thống kê
48	0802	Diện tích cây lâu năm	Tổng cục Thống kê
49	0803	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
50	0804	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
51	0805	Cân đối một số nông sản chủ yếu	Tổng cục Thống kê
52	0806	Số lượng gia súc, gia cầm và vật nuôi khác	Tổng cục Thống kê
53	0807	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tổng cục Thống kê
54	0808	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
55	0809	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
56	0810	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Tổng cục Thống kê
57	0811	Sản lượng thủy sản	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
58	0812	Số lượng và công suất tàu thuyền có động cơ khai thác hải sản	Tổng cục Thống kê
59	0901	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tổng cục Thống kê
60	0902	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tổng cục Thống kê
61	0906	Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	Tổng cục Thống kê
62	0907	Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	Tổng cục Thống kê
63	0908	Cân đối một số năng lượng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
64	0909	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công Thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
65	1007	Xuất siêu, nhập siêu hàng hoá	Tổng cục Thống kê
66	1011	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ.
67	1013	Tỷ trọng giá trị nhập khẩu tư liệu sản xuất trong tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa	Tổng cục Thống kê
68	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
69	1102	Chỉ số lạm phát cơ bản	Tổng cục Thống kê
70	1103	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	Tổng cục Thống kê
71	1104	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	Tổng cục Thống kê
72	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản,	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
		công nghiệp và dịch vụ	
73	1109	Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.
74	1110	Tỷ giá thương mại	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.
75	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
76	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
77	1301	Doanh thu bưu chính, chuyển phát	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
78	1302	Sản lượng bưu chính, chuyển phát	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
79	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
80	1307	Số lượng thuê bao truy nhập Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
81	1309	Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công Thương
82	1310	Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một trăm dân	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
83	1311	Doanh thu công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
84	1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
85	1402	Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
86	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
87	1407	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính.
88	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo
89	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo
90	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới một tuổi	Tổng cục Thống kê
91	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới năm tuổi	Tổng cục Thống kê
92	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
93	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
94	1703	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tổng cục Thống kê
95	1707	Chỉ tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	Tổng cục Thống kê
96	1708	Chỉ tiêu của khách du lịch nội địa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
97	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê
98	1802	Tỷ lệ nghèo	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
99	1803	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê
100	1804	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
101	1805	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
102	1806	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
103	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
104	1902	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Bộ Công an
105	1903	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
106	1904	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
107	1907	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp
108	1908	Kết quả thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp
109	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
110	2003	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
111	2005	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
112	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
113	2008	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II:**DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA
ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ MỘT SỐ PHÂN TỬ**

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
1	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê
2	0106	Tỷ suất chết thô	Tổng cục Thống kê
3	0108	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Tổng cục Thống kê
4	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
5	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp.
6	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
7	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Y tế.
8	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Tổng cục Thống kê
9	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
10	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê
11	0206	Năng suất lao động xã hội	Tổng cục Thống kê
12	0207	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
13	0208	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
14	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
15	0401	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
16	0402	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
17	0403	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	Tổng cục Thống kê
18	0404	Năng lực mới tăng của nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
19	0406	Số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
20	0510	Thu nhập quốc gia khả dụng (NDI)	Tổng cục Thống kê
21	0511	Tỷ lệ tiết kiệm so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
22	0512	Tỷ lệ tiết kiệm so với tích lũy tài sản	Tổng cục Thống kê
23	0514	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê
24	0515	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
25	0601	Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
26	0604	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
27	0606	Bội chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
28	0708	Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
29	0709	Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài	- Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Phối hợp: Bộ Tài chính.

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
30	0903	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản phẩm công nghệ cao	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính.
31	0904	Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
32	0905	Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê
33	1001	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Tổng cục Thống kê
34	1002	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tổng cục Thống kê
35	1003	Doanh thu dịch vụ khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ, ngành có quản lý dịch vụ.
36	1004	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công Thương
37	1005	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
38	1006	Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
39	1008	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ, ngành có quản lý dịch vụ.
40	1009	Xuất siêu, nhập siêu dịch vụ	Tổng cục Thống kê
41	1010	Tỷ trọng giá trị hàng xuất khẩu đã qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
42	1012	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu khoáng sản trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá	Tổng cục Thống kê
43	1106	Chỉ số giá xây dựng	- Chủ trì: Bộ Xây dựng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
44	1107	Chỉ số giá bất động sản	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
45	1108	Chỉ số giá tiền lương	Tổng cục Thống kê
46	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê
47	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải
48	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải
49	1206	Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải
50	1303	Doanh thu viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
51	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
52	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
53	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.

Stt	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
54	1404	Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	Bộ Khoa học và Công nghệ
55	1405	Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị	Bộ Khoa học và Công nghệ
56	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
57	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
58	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
59	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
60	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
61	1701	Số di sản văn hóa cấp quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
62	1702	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
63	1704	Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
64	1705	Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
65	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
66	1905	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án	Tòa án nhân dân tối cao
67	2002	Diện tích rừng được bảo vệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DANH SÁCH BỘ, NGÀNH GỬI GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA VÀ QUY TRÌNH BIÊN SOẠN CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC, CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Stt	Bộ, ngành
1	Bộ Quốc phòng
2	Bộ Công an
3	Bộ Ngoại giao
4	Bộ Tư pháp
5	Bộ Tài chính
6	Bộ Công Thương
7	Bộ Giao thông vận tải
8	Bộ Xây dựng
9	Bộ Thông tin và Truyền thông
10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
14	Bộ Y tế
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Bộ Nội vụ
17	Thanh tra Chính phủ
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
19	Ủy ban Dân tộc
20	Tòa án Nhân dân tối cao
21	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
22	Đài tiếng nói Việt Nam
23	Thông tấn xã Việt Nam
24	Đài truyền hình Việt Nam
25	Kiểm toán nhà nước
26	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
27	Ban quản lý lăng chủ tịch Hồ Chí Minh
28	Ủy ban quản lý vốn nhà nước
29	Công thông tin điện tử Chính phủ

B/C Bộ trưởng TCTK
110

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG THÔNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 177 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2022

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 10905 ...
	Ngày: 19.3.2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số: ... 884 ...
	Ngày: 19.3.2022
Chuyên:	BG... 14.3.2022
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư ✓

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - VPCP: Vụ KTTH, PL;
 - TGD;
 - Lưu: VT, DLĐT. PH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sâm

TCTK

PLH

BỘ TƯ PHÁP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 939 /BTP-PLHSHC

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê quốc gia thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình biên soạn
chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ
tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ		BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 999	ĐẾN	Số: 12533
	Ngày: 30.3.2022		Ngày: 30.3.2022
	Chuyên: BCT.31.3.2022		Chuyên:
	Số và ký hiệu HS:		Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có một số ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định

Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia kèm theo giao “*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương thực hiện nhiệm vụ xây dựng, trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*”. Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thi hành Luật.

2. Về hồ sơ gửi xin ý kiến

- Hồ sơ gửi xin ý kiến chưa có Tờ trình về dự thảo Nghị định. Đề cung cấp thông tin làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung Tờ trình về dự thảo Nghị định.

- Theo công văn số 9418/BKHĐT-TCTK tài liệu kèm theo Nghị định bao gồm cả dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia, tuy nhiên Hồ sơ gửi lấy ý kiến chưa có tài liệu này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung.

3. Về nội dung dự thảo Nghị định

Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất, khả thi, chính xác, thuận tiện cho cơ quan nhà nước trong hoạt động thống kê và thực tiễn áp dụng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát, chỉnh lý một số nội dung cụ thể sau:

3.1. Một số chỉ tiêu thống kê quốc gia nêu tại Phụ lục I (Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia) chưa rõ nội hàm để có thể xác định phạm vi thực hiện thống kê như “*tỷ lệ tiết kiệm so với tổng sản phẩm trong nước (0510)*”; “*tỷ lệ tiết kiệm so với tích lũy tài sản (0511)*”; “*tỷ lệ mất an ninh lương thực (0813)*”; “*tỷ lệ dân số bị bạo lực (1905)*”... Một số khái niệm đưa ra chưa đồng nhất như khái niệm doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải (1201)... Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa đưa ra phương pháp tính, ví dụ như “*số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (0805)*”; “*sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu (0806)*”; “*Diện tích rừng trồng mới tập trung (0807)*”; “*sản lượng gỗ và lâm sản gỗ (0808)*”; “*diện tích thu hoạch thủy sản (0809)*”; “*số di sản văn hóa cấp quốc gia (1701)*”; “*Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế (1702)*”; “*doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành (1703)*”; “*số lượt người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam (1704)*”; “*số lượt công dân Việt Nam xuất cảnh (1705)*”; “*số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (1707)*”; “*hệ số an toàn giao thông đường bộ (1904)*”; “*số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm (2003)*”... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để bảo đảm tính minh bạch và có cơ sở cho việc thực hiện.

3.2. Đối với một số chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp (Phụ lục I Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia)

a) Đối với chỉ tiêu “*số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu (0111)*”

- Về chỉ tiêu “*số cuộc kết hôn*”, để bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ, phù hợp với quy định pháp luật hộ tịch, hôn nhân và gia đình, đề nghị chỉnh lý theo hướng:

“*Để thống kê đầy đủ, toàn diện về số cuộc kết hôn, số liệu thống kê sẽ bao gồm:*

- *Kết hôn hợp lệ theo quy định của Luật hộ tịch, Luật hôn nhân và gia đình;*
- *Kết hôn trái pháp luật;*

- Tảo hôn;

- *Chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn*”.

Đồng thời, tại mục 5 (Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp) đề nghị nghiên cứu chỉnh lý thành “*Phối hợp: Bộ Tư pháp (chịu trách nhiệm thu thập số liệu thống kê đối với số cuộc kết hôn hợp lệ theo quy định của Luật hộ tịch, Luật hôn nhân và gia đình)*”; cân nhắc bổ sung các cơ quan phối hợp có khả năng/chức năng cung cấp số liệu liên quan đến số cuộc tảo hôn (Ủy ban dân tộc); kết hôn trái pháp luật (Toà án nhân dân)...

- Về chỉ tiêu “Tuổi kết hôn trung bình lần đầu”, tại mục 5 (Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp) đề nghị cân nhắc chỉ thực hiện thống kê theo phương án 1 (Tuổi kết hôn trung bình lần đầu của dân số là trung bình cộng tuổi kết hôn của tất cả cá nhân thuộc đoàn hệ). Tuy nhiên khái niệm “đoàn hệ” và công thức tính hiện nay trong dự thảo Nghị định khá khó hiểu, khó thực hiện; nội dung của mỗi chỉ số trong công thức tính chưa được giải thích rõ, chưa chỉ rõ nguồn số liệu. Do đó, đề nghị quy định cụ thể, chi tiết về khái niệm “đoàn hệ”, cân nhắc kế thừa công thức tính như trong Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đồng thời, về kỳ công bố đề nghị chỉnh lý thành 03 - 05 năm.

b) Đối với chỉ tiêu “số vụ ly hôn và tuổi ly hôn trung bình (0112)”

Tại mục 1 (Khái niệm, phương pháp tính) đề nghị bổ sung thu thập số liệu các vụ việc huỷ kết hôn trái pháp luật, bảo đảm thống kê đầy đủ liên quan đến chỉ tiêu “Số vụ ly hôn”.

c) Đối với chỉ tiêu “tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh (0113)”

Tại mục 1 (Khái niệm, phương pháp tính) đề nghị nghiên cứu chỉnh lý theo hướng thành “*Trẻ em dưới 05 tuổi được đăng ký khai sinh là số trẻ em dưới 05 tuổi tính từ ngày sinh ra, được đăng ký khai sinh và cấp Giấy khai sinh theo quy định pháp luật hộ tịch*”. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung:

“Đề bảo đảm thống kê đầy đủ, toàn diện, số liệu thống kê sẽ bao gồm:

+ Số trẻ em sinh ra trong năm báo cáo được đăng ký khai sinh;

+ Tổng số trẻ em sinh ra trong năm báo cáo”.

- Đối với chỉ tiêu **Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử (0114)**, tại mục 1 (Khái niệm, phương pháp tính) đề nghị chỉnh lý thành “*(thường là một năm dương lịch, từ ngày 01/01 đến ngày 31/12)*”, chỉnh lý từ “các Phòng Tư pháp” thành “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*” để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật hộ tịch. Ngoài ra, đề nghị bổ sung:

“Để bảo đảm thống kê đầy đủ, toàn diện, số liệu thống kê sẽ bao gồm:

+ Tổng số người chết trong năm báo cáo”.

d) Đối với chỉ tiêu “số lượt người đã được trợ giúp pháp lý (2006)”

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung chỉ tiêu thống kê này để bảo đảm phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và thống nhất với Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2020 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, cụ thể:

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý là số lần người được trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

* *Giải thích khái niệm:* Người được trợ giúp pháp lý là người thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người có công với cách mạng;
- Người thuộc hộ nghèo;
- Trẻ em;
- Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;
- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:
 - + Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sỹ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sỹ còn nhỏ;
 - + Người nhiễm chất độc da cam;
 - + Người cao tuổi;
 - + Người khuyết tật;
 - + Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;
 - + Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
 - + Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;
 - + Người nhiễm HIV.

* *Phương pháp tính*

- Thống kê số lượt người đã được trợ giúp pháp lý (tương ứng với số vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc trong kỳ báo cáo).

- Trong một kỳ báo cáo, một người được trợ giúp pháp lý trong 01 vụ việc thì tính là 01 lượt người, trong 02 vụ việc thì được tính là 02 lượt người.

- Trong một kỳ báo cáo, nếu một người được trợ giúp pháp lý 02 lần trở lên trong 01 vụ việc thì chỉ tính là 01 lượt người được trợ giúp pháp lý.

- Nếu một người thuộc nhiều đối tượng trợ giúp pháp lý khác nhau thì chỉ thống kê theo 01 đối tượng mà người được trợ giúp pháp lý có đầy đủ giấy tờ chứng minh và cung cấp đầu tiên để lưu trong hồ sơ.

Riêng trường hợp người được trợ giúp pháp lý vừa là người thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số thì thống kê vào cột “vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số” và không thống kê vào cột “người thuộc hộ nghèo” hoặc cột “người dân tộc thiểu số”.

2. Phân tổ chủ yếu

- Đối tượng đã được trợ giúp pháp lý ;
- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Kỳ công bố: Năm

4. Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Tư pháp.

e) Về chỉ tiêu “kết quả thi hành án dân sự (2004)” và chỉ tiêu “kết quả thi hành án hành chính (2005)”

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung chỉ tiêu thống kê này để bảo đảm phù hợp pháp luật về thi hành án dân sự và tổ tụng hành chính, cụ thể:

- “*Kết quả thi hành án dân sự (2004)*”

1. Khái niệm, phương pháp tính

Chỉ tiêu kết quả THADS phản ánh kết quả công việc của cơ quan THADS là thi hành các bản án, quyết định của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. Kết quả THADS là số việc, số tiền (**bao gồm tiền, tài sản được quy đổi thành tiền theo quy định của pháp luật**) đã thi hành xong trong kỳ báo cáo (kỳ báo cáo thống kê hàng năm từ 30/9 năm trước đến 01/10 năm sau nhằm bảo đảm thống nhất với số liệu và kỳ báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội hàng năm).

Số việc thi hành xong: là việc Chấp hành viên đã tổ chức thi hành xong các quyền, nghĩa vụ hoặc đã đình chỉ thi hành toàn bộ các quyền, nghĩa vụ trong quyết định thi hành án, hoặc những việc đã tổ chức thi hành xong một phần

quyền, nghĩa vụ, phần còn lại đã ủy thác (phần ủy thác này cơ quan THADS nhận ủy thác ra quyết định thi hành án nên cơ quan THADS nhận ủy thác thống kê là vụ việc mới) và đã xóa sổ thụ lý thi hành án.

Những việc đã thu được tiền, tài sản, cơ quan THADS báo gọi nhưng người được nhận chưa đến nhận, nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan THADS gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thì tính là việc thi hành xong.

Số tiền thi hành xong: là số tiền (bao gồm tiền, tài sản được quy đổi thành tiền theo quy định của pháp luật) Chấp hành viên đã thu được (đã thu, nộp ngân sách và chi trả cho người được thi hành án theo nội dung quyết định thi hành án; đã được đình chỉ thi hành án hoặc giảm một phần nghĩa vụ thi hành án.

Những Khoản tiền, tài sản đã thu được, cơ quan THADS thông báo nhưng người được nhận chưa đến nhận, nên lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan THADS gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thì tính là tiền thi hành xong.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong (về việc ...)} (\%) = \frac{\text{Số việc thi hành xong} + \text{Số việc đình chỉ thi hành án}}{\text{Số việc có điều kiện thi hành án}} \times 100$$

(Trong đó: Số việc có điều kiện thi hành = Tổng số việc phải thi hành - Số việc chưa có điều kiện thi hành - Số việc hoãn thi hành án - Số việc tạm đình chỉ thi hành án - Số việc tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo - Số việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án - Số việc Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án vì trở ngại khách quan (bão, lũ, dịch, bệnh).

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong (về tiền)} (\%) = \frac{\text{Số tiền thi hành xong} + \text{Số tiền đình chỉ thi hành án} + \text{Số tiền giảm một phần nghĩa vụ thi hành án}}{\text{Số tiền có điều kiện thi hành}} \times 100$$

(Trong đó: Số tiền có điều kiện thi hành = Tổng số tiền phải thi hành - Số tiền chưa có điều kiện thi hành - Số tiền hoãn thi hành án - Số tiền tạm đình chỉ thi hành án - Số tiền tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo - Số

tiền đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án – Số tiền Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án do trở ngại khách quan (bão, lũ, dịch, bệnh)).

2. Phân tổ chủ yếu

- Việc, tiền VNĐ.

- Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Kỳ công bố: Năm.

4. Nguồn số liệu: Dữ liệu hành chính và chuyên môn nghiệp vụ.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Tư pháp.

- “*Kết quả thi hành án hành chính (2005)*”

1. Khái niệm, phương pháp tính

Chỉ tiêu kết quả thi hành án hành chính phản ánh thực chất kết quả công việc của các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó trong việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật.

Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính: được thống kê trong chỉ tiêu này là bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật có nội dung tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện và các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong vụ án hành chính.

Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong: được thống kê trong chỉ tiêu này là số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã được các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó thực hiện xong nhiệm vụ, công vụ theo đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án.

Kỳ báo cáo thống kê: hàng năm từ 01/10 năm trước đến 30/9 năm hiện tại.

Công thức tính:

Số bản án, quyết định
đã thi hành xong

Tỷ lệ thi hành xong =
(%)

Tổng số bản án, quyết định
về vụ án hành chính phải thi hành – Số
bản án, quyết định bị hủy, hoãn, tạm
đình chỉ thi hành án theo quy định của
pháp luật x100

2. Phân tổ chủ yếu

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Kỳ công bố: Năm.

4. Nguồn số liệu: Dữ liệu hành chính.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Tư pháp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLHS-HC(2b).

TL. BỘ TRƯỞNG
Q.VỤ TRƯỞNG VỤ PL HÌNH SỰ-HÀNH CHÍNH



Nguyễn Thị Hạnh

110

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1828 /BGTVT-KHĐT
V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu thống kê
thuộc HTCTTK quốc gia

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....599..... Ngày: 02.3.2022.
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo gửi kèm theo văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK nêu trên, Bộ GTVT thống nhất nội dung liên quan đến các chỉ tiêu thống kê quốc gia dự kiến giao Bộ GTVT chủ trì thu thập, tổng hợp.

Đề nghị Tổng cục Thống kê tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT (TamNTM).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHĐT
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Quang Giang

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1742 / BNN-KH

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) về việc tham gia ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Dự thảo), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Cơ nhất trí với nội dung Dự thảo chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

2. Một số ý kiến cụ thể về các chỉ tiêu phân công Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp thực hiện.

2.1. Chỉ tiêu 0801: Diện tích cây hằng năm

Về khái niệm: Đề nghị rà soát chỉnh sửa nội dung các khái niệm theo quy định tại Khoản 8 Điều 2 Luật Trồng trọt.

2.2. Chỉ tiêu 0802: Diện tích cây lâu năm

a) *Về khái niệm:* Đề nghị rà soát chỉnh sửa nội dung các khái niệm theo Khoản 9 Điều 2 Luật Trồng trọt. ✓

b) *Về nội dung “cây ăn quả”:* Xem xét bỏ cây chuối, dứa, chuyển sang cây hằng năm (theo như khái niệm cây ăn quả lâu năm quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu).

c) *Về phương pháp tính:*

- Diện tích cây lâu năm trồng tập trung tại mục (1.2): Chỉnh sửa quy định về mật độ độ cây trồng “cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của địa phương” thành “cơ bản đảm bảo quy trình kỹ thuật/hướng dẫn của cơ quan thẩm quyền”

địa phương”; Công thức tính: Chính sửa “Diện tích năm đang trong quá trình kiến thiết cơ bản” thành “Diện tích cây lâu năm đang trong quá trình kiến thiết cơ bản”;

- Diện tích cây lâu năm trồng mới tại Mục (1.3): Chính sửa, thay từ “tiêu chuẩn kỹ thuật” bằng “yêu cầu kỹ thuật”.

2.3. Chỉ tiêu 0807: Diện tích rừng trồng mới tập trung

a) *Về khái niệm:* Đề nghị nghiên cứu khái niệm “diện tích rừng trồng mới tập trung” quy định tại Khoản 0101, mục II, phụ lục I, Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp để bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp.

b) *Về nguồn số liệu:* Bổ sung chế độ báo cáo thống kê lâm nghiệp; kết hợp với kiểm tra thực tế.

c) *Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:* Đề nghị xem xét bổ sung cơ quan phối hợp là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.4. Chỉ tiêu 0808: Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ

a) *Về khái niệm:* Đề nghị nghiên cứu các khái niệm quy định tại Khoản 0201, mục II, phụ lục I, Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp để bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp.

b) *Về nguồn số liệu:* Bổ sung chế độ báo cáo thống kê lâm nghiệp và điều tra lâm nghiệp.

c) *Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:* Đề nghị xem xét bổ sung cơ quan phối hợp là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.5. Chỉ tiêu số 1807: Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn

a) *Về khái niệm, phương pháp tính:*

- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa khái niệm thành:

“Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là phần trăm số dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn so với tổng dân số ở khu vực nông thôn.”

- Công thức tính đề nghị sửa lại thành:

$$\frac{\text{Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn}}{\text{(\%)}} = \frac{\text{Số dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn}}{\text{Tổng dân số nông thôn}} \times 100$$

Nước sạch đáp ứng quy chuẩn là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

b) Về phân tổ chủ yếu:

Đề nghị bỏ phân tổ theo “dân tộc” và sửa nội dung phân tổ thành: “2. **Phân tổ chủ yếu**”

- Vùng kinh tế - xã hội;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

c) Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:

Đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp là Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và sửa lại nội dung thành “5. **Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**”

- Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.”

2.6. Chỉ tiêu 2101: Diện tích rừng hiện có

a) Về khái niệm, phương pháp tính: Đề nghị rà soát, điều chỉnh một số khái niệm cho phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp, cụ thể:

(1) Khái niệm, phương pháp tính

Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát, hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liền vùng từ 0,3 héc ta trở lên; độ tàn che¹ từ 0,1 trở lên.

¹ Độ tàn che là mức độ che kín của tán cây rừng theo phương thẳng đứng trên một đơn vị diện tích rừng được biểu thị bằng tỷ lệ phần mười

Căn cứ theo nguồn gốc hình thành, bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng.

- Rừng tự nhiên là rừng có sẵn trong tự nhiên hoặc phục hồi bằng tái sinh tự nhiên hoặc tái sinh có trồng bổ sung, bao gồm:

+ Rừng nguyên sinh là rừng tự nhiên chưa hoặc ít bị tác động bởi con người; chưa làm thay đổi cấu trúc của rừng.

+ Rừng thứ sinh là rừng tự nhiên đã bị tác động bởi con người tới mức làm cấu trúc rừng bị thay đổi, gồm: rừng thứ sinh phục hồi tự nhiên sau nương rẫy, cháy rừng hoặc các hoạt động làm mất rừng khác; rừng thứ sinh sau khai thác chọn cây gỗ và các loại lâm sản khác.

- Rừng trồng là rừng được hình thành do con người trồng mới trên đất chưa có rừng; cải tạo rừng tự nhiên; trồng lại hoặc tái sinh sau khai thác rừng trồng.

Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu, rừng tự nhiên và rừng trồng được phân thành 3 loại: Rừng đặc dụng; rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

- Rừng đặc dụng là rừng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bao gồm:

+ Vườn quốc gia;

+ Khu dự trữ thiên nhiên;

+ Khu bảo tồn loài - sinh cảnh;

+ Khu bảo vệ cảnh quan gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao;

+ Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia.

- Rừng phòng hộ là rừng được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, cung ứng dịch vụ môi trường rừng; được phân theo mức độ xung yếu bao gồm:

+ Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới;

+ Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.

- Rừng sản xuất là rừng được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

Phân chia rừng theo loài cây (theo quy định tại Thông tư 33/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng)

- Rừng gỗ, chủ yếu có các loài cây thân gỗ, bao gồm:

+ Rừng cây lá rộng là rừng có các loài cây gỗ lá rộng chiếm trên 75% số cây, bao gồm: rừng lá rộng thường xanh, rừng lá rộng rụng lá và rừng lá rộng nửa rụng lá;

+ Rừng cây lá kim là rừng có các loài cây lá kim chiếm trên 75% số cây;

+ Rừng hỗn giao cây lá rộng và cây lá kim là rừng có các loài cây gỗ lá rộng và cây lá kim với tỷ lệ hỗn giao theo số cây mỗi loại từ 25% đến 75%.

- Rừng tre nứa là rừng có thành phần chính là các loài cây thuộc phân họ tre nứa chiếm 75% số cây trở lên.

- Rừng hỗn giao gỗ - tre nứa là rừng có độ tàn che của các loài cây gỗ chiếm từ 50% độ tàn che của rừng trở lên;

- Rừng hỗn giao tre nứa - gỗ là rừng có độ tàn che của các loài tre, nứa chiếm trên 50% độ tàn che của rừng.

- Rừng cau dừa là rừng có thành phần chính là các loài họ cau chiếm trên 75% số cây.

Diện tích rừng hiện có là diện tích đất tại thời điểm quan sát rừng và diện tích đang hình thành rừng (chưa đủ tiêu chuẩn là rừng).

Diện tích chưa có rừng, gồm:

- Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng.

- Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng.

- Diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ và phát triển rừng."

b) Về phân tổ chủ yếu:

Đề nghị làm rõ hơn một số phân tổ, chỉnh sửa nội dung thành: "**2 Phân tổ chủ yếu**".

- Theo mục đích sử dụng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất;

- Theo vùng;

- Theo Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”

c) Về nguồn số liệu:

Đề nghị bổ sung, chỉnh sửa thành “4 Nguồn số liệu”

- Điều tra kiểm kê rừng;

- Dữ liệu hành chính;

- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.”

2.7. Chỉ tiêu 2102: Tỷ lệ che phủ rừng

a) Về khái niệm, phương pháp tính:

Đề nghị điều chỉnh khái niệm phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp, cụ thể:

“1) Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ che phủ rừng là tỷ lệ phần trăm giữa diện tích rừng so với tổng diện tích đất tự nhiên trên một phạm vi địa lý nhất định².

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ che phủ rừng (\%)} = \frac{\text{Diện tích rừng hiện có}}{\text{Tổng diện tích đất tự nhiên}} \times 100$$

- Về phân tổ chức yếu:

Đề nghị làm rõ một số phân tổ, chỉnh sửa nội dung thành “2 Phân tổ chủ yếu”.

- Theo mục đích sử dụng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất;

- Theo Vùng

- Theo Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”

b) Về nguồn số liệu:

Đề nghị bổ sung, chỉnh sửa thành “4 Nguồn số liệu”

- Điều tra kiểm kê rừng;

- Dữ liệu hành chính;

- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.”

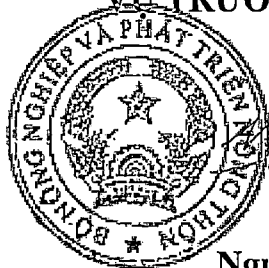
² Quy định tại Khoản 5 Điều 2 Luật Lâm nghiệp; khoản 0401, mục II, phụ lục I, Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Phùng Đức Tiến (đề b/c);
- Lưu: KH, VT (3).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Việt



Ký bởi: Bộ Y tế
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 01-04-2022
09:47:22 +07:00

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1653 /BYT-KHTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Y tế nhận được công văn số 272/BKHĐT-TCTK ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Vụ Kế hoạch Tài chính đơn vị đầu mối của Bộ Y tế đã gửi đến các Cơ quan/Đơn vị liên quan Dự thảo Nghị định để nghiên cứu, góp ý nội dung chuẩn hóa chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực Y tế và chăm sóc sức khỏe.

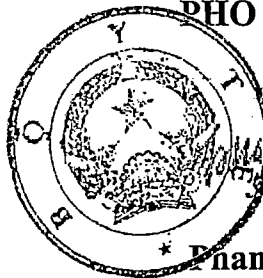
Các Cơ quan/Đơn vị đã gửi ý kiến góp ý về Vụ KHTC, Vụ đã nghiên cứu, tổng hợp xin gửi kèm theo đây nội dung góp ý cụ thể về nội dung Dự thảo kính gửi ban soạn thảo Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu hoàn thiện dự thảo.

Trân trọng cảm ơn và rất mong nhận được sự hợp tác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KHTC.

TL.BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



* Phan Lê Thu Hằng

NỘI DUNG GÓP Ý DỰ THẢO

Nhất trí với nội dung dự thảo và xin góp ý một số nội dung chi tiết như sau:

Các chỉ tiêu số 0103, 0104, 0105, 0106, 0107, 0108

4. Nguồn số liệu

- ...

- Kho dữ liệu chuyên ngành dân số (Bộ Y tế).

1603. Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tử vong mẹ: Là số phụ nữ tử vong trong thời gian mang thai hoặc trong vòng 42 ngày sau khi kết thúc thai nghén do bất cứ nguyên nhân nào liên quan đến thai nghén hoặc bệnh lý bị nặng lên do mang thai hoặc sinh đẻ gây ra mà không phải do tai nạn hoặc tự tử.

Tỷ số tử vong mẹ: Là số tử vong mẹ của một khu vực trong kỳ nghiên cứu tính trên 100.000 trẻ đẻ ra sống của khu vực đó trong cùng kỳ.

Công thức tính:

$$MR_b = \frac{D_b^f}{B} \times 100.000$$

Trong đó:

MR_b : Tỷ số tử vong mẹ;

D_b^f : Số trường hợp tử vong mẹ trong thời kỳ nghiên cứu;

B : Số trẻ đẻ ra sống trong thời kỳ nghiên cứu.

2. Phân tổ chủ yếu: Nhóm dân tộc (Kinh và các dân tộc khác).

3. Kỳ công bố: 10 năm.

4. Nguồn số liệu:

- Tổng điều tra dân số và nhà ở.

- Cơ sở dữ liệu ngành Y tế (các trường hợp tử vong mẹ được thẩm định).

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:

- Chủ trì: Tổng cục Thống kê.

- Phối hợp: Bộ Y tế.

1606. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin là tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm (uống) đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh theo quy định của Bộ Y tế trong năm xác định}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 01 tuổi trong khu vực trong cùng năm}} \times 100$$

2. Phân tổ chủ yếu

- Vùng kinh tế - xã hội;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Kỳ công bố: Năm.

4. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Y tế.

1607. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng

2. Phân tổ chủ yếu

- Loại suy dinh dưỡng;
- Mức độ suy dinh dưỡng;
- Giới tính;
- Dân tộc (Kinh/khác); (đáp ứng được nếu có tổ chức điều tra dinh dưỡng)
- Nhóm tháng tuổi;
- Thành thị/nông thôn;
- Vùng kinh tế - xã hội;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1608. Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân

2. Phân tổ chủ yếu

- Giới tính;
- Nhóm tuổi; (Theo quy định của Bộ Y tế)
- Vùng kinh tế - xã hội;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1219 /BNV-KHTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

V/v góp ý Dự thảo Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc
hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và
quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản
phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm
trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK của Tổng cục Thống kê – Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 31/12/2021 về việc cho ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Nội vụ có ý kiến sau:

1. Đối với chỉ tiêu 0212: Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Về khái niệm đề nghị sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

“Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (tỉnh, thành phố thuộc trung ương) là phần trăm số nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở cùng khóa đó.

Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc thành phố thuộc trung ương) là phần trăm số nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở cùng khóa đó.

Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (xã, phường, thị trấn) là phần trăm số nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở cùng khóa đó”.

b) Về phân tổ tính chỉ tiêu: đề nghị sửa đổi thành “Cấp đơn vị hành chính; Dân tộc; Độ tuổi”.

2. Đối với chỉ tiêu 0213: Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ

a) Về khái niệm đề nghị bổ sung, điều chỉnh như sau:

“Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ là số phần trăm cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ so với tổng số cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp. Trong đó:

- Cơ quan quản lý nhà nước Trung ương bao gồm: Bộ, cơ quan ngang bộ.

- Chính quyền địa phương bao gồm: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Đối với chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường thì sẽ không bao gồm hội đồng nhân dân ở các cấp này.

- Lãnh đạo chủ chốt của các bộ, cơ quan ngang bộ là các chức vụ từ Thứ trưởng hoặc tương đương trở lên. Lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bao gồm Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp”.

b) Về phân tổ tính chỉ tiêu: đề nghị sửa đổi thành “Bộ, cơ quan ngang bộ; Cấp đơn vị hành chính”.

3. Đối với chỉ tiêu 1107: Chỉ số giá tiền lương

Tại chỉ tiêu số 1107 thì danh mục đại diện để tính chỉ số giá tiền lương là danh sách các loại công việc đại diện cho các ngành nghề hoạt động, được thu thập về mức lương (giá) nhằm tính toán chỉ số giá tiền lương, gồm các ngành, nghề... đại diện phổ biến. Theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ thì Bộ Nội vụ không quản lý về kinh phí chi trả tiền lương đối với các cơ quan, đơn vị; đồng thời theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ thì thực hiện phân cấp trách nhiệm để người đứng đầu cơ quan nhà nước và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp của Nhà nước quyết định việc xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đề nghị bỏ nội dung phối hợp của Bộ Nội vụ tại khoản 5 Mục 1107 Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định nêu trên.

Bộ Nội vụ gửi Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Trọng Thừa (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Bích Thủy

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *M15*/BXD-KHTC

Hà Nội, ngày *04* tháng *4* năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: *1095*
ĐẾN Ngày: *05.4.2022*.
Chuyên: *KT.06.4.2022*.
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và có một số ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung danh mục tra cứu chỉ tiêu (Phụ lục 1) để thuận lợi trong việc tra cứu nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

2. Tại Phụ lục 1 chỉ tiêu mã số 1806 “*Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung*”: đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm ở mục 1 thành “*Nước sạch là nước được sản xuất từ các nhà máy xử lý nước, cung cấp cho người dân đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng sử dụng cho mục đích sinh hoạt*”; mục 4 nguồn số liệu, sửa thành: 4. Nguồn số liệu Chế độ báo cáo thống kê quốc gia.

3. Đối với chỉ tiêu mã số 0115 “*Tỷ lệ đô thị hóa*”: Bộ Xây dựng (Cục Phát triển đô thị) sẽ tiếp tục làm việc với các đơn vị chuyên ngành của Tổng cục Thống kê để thống nhất về các nội dung của chỉ tiêu.

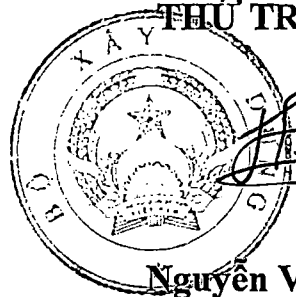
Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục HTKT, QLNN&TTBĐS; PTĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Sinh

Số: 551 /BGDĐT-CNTT

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê (Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê).

Thực hiện yêu cầu tại công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Bộ Giáo dục và Đào tạo (viết tắt là GDĐT) có ý kiến góp ý như sau:

1. Cơ bản thống nhất với kết cấu, nội dung quy định chung của Dự thảo Nghị định.

2. Đối với nội dung tại Phụ lục I: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, trong đó Nhóm 15. Giáo dục, có 07 chỉ tiêu gồm:

- (i) Chỉ tiêu mã số 1501. Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên;
- (ii) Chỉ tiêu mã số 1502. Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học;
- (iii) Chỉ tiêu mã số 1503. Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông;
- (iv) Chỉ tiêu mã số 1504. Tỷ lệ phòng học kiên cố;
- (v) Chỉ tiêu mã số 1505. Số trường học các cấp;
- (vi) Chỉ tiêu mã số 1506. Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp;
- (vii) Chỉ tiêu mã số 1507. Số sinh viên đại học trên 10.000 dân.

2.1. Các chỉ tiêu mã số 1501, 1502, 1503, Bộ GDĐT cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo và đề nghị chỉnh sửa thống nhất ký hiệu “**cấp học i**” và “**năm học t**” trong các công thức tính của 03 chỉ tiêu này.

2.2. Chỉ tiêu mã số 1504, Bộ GDĐT thống nhất về khái niệm, phân tổ, kỳ công bố và đề nghị sửa nội dung:

- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ phòng học kiên cố cấp học } i \text{ năm học } t (\%) = \frac{\text{Số phòng học kiên cố cấp học } i \text{ năm học } t}{\text{Tổng số phòng học cấp học } i \text{ năm học } t} \times 100$$

- Nguồn số liệu: đề nghị bỏ nguồn “Dữ liệu hành chính”.

2.3. Chỉ tiêu mã số 1505, Bộ GDĐT thống nhất với nội dung Dự thảo.

2.4. Chỉ tiêu mã số 1506. Bộ GDĐT đề nghị sửa công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp } (\%) = \frac{\text{Số học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp năm học } t + 1}{\text{Tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông trong năm học } t} \times 100$$

2.5. Chỉ tiêu mã số 1507, Bộ GDĐT đề nghị sửa các nội dung sau:

- Khái niệm, phương pháp tính:

Số sinh viên đại học trên 10.000 dân là tỷ số giữa số sinh viên đang theo học trình độ đại học trên mười nghìn dân.

Công thức tính:

$$\text{Số sinh viên đại học trên 10.000 dân} = \frac{\text{Quy mô sinh viên đại học năm học } t \times 10000}{\text{Dân số tại năm } t}$$

- Phân tổ chủ yếu: Loại hình; Toàn quốc.

Bộ GDĐT thấy rằng đây là chỉ tiêu có tính so sánh giữa các nước ở phạm vi quốc gia để đánh giá mức độ phát triển giáo dục đại học, do đó việc phân tổ “Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” về mặt số học có thể tính toán được nhưng xét về ý nghĩa của chỉ tiêu lại không có nhiều ý nghĩa thực tế để phục vụ cho việc so sánh, đánh giá giữa các tỉnh, thành phố vì sinh viên theo học ở các trường đại học không quy định theo địa giới hành chính mà phụ thuộc vào việc lựa chọn ngành học, lựa chọn trường đại học. Thực tế quy mô sinh viên phần lớn tập trung ở các thành phố lớn nơi tập trung các trường đại học lớn, đa ngành (ví dụ: quy mô sinh viên học tại Hà Nội ~33% và Thành phố Hồ Chí Minh ~31%, Đà Nẵng ~5,2 %, Cần Thơ ~ 4,7%, TT-Huế ~2,7%...), có 12 tỉnh không có trường đại học hoặc phân hiệu của trường đại học (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Sóc Trăng). Do đó, Bộ GDĐT đề nghị bỏ phân tổ “Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Nguồn số liệu đề nghị bổ sung: Tổng điều tra dân số và nhà ở; Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ.

3. Đối với nội dung tại Phụ lục II: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ GDĐT không có ý kiến tham gia.

4. Về dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia:

- 05 chỉ tiêu mã số 1501, 1502, 1504 và 1505: Thống nhất với dự kiến phân công Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp là Bộ GDĐT.

- 02 chỉ tiêu mã số 1503 và 1507: đều được tính toán trên cơ sở nguồn dữ liệu học sinh/sinh viên do Bộ GDĐT thu thập và nguồn dữ liệu dân số do Tổng cục Thống kê thu thập. Do đó, đề nghị phân công thống nhất giao cùng 01 cơ quan làm chủ trì và 01 cơ quan còn lại là phối hợp.

- Chỉ tiêu mã số 1506: đề nghị bổ sung giao Bộ GDĐT là cơ quan phối hợp. Vì việc tính toán chỉ tiêu này cần có dữ liệu về “Tổng số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông” thuộc phạm vi thu thập của Bộ GDĐT. Nếu chỉ giao cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thu thập thì sẽ gây chồng chéo.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nghiên cứu điều chỉnh Dự thảo Nghị định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- Lưu: VT, CNTT.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Nguyễn Sơn Hải



Số: 810/BCT-KH

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định), về cơ bản, Bộ Công Thương nhất trí với Dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, đề nghị xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

1. Đối với Dự thảo Phụ lục I

1.1. Các chỉ tiêu thuộc trách nhiệm/liên quan đến Bộ Công Thương

- Đề nghị xem xét loại bỏ chỉ tiêu số 0512-Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước do:

+ Chỉ tiêu này không được quốc tế sử dụng.

+ Công thức tính: Phần tử số chỉ là tiêu thụ năng lượng cho sản xuất, trong khi phần mẫu số là giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ cuối cùng được tạo ra.

+ Theo khuyến cáo của Cơ quan thống kê Liên hợp quốc (UNSD) và Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), để đánh giá hiệu suất năng lượng của một quốc gia cần sử dụng chỉ số Tổng tiêu thụ năng lượng/GDP, trong đó GDP phải là giá so sánh. Chỉ số này nhằm đánh giá quá trình cải thiện hiệu suất hoặc kém hiệu suất ở khu vực tiêu thụ năng lượng của một quốc gia. Bên cạnh đó, chỉ số này còn được dùng để so sánh giữa các quốc gia với nhau.

- Đề nghị xem xét việc chọn Chỉ tiêu 0515-Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do trước đây, các ngành dịch vụ không tách riêng phần dịch vụ logistics. Nếu để tách riêng dịch vụ này sẽ khó để tính toán lại dãy số quá khứ. Vì thế sẽ không có số liệu để đảm bảo tính so sánh của một số ngành dịch vụ còn lại trong một thời gian dài. Đề xuất chỉ nên đưa vào hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành.

TCCT, CNXP, TMDV, XU MT

7/20/20

- Đề nghị xem xét việc chọn *Chỉ tiêu số 0516-Chỉ phí logistics* so với *tổng sản phẩm trong nước* vào *Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia* mà chỉ nên đưa vào *hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành* do không mang tầm quốc gia. Ngoài ra, hầu hết các ngành lớn cũng không tính chi phí so với tổng sản phẩm trong nước.

7/20/20

- *Chỉ tiêu 0517-Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước* hiện nay chưa có khái niệm và định nghĩa chính thức về "Kinh tế số" trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, việc xác định nội hàm của "Kinh tế số" cũng đang là một vấn đề còn tranh cãi trong quá trình xây dựng dự thảo Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Trong dự thảo mới nhất của Chiến lược, Kinh tế số được xác định gồm: (1) *Kinh tế số ICT* là công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông; (2) *Kinh tế số nền tảng* là hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối cung - cầu và các dịch vụ trực tuyến; (3) *Kinh tế số ngành - lĩnh vực* hoạt động kinh tế của các ngành, lĩnh vực được gia tăng đáng kể nhờ đầu vào công nghệ số và dữ liệu số, với môi trường số là không gian hoạt động. Như vậy, việc đưa ra khái niệm và phương pháp tính là không khớp với phạm vi khái niệm "Kinh tế số" trong dự thảo Chiến lược trên và cũng chưa đảm bảo cơ sở pháp lý.

Việc phân chia kinh tế số thành hạ tầng số, nền tảng số và ứng dụng số cho thấy sự chông chéo, trùng lặp giữa 3 thành phần này: Hạ tầng số là hạ tầng kỹ thuật vật lý (hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin) để truyền đưa thông tin số, dữ liệu số và để *cung cấp dịch vụ nền tảng số, dịch vụ ứng dụng số*; Nền tảng số là dịch vụ được phát triển dựa trên hạ tầng số...; Ứng dụng số là các dịch vụ tin học, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin nói chung - được phát triển, vận hành *dựa trên hạ tầng số hoặc nền tảng số*. Như vậy, chưa rõ ràng nền tảng số có thể coi là một yếu tố hạ tầng cho ứng dụng số hay là một loại hình dịch vụ (bao hàm trong ứng dụng số). Từ góc độ chuyên môn, hoạt động của các nền tảng số hiện nay gồm 2 cấu phần: (1) *Các hệ thống công nghệ kết nối trực tuyến cung cầu* - một thành phần của kết cấu hạ tầng mềm cho kinh tế số; (2) *Các dịch vụ, các hoạt động ứng dụng dựa trên kết cấu hạ tầng đó* - tạo nên thành phần của kinh tế số ngành, lĩnh vực. Như vậy, nếu chỉ khoanh vùng "kinh tế số" theo phạm vi thì việc chia "kinh tế số" thành hai thành phần là (1) Hạ tầng số; (2) Ứng dụng số (bao gồm các dịch vụ nền tảng số và các ứng dụng trên nền tảng số) cũng sẽ hợp lý và logic hơn.

Đề nghị làm rõ phạm vi tính giá trị tăng thêm của kinh tế số, phương pháp và phạm vi thu thập số liệu, công thức tính nhằm tách giá trị tăng thêm khỏi tổng giá trị của các hoạt động kinh tế số. Ví dụ các hoạt động tài chính tín dụng được tiến hành dựa trên ứng dụng số, nền tảng số (fintech) với giá trị giao dịch 1.000 tỷ đồng mỗi ngày. Như vậy, làm cách nào xác định được giá trị tăng thêm của yếu tố "số" trong 1.000 tỷ này ?

Từ những phân tích trên, đề nghị cân nhắc hai phương án:

Phương án 1: Tạm thời chưa đưa chỉ tiêu thống kê Kinh tế số vào Nghị định lần này, chờ đến khi Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế và xã hội số được thông qua để đảm bảo sự thống nhất về khái niệm, phạm vi và nội hàm của "Kinh tế số" giữa chỉ tiêu thống kê với các văn bản chính sách, pháp luật trong tương lai.

Phương án 2: Trường hợp dự thảo Nghị định vẫn định nghĩa, khái niệm và phương pháp tính cho chỉ tiêu với phạm vi như hiện nay, đề nghị chia Kinh tế số thành hai cấu phần là (1) hạ tầng số và (2) ứng dụng số (trong đó bao gồm các dịch vụ nền tảng số, các ứng dụng trên nền tảng số và các ứng dụng CNTT khác) để đảm bảo tính logic và hợp lý về mặt thống kê; đề nghị bổ sung công thức tính Giá trị tăng thêm của kinh tế số, phương pháp và phạm vi thu thập số liệu để đảm bảo tính khả thi khi triển khai.

- Chỉ tiêu số 0908-Cân đối một số năng lượng chủ yếu

Tại giải thích chỉ tiêu Tiêu dùng năng lượng cho dân cư là khối lượng năng lượng tiêu dùng trực tiếp phục vụ đời sống của các cá nhân, hộ dân cư (trang 138), cần bổ sung thêm Ghi chú khuyến cáo: Tiêu thụ nhiên liệu cho nhu cầu đi lại vận chuyển bằng phương tiện trong nhà không được tính vào tiêu thụ năng lượng cho dân cư mà sẽ được tính vào giao thông vận tải hoặc dịch vụ.

- Chỉ tiêu số 1005-Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, đề nghị sửa đổi Phân tổ chủ yếu: Hạng chợ (Hạng 1/Hạng 2/Hạng 3); vùng; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, sửa đổi các nội dung có liên quan cho thống nhất. Cụ thể:

Theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009, Dự thảo Nghị định về Phát triển và quản lý Chợ (đang lấy ý kiến công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương), chợ được chia thành 03 hạng (chợ hạng I; chợ hạng II; và chợ hạng III) như sau:

Chợ hạng I:

+ Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch.

+ Được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên;

+ Có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ (trông giữ xe; bốc xếp hàng hóa; kho bảo quản hàng hóa; dịch vụ đo lường, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm, vệ sinh công cộng; và các dịch vụ khác).

Chợ hạng II:

+ Là chợ có từ 200 đến 400 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch;

+ Được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên;

+ Có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: Trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, vệ sinh công cộng.

Chợ hạng III:

+ Là chợ có dưới 200 điểm kinh doanh, hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố.

+ Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hoá của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

TMĐV
- Đề nghị sửa đổi chỉ tiêu số 1312-Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến do các hoạt động kinh doanh trực tuyến (Thương mại điện tử) đang được điều chỉnh tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử; Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử, trong đó bao gồm dịch vụ thương mại điện tử (Một loại hình của dịch vụ nền tảng số). Các dịch vụ nền tảng số khác cũng là một hoạt động kinh doanh trực tuyến. Ngoài ra, cần phân biệt doanh thu của các đơn vị vận hành nền tảng số với doanh thu từ các giao dịch được tiến hành trên những nền tảng số này (Đơn vị vận hành nền tảng số chỉ là bên thu hộ và trung gian xử lý). Cụ thể:

Doanh thu nền tảng số và hoạt động kinh doanh trực tuyến là doanh thu từ hoạt động thương mại điện tử và doanh thu của các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số khác không phục vụ hoạt động thương mại điện tử, bao gồm:

+ *Doanh thu hoạt động thương mại điện tử là doanh thu từ tất cả các thương nhân có giao dịch thương mại điện tử (số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử được định nghĩa tại chỉ tiêu 1309). Doanh thu hoạt động thương mại điện tử bao gồm doanh thu của các nền tảng thương mại điện tử (doanh thu dịch vụ TMĐT), doanh thu từ các giao dịch được tiến hành trên những nền tảng này, và doanh thu từ các giao dịch tiến hành trên các website, ứng dụng TMĐT khác.*

+ *Doanh thu của các nền tảng số khác không phải là thương mại điện tử (đề nghị liệt kê hết các nền tảng số quốc gia mà dự thảo Chiến lược kinh tế số và xã hội số đưa ra, như nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng IoT, nền tảng điện toán đám mây, nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng sức khỏe điện tử, và các nền tảng số khác thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông...).*

+ *Phân tổ chủ yếu: Ngành kinh tế; Khu vực kinh tế; Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

+ *Kỳ công bố: Năm.*

+ *Nguồn số liệu: Điều tra thống kê; Dữ liệu hành chính.*

+ *Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:*

Chủ trì: Tổng cục Thống kê.

Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Công Thương; các Bộ quản lý các nền tảng số chuyên ngành”.

XCMT
- Chi tiêu số 2109-Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường

Đất cụm công nghiệp thuộc quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, không thuộc quy hoạch sử dụng đất quốc gia như đối với khu công nghiệp (tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội). Vì vậy, đề nghị bổ sung chỉ tiêu này vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh; đối với Nguồn số liệu, đề nghị bỏ thu thập, tổng hợp từ Dữ liệu hành chính.

- Các chỉ tiêu số 0517, 0908, 1006, 1312, đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp là “Bộ Công Thương”.

- Chỉ tiêu số 2109, đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp là “Bộ Tài nguyên và Môi trường”.

1.2. Các chỉ tiêu khác

- Đề nghị ghi rõ nguồn số liệu của các chỉ tiêu hiện đang ghi là “Nhu nguồn số liệu chỉ tiêu...” (các chỉ tiêu số 0402, 0403, 0503...).

- Đề nghị xem xét có nên trích dẫn toàn văn quy định/thông lệ quốc tế trong nội dung các chỉ tiêu (ví dụ như trang 119, 121,...).

2. Đối với Dự thảo Phụ lục II

- Tại Khoản 3, Mục VI: Đề nghị bổ sung cụm từ “Cung cấp số liệu để biên soạn GDP”; “Cung cấp số liệu để biên soạn GRDP” để tránh nhầm lẫn với Khoản 3, Mục VII.

- Đề nghị tách điều khoản trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh tại nhiều khoản, mục thành một mục riêng để tránh lặp lại nhiều lần.

-- Chỉ tiêu GDP phương pháp thu nhập thực hiện 5 năm một lần. Tuy nhiên, trong các bước biên soạn GDP chưa có quy định về nội dung này. Đề nghị bổ sung quy định này.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./Mh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KH (BT).



Nguyễn Sinh Nhật Tân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số:817 /BTNMT-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Chỉ tiêu 0101. Diện tích và cơ cấu đất

- Khái niệm, phương pháp tính, đề nghị rà soát, chỉnh sửa các cụm từ sau cho phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai:

Thay cụm từ “Nhóm đất phi nông nghiệp gồm các loại đất sử dụng vào mục đích không thuộc nhóm đất nông nghiệp, gồm đất ở; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng; đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác” bằng “Nhóm đất phi nông nghiệp gồm các loại đất sử dụng vào mục đích không thuộc nhóm đất nông nghiệp, bao gồm đất ở; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng; đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác. Gồm các loại đất:...”.

“Đất ở tại nông thôn là đất ở do hộ gia đình cá nhân đang sử dụng tại nông thôn gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng thửa đất thuộc khu vực nông thôn” bằng “Đất ở tại nông thôn là đất ở thuộc phạm vi địa giới hành chính các xã, trừ đất ở tại khu đô thị mới đã thực hiện theo quy hoạch phát triển các quận, thành phố, thị xã, thị trấn nhưng hiện tại vẫn thuộc xã quản lý”.

“Đất ở tại đô thị bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng thửa đất thuộc khu dân cư đô thị” bằng

“Đất ở tại đô thị là đất ở thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường, thị trấn, kể cả đất ở tại các khu đô thị mới đã được thực hiện thuộc phạm vi quy hoạch phát triển của các quận, thành phố, thị xã đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhưng đến thời điểm thống kê, kiểm kê vẫn do xã quản lý”.

- Nguồn số liệu, đề nghị thay cụm từ “Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất” bằng “Kết quả thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ”.

2. Chỉ tiêu 2104. Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên

Về phân tổ chủ yếu, đề nghị điều chỉnh phân tổ “Trên cạn/biển, ven biển” thành “Trên cạn, đất ngập nước/ven biển và biển”; “Vùng” thành “Vùng địa lý”.

3. Chỉ tiêu 2106. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý

- Khái niệm, phương pháp tính, đề nghị chỉnh sửa khái niệm “Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý” như sau: “Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý là tỷ lệ phần trăm các chất thải nguy hại được xử lý (kể cả tái chế, đồng-xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại) trên tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.”; chỉnh sửa công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (\%)} = \frac{\text{Khối lượng chất thải nguy hại được xử lý (tấn)}}{\text{Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh (tấn)}} \times 100$$

- Về phân tổ chủ yếu, đề nghị bỏ phân tổ theo vùng.

- Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp, bổ sung cơ quan phối hợp là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện thống kê đối với chất thải nguy hại từ việc sử dụng các hoá chất nông nghiệp).

4. Chỉ tiêu 2107. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý

- Khái niệm, phương pháp tính, đề nghị chỉnh sửa khái niệm “Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý” như sau: “Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý là tỷ lệ phần trăm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý trên tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.”; chỉnh sửa công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (\%)} = \frac{\text{Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (tấn)}}{\text{Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)}} \times 100$$

- Về phân tổ chủ yếu, đề nghị bỏ “Loại đô thị” và “vùng” và thay bằng “đô thị”, “nông thôn”.

5. Chỉ tiêu 2111. Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi $PM_{2,5}$ và bụi PM_{10} trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên.

Về khái niệm, phương pháp tính, đề nghị chỉnh sửa khái niệm như sau: “Tỷ lệ ngày có nồng độ bụi $PM_{2,5}$ và bụi PM_{10} trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên được tính bằng tỷ lệ phần trăm tổng số ngày được quan trắc có giá trị trung bình 24 giờ đối với bụi $PM_{2,5}$ và bụi PM_{10} vượt quá QCVN hiện hành trên tổng số ngày được quan trắc trong năm tại các đô thị từ loại IV trở lên (quy định về tổng số ngày được quan trắc trong năm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT- BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường)”.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.Hg.

h *h*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quý Kiên

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1712*/BTC-THTK

Hà Nội, ngày *22* tháng *02* năm 2022

Về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Phục đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài chính tham gia ý kiến như sau:

I. Ý kiến tham gia chung về Nghị định:

Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, do đó đề nghị Bộ KHĐT bỏ đoạn “và các quy định về quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại Điều 2 của dự thảo Nghị định.

II. Ý kiến tham gia cụ thể:

1. Đối với Phụ lục I - Về việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia:

1.1. Đối với nhóm chỉ tiêu Đầu tư và xây dựng: Chỉ tiêu 0401 “Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội” từ trang 42 đến trang 45 dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính ý kiến như sau:

- Về nguyên tắc: đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu căn cứ vào quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công năm 2019, Luật phí lệ phí, Luật Quản lý tài sản công, Luật Đầu tư... và các Nghị định hướng dẫn liên quan để quy định khái niệm và cách tính cho phù hợp và thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành.

- Về định nghĩa vốn ngân sách nhà nước mới đề cập đến giai đoạn chuẩn bị và thực hiện, đề nghị rà soát nghiên cứu bổ sung giai đoạn kết thúc đầu tư.

CNXD

Nghiên cứu bổ sung vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Đầu tư công. Đề nghị rà soát toàn bộ các nguồn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành để đảm bảo thống kê đầy đủ nguồn lực tham gia vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đối với nội dung chia theo nguồn vốn đầu tư:

Đề nghị gộp vốn Trái phiếu Chính phủ vốn ngân sách nhà nước để phù hợp với quy định tại Luật ngân sách Nhà nước.

Riêng đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ đề nghị tách riêng:

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ do NSNN cấp phát 100% thì tổng hợp vào nguồn NSNN.

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ vay về cho doanh nghiệp vay lại đề nghị tổng hợp riêng.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, đề nghị bổ sung vào nguồn vốn NSNN nguồn vốn “cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là việc phân bổ vốn đầu tư công để cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền”.

1.2. Đối với nhóm chỉ tiêu về Tài chính công:

- Các chỉ tiêu về ngân sách: 0602 “Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước”; 0603 “Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với tổng sản phẩm trong nước”; 0605 “Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước”; 0607 “Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước”:

Đề nghị Bộ KHĐT báo cáo Chính phủ giao Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm tính toán và báo cáo, Tổng cục Thống kê là cơ quan phối hợp để đảm bảo thống nhất về phạm vi và phù hợp với các số liệu đã được Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Quốc hội cũng như ý kiến của Bộ Tài chính đã nêu tại Công văn số 5512/BTC-THTK ngày 27/5/2021 gửi Bộ KHĐT về việc tham gia ý kiến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Công văn số 11093/BTC-THTK ngày 27/9/2021 gửi Bộ KHĐT tham gia ý kiến về việc xin ý kiến dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Tc 05

- Để đảm bảo tính khả thi trong việc cung cấp số liệu, Bộ Tài chính đề nghị điều chỉnh kỳ công bố và phân tổ chủ yếu các chỉ tiêu thu, chi, bội chi ngân sách. Cụ thể:

STT	Tên chỉ tiêu	Kỳ công bố	Phân tổ chủ yếu
1	Chỉ tiêu 0601. Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu	Tháng, quý	Các khoản thu chủ yếu (thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu, viện trợ)
		Năm	- Các khoản thu chủ yếu (thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu, viện trợ) - Sắc thuế
2	Chỉ tiêu 0602. Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Năm	Các khoản thu chủ yếu
3	Chỉ tiêu 0604. Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Tháng, quý	Các khoản chi chủ yếu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi,...)
		Năm	- Các khoản chi chủ yếu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi,...) - Bộ/ngành.
4	Chỉ tiêu 0605. Tỷ lệ chi NSNN so với GDP	Năm	Các khoản chi chủ yếu
5	Chỉ tiêu 0606. Bội chi ngân sách nhà nước	Năm	Phân tổ theo bội chi ngân sách trung ương, bội chi ngân sách địa phương
6	Chỉ tiêu 0607. Tỷ lệ bội chi		

STT	Tên chỉ tiêu	Kỳ công bố	Phân tổ chủ yếu
	ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước		

- Ngoài ra, chỉ tiêu 0606. Bội chi ngân sách nhà nước: đề nghị bỏ công thức tính Bội chi ngân sách nhà nước.

1.3. Đối với nhóm chỉ tiêu Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán:

- Chỉ tiêu 0712 "Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm", Bộ Tài chính đề nghị sửa thành chỉ tiêu "Doanh thu phí bảo hiểm và Trả tiền bảo hiểm", cụ thể như sau:

"I. Doanh thu phí bảo hiểm

1. Khái niệm, phương pháp tính

Công thức tính:

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{phí} \\ \text{bảo hiểm} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Phí bảo} \\ \text{hiểm} \\ \text{phi nhân} \\ \text{thọ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Phí bảo} \\ \text{hiểm} \\ \text{nhân thọ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Phí bảo hiểm} \\ \text{sức khỏe} \end{array}$$

a) Phí bảo hiểm phi nhân thọ: Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu phí bảo hiểm gốc sau khi trừ (-) các khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.

b) Phí bảo hiểm nhân thọ: Chỉ tiêu này phản ánh tổng số doanh thu phí bảo hiểm gốc sau khi trừ (-) các khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

c) Phí bảo hiểm sức khỏe: Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu phí bảo hiểm gốc sau khi trừ (-) các khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe.

2. Phân tổ chủ yếu: Loại hình doanh nghiệp

3. Kỳ công bố: Năm.

4. Nguồn số liệu: Báo cáo của các doanh nghiệp bảo hiểm.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Bộ Tài chính

- Phối hợp: Tổng Cục Thống kê

II. Trả tiền bảo hiểm

I. Khai niệm, phương pháp tính

a) Chi bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ: Chi tiêu này phân ảnh tổng số chi bồi thường bảo hiểm gốc của DNBSH phi nhân thọ phát sinh trong kỳ bảo cao.

b) Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm nhân thọ: Chi tiêu này phân ảnh tổng số chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phát sinh trong kỳ bảo cao.

c) Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm sức khỏe: Chi tiêu này phân ảnh tổng số chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe phát sinh trong kỳ bảo cao.

2. Phân tổ chủ yếu: Loại hình doanh nghiệp;

3. Kỳ công bố: Năm.

4. Nguồn số liệu: Báo cáo của các doanh nghiệp bảo hiểm.

5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Chủ trì: Bộ Tài chính

- Phối hợp: Tổng Cục Thống kê

- Chi tiêu 0718 "Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu": Bộ Tài chính đề nghị sửa lại nội dung "Khai niệm, phương pháp tính" thành: "Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu là tổng giá trị của cổ phiếu niêm yết và/hoặc đang ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán tính theo giá trị thị trường tại một thời điểm xác định, được tính bằng tổng các tích giữa khối lượng cổ phiếu phát hành trên thị trường nhân với giá trị thị trường tại một thời điểm xác định".

- Chi tiêu 0721 "Giá trị huy động vốn qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán": Bộ Tài chính đề nghị sửa lại nội dung "Khai niệm, phương pháp tính" thành: "Giá trị huy động vốn qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là chi tiêu phản ánh tình hình huy động vốn của các doanh nghiệp thông qua việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, được tính bằng tổng các tích giữa khối lượng cổ phiếu phát hành trên thị trường nhân với giá trị thị trường tại một thời kỳ".

- Chi tiêu 0722 Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước: Bộ Tài chính đề nghị sửa đổi khai niệm và công thức tính như sau:

- Khái niệm: Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước là tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường so với tổng sản phẩm trong nước. Thị trường trái phiếu bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp.

- Công thức tính:

$$\text{Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước (\%)} = \frac{\text{Tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường}}{\text{GDP}} \times 100$$

- Chỉ tiêu 0723 Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu: Bộ Tài chính đề nghị sửa đổi công thức tính như sau:

· Công thức tính:

$$\text{Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu (\%)} = \frac{\text{Tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường năm t}}{\text{Tổng giá trị theo mệnh giá của trái phiếu chưa đáo hạn trên thị trường năm t-1}} \times 100$$

1.4. Đối với nhóm chỉ tiêu Công nghiệp: Chỉ tiêu 0903 “Tỷ trọng giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp công nghệ cao trong tổng giá trị ngành công nghiệp công nghệ cao”: Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT làm rõ danh mục phân loại “Hàng hóa xuất khẩu thuộc ngành công nghiệp công nghệ cao” đảm bảo tính tương quan và nhất quán với “Tổng giá trị ngành công nghiệp công nghệ cao” và xem xét tính khả thi trong thực hiện của chỉ tiêu này vì cho đến nay, Tổng cục Hải quan chưa nhận được yêu cầu phối hợp để tính toán chỉ tiêu này và cũng chưa thấy công bố theo quy định tại Nghị định số 97/2016/NĐ ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

1.5. Đối với nhóm chỉ tiêu Thương mại, dịch vụ:

- Chỉ tiêu số 1006 “Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”, tại mục “2. Phân tổ chủ yếu”, Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT như sau:

+ Sửa lại các câu có chứa cụm từ “Nước/vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến” thành “Nước/vùng lãnh thổ cuối cùng hàng đến (đối với xuất khẩu) và nước/vùng lãnh thổ xuất xứ (đối với nhập khẩu)”.

+ Bổ phân tổ theo “ngành kinh tế” do Tổng cục Thống kê chưa có hướng dẫn và Tổng cục Hải quan không có bảng tương quan giữa Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam với Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam

theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

+ Bỏ phân tổ theo "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" do:

(i) Việc thống kê trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của các tỉnh, thành phố hiện nay được thống kê theo quy định là lấy hai ký tự đầu của mã doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế với các cơ quan nhà nước tại tỉnh, thành phố đó. Thực hiện thống kê theo nguyên tắc này để tránh việc tính trùng, tính thiếu hoặc tính thừa số liệu theo phân tổ tất cả 63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, việc thống kê theo mã doanh nghiệp này lại không phản ánh được các doanh nghiệp "trên địa bàn tỉnh, thành phố" (bao gồm cả các doanh nghiệp đăng ký ở tỉnh, thành phố khác) theo thống kê của các cơ quan quản lý nhà nước tại các địa phương (Cục Thống kê, Sở Công Thương, Ủy ban Nhân dân, ...). Qua đó không xác định được năng lực xuất nhập khẩu thực của từng địa phương.

(ii) Qua nghiên cứu hoạt động thống kê của các nước cũng không có thống kê xuất nhập khẩu theo đơn vị hành chính tỉnh, thành phố.

- **Chỉ tiêu số 1007 "Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu"**, Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT xem xét bỏ phân tổ theo "Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương" với lý do nêu trong Chỉ tiêu số 1006 ở trên.

1.6. Đối với nhóm chỉ tiêu Chỉ số giá:

- **Chỉ tiêu 1107 "Chỉ số giá tiền lương"**: Tại Khoản 11 Điều 2 Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ quy định:

"Về chính sách tiền lương:

a) Hướng dẫn thực hiện quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về: Chính sách, chế độ tiền lương (tiền lương tối thiểu; băng lương; ngạch, bậc lương; chế độ phụ cấp; quản lý tiền lương và thu nhập); các chính sách, chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước từ trung ương đến cấp xã; tiền lương lực lượng vũ trang và lao động hợp đồng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp nhà nước;

b) Hướng dẫn việc xếp ngạch, bậc lương đối với viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước, người làm việc trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an, cơ yếu, trù hạ sĩ quan và chiến sĩ nghĩa vụ) khi được điều động, tiếp nhận, tuyển dụng vào làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước;

c) Hướng dẫn, kiểm tra: Việc thực hiện chính sách, chế độ tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà

nước, lực lượng vũ trang và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; việc nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; việc xếp hệ số lương khi bổ nhiệm ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức;

d) Có ý kiến về nội dung liên quan đến tiền lương, phụ cấp, các khoản chi có tính chất lương tại các dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính đặc thù của các cơ quan, đơn vị để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Làm thường trực Ban Chỉ đạo nghiên cứu và thực hiện cải cách chính sách tiền lương nhà nước.”

- Tại điểm b và điểm đ Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định:

“b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về tiền lương tối thiểu, định mức lao động, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, trả lương trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;

...

đ) Hướng dẫn về tiền lương, tiền thưởng và thù lao đối với người lao động, người quản lý trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước.”

Do vậy, đề nghị Bộ KHĐT phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để thu thập, tổng hợp số liệu phục vụ công tác thống kê chỉ số giá tiền lương, không quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính.

- Chỉ tiêu số 1108 “Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu”, Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT sửa lại phần khái niệm là: “Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu là chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa và chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa” để phân biệt với xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ.

- Chỉ tiêu số 1008 “Cán cân thương mại hàng hóa”: Chỉ tiêu này đang được giao Tổng cục Thống kê là đơn vị được thực hiện. Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Chỉ tiêu này được tính toán dựa trên Chỉ tiêu số 1006 - “Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu” do Tổng cục Hải quan thực hiện. Do vậy, Bộ Tài chính kiến nghị Bộ KHĐT sửa giao Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) thực hiện tính toán

CRA

CRA

TTMA

chỉ tiêu này để đảm bảo tính đồng bộ với chỉ tiêu số 1006, tính liên tục và tính nhất quán của số liệu ở cả 3 trạng thái sơ bộ, điều chỉnh, chính thức khi Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) báo cáo, phổ biến.

+ Đề nghị sửa lại đoạn 2 của điểm 1- Khái niệm, phương pháp tính như sau: “Khi trị giá xuất khẩu lớn hơn trị giá nhập khẩu thì cán cân thương mại mang dấu dương (+) hay còn gọi là thặng dư (xuất siêu); khi trị giá nhập khẩu lớn hơn trị giá xuất khẩu thì cán cân thương mại mang dấu âm (-) hay còn gọi là thâm hụt (nhập siêu); khi trị giá xuất khẩu bằng trị giá nhập khẩu thì cán cân thương mại ở trạng thái “cân bằng”.

1.7. Đối với chỉ tiêu số 0304: Số doanh nghiệp, số lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

Về phân loại doanh nghiệp theo thành phần kinh tế (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài nhà nước) tại chỉ tiêu số 0304:

Căn cứ theo cách phân loại tại dự thảo nghị định thì một doanh nghiệp có trên 50% vốn nhà nước và cổ vốn đầu tư nước ngoài sẽ nằm đồng thời trong thành phần kinh tế doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xem lại tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo thành phần kinh tế để đảm bảo một doanh nghiệp và toàn bộ số liệu của doanh nghiệp đó chỉ nằm trong một thành phần kinh tế.

1.8. Đối với chỉ tiêu 0306: Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp: Bộ Tài chính nhận thấy có một số khái niệm chưa đồng nhất với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể trình bày trong bảng phụ lục kèm theo công văn so sánh các quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC và dự thảo nghị định. Để đảm bảo thống nhất cách hiểu giữa Bộ KHĐT và Bộ Tài chính, doanh nghiệp về nội dung các chỉ tiêu: Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; các khoản giảm trừ doanh thu; doanh thu hoạt động tài chính; thu nhập khác. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu thêm các quy định về các chỉ tiêu này tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC để xây dựng khái niệm của một số chỉ tiêu trong chỉ tiêu số 0306.

2. Đối với phụ lục II - Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP):

Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT xem xét, cần nhắc sử dụng thông tin “Trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa theo tỉnh/thành phố” trong việc tính toán chỉ tiêu “tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Do như đã đề cập ở trên đối với phân tổ “Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương” của Chi tiêu số 1006 và 1007, việc thống kê theo mã doanh nghiệp hiện nay không phản ánh được các doanh nghiệp “trên địa bàn tỉnh, thành phố” (bao gồm cả các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ở tỉnh, thành phố khác) theo thống kê của các cơ quan quản lý nhà nước tại các địa phương (Cục Thống kê, Sở Công Thương, Ủy ban Nhân dân, ...). Qua đó không xác định được năng lực xuất nhập khẩu thực của từng địa phương.

- Phần Phụ lục II trong dự thảo Nghị định quy định quy trình để biên soạn GDP và GRDP, vì vậy những nội dung mang tính quy phạm nên đưa thành các Điều, Khoản trong Nghị định, chẳng hạn tại phần VIII của Phụ lục II quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương... Đề nghị Bộ KHĐT rà soát để đưa những nội dung mang tính quy phạm vào các Điều, Khoản của Nghị định.

- GDP và GRDP là một trong những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng, mục tiêu của việc thể chế hóa quy trình biên soạn 02 chỉ tiêu này nhằm đảm bảo tính chuẩn hóa, tăng cường tính trung thực, khách quan, phản ánh thực chất kết quả hoạt động kinh tế tại thời điểm tính toán, vì vậy, quy trình cần bổ sung:

+ Sự tham gia của các Bộ, cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình biên soạn (theo dự thảo Quy trình chỉ nêu sự tham gia của cơ quan Thống kê quốc gia và cấp tỉnh);

+ Nêu cụ thể, rõ ràng các khái niệm, định nghĩa, nội dung, phương pháp, công thức tính toán từng chỉ tiêu và nguồn dữ liệu đối với từng chỉ tiêu, tần suất, thời hạn cung cấp dữ liệu...

- Nội dung của quy trình biên soạn bao gồm 01 mục riêng về công bố số liệu GDP và GRDP, vì vậy, đề nghị Bộ KHĐT xem xét nếu công bố các chỉ tiêu này là một nội dung độc lập thì bổ sung tên tiêu đề phụ lục II là “Quy trình biên soạn, công bố chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Đề nghị xem xét lại tiêu đề mục IV. Quy định biên soạn, vì mục nào cũng quy định về biên soạn, cần nêu tiêu đề cụ thể hơn hoặc kết cấu lại những nội dung này đưa vào các mục khác.

- Tại mục 3 phần I quy định như sau “Cơ sở để ứng dụng công nghệ thông tin trong các bước của quy trình biên soạn, giúp các chủ thể tham gia vào quá trình biên soạn được thuận lợi, rõ ràng, minh bạch và kịp thời”, đề nghị Bộ

KHĐT cần nhắc sửa thành "Cơ sở để ứng dụng công nghệ thông tin trong biên soạn GDP/GRDP".

- Tại mục 1 của phần IV quy định như sau: "Tổ chức biên soạn số liệu GDP, GRDP tập trung tại cơ quan thống kê Trung ương do các đơn vị có liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia". Nếu "các đơn vị có liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là các đơn vị thuộc nội bộ Tổng cục Thống kê thì đề nghị lược bỏ, vì đó là quy định nội bộ, không phù hợp để đưa vào Nghị định. Nếu các đơn vị khác ngoài hệ thống thì cần quy định cụ thể, rõ ràng.

- Tại mục 6, phần IV- Nguồn thông tin biên soạn: Như đã nêu ở trên, cần nêu cụ thể loại dữ liệu, tần suất, thời gian cung cấp, nơi cung cấp (có thể dưới dạng một phụ lục).

- Tại mục a) bước 2 của phần V quy định gạch đầu dòng thứ nhất "Xử lý tổng hợp, tính toán và phân bổ số liệu theo địa bàn; số liệu tập đoàn, tổng công ty cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" và gạch đầu dòng thứ tư "Gửi kết quả tính toán GO, phân bổ số liệu của tập đoàn, tổng công ty cho cơ quan thống kê cấp tỉnh để rà soát và thống nhất", đề nghị Bộ KH&ĐT cần nhắc gộp 2 ý thành 1 và cần cụ thể hóa các loại dữ liệu cần tính toán ở đây là gì.

- Tại mục b) bước 3 của phần V, đề nghị Bộ KH&ĐT cần quy định rõ thời gian của các bước là bao lâu để đảm bảo nhất quán, kịp thời và tính tuân thủ.

- Tại bước 4 phần V và phần VII đều quy định về Công bố và phổ biến số liệu GDP, GRDP, đề nghị Bộ KH&ĐT nên gộp lại tránh trùng lặp.

- Phần VI. Trách nhiệm biên soạn: Đề nghị Bộ KH&ĐT rà soát, kết cấu lại mục 1 và mục 2 để tránh trùng lặp, vì cơ bản trách nhiệm giữa hai nội dung này như nhau.

- Mục 2b) phần VI Trách nhiệm biên soạn, gạch đầu dòng thứ nhất quy định như sau "Chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu chính thức theo kế hoạch công tác hằng năm ban hành theo Quyết định của Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương; phối hợp với sở, ban, ngành nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương để báo cáo, giải trình với cơ quan thống kê Trung ương", đề nghị Bộ KH&ĐT rà soát lại nội dung để đảm bảo tính pháp lý của Nghị định, "...theo kế hoạch công tác hằng năm ban hành theo Quyết định của Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương"... là nội dung mang tính nội bộ.

- Tại 3a) phần VII. Công bố số liệu GDP và GRDP quy định như sau “Số liệu GDP công bố theo quy định tại Điều 4 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê”, đề nghị nêu rõ số Nghị định, ngày nào...

- Tại phần VIII Trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương quy định trách nhiệm chung các nội dung như: việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê, biên soạn GDP..., đề nghị Bộ KHĐT đưa nội dung này vào một điều của Nghị định, nếu để ở phụ lục thì tách riêng từng nội dung theo các phụ lục riêng biệt.

- Tại mục 2 phần VIII quy định trách nhiệm của các địa phương, đề nghị Bộ KHĐT cần quy định rõ trách nhiệm nội dung nào là của Ủy ban nhân dân, nội dung nào là các sở, ban ngành.

- Mục 2 phần VII, nội dung đ) nêu trách nhiệm của các cơ quan địa phương: “Xây dựng các chỉ tiêu trong Kế hoạch, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với năng lực thực tế”. Đề nghị Bộ KHĐT rà soát lại xem nội dung này có phù hợp với phạm vi của Nghị định này không?

Để đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện, Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham gia của Bộ Tài chính. Trong trường hợp Bộ KHĐT chưa đồng ý với các góp ý nêu trên thì đề nghị trao đổi, làm rõ việc không tiếp thu trước khi ban hành.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- NSNN, QLN, HCSN, ĐT, TCNH, QLBN, TCDN;
- UBCK, TCHQ, TCT;
- Lưu: VT, THPT (15 bản).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC TIN HỌC
VÀ THỐNG KÊ TÀI CHÍNH
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hoàng Xuân Nam

PHỤ LỤC
SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 200/2014/TT-BTC VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Công văn số 1712 /BTC-THTK ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính)

ST T	Tên chỉ tiêu	Quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Quy định tại dự thảo nghị định
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<p>Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác trong năm báo cáo của doanh nghiệp.</p> <p><i>Chỉ tiêu này không bao gồm các loại thuế gián thu, như thuế GTGT (kể cả thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế, phí gián thu khác.</i></p>	<p>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác trong năm của doanh nghiệp.</p>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	<p>Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ báo cáo.</p> <p><i>Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp không được hưởng phải nộp NSNN (được kế toán ghi giảm doanh thu trên sổ kế toán TK 511) do các khoản này về bản chất là các khoản thu hộ Nhà nước, không nằm trong cơ cấu doanh thu và không được coi là khoản giảm trừ doanh thu.</i></p>	<p>Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, gồm các khoản chiết khấu thương mại; các khoản giảm giá hàng bán; doanh thu hàng bán bị trả lại và các khoản thuế: <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong năm.</i></p>

ST T	Tên chỉ tiêu	Quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Quy định tại dự thảo nghị định
3	Doanh thu hoạt động tài chính	<p>Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;... - Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; <i>Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;</i> - Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; - Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ; - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. 	<p>Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác trong năm của doanh nghiệp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;... + Cổ tức, lợi nhuận được chia; + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; + <i>Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;</i> + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; + Lãi tỷ giá hối đoái; + <i>Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;</i> + <i>Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;</i> + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

ST T	Tên chỉ tiêu	Quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Quy định tại dự thảo nghị định
4	Thu nhập khác:	<p>Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; - <i>Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;</i> - Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; - Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; - <i>Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMF phải nộp nhưng sau đó được giảm);</i> - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; - <i>Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);</i> - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; - Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại; - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên. 	<p>Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; + Thu được tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; + Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

第 1 页

✓

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VỤ QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số:.....92.....
Ngày: 25.01.2022

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:...**Phức** đáp công văn số 36/TCTK-PPCĐ ngày 12/01/2022 của Tổng cục Thống kê về đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ Quản lý các khu kinh tế có ý kiến về chỉ tiêu 2108. *Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường như sau:*

1. Đề nghị Quý Tổng cục xem xét điều chỉnh tên chỉ tiêu (tương ứng là khái niệm, phương pháp tính) thành *Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, ~~khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường~~* để thống nhất với tên chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ qua các năm.

2. Đối với các khu công nghệ cao, đề nghị Quý Tổng cục tham khảo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Vụ Khoa học Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, thống kê một số chỉ tiêu phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Vụ Quản lý các khu kinh tế đề Quý Tổng cục tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: QLKKT(0).

VỤ TRƯỞNG



Lê Thành Quân

VỤ TỔNG HỢP KINH TẾ QUỐC DÂN

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn GDP, GRDP

Hà Nội, ngày 1 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân nhận được văn bản số 36/TCTK-PPCĐ ngày 12/01/2022 của Tổng cục Thống kê về góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn GDP, GRDP, căn cứ hồ sơ nhận được, Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân có ý kiến như sau:

1. Đối với Phụ lục I. Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Đề nghị Tổng cục Thống kê rà soát kỹ lưỡng và cập nhật khái niệm, phương pháp tính toán các chỉ tiêu đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các quy định về khái niệm, từ ngữ giải thích tại các Luật, Nghị định và văn bản quy phạm pháp luật của ngành/lĩnh vực của từng chỉ tiêu thống kê.

Đối với chỉ tiêu 21.10. Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị phối hợp: Đề nghị Tổng cục Thống kê tham khảo ý kiến của Vụ KHGDĐT&MT.

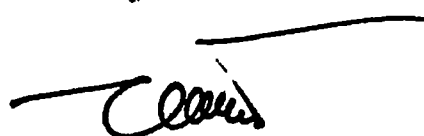
2. Đối với Phụ lục II. Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Đề nghị Tổng cục Thống kê có giải thích bổ sung, làm rõ phạm vi áp dụng việc biên soạn số liệu GDP đối với toàn bộ nền kinh tế và số liệu GRDP đối với các địa phương, có bao gồm phân theo ngành/lĩnh vực; đồng thời, làm rõ phạm vi số liệu GDP/GRDP dự kiến được công bố và phổ biến.

Vụ Tổng hợp KTQD xin gửi Tổng cục Thống kê nghiên cứu, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCTK: Vụ PPCĐ;
- Lưu: Vụ TH.

VỤ TRƯỞNG



Đỗ Thành Trung

BỘ QUỐC PHÒNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **231** /BQP-KHĐT

Hà Nội, ngày **24** tháng 01 năm 2022

V/v góp ý kiến vào dự thảo về Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: **263**

ĐẾN Ngày: **25.01.2022**

Chuyển: **BK. 26.01.2022**

Số và ký hiệu HS:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: **3362**

ĐẾN Ngày: **25.01.2022**

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

HỎA TỐC

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ Quốc phòng thống nhất với dự thảo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định. / *Qu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- C54;
- Lưu: VT, THBĐ. TVH 04.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Vũ Hải Sản

TCTK

✓ PPLA

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 285 /BCA-V03

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước...

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số:.... 317.....
 Ngày: 28.01.2022
 Chuyên: BG.02.02.2022
 Số và ký hiệu HS:.....

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số:.... 398.....
 Ngày: 28.01.2022
 Chuyên:.....
 Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Công an tham gia ý kiến dự thảo *Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung vào điểm 5 chỉ tiêu 1901 mục 19 Phụ lục I dự thảo Nghị định cơ quan phối hợp là Tổng cục Thống kê, để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật và tính khả thi trong thực tiễn, bởi vì theo dự thảo Nghị định Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp loại tai nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng hải.

2. Tại điểm 1 chỉ tiêu số 1904 mục 19 Phụ lục I dự thảo Nghị định, đề nghị chỉnh lý từ “dân” thành “dân số” cho đúng với từ ngữ được quy định tại Pháp lệnh dân số; chỉnh lý cụm từ “giao thông” thành “giao thông đường bộ” vì chỉ tiêu số 1904 quy định về “Hệ số an toàn giao thông đường bộ” cho phù hợp với Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công an, trân trọng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tập hợp ~~lại~~

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P3).



Thiếu tướng Lê Quốc Hùng

Số: 20 /CV - TANDTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: 314

ĐẾN Ngày: 28.01.2022

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch - Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị định: Tòa án nhân dân tối cao nhất trí với nội dung dự thảo.

2. Đối với dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc chỉ tiêu thống kê quốc gia

Theo nội dung dự thảo, Tòa án nhân dân tối cao được giao chủ trì thực hiện 02 chỉ tiêu thống kê quốc gia, đó là chỉ tiêu số 0112 (Số vụ ly hôn và tuổi ly hôn trung bình) và chỉ tiêu số 2003 (Số vụ án, bị cáo đã xét xử sơ thẩm). Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

2.1. Về chỉ tiêu số 0112 (Số vụ ly hôn và tuổi ly hôn trung bình)

Hiện nay, hệ thống chỉ tiêu thống kê của Tòa án chỉ thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử cho các cặp vợ chồng ly hôn và số việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; không thống kê độ tuổi ly hôn của các cặp vợ chồng. Do vậy không thể tính được tuổi ly hôn trung bình của các chủ thể.

Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Tổng cục Thống kê chủ trì thu thập dữ liệu về độ tuổi ly hôn của các cặp vợ chồng thông qua nguồn dữ liệu điều tra biến động dân số, kế hoạch hóa gia đình và dữ liệu hành chính. Tòa án nhân dân tối cao sẽ phối hợp cung cấp số liệu các vụ án Tòa án đã xét xử cho các cặp vợ chồng ly hôn và số vụ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

2.2. Chỉ tiêu số 2003 (Số vụ án, bị cáo đã xét xử sơ thẩm)

Đề nghị sửa Khái niệm, phương pháp tính như sau: Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm phản ánh số vụ án và số bị cáo trong vụ án hình sự được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử trong một giai đoạn cụ thể.

(Chi tiết nội dung góp ý chỉ tiêu số 0112 và số 2003 được gửi kèm theo Công văn này).

3. Đối với dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tòa án nhân dân tối cao nhất trí với nội dung dự thảo.

4. Đối với Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia

- Chỉ tiêu số 0112:

+ Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê;

+ Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao.

- Chỉ tiêu số 2003: Nhất trí với dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trân trọng gửi Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Du – PCA TANDTC (để b/c);
- Lưu: VT.

**TL. CHÁNH ÁN
CỤC TRƯỞNG
CỤC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207 /BT/TTT-KHTC

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung
chỉ tiêu thuộc Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc
gia và quy trình biên soạn GDP, GRDP

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số: 210.....

Ngày: 20.01.2022

Chuyên: BK. 26.01.2022

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

ĐẾN Số: 26.75.....

Ngày: 26.01.2022

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Phức đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thuộc
Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc
Trung ương (GRDP), Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí với các nội dung cơ bản của Dự thảo
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thuộc Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia
và quy trình biên soạn GDP, GRDP.

Một số nội dung góp ý cụ thể đối với Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thuộc Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn GDP, GRDP
đính kèm tại Phụ lục kèm theo. Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Bộ
xem xét, hoàn thiện.

Trân trọng. *[Signature]*

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Tổng cục Thống kê (Bộ KHĐT);
 - Bộ trưởng (để b/c);
 - Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
 - Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



[Signature]

Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC

**Góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thuộc
Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn GDP, GRDP
(Kèm theo Công văn số 100 /BT/TTT-KHTC ngày 10/01/2022
của Bộ Thông tin và Truyền thông)**

I. Về nội dung chỉ tiêu thuộc Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, đề nghị quý Bộ xem xét như sau:

1. Chỉ tiêu mã số 1301 “Doanh thu dịch vụ bưu chính”, về phân tổ đề nghị xem xét:

+ Lược bỏ phân tổ “Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương”. (Thực tế không báo cáo được theo phân tổ này).

+ Bổ sung phân tổ theo “Loại dịch vụ” (gồm: Thư /gói, kiện).

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

2. Chỉ tiêu mã số 1302 “Sản lượng dịch vụ bưu chính”, về phân tổ, đề nghị xem xét:

+ Bổ sung phân tổ “Loại hình kinh tế”.

+ Hiệu chỉnh nội dung phân tổ theo “Loại sản phẩm chủ yếu” thành “Loại dịch vụ” (thư /gói, kiện).

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

3. Chỉ tiêu mã số 1303 “Doanh thu dịch vụ viễn thông”, về khái niệm (đoạn thứ nhất) đề nghị xem xét sửa lại là “Doanh thu dịch vụ viễn thông là số tiền doanh nghiệp viễn thông đã và sẽ thu được từ cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với dự thảo).

4. Chỉ tiêu mã số 1304 “Số lượng thuê bao điện thoại”, về phương pháp tính (đối với cả thuê bao điện thoại cố định và thuê bao điện thoại di động) đề nghị xem xét thay cụm từ “tại thời điểm thu thập số liệu” bằng cụm từ “tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với dự thảo).

5. Chỉ tiêu mã số 1305 “Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động”

a) Về khái niệm của chỉ tiêu (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại là “Là tỷ lệ % giữa số người sử dụng điện thoại di động và dân số tương ứng của kỳ báo cáo”.

b) Về phân tổ, đề nghị xem xét bổ sung phân tổ nhóm độ tuổi - để thích ứng tốt hơn trong trường hợp tổ chức quốc tế có thể điều chỉnh cách tính (vd: chỉ tính đối với những người từ 06 tuổi trở lên (thay vì tính trên tổng dân số)).

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với dự thảo).

6. Chỉ tiêu mã số 1306 “Tỷ lệ người sử dụng Internet”

a) Về khái niệm của chỉ tiêu (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại là “Là tỷ lệ % giữa số người sử dụng Internet và dân số tương ứng của kỳ báo cáo”.

b) Về phân tổ, đề nghị xem xét bổ sung phân tổ nhóm độ tuổi - để thích ứng tốt hơn trong trường hợp tổ chức quốc tế có thể điều chỉnh cách tính (vd: chỉ tính đối với những người từ 06 tuổi trở lên (thay vì tính trên tổng dân số)).

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với dự thảo).

7. Chỉ tiêu mã số 1307 “Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng”, về tên gọi của chỉ tiêu, đề nghị xem xét sửa lại là “Số lượng thuê bao truy nhập Internet băng rộng” cho nhất quán với tên gọi của chỉ tiêu trong Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được sửa đổi. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với dự thảo).

8. Chỉ tiêu mã số 1308 “Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet”, về khái niệm của chỉ tiêu (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại là “Là tỷ lệ % giữa số hộ gia đình có kết nối Internet và tổng số hộ gia đình tương ứng của kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với dự thảo).

9. Chỉ tiêu mã số 1310 “Dung lượng băng thông Internet quốc tế”, về khái niệm (đoạn thứ nhất) đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo”. Cụ thể như sau: “Là tổng dung lượng các đường truyền kết nối Internet quốc tế tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo của các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tại Việt Nam”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

10. Chỉ tiêu mã số 1311 “Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin”

a) Về khái niệm (đoạn thứ nhất) đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “trong kỳ báo cáo”, cụ thể như sau: “Là tổng số tiền doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã và sẽ thu được từ cung cấp các loại hình dịch vụ công nghệ thông tin trong kỳ báo cáo”.

b) Về loại hình dịch vụ công nghệ thông tin (ở đoạn thứ 2), đề nghị xem xét điều chỉnh cụm từ “Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin” thành “Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn thông tin mạng và thông tin”.

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo)

11. Chỉ tiêu mã số 1312 “Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến”

a) Về khái niệm của chỉ tiêu (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “của kỳ báo cáo”. Cụ thể như sau: “Là doanh thu từ tất cả các doanh nghiệp về kinh doanh dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến của kỳ báo cáo”.

b) Về kỳ công bố, đề nghị xem xét tính khả thi của việc công bố theo tháng. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

12. Chỉ tiêu mã số 1313 “Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính”, về khái niệm của chỉ tiêu (paragraph thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại như sau: “Là tỷ lệ % giữa số hộ gia đình có máy tính đang sử dụng được và tổng số hộ gia đình tương ứng của kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

13. Chỉ tiêu mã số 1314 “Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động”, về khái niệm của chỉ tiêu (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại là: “Là tỷ lệ % giữa dân số trong phạm vi phủ sóng và tổng dân số tương ứng của kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

14. Chỉ tiêu mã số 1315 “Lưu lượng Internet băng rộng” - nhất trí với nội dung Dự thảo.

15. Chỉ tiêu mã số 1316 “Tổng số chứng thư số đang hoạt động”, tại phần Khái niệm, phương pháp tính (đoạn thứ hai) đề nghị bổ sung thêm chữ “ứng” vào cuối câu, cụ thể như sau: “Chứng thư số là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp nhằm cung cấp thông tin định danh cho khóa công khai của một cơ quan, tổ chức, cá nhân, từ đó xác nhận thông tin cơ quan, tổ chức, cá nhân là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

16. Chỉ tiêu mã số 1317 “Tỷ lệ người dân biết kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông”, đề nghị xem xét hoàn thiện lại các nội dung của chỉ tiêu này như sau:

a) Về khái niệm (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại là “Là tỷ lệ % giữa số người biết kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông và dân số tương ứng của kỳ báo cáo”.

b) Về phân tổ, đề nghị xem xét bổ sung phân tổ nhóm độ tuổi - để thích ứng tốt hơn trong trường hợp tổ chức quốc tế có thể điều chỉnh cách tính (vd: chỉ tính đối với những người từ 06 tuổi trở lên (thay vì tính trên tổng dân số)).

c) Về kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông (đoạn thứ ba đến hết điểm o), đề nghị xem xét điều chỉnh lại như sau cho cập nhật với phân loại kỹ

năng của Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) đã áp dụng từ năm 2020. Cụ thể như sau:

(1) Using copy and paste tools to duplicate or move data, information and content in digital environments (e.g. within a document, between devices, on the cloud) (**Sử dụng công cụ sao chép và dán để sao chép hoặc di chuyển dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường kỹ thuật số (VD: trong một tài liệu, giữa các thiết bị, trên đám mây)**).

(2) Sending messages (e.g. e-mail, messaging service, SMS) with attached files (e.g. document, picture, video) (**Gửi tin nhắn (VD: e-mail, dịch vụ nhắn tin, SMS) với tệp đính kèm (VD: tài liệu, ảnh, video)**).

(3) Using basic arithmetic formulae in a spreadsheet (**Sử dụng công thức số học cơ bản trong bảng tính**).

(4) Connecting and installing new devices (e.g. a modem, camera, printer) through wired or wireless technologies (**Kết nối và cài đặt thiết bị mới (ví dụ: modem, máy ảnh, máy in) thông qua công nghệ có dây hoặc không dây**).

(5) Finding, downloading, installing and configuring software and apps (**Tìm, tải xuống, cài đặt và định cấu hình phần mềm và ứng dụng**).

(6) Creating electronic presentations with presentation software (including text, images, sound, video or charts) (**Tạo bản thuyết trình điện tử bằng phần mềm thuyết trình (bao gồm văn bản, hình ảnh, âm thanh, video hoặc biểu đồ)**).

(7) Transferring files or applications between devices (including via cloud-storage) (**Truyền tệp hoặc ứng dụng giữa các thiết bị (bao gồm thông qua lưu trữ đám mây)**).

(8) Setting up effective security measures (e.g. strong passwords, log-in attempt notification) to protect devices and online accounts (**Thiết lập các biện pháp bảo mật hiệu quả (VD: mật khẩu mạnh, thông báo đăng nhập) để bảo vệ thiết bị và tài khoản trực tuyến**).

(9) Changing privacy settings on your device, account or app to limit the sharing of personal data and information (e.g. name, contact information, photos) (**Thay đổi cài đặt quyền riêng tư trên thiết bị, tài khoản hoặc ứng dụng của bạn để hạn chế chia sẻ dữ liệu và thông tin cá nhân (VD: tên, thông tin liên hệ, ảnh)**).

(10) Verifying the reliability of information found online (**Xác minh độ tin cậy của thông tin tìm thấy trên mạng**).

(11) Programming or coding in digital environments (e.g. computer software, app development) (**Lập chương trình máy tính hoặc mã hóa trong môi trường kỹ thuật số (VD: phần mềm máy tính, phát triển ứng dụng)**).

Người biết ít nhất một trong các kỹ năng từ (1) đến (11) thì được tính là biết kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông. Trong đó, kỹ năng từ (1) đến (7) được xếp vào nhóm cơ bản; từ (8) đến (11) thuộc nhóm nâng cao.

17. Chỉ tiêu mã số 1318 “Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến”, đề nghị xem xét như sau:

a) Về khái niệm (đoạn thứ nhất), đề nghị sửa lại như sau: “Là tỷ lệ % giữa số người sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dân số tương ứng của kỳ báo cáo”.

b) Về phân tổ, đề nghị xem xét bổ sung phân tổ nhóm độ tuổi - để thích ứng tốt hơn trong trường hợp tổ chức quốc tế có thể điều chỉnh cách tính (vd: chỉ tính đối với những người từ 18 tuổi trở lên (thay vì tính trên tổng dân số)).

c) Về nguồn số liệu, đề nghị sửa lại là:

- Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.
- Dữ liệu hành chính.

d) Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp, đề nghị sửa lại là Tổng cục Thống kê.

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

đ) Về cơ quan phối hợp, đề nghị bổ sung Bộ Thông tin và Truyền thông.

18. Chỉ tiêu mã số 1319 “Số lượng dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến”, về khái niệm (đoạn thứ nhất) đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “trong kỳ báo cáo”, cụ thể như sau: “Là số dịch vụ hành chính công do các Bộ, ngành, UBND các tỉnh cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

19. Chỉ tiêu mã số 1320 “Tỷ lệ người dân tham gia mạng xã hội”, đề nghị quý Bộ xem xét như sau:

a) Về khái niệm (đoạn thứ nhất), đề nghị xem xét sửa lại như sau: “Là tỷ lệ % giữa số người Việt Nam tham gia mạng xã hội và dân số tương ứng của kỳ báo cáo”.

b) Về phân tổ, đề nghị xem xét bổ sung phân tổ nhóm độ tuổi - để thích ứng tốt hơn trong trường hợp điều chỉnh cách tính (vd: chỉ tính đối với những người từ 06 tuổi trở lên (thay vì tính trên tổng dân số)).

(Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

20. Chỉ tiêu 1321 “Chi cho chuyển đổi số”, phân khái niệm (đoạn thứ nhất), đề nghị bổ sung cụm từ “trong kỳ báo cáo”, cụ thể như sau: “Là tổng các khoản chi gồm chi triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số của kỳ báo cáo”. (Các nội dung khác của chỉ tiêu - nhất trí với Dự thảo).

21. Chỉ tiêu mã số 0517 “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước”, phân khái niệm của chỉ tiêu, đề nghị xem xét hoàn thiện lại như sau: “Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

Kinh tế số bao gồm: kinh tế số ICT là công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông; kinh tế số nền tảng là hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến; kinh tế số ngành là hoạt động kinh tế của các ngành, lĩnh vực được gia tăng đáng kể nhờ đầu vào công nghệ số và dữ liệu số, với môi trường số là không gian hoạt động chính”.

II. Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí với nội dung dự thảo quy trình biên soạn số liệu GDP, GRDP.



TCTK

PPC/9

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132 /TTCP-V.II

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia góp ý đối với Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số:..... 227..... Ngày: 21.01.2022	ĐẾN Số:.. 2928..... Ngày: 24.01.2022
Chuyên:.. B6.25.01.2022	Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Văn bản số 9418/BKHĐT-TCKT ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ cơ bản nhất trí với các nội dung của Dự thảo Nghị định và có một số ý kiến tham gia, góp ý như sau:

Tại tiết d điểm 2 phần VIII của Phụ lục số II quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương có nêu “*nghiên cứu, xây dựng lịch công tác, lịch họp đánh giá tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với thời gian công bố GRDP được quy định trong Nghị định này*” đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa thành “*tổ chức việc họp, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với thời gian công bố GRDP được quy định trong Nghị định này*”.

Trên đây là ý kiến của Thanh tra Chính phủ tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. /

Nơi nhận: *Am*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Am
Bùi Ngọc Lam

Số: 385 /BVHTTDL-KHTC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định
quy định nội dung CTTK QG

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

I. Về dự thảo Nghị định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì biên soạn.

II. Về các phụ lục - Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát Phụ lục I và đề xuất bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung đối với các chỉ tiêu cụ thể sau:

1. Tên chỉ tiêu: Thư viện.

a) Khái niệm: Thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng. Thư viện trong biểu này được xác định bao gồm các loại: Thư viện Quốc gia Việt Nam; thư viện công cộng; thư viện chuyên ngành; thư viện lực lượng vũ trang nhân dân; thư viện cơ sở giáo dục đại học; thư viện cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác; thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

b) Phương pháp tính: Chỉ tiêu thư viện bao gồm:

- Tổng số thư viện, số lượng tài nguyên thông tin (dạng in và dạng số), trong đó:

- Tổng số thư viện = \sum Tổng số các loại thư viện.

- Số lượng tài nguyên thông tin = \sum Tổng số tài nguyên thông tin của các loại thư viện.

c) Phân tổ: Phân theo trung ương và tỉnh/thành phố.

d) Kỳ công bố: 05 năm

e) Nguồn số liệu: số liệu hoạt động của thư viện.

f) Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thu thập các số liệu của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện công cộng tỉnh/thành; là đầu mối tổng hợp số liệu thuộc chỉ tiêu quốc gia.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thu thập các số liệu của thư viện cơ sở giáo dục đại học, thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thu thập các số liệu về hoạt động của thư viện lực lượng vũ trang nhân dân.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác thu thập số liệu của thư viện chuyên ngành thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thu thập số liệu của thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

2. Tên chỉ tiêu: Các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam (gồm 12 ngành: Quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa). Trong đó: 05 ngành thuộc Bộ VH-TT-DL trực tiếp quản lý: Quảng cáo; điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; du lịch văn hóa.

a) Khái niệm: Công nghiệp văn hóa - theo định nghĩa của UNESCO và Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch GATT - là một phần của ngành công nghiệp sáng tạo, được hình thành từ sự kết hợp của sự sáng tạo, quá trình sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ thuộc về văn hóa và thường được các quyền sở hữu trí tuệ bảo vệ.

b) Vai trò Các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút tối đa nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên sự sáng tạo, khoa học công nghệ và bản quyền trí tuệ; khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phát huy được lợi thế của Việt Nam, phù hợp với các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường; được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối, phổ biến và tiêu dùng. Phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.

c) Phương pháp tính:

- Tổng sản phẩm của các ngành công nghiệp văn hóa theo giá hiện hành/giá cố định phân theo loại hình ngành kinh tế.

- Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo quy mô vốn, lao động và địa phương.

- Số lượng lao động trong các ngành công nghiệp văn hóa đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo giới tính, độ tuổi và địa phương.

- Tổng thu nhập bình quân của người lao động của doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp văn hóa đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo giới tính và địa phương.

- Kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp văn hóa đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo địa phương.

- Chi đầu tư phát triển cho công nghiệp văn hóa phân theo quốc gia/tỉnh/thành; tỷ lệ % trong tổng chi đầu tư phát triển; tỷ lệ % trong tổng chi ngân sách nhà nước.

- Chi phát triển sự nghiệp cho các ngành công nghiệp văn hóa phân theo quốc gia/tỉnh/thành; tỷ lệ % trong tổng chi phát triển sự nghiệp; tỷ lệ % trong tổng chi ngân sách nhà nước.

- Kim ngạch xuất/nhập khẩu dịch vụ của các ngành công nghiệp văn hóa.

d) Phân tổ:

- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW;

- Bộ và các cơ quan ngang bộ.

e) Kỳ công bố: Năm

f) Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo hàng năm (theo Quyết định 1755/QĐ-TTg ngày 08 tháng 09 năm 2016).

g) Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Tên chỉ tiêu: Số lượng phim Việt Nam được sản xuất và phổ biến hàng năm; Số lượng phim chiếu rạp được nhập khẩu và phổ biến hàng năm.

a) Khái niệm: (Đề xuất tạm sử dụng khái niệm đưa vào Dự thảo Luật Điện ảnh sửa đổi, cơ bản được chấp nhận sau nhiều lần trình xin ý kiến các Bộ, ngành và Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội).

- Sản xuất phim: Là việc tạo ra một bộ phim từ kịch bản đến khi hoàn thành.

- Phổ biến phim: Là việc đưa phim đến người xem thông qua các hình thức chiếu phim trong hệ thống rạp chiếu phim, tại các địa điểm được quy định, trên hệ thống truyền hình, không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn khác.

b) Phân tổ chủ yếu: Phim

c) Kỳ công bố: Năm

d) Nguồn số liệu: Dữ liệu hành chính

e) Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Đề xuất sửa đổi một số nội dung của chỉ tiêu: Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế

a) Khái niệm, phương pháp tính: Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế là số huy chương vàng, bạc, đồng của vận động viên Việt Nam đạt được trong các giải thi đấu thể thao thành tích cao quốc tế chính thức trong năm. Các giải thể thao thành tích cao quốc tế chính thức gồm: giải Thế giới (Đại hội Olympic; Đại hội Olympic trẻ; Giải vô địch thế giới; Đại hội thể thao quy mô Thế giới khác; Cúp thế giới; Giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới); giải Châu Á (Đại hội thể thao châu Á; Giải vô địch châu Á; Cúp châu Á; Các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á; Đại hội thể thao quy mô châu Á khác), giải Đông Nam Á (Đại hội thể thao Đông Nam Á; Giải vô địch Đông Nam Á; Cúp Đông Nam Á; Các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ Đông Nam Á).

b) Phân tổ chủ yếu:

- Loại huy chương;
- Môn thể thao.

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Nguồn số liệu:

- Dữ liệu hành chính;
- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

e) Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lý do đề xuất điều chỉnh: Liệt kê các giải thể thao thành tích cao quốc tế để triển khai thực hiện thống kê chính xác, đầy đủ số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế (căn cứ quy định tại Điều 8, Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu).

5. Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia - Tỷ lệ dân số bị bạo lực.

- Tại phần 1: Khái niệm, phương pháp tính:

+ Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thì: “Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”. Đề nghị sửa câu “... có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần và tình dục...” thành “..có khả năng gây tổn hại về thể chất, kinh tế, tinh thần và tình dục...” trong phần khái niệm bạo lực.

- Trong dự thảo Nghị định chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số bị bạo lực nói chung: Theo Thông tư số 07/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì hiện nay số liệu thống kê của Bộ theo số vụ bạo lực, số hộ có bạo lực gia đình không thống kê theo dân số nói chung; Phạm vi tổng hợp về số nạn nhân của bạo lực gia đình được phân thành 2 nhóm “dưới 16 tuổi” và “từ đủ 16 tuổi trở lên”.

- Tại phần 2: Phân tổ chủ yếu:

Đề nghị ban soạn thảo thống nhất không thống kê theo thành thị/nông thôn. Lý do đề nghị bỏ phân tổ này vì thực tế nhiều năm qua không thu thập, tổng hợp được số liệu.

III. Về ban hành Dự thảo quy trình biên soạn GDP và GRDP:

GDP là một chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng, giúp ước tính tài khoản quốc gia một cách toàn diện và kịp thời. Việc đánh giá lại và điều chỉnh GDP cần thiết trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trải qua những thay đổi lớn như tốc độ tăng trưởng cao, cải cách, hội nhập, tái cơ cấu nền kinh tế.

Theo Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm biên soạn số liệu GDP cho toàn quốc và số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP). Thẩm quyền và trách nhiệm thực hiện đánh giá và điều chỉnh GDP phù hợp với chức năng, kinh nghiệm của Tổng cục Thống kê. Việc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì biên soạn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và công bố GRDP trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp giảm thiểu tình trạng chênh lệch giữa GDP và GRDP.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Đoàn Văn Việt;
- Lưu: VT, Vụ KHTC, DT.6.

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG

Đoàn Văn Việt

Ký bởi: Ủy ban Quản lý vốn nhà
nước tại doanh nghiệp
Ngày ký: 14-01-2022 11:05:20
+07:00

**ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43 /UBQLV-TH

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ
thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy
trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên
địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (văn bản số 9418/BKHĐT-TCKT ngày 31/12/2021) về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban thống nhất với Dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban về dự thảo Nghị định, đề nghị Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban: Chủ tịch, các PCT (b/c);
- Lưu: VT, TH.

HG



Hồ Sỹ Hùng

Số: 107 /UBDT-KHTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định và các phụ lục kèm theo, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

1. Ủy ban Dân tộc nhất trí với nội dung của Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Một số ý kiến cụ thể

- Đối với Phụ lục 1. Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: để đánh giá toàn diện về phát triển bền vững và thực tế trình độ phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá, xây dựng các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban Dân tộc đề nghị phân tổ dân tộc đối với các chỉ tiêu liên quan đến con người, cụ thể gồm các chỉ tiêu sau:

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu
0103	Tỷ số giới tính khi sinh
0104	Tỷ suất sinh thô
0105	Tổng tỷ suất sinh
0106	Tỷ suất chết thô
0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh
0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu
0113	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh
0114	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử
0201	Lực lượng lao động

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu
0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế
0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo
0204	Tỷ lệ thất nghiệp
0205	Tỷ lệ thiếu việc làm
0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức
0207	Tỷ lệ người từ 05-17 tuổi tham gia lao động
1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi
1605	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi
1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin
1607	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng
1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều
1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều
1807	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn
1808	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh
1809	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh

- Đối với Phụ lục 2. Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: đối với việc công bố số liệu GRDP ước tính, sơ bộ, chính thức theo quý, năm, Ủy ban Dân tộc đề nghị các số liệu này được công bố đồng thời tại các địa phương và trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê để các cơ quan tổng hợp tại Trung ương và địa phương có số liệu kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban Dân tộc, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Công TĐT UBĐT;
- Lưu VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Lê Sơn Hải

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 478 /NHNN-DBTK

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022.

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Quý Bộ về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

I. Đối với dự thảo Nghị định

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê năm 2021 bổ sung thêm khá nhiều chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia, vì vậy, các Bộ ngành cần có thời gian để xây dựng cơ sở dữ liệu để thu thập, cung cấp thông tin... Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc quy định về hiệu lực thi hành để đảm bảo tính khả thi.

II. Đối với Phụ lục I về nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

1. Tại mục “Phân tổ chủ yếu” của các chỉ tiêu 0704, 0705, 0706: Đề nghị bỏ phân tổ theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bỏ phân tổ theo “Vùng” đối với các chỉ tiêu 0705, 0706. Vì hiện nay, số liệu thống kê Huy động vốn, Dự nợ tín dụng phân theo tỉnh, thành phố được tổng hợp dựa trên số liệu báo cáo của các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn (bao gồm các đối tượng khách hàng trong và ngoài địa bàn tỉnh, thành phố). Vì vậy, số liệu Huy động vốn, Dự nợ tín dụng phân theo tỉnh, thành phố không phản ánh chính xác việc huy động vốn và cho vay đối với các đối tượng là khách hàng trên địa bàn.

2. Tại mục “Phân tổ chủ yếu” đối với chỉ tiêu 0705, 0706: Đề nghị sửa phân tổ theo “thời hạn (ngắn hạn/trung và dài hạn)” do: Hiện nay, căn cứ vào nhu cầu thông tin để phục vụ cho công tác điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, NHNN chỉ thu thập, tổng hợp số liệu dự nợ tín dụng theo thời hạn (ngắn hạn/trung và dài hạn) để giảm gánh nặng báo cáo cho các tổ chức tín dụng.

3. Đối với chỉ tiêu 0208 “Năng suất lao động”:

Tại mục “*Khái niệm, phương pháp tính*”, đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung “*thường là một năm lịch*” để thống nhất thực hiện.

4. Đối với chỉ tiêu 0701 “Tổng phương tiện thanh toán” (trang 82):

- Tại mục “*Khái niệm, phương pháp tính*”, đề nghị bổ sung (M2) là ký hiệu của tổng phương tiện thanh toán để thống nhất việc sử dụng chỉ tiêu này trong toàn bộ văn bản.

Đồng thời, đề nghị chỉnh sửa nội dung khái niệm đối với chỉ tiêu 0701 như sau: “*Tổng phương tiện thanh toán gồm tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng; các khoản tiền gửi của các tổ chức, cá nhân là người cư trú của Việt Nam thuộc khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình, các tổ chức tài chính không phải là tổ chức tín dụng như bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, bảo hiểm xã hội Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức không phải tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ thanh toán, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán... tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; các loại giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành cho các tổ chức, cá nhân là người cư trú của Việt Nam*”.

5. Đối với chỉ tiêu 0702 “Tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước”:

Dự thảo đang sử dụng khái niệm chỉ tiêu “Tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước” là chưa đúng, đề nghị chỉnh sửa lại cho phù hợp theo hướng là tỷ lệ của chỉ tiêu 0701 nêu trên/quy mô GDP.

6. Đối với chỉ tiêu 0703 “Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán”:

Tại mục “*Công thức tính*”, đề nghị cân nhắc thay thế ký hiệu IM^2 , M^{2t} , M^{2+t} thành IM_2 , M_{2t} , M_{2+t} để tránh hiểu nhầm ký hiệu bình phương và thống nhất ký hiệu M_2 là tổng phương tiện thanh toán tại chỉ tiêu 0701.

7. Đối với chỉ tiêu 0704 “Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”:

- Tại mục “*Khái niệm, phương pháp tính*”, đề nghị chỉnh sửa khái niệm đối với chỉ tiêu 0704 như sau:

“*Số dư huy động vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là số tiền bằng đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ tại một thời điểm nhất định mà các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận của các tổ chức, cá nhân là Người cư trú của Việt Nam thuộc khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình, các tổ chức tài chính không phải là tổ chức tín dụng như bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, bảo hiểm xã hội Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển tỉnh thành phố trực thuộc trung*”

ương, doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức không phải tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ thanh toán, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán... dưới hình thức nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức nhận tiền gửi khác theo quy tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc; lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận”.

- Tại mục “Phân tổ chủ yếu”, đề nghị bỏ phân tổ theo ngành kinh tế để đảm bảo tính khả thi. Vì số liệu huy động vốn theo ngành kinh tế còn chưa đầy đủ, chính xác do chưa có thông tin về đối tượng là các tổ chức tài chính khác không phải tổ chức tín dụng.

8. Đối với chỉ tiêu 0705 “Dư nợ tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”:

Đề nghị chỉnh sửa nội dung khái niệm chỉ tiêu 0705 để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay NHNN đang thu thập, tổng hợp, cụ thể:

Dư nợ tín dụng là toàn bộ số dư tại một thời điểm cụ thể của các khoản cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các tổ chức và cá nhân là Người cư trú của Việt Nam thuộc khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình, các tổ chức tài chính không phải là tổ chức tín dụng như bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, bảo hiểm xã hội Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức không phải tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ thanh toán, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán... dưới các hình thức sau:

(a) Cho vay; (b) Chiết khấu, tái chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; (c) Cho thuê tài chính; (d) Bao thanh toán; (đ) Các khoản trả thay các nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán; (e) Phát hành thẻ tín dụng; (f) Mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu VAMC); (g) Các nghiệp vụ cấp tín dụng khác được NHNN chấp thuận.

9. Đối với chỉ tiêu 0706 “Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”:

Tại mục “*Khái niệm, phương pháp tính*”, đề nghị cân nhắc bỏ phân tổ tại khoản a và b do chỉ tiêu này đã được phân tổ theo loại tiền tệ và thời hạn tại mục 2 “*Phân tổ chủ yếu*”.

10. Đối với chỉ tiêu số 0707 “Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác”:

- Đề nghị bổ sung thêm khái niệm về “Dân số từ 15 tuổi trở lên” để phù hợp với phạm vi thống kê về người có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác, cụ thể: “*Dân số từ 15 tuổi trở lên là người dân mang quốc tịch Việt Nam có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên*”.

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung khái niệm “Tài khoản” như sau: “Tài khoản ở đây được hiểu bao gồm tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở hoặc phát hành; tài khoản Mobile Money do các doanh nghiệp viễn thông được phép cung ứng”.

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung khái niệm “Tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money)” như sau: “Tài khoản Mobile Money là tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ do các doanh nghiệp viễn thông được phép cung ứng cho khách hàng”.

- Tại mục “Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp”: Đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp là Bộ Công an.

11. Đối với chỉ tiêu 0708 “Lãi suất”:

- Tại mục 1, khoản a, đề nghị chỉnh sửa đoạn “Lãi suất huy động, phân loại thành lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ, gồm lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn (3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, từ trên 12 tháng đến 24 tháng và trên 24 tháng)” như sau: “Lãi suất huy động, phân loại thành lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ, gồm lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn”.

- Tại mục 1, khoản c, đề nghị chỉnh sửa đoạn “Lãi suất huy động và cho vay bình quân quý và năm cho từng loại kỳ hạn được tính theo phương pháp bình quân số học giản đơn của các mức lãi suất huy động và cho vay thực tế phổ biến mà các tổ chức tín dụng áp dụng trong kỳ báo cáo” như sau: “Lãi suất huy động và cho vay bình quân quý và năm cho từng loại kỳ hạn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền giữa số dư tiền gửi/dư nợ cho vay với lãi suất tiền gửi/lãi suất cho vay tương ứng áp dụng cho khoản tiền gửi/cho vay đó”.

12. Đối với chỉ tiêu 0709 “Cán cân thanh toán quốc tế”:

Đề nghị chỉnh sửa lại một số nội dung để phù hợp với quy định tại Nghị định 16/2014/NĐ-CP về quản lý cán cân thanh toán quốc tế, cụ thể như sau:

- Tại mục “Khái niệm, phương pháp tính”, đề nghị sửa “Cán cân thanh toán quốc tế là báo cáo thống kê tổng hợp các giao dịch giữa người cư trú và người không cư trú ở Việt Nam trong một thời gian nhất định” như sau: “Cán cân thanh toán quốc tế là báo cáo thống kê tổng hợp các giao dịch giữa người cư trú và người không cư trú trong một thời kỳ nhất định”.

- Tại mục 3 “Nguồn số liệu”, đề nghị bổ sung: Điều tra thống kê.

- Tại mục “Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp”, đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp gồm: Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính.

✓ 13. Đối với chỉ tiêu 0710 “Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước”: Đề nghị bổ sung khái niệm đối với chỉ tiêu này.

14. Đối với chỉ tiêu 0711 “Tỷ giá của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ”:

Tại mục “*Khái niệm, phương pháp tính*”, đề nghị sửa khái niệm như sau: “*Tỷ giá của đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD) là tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo hàng ngày. Tỷ giá bình quân của VND với USD được tính trên cơ sở bình quân của các tỷ giá trung tâm*”.

II. Đối với Phụ lục II về quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP):

- Tại mục IV: Đề nghị xem xét đổi tên Mục IV thành “*Quy định chung*” để phù hợp với các nội dung quy định tại mục này.

- Tại mục V: Đề nghị quy định rõ về nội dung kết nối, chia sẻ số liệu GDP, GRDP để đảm bảo thống nhất trong quá trình áp dụng.

- Đề nghị xem xét, nghiên cứu điều chỉnh sớm hơn thời hạn số liệu biên soạn và thời gian công bố số liệu GDP và GRDP hàng năm (tại mục VI và mục VII – Phụ lục II đang là ngày 20 tháng 11 của năm kế tiếp) để tăng tính kịp thời của số liệu GDP và GRDP.

III. Ý kiến khác

- Đối với việc tổng hợp chỉ tiêu 0707 “Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác”

Để có được tỷ lệ này chính xác phụ thuộc nhiều vào số định danh của khách hàng khi mở tài khoản. Đối với số định danh là số chứng minh thư nhân dân, số Hộ chiếu, căn cước công dân thì thuận tiện cho việc tổng hợp số liệu trên hệ thống công nghệ thông tin nhưng đối với số định danh là các loại giấy tờ khác như Giấy chứng minh quân đội và số Thẻ công an thì rất khó khăn để loại bỏ được thông tin trùng lặp. Vì vậy, với chỉ tiêu này cần dự tính % sai số cho phép cho kết quả thống kê.

- Đề nghị bổ sung mục lục trong Phụ lục I của Dự thảo để thuận tiện cho người đọc trong việc tra cứu và theo dõi.

Trên đây là ý kiến tham gia của NHNN gửi Quý Bộ để nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Thanh Hà;
- Lưu: VP, DBTK, TT/Hường. *hm*

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Phạm Thanh Hà

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: *66* /KTNN-PC

Hà Nội, ngày *19* tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Kiểm toán nhà nước có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Quyết định

Tại Điều 2 của dự thảo Quyết định, đề nghị bổ sung ngày nào của tháng 12 năm 2021 đối với nội dung “*và các quy định về quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành trước tháng 12 năm 2021*” để đảm bảo tính chặt chẽ của văn bản.

2. Về dự thảo Phụ lục I, II và Dự kiến phân công

2.1. Về dự thảo Phụ lục I

Tại mục 5 mã số 0707 Phụ lục I, đề nghị tách riêng thành 02 gạch đầu dòng khác nhau là chủ trì và phối hợp cho thống nhất với cách trình bày trong dự thảo Phụ lục I.

2.2. Về dự thảo Phụ lục II: Kiểm toán nhà nước nhất trí với nội dung của Phụ lục

2.3. Về Dự kiến phân công thực hiện

- Tại Mã số QG số 1321 (Chi cho chuyển đổi số), đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp là: Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông cho thống nhất với Phụ lục I.

- Tại Mã số QG số 1406 (Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ), đề nghị bổ sung cơ quan phối hợp là: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính cho thống nhất với Phụ lục I.

Ngoài ra trong dự thảo văn bản còn một số lỗi chính tả, đề nghị rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo tính chặt chẽ của văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến góp ý của Kiểm toán nhà nước vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. / *Sahar*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng KTNN (để b/c);
- Phó Tổng KTNN Đặng Thế Vinh;
- Lưu: VT, Vụ Pháp chế (02).

**KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**



Sahar
* Đặng Thế Vinh

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73 /THVN-VP

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 25/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/cáo);
- VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.

**TH TỔNG GIÁM ĐỐC
HÌNH CHANH VĂN PHÒNG
ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM**



Lê Quyền



Người ký: Bộ Ngoại
giáo
Email:
till.mfa@mofa.gov.vn
Cơ quan: Bộ Ngoại
giáo
Thời gian ký:
21.01.2022 11:37:02
+07:00

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 233 /BNG-QTTV

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Quý Bộ về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Ngoại giao nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và không có ý kiến bổ sung.

Bộ Ngoại giao xin thông tin để Quý Bộ tổng hợp./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, QTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Giang

Số: 97 /TNVN-KHTC
V/v góp ý dự thảo Nghị định

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số:.....85... Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Ngày: 24.01.2022
Tổng cục Thống kê

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:..... Đài Tiếng nói Việt Nam (Đài TNVN) nhận được văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu, dự thảo Nghị định gồm 249 trang bao gồm 4 phần, Đài Tiếng nói Việt Nam nhất trí với các nội dung tại dự thảo Nghị định. Khi Nghị định được ban hành, Đài TNVN sẽ phối hợp với các bộ, ngành và thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo thống kê được quy định.

Trân trọng./. *TK*

- Nơi nhận: *BT*
- Như trên;
 - Tổng Giám đốc (để b/c);
 - Lưu: VT, KHTC.

TL.TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN
BAN KẾ HOẠCH-TÀI CHÍNH



Nguyễn Hoàng Giang

THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 31 /TTX-KHTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:..... 132.....
	Ngày: 12.01.2022
	Chuyển: B6... 13.01.2022
	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị góp ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thông tấn xã Việt Nam xin có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu, Thông tấn xã Việt Nam nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia về quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và không có ý kiến nào khác.

Thông tấn xã Việt Nam trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết và tổng hợp theo quy định. *LMV*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đ. Đăng Quang
Đinh Đăng Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

TỔNG CỤC THÔNG KÊ
Số: 68
ĐẾN
Ngày: 21.01.2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

V/v đồng góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chi tiêu thông kê thuộc hệ thống chi tiêu thông kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu thông kê sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Số: 102 /BQL-VP

BAN QUẢN LÝ LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

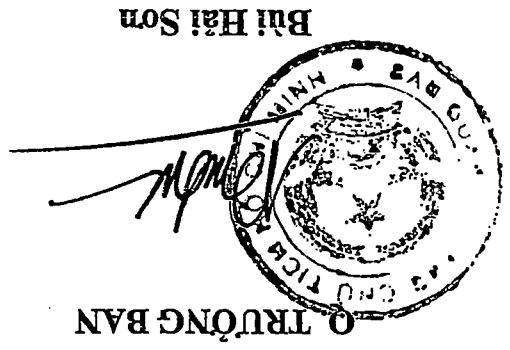
Căn cứ Công văn số 9418/BKHD-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chi tiêu thông kê thuộc hệ thống chi tiêu thông kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu thông kê sản phẩm trong nước, chi tiêu thông kê sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; dự thảo Phụ lục I Nội dung chi tiêu thông kê thuộc hệ thống chi tiêu thông kê quốc gia; dự thảo Phụ lục II Quy trình biên soạn chi tiêu thông kê trong nước, chi tiêu thông kê sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Dự kiến phân công thực hiện các chi tiêu thông kê quốc gia, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh nhất trí với dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư

tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như tên;
- Tổng cục Thông kê, Bộ KH&ĐT;
- Lãnh đạo BQL Lăng;
- Văn phòng BQL Lăng;
- Lưu: VI, KHTC, B06.



**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66 /VKSTC-C2
V/v Góp ý Dự thảo Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê Quốc gia

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số:.....06.....
ĐẾN Ngày: 13.01.2022.
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, TP. Hà Nội).

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý kiến “Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia...” theo Luật Thống kê sửa đổi năm 2021. Sau khi nghiên cứu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

Theo Luật Thống kê sửa đổi năm 2021, ngành Kiểm sát vẫn được giao trách nhiệm thực hiện thống kê 2 chỉ tiêu thống kê Quốc gia (Số vụ án, số bị can đã khởi tố” và “Số vụ án, số bị can đã truy tố) mà không sửa đổi, bổ sung gì thêm. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Dự thảo Nghị định.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi Quý cơ quan biết, tổng hợp chung.!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng - PVT
VKSNĐTC (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Như Hùng - Cục trưởng
Cục 2 (để báo cáo);
- Lưu: VT, Cục 2.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đỗ Nguyệt Quế

Số: 197 /BHXH-KHĐT
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
theo Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số: 24A Ngày: 21.01.2022 Chuyên: K. 24.01.2022 Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 31/12/2021, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu, BHXH Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gồm:

- Dự thảo Nghị định.
- Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.
- Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực Trung ương.
- Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

2. Ý kiến tham gia của BHXH Việt Nam

Tại Phụ lục 1. Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung nội dung của một số chỉ tiêu sau:

(1) Chỉ tiêu 0713. Tỷ lệ người tham gia BHXH, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa lại khái niệm, công thức chỉ tiêu và bổ sung cơ quan phối hợp thực hiện, cụ thể như sau:

- Khái niệm: Tỷ lệ người tham gia BHXH là tỷ lệ % số người tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi tại cùng thời điểm báo cáo.
- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ người tham gia BHXH (\%)} = \frac{\text{Số người tham gia BHXH}}{\text{LLLĐ trong độ tuổi lao động}} \times 100$$

- Cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:

+ Chủ trì: Tổng cục Thống kê;

+ Phối hợp: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- BHXH Việt Nam.

- Phân tổ chủ yếu: sửa phân tổ theo “Loại bảo hiểm” bằng phân tổ theo “Hình thức tham gia bảo hiểm”.

Lý do: Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, chỉ tiêu “Tỷ lệ người tham gia BHXH” được giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá. Đồng thời, chỉ tiêu này được tính bằng số người tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi tại cùng thời điểm báo cáo, không so với dân số cùng thời điểm. Do vậy, cần phải sửa đổi lại khái niệm, công thức tính và bổ sung Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị phối hợp thực hiện chỉ tiêu.

(2) Chỉ tiêu 0714. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung như sau:

- Về khái niệm, phương pháp tính “Số người tham gia BHYT”, đề nghị bổ sung thêm thứ 6 là: “Nhóm do người sử dụng lao động đóng”.

Chi tiết về người tham gia BHYT thuộc 06 nhóm tham gia BHYT quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Chương I Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT.

- Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp chỉ tiêu 0714, đề nghị bổ sung Bộ Y tế vào đơn vị phối hợp thực hiện, cụ thể như sau:

+ Chủ trì: Tổng cục Thống kê;

+ Phối hợp: - Bộ Y tế;

- BHXH Việt Nam.

Lý do: Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, chỉ tiêu “Tỷ lệ người tham gia BHXH” được giao cho Bộ Y tế là cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá. Do vậy, cần bổ sung Bộ Y tế vào đơn vị phối hợp thực hiện chỉ tiêu.

(3) Chỉ tiêu 0715. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi khái niệm, phương pháp tính và bổ sung đơn vị phối hợp thực hiện chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- Khái niệm: Tỷ lệ người tham gia BHTN là tỷ lệ phần trăm số người tham gia BHTN so với lực lượng lao động trong độ tuổi tại cùng thời điểm.

- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ người tham gia BHTN (\%)} = \frac{\text{Số người tham gia BHTN}}{\text{LLLĐ trong độ tuổi lao động}} \times 100$$

- Cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:

+ Chủ trì: Tổng cục Thống kê;

+ Phối hợp: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- BHXH Việt Nam.

Lý do: tương tự chỉ tiêu 0713 nêu trên.

(4) Chỉ tiêu 0717. Thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi lại kỳ công bố như sau:

- Kỳ công bố: Năm

Lý do: Hàng quý, BHXH Việt Nam chỉ xác định được số thu, chi BHXH, BHYT, BHTN. Việc xác định thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN chỉ thực hiện sau khi quyết toán năm hoàn thành. Do vậy, BHXH Việt Nam đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa lại kỳ công bố chỉ tiêu 0717 theo năm để đảm bảo số liệu cung cấp đầy đủ, đúng quy định.

BHXH Việt Nam kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. *Minh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT (2b). *Minh*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đào Việt Ánh

DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GÓP Ý
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ THUỘC
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA VÀ QUY TRÌNH BIÊN SOẠN
CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC, CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Stt	Địa phương	Stt	Địa phương
1	Hà Giang	31	Đà Nẵng
2	Cao Bằng	32	Quảng Nam
3	Bắc Kạn	33	Quảng Ngãi
4	Tuyên Quang	34	Phú Yên
5	Lào Cai	35	Khánh Hòa
6	Yên Bái	36	Ninh Thuận
7	Thái Nguyên	37	Bình Thuận
8	Lạng Sơn	38	Kon Tum
9	Bắc Giang	39	Gia Lai
10	Phú Thọ	40	Đắk Lắk
11	Điện Biên	41	Đắk Nông
12	Lai Châu	42	Lâm Đồng
13	Sơn La	43	Tây Ninh
14	Hòa Bình	44	Bình Dương
15	Hà Nội	45	Bà Rịa - Vũng Tàu
16	Vĩnh Phúc	46	TP. Hồ Chí Minh
17	Bắc Ninh	47	Long An
18	Quảng Ninh	48	Tiền Giang
19	Hải Dương	49	Bến Tre
20	Hải Phòng	50	Trà Vinh
21	Hưng Yên	51	Vĩnh Long
22	Thái Bình	52	Đồng Tháp
23	Hà Nam	53	An Giang
24	Nam Định	54	Kiên Giang
25	Ninh Bình	55	Cần Thơ
26	Thanh Hóa	56	Hậu Giang
27	Nghệ An	57	Sóc Trăng
28	Quảng Bình	58	Bạc Liêu
29	Quảng Trị	59	Cà Mau
30	Thừa Thiên - Huế		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 176 /UBND-TH

Kiên Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu dự thảo văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với nội dung và cấu trúc dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang gửi Tổng cục Thống kê tổng hợp. /:74

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- LĐVP, P. TH;
- Lưu: VT, vttkiểu.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đặng Vũ Bằng

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang

Email: ubnd@kiengiang.gov.vn

Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang

Thời gian ký: 27/01/2022 17:22:09 +07:00



dân tỉnh Bạc Liêu, Tỉnh
Bạc Liêu
Thời gian ký: 24.01.2022
13:48:56 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/ UBND-TH

Bạc Liêu, ngày 24 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Tổng Cục Thống kê

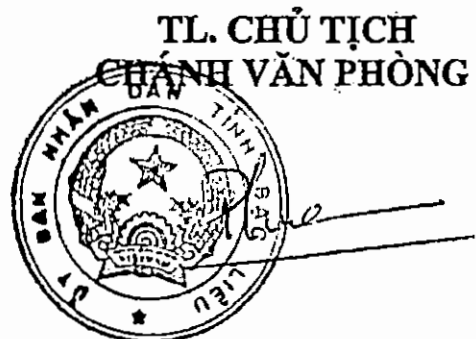
Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (T.T.VT);
- TP Tổng hợp;
- Lưu: VT, CH (CV 09).



Từ Minh Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 387 /UBND-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định
Quy định nội dung chỉ tiêu thống
kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê
quốc gia và quy trình biên soạn chỉ
tiêu tổng sản phẩm trong nước,
chỉ tiêu tổng sản phẩm trên
địa bàn tỉnh, thành phố

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục Thống kê)

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

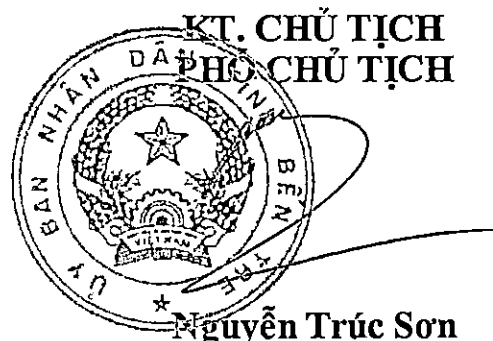
Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định; đặc biệt tỉnh Bến Tre thống nhất cao với việc biên soạn số liệu GRDP ước tính, sơ bộ và chính thức hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, góp phần giúp các địa phương theo dõi sát sao tình hình tăng trưởng kinh tế và kịp thời, chủ động thực hiện hiệu quả các giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng trên địa bàn quản lý.

Tuy nhiên, theo dự thảo Nghị định thì số liệu ước tính GRDP quý IV và cả năm vào ngày 10 tháng 11 hàng năm, đồng thời số liệu sơ bộ GRDP quý IV và cả năm vào ngày 20 tháng 3 của năm kế tiếp. Để làm cơ sở cho các địa phương đề ra tốc độ tăng trưởng kinh tế chung và tăng trưởng của từng khu vực phù hợp, khả thi cũng như xây dựng kế hoạch phát triển các ngành kinh tế sát hợp, đồng bộ với số liệu thống kê, tỉnh Bến Tre kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục Thống kê) xem xét, ban hành số liệu sơ bộ GRDP quý IV và cả năm vào khoảng giữa tháng 01 của năm kế tiếp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục Thống kê) xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Phòng TH;
- Lưu: VT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 491 /UBND-TH

Tiền Giang, ngày 01 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định, UBND tỉnh Tiền Giang góp ý như sau:

1. Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Thống nhất như dự thảo.

2. Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Kỳ công bố số liệu GRDP: đề nghị bổ sung thêm kỳ ước tính năm lần đầu, công bố trong khoảng thời từ ngày 25 đến 30 tháng 7 hàng năm. Lý do: vào thời điểm trên Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu các tỉnh phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của năm hiện tại và xây dựng kế hoạch cho năm sau rất cần có chỉ tiêu này.

- Để có số liệu kịp thời đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng Ủy ban nhân dân tỉnh phải báo cáo Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, theo Quy chế làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đề nghị điều chỉnh thời gian công bố số liệu GRDP các kỳ như sau:

+ Số liệu ước tính quý 1: Ngày 30 tháng 3 hằng năm đề nghị điều chỉnh lại công bố vào ngày 25 tháng 3 hằng năm;

+ Số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: Ngày 30 tháng 9 hằng năm đề nghị điều chỉnh lại công bố vào ngày 25 tháng 9 hằng năm;

+ Riêng số liệu sơ bộ quý 3 và 9 tháng, ước quý 4 và cả năm, thay vì công bố ngày 20 tháng 11 hằng năm, đề nghị điều chỉnh lại, công bố vào ngày 10 tháng 11 hằng năm. Lý do: Tỉnh tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh vào đầu tháng 12, nhưng trước đó khoảng 01 tháng phải gửi báo cáo cho đại biểu

ngiên cứu trước. Nếu số liệu công bố như dự kiến trong dự thảo thì tình gập rất nhiều khó khăn trong việc xây dựng Nghị quyết thực hiện cho năm sau (không đủ thông tin).

+ Các kỳ công bố khác thống nhất như dự thảo.

Ngoài các nội dung góp ý trên, UBND tỉnh Tiền Giang có kiến nghị như sau:

Quy định về phương pháp tính toán: Phương pháp tính toán GRDP áp dụng hiện nay còn nhiều hạn chế nhất định (*giá cơ bản thay cho giá sản xuất*), đối với tỉnh Tiền Giang tính toán giá trị sản xuất, GRDP trong khu vực nông nghiệp còn theo đơn giá năm 2010, chưa phản ánh đúng tình hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nội bộ ngành nông, lâm, ngư nghiệp, chủng loại nông sản, nhất là đối với những nông sản chủ lực của tỉnh như: xoài, thanh long ruột đỏ, sầu riêng, bưởi da xanh,... Đặc biệt, đối với tỉnh, tỷ trọng nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, chiếm trên 38%.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định chưa quy định cụ thể việc áp dụng phương pháp nào để tính toán giá trị tăng thêm cho khu vực nông, lâm, ngư nghiệp, kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sớm có hướng dẫn cụ thể chuyển đổi phương pháp tính toán giá trị tăng thêm đối với khu vực nông, lâm, ngư nghiệp theo phương pháp chỉ số giá thay cho phương pháp giá so sánh còn nhiều bất cập,...

Trên đây là một số góp ý dự thảo về Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. / *st*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT;
- VPUB: CVP, P.TH (D);
- Lưu: VT.

4 B

KT. CHỦ TỊCH *ch*
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Người ký: Ủy
ban nhân dân
tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh
Tây Ninh
Thời gian ký:
21.01.2022
09:42:50 +07:00

Số: 275/UBND-TH

Tây Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v: Góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung, chỉ tiêu, thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu, thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh Tây Ninh cơ bản thống nhất với nội dung các dự thảo. Riêng dự thảo Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) để cho mọi đối tượng dễ sử dụng, cũng như đáp ứng yêu cầu phục vụ địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có một số ý kiến như sau:

- Trong Quy trình có một số từ thuộc chuyên môn sâu về thống kê cần bổ sung đề mục giải thích từ ngữ, như các từ: Giá sản xuất; Giá so sánh; Giá hiện hành; biên soạn GDP đồng thời theo 03 phương pháp (phương pháp sản xuất, phương pháp sử dụng, phương pháp thu nhập); tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình; tiêu dùng cuối cùng của Chính phủ; tích lũy tài sản cố định, tích lũy tài sản lưu động, thuế sản xuất; số liệu ước tính; số liệu sơ bộ; số liệu chính thức....

- Về thời gian công bố số liệu GRDP, trong dự thảo quy định kỳ 6 tháng và ước năm là tương đối phù hợp đảm bảo theo yêu cầu phục vụ địa phương. Tuy nhiên, đối với kỳ quý I và 9 tháng hàng năm theo dự thảo là ngày 30/3 hàng năm và ngày 30/9 hàng năm là chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ địa phương.

Theo Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, tại Điều 13 có quy định thời hạn UBND các tỉnh gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ là vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo. Do vậy việc công bố số liệu GRDP để phục vụ báo cáo quý I vào ngày 30/3 và 9 tháng vào ngày 30/9 là không đáp ứng yêu cầu đầy đủ toàn diện về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương để báo cáo Chính phủ.

Do vậy, Tây Ninh đề nghị dời lên tương ứng là ngày 20/3 đối với kỳ quý I và ngày 20/9 đối với kỳ 9 tháng hàng năm thì phù hợp hơn đối với địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PPCĐ và QLCL thống kê (Tổng cục Thống kê);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- LĐVP;
- PTH;
- Lưu: VT VP UBND tỉnh Thao-PTH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /UBND-VP2

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Nam Định, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Nam Định cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo và có một số ý kiến tham gia như sau:

Trong Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Phần VI, Mục 1, Điểm a, khoản thứ 1 “Chịu trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin trên địa bàn và từ các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty; kiểm soát, phân tích, xử lý, hoàn thiện thông tin đầu vào”: Đề nghị sửa lại là “Tổ chức thu thập thông tin trên địa bàn và từ các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty; kiểm soát, phân tích, xử lý, hoàn thiện thông tin đầu vào”.

- Tại Phần VI, Mục 1, Điểm b:

+ Khoản thứ 1 “Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu ước tính, sơ bộ theo kế hoạch công tác hàng năm...” đề nghị sửa lại là “Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu ước tính, sơ bộ theo kế hoạch công tác hàng năm...”;

+ Khoản thứ 2 “Chịu trách nhiệm báo cáo số liệu thống kê trên địa bàn và phối hợp với cơ quan thống kê Trung ương thống nhất các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP” đề nghị sửa lại là “Báo cáo số liệu thống kê trên địa bàn và phối hợp với cơ quan thống kê Trung ương thống nhất các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP”;

+ Khoản thứ 3 “Chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra, góp ý số liệu GRDP” đề nghị sửa lại là “Rà soát, kiểm tra, góp ý số liệu GRDP”.

- Phần VIII “Trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương”, Mục 2 “Trách nhiệm của các địa phương”: Đề nghị bỏ Điểm e vì đã nằm trong Điểm b.

UBND tỉnh Nam Định đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c PCTTT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng

Số: 447/UBND-TH4

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư "Về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương". Qua nghiên cứu, UBND tỉnh Quảng Ninh có ý kiến tham gia như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: UBND tỉnh Quảng Ninh cơ bản thống nhất với nội dung, bố cục dự thảo.

2. Đối với các Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định:

2.1. Tại Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Chỉ tiêu 1005: Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại (trang 143), Đề nghị thay thế từ "loại" thành "hạng" trong các cụm từ chợ "loại 1", "chợ loại 2", "chợ loại 3".

Lý do: Để phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về chợ.

2.2. Tại Phụ lục 2: Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trang 6): Đề nghị xem xét chuyển thời gian ước tính số liệu GRDP của quý I và quý III, 9 tháng lên sớm hơn.

Lý do: Để kịp thời phục vụ báo cáo các phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh hàng quý của các địa phương. Các phiên họp thường kỳ hàng quý của UBND

các địa phương thường họp sớm hơn (từ ngày 17-19 hàng quý) để kịp thời phục vụ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh gửi Tổng Cục Thống kê để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, P1 UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- V0, V3;
- Lưu: VT, TH4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 198 /SKHĐT-THQH
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định quy định nội dung chỉ
tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình biên
soạn chỉ tiêu GDP, GRDP.

Vinh Phúc, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Được sự ủy quyền của UBND tỉnh Vinh Phúc tại văn bản số 24/UBND-KT5 ngày 04/01/2022 về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021. Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Phúc cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị định và tham gia ý kiến như sau:

Đề nghị điều chỉnh thời gian công bố số liệu GRDP hằng năm tại tiết b, điểm 3, mục VII phụ lục II như sau:

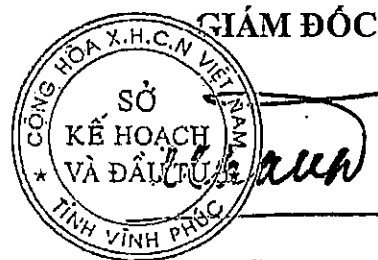
“Số liệu sơ bộ quý 3 và 9 tháng, ước tính quý 4 và cả năm: Ngày 10/11 hằng năm”.

Lý do: Chương trình công tác hằng năm của các địa phương thì nội dung Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội được thông qua HĐND tỉnh, thành phố tại kỳ họp cuối năm (thông thường là đầu tháng 12 hằng năm). Trước khi trình HĐND tỉnh, thành phố, UBND các tỉnh, thành phố phải thông qua phiên họp UBND, thẩm tra các Ban của HĐND, báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố (thông thường các cuộc họp trên được tổ chức trong khoảng từ 10/11 hằng năm). Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, điều chỉnh thời gian công bố số liệu GRDP vào ngày 10/11 hằng năm để các địa phương có cơ sở số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo kinh tế - xã hội trình tại các cuộc họp của Tỉnh/Thành ủy, HĐND, UBND tỉnh, thành phố.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Phúc đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu VT, THQH.
(Th- 04 b)



Nguyễn Văn Độ

Số: 122 /SKHĐT-THQH
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia

Lai Châu, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Công văn số 12/UBND-TH ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Lai Châu. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cục Thống kê, các sở ngành có liên quan nghiên cứu và tham gia ý kiến như sau:

Tại Mục 3 Phần VI Phụ lục II Dự thảo Nghị định quy định về thời gian cung cấp các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP:

“Số liệu GRDP:

- Ước tính GRDP quý 1: Ngày 20 tháng 3 hằng năm;
- Sơ bộ GRDP quý 1, ước tính 6 tháng: Ngày 20 tháng 5 hằng năm;
- Sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 4 và cả năm: Ngày 10 tháng 11 hằng năm;
- Sơ bộ GRDP quý 4 và cả năm: Ngày 20 tháng 3 năm kế tiếp.”

Tuy nhiên tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước có quy định:

“2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.”

“3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.”

“4. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.”

Do vậy, để đảm bảo số liệu thống nhất và cùng thời gian yêu cầu giữa các báo cáo về kinh tế - xã hội của địa phương và báo cáo thống kê, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo điều hành của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu quy định thống nhất giữa các văn bản về thời điểm lấy số liệu báo cáo, thời gian cung cấp và thời gian công bố.

Trên đây là ý kiến tham gia dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia của tỉnh Lai Châu, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, THQH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Nguyễn

TCTK

PPCD

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 721 /UBND-TH

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: ... 2805 ...

ĐẾN Ngày: 24.01.2022

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: 69

ĐẾN Ngày: 20.01.2022

Chuyên: 16.25.01.2022

Số và ký hiệu HS: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Văn bản số

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên đây là ý kiến tham gia đối với dự thảo Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:307 /UBND-TH

Lào Cai, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định nội dung chi tiêu thống kê
thuộc hệ thống chi tiêu thống kê
quốc gia

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
Số:.....222.....	ĐẾN
Ngày: 21.01.2022	Chuyển: PG. 24.01.2022
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, UBND tỉnh Lào Cai nhất trí cao với nội dung, bố cục trong các dự thảo. Tuy nhiên, UBND tỉnh Lào Cai có ý kiến góp ý như sau: Dự thảo Nghị định tại trang 20, mục I số vụ ly hôn, phần 1 Khái niệm, phương pháp tính (Số vụ ly hôn là số vụ đã được tòa án xử cho các cặp vợ chồng được ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị sửa thành: *Số vụ, việc ly hôn là số vụ, việc đã được Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo Luật Hôn nhân gia đình*); đề nghị bổ sung thêm từ “Việc” ở mục công thức tính: Tỷ suất ly hôn = Số vụ, việc ly hôn/Dân số trung bình.

Sau khi Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chính thức ban hành, đề nghị Tổng cục Thống kê sớm có văn bản hướng dẫn chi tiết tới các địa phương để các địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện thống nhất, kịp thời.

Trên đây là một số tham gia góp ý của UBND tỉnh Lào Cai, đề nghị Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT1;
- Chánh Văn phòng;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.



Hoàng Quốc Khánh

P/PCĐ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 306 /UBND-TH

Phú Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....?12.....
	Ngày: 20.01.2022
	Chuyên:.....
	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Tiếp nhận đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tại văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo, UBND tỉnh Phú Yên có ý kiến góp ý như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo “Nghị định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” kèm văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Để dự thảo được hoàn chỉnh, UBND tỉnh Phú Yên tham gia ý kiến như sau:

(1) Về dự thảo Nghị định của Chính phủ:

Đánh số trang theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị định về công tác văn thư.

(2) Về quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Tại mục V, bước 3, điểm b “Biên soạn số liệu GRDP” trang số 4, dòng số 4 tính từ trên xuống, dự thảo có nêu “Cơ quan thống kê cấp tỉnh phối hợp với cơ quan thống kê trung ương thực hiện rà soát, kiểm tra, phân tích số liệu GRDP lần đầu gửi ý kiến góp ý và giải trình số liệu về cơ quan thống kê trung ương”.

Đề nghị bổ sung như sau: “Cơ quan thống kê cấp tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan và cơ quan thống kê trung ương thực

hiện rà soát, kiểm tra, phân tích số liệu GRDP lần đầu gửi ý kiến góp ý và giải trình số liệu về cơ quan thống kê trung ương”.

(3) Về danh mục nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia:

Dự thảo phân công Sheet KHĐT “Mã số QG 2110: Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người”.

Đề nghị bỏ chỉ tiêu này trong Sheet KHĐT vì Sheet TNMT đã có chỉ tiêu “Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người” thuộc Chủ trì của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là ý kiến góp ý đối với dự thảo “Nghị định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. UBND tỉnh Phú Yên báo cáo Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TH.


Lê Tấn Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131 /UBND-THNV

Hoà Bình, ngày 19

tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....199.....
	Ngày: 19.01.2022
	Chuyên: BK...25.01.2022
	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình có ý kiến như sau:

Về cơ bản nhất trí với các nội dung của Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau:

I. Đối với Dự thảo Nghị định: hoàn toàn nhất trí với nội dung trong dự thảo;

II. Đối với Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Điều chỉnh, bổ sung như sau:

1. Tại Điểm c, Mục 1, Chỉ tiêu 0401 “Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội”

Đề nghị bỏ cụm từ “*chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng*” trong phần “Chia theo khoản mục đầu tư” (Trang 44) “*Trong đó, vốn đầu tư xây dựng cơ bản là bộ phận chiếm tỉ trọng lớn nhất, mặc dù không gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất; tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất*”. Sửa thành: “*Trong đó, vốn đầu tư xây dựng cơ bản là bộ phận chiếm tỉ trọng lớn nhất, mặc dù không gồm chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất; tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất*”.

Lý do: bỏ cụm từ “*chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng*”, theo điều 5 khoản 2, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý đầu tư xây dựng quy định: “*Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng, gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng ...*”.

2. Tại Điểm a, Mục 1, Chỉ tiêu 0601 “Thu NSNN và cơ cấu thu” (Trang 76)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm thu NSNN theo đúng quy định tại Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN. Thu NSNN bao gồm:

- Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của các luật thuế.
- Lệ phí do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật.
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phân được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.
- Các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, gồm:
 - a) Lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
 - b) Các khoản thu hồi vốn của Nhà nước đầu tư tại các tổ chức kinh tế;
 - c) Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước;
 - d) Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước;
 - đ) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - e) Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (bao gồm cả gốc và lãi), trừ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.
- Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý.
- Tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; tiền sử dụng khu vực biển; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật.
- Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước ở địa phương.

- Thu từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 11 Luật ngân sách nhà nước.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Tại Điểm a, Mục 1, Chỉ tiêu 0604 “ Chi NSNN và cơ cấu chi” (Trang 78)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm chi NSNN theo đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN.

Chi NSNN bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

- Chi dự trữ quốc gia.

- Chi thường xuyên cho các lĩnh vực:

a) Quốc phòng;

b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu

chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

- Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do Chính phủ, chính quyền địa phương cấp tỉnh vay.

- Chi viện trợ của ngân sách trung ương cho các Chính phủ, tổ chức ngoài nước.

- Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

- Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

4. Tại điểm a mục 1.1 phần 1 Phụ lục I (trang 2), cụm từ: “+ Đất sử dụng mục đích đất quốc phòng, an ninh gồm đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai” đề nghị sửa thành “+ Đất sử dụng mục đích đất quốc phòng, an ninh gồm đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai năm 2013”

5. Tại điểm b mục 1.1 phần 1 Phụ lục I (trang 3): Về khái niệm người sử dụng đất đề nghị chỉnh sửa nội dung đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai năm 2013; cụm từ: “... Nhà nước giao đất để quản lý trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Luật đất đai.” đề nghị sửa thành: “... Nhà nước giao đất để quản lý trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Luật Đất đai năm 2013.”

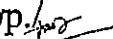
III. Đối với phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Tại điểm a, mục 6, phần IV “*Thông tin do cơ quan thống kê trực tiếp thu thập, xử lý và tổng hợp từ các cuộc điều tra, tổng điều tra, chế độ báo cáo thống kê quốc gia, dữ liệu hành chính*” sửa thành “*Thông tin do cơ quan thống kê trung ương, địa phương trực tiếp thu thập, xử lý và tổng hợp từ các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, chế độ báo cáo thống kê quốc gia, dữ liệu hành chính*”.

2. Quy định rõ trong Nghị định một số số liệu cơ bản đối với sở/ngành phụ trách cung cấp, phục vụ biên soạn GRDP trong kỳ (bằng các phụ biểu) như: Thu-Chi NSNN ; Tín dụng; Vốn đầu tư....

3. Điều chỉnh thời gian cung cấp các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GRDP và thời gian công bố số liệu GRDP đối với quý 1, quý 3 và 9 tháng cụ thể như sau:

- Thời gian cung cấp các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GRDP
- + Ước tính GRDP quý 1: Ngày 20 tháng 2 hằng năm.
- + Ước tính GRDP quý 3 và 9 tháng: Ngày 20 tháng 8 hằng năm.
- Thời gian công bố số liệu GRDP
- + Số liệu ước tính quý 1: Ngày 01 tháng 3 hằng năm.
- + Số liệu quý 3 và 9 tháng: Ngày 30 tháng 8 hằng năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, THNV (NT.10b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Công Sứ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 209 /UBND-KT

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:..... 214.....
	Ngày: 20.01.2022
	Chuyên: K. 21.01.2022.
	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

Thực hiện văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định nêu trên, UBND thành phố Hà Nội cơ bản nhất trí và có một số ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị định

- Tại Điều 2: Đề nghị sửa cụm từ "**ban hành trước tháng 12 năm 2021**" thành trước thời điểm ban hành Nghị định này.

2. Đối với Phụ lục 2

- Tại Phần V. Quy trình biên soạn, (Bước 4. Công bố và phổ biến số liệu GDP, GRDP): Đề nghị chuyển nội dung "**các hình thức lưu giữ thông tin điện tử**" sang Bước 5. Lưu trữ số liệu GDP, GRDP.

- Tại Phần VII. (Thời gian công bố số liệu GRDP): Để phù hợp với lịch phổ biến Báo cáo kinh tế - xã hội quý I, 6 tháng và 9 tháng đề nghị sửa lại thời gian công bố số liệu GRDP như sau:

+ Số liệu ước tính quý 1: Ngày 29 tháng 3 hằng năm.

+ Số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: Ngày 29 tháng 9 hằng năm.

+ Số liệu sơ bộ quý 4 và cả năm theo quý: Ngày 29 tháng 3 năm kế tiếp.

3. Đối với dự kiến phân công thực hiện chỉ tiêu thống kê thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Chỉ tiêu mã số 1707 (Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam): Đề nghị bổ sung thêm cơ quan phối hợp là Bộ Công an.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND thành phố Hà Nội về dự thảo dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trân trọng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Phó Chủ tịch Hà Minh Hải;
- Cục Thống kê Thành phố;
- CVP, PCVP Đ.Q. Hùng; KT, TH;
- Lưu: VT, KT *vân. th*

4108 - 4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *th*



Hà Minh Hải *th*

PPCD ✓

TCTK

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/UBND-THVX

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định chỉ tiêu thống kê thuộc hệ
thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và
quy trình biên soạn GDP, GRDP

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: ... 2529 ...
Ngày: 24.01.2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số: 198
Ngày: 19.01.2022
Chuyên: 25.01.2022
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp nhận Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có ý kiến như sau:

1. Góp ý Phụ lục I: Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

1.1. Đối với chỉ tiêu "Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung", "Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn"

Hiện nay, địa phương đang quản lý, tính toán tỷ lệ cấp nước sạch dựa trên số hộ dân và phương pháp này cũng cơ bản phù hợp với thực tế. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung khái niệm, phương pháp tính dựa trên số hộ dân sống ở đô thị, nông thôn được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trong tổng số hộ dân sống ở khu vực đô thị và hộ dân sống ở khu vực nông thôn.

1.2. Đối với chỉ tiêu "Tỷ lệ đô thị hoá"

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị 2009 quy định "**Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn**".

Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quy định phương pháp tính toán tỷ lệ đô thị hoá cho một đơn vị hành chính cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào dân số toàn đô thị của các đô thị đã được công nhận theo quy định (không giới hạn đơn vị hành chính phường, thị trấn).

2. Về góp ý Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2.1. Sau 05 năm thực hiện Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do Tổng cục Thống kê trực tiếp tính toán số liệu GDP và GRDP, bên cạnh mặt tích cực còn tồn tại vấn đề số liệu GRDP ước tính cả năm công bố vào ngày 30/11 hằng năm chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng số liệu của địa phương, cụ thể tại các thời điểm:

- Cuối tháng 7 hằng năm: lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Cuối tháng 9 hằng năm: trình Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh.

- Đầu tháng 12 hằng năm: trình Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Tỉnh cuối năm.

Từ thực trạng trên, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, ước tính GRDP cả năm và công bố vào ngày 25 tháng 5 (trên cơ sở ước tính 6 tháng) và 30 tháng 9 (trên cơ sở ước tính 9 tháng).

2.2. Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Cơ quan thống kê Trung ương: chia sẻ dữ liệu đầu vào tính toán số liệu GRDP của từng địa phương tại các thời điểm công bố để phục vụ công tác rà soát, phân tích số liệu, cập nhật đánh giá tình hình phát triển kinh tế của địa phương phù hợp với số liệu GRDP do Trung ương công bố, khắc phục bất cập chênh lệch giữa số liệu tăng trưởng GRDP và số liệu sản phẩm, ngành hàng do cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh thống kê, tham mưu.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp. / M

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT; CTK; SNN&PTNT; SCT; SXD;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, THVX (Thư).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Thiện Nghĩa

TAK

PPD

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SON**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95 /UBND-THNC

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: ...3025.....
ĐẾN Ngày: 26.01.2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số:242.....
ĐẾN Ngày: 22.01.2022
Chuyên: R6.78.01.2022
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhất trí với bố cục, nội dung dự thảo Nghị định, dự thảo Phụ lục và dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Cục Thống kê;
 - C, PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, THNC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Lương Trọng Quỳnh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 201 /UBND-KTTH

Kon Tum, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia góp ý dự thảo
Nghị định quy định nội dung
chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống
chỉ tiêu thống kê quốc gia.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số:.....50.....
Ngày:..20.01.2022
Chuyên:..B6...27.01.2022
Số và ký hiệu HS:...

Kính gửi: Tổng cục Thống kê (Vụ Phương pháp chế độ và
Quản lý chất lượng thống kê).

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định, đồng thời, tham gia thêm một số ý kiến cụ thể như sau:

- Đối với chỉ tiêu 0401. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội (trang 43): Hiện nay, theo quy định tại Luật đầu tư công năm 2019 không còn quy định về nguồn vốn đầu tư từ trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương và vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

- Đối với chỉ tiêu 0715. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (trang 99):

+ Tại mục a) Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp: Đề nghị bãi bỏ loại "Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng". Lý do bãi bỏ: theo khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động 2019 không còn áp dụng loại hợp đồng lao động trên kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

+ Tại mục b) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp: sửa cụm từ "bảo hiểm y tế" thành cụm từ "bảo hiểm thất nghiệp".

- Đối với chỉ tiêu số 1314. Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động (trang 185), cần làm rõ thêm khái niệm về Dân số trong phạm vi phủ sóng thông tin di động. Có thể quy định như sau: "Dân số trong phạm vi phủ sóng thông tin di động là dân số **định cư** trong phạm vi có tín hiệu thông tin di động tế bào

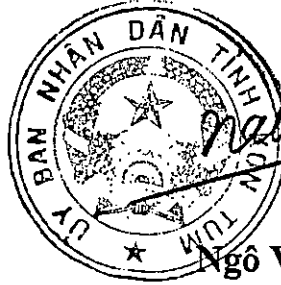
(2G/3G/4G/5G/) đảm bảo tiêu chuẩn (về thông tin di động) theo quy định hiện hành". Vì có một số trường hợp người dân rời nhà và di chuyển vào vùng sâu, vùng xa sinh sống và tham gia hoạt động sản xuất (tại các khu vực này cơ sở hạ tầng giao thông, điện lưới còn nhiều khó khăn, hạn chế và số người dân hoạt động sản xuất thưa thớt, dẫn tới việc phủ sóng di động tại các khu vực này còn gặp nhiều khó khăn).

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính báo đề Tổng cục Thống kê (Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, KTTH, SKHĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Ngo Viet Thanh
Ngô Việt Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191 /UBND-KTTH

Hà Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: 86

ĐẾN Ngày:

Chuyên: P.K. 24.01.2022

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo "Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương". Qua nghiên cứu Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị định và có một số ý kiến tham gia đối với phụ lục I và phụ lục II như sau:

1. Phụ lục I "Nội dung chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia" đề nghị xem xét lại một số chỉ tiêu sau:

- **Thứ nhất**, tại trang 9, mục "7. Dân số theo tôn giáo". Đề nghị chỉ tiêu này nên tổng hợp và thu thập thông tin với kỳ công bố 5 năm; nguồn số liệu bổ sung vào Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ để thu thập chỉ tiêu này.

Lý do: Trong những năm gần đây chỉ tiêu này thay đổi tương đối nhanh, để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh chỉ đạo điều hành của các cấp ủy, chính quyền từ trung ương đến địa phương thì cần công bố 5 năm.

- **Thứ hai**, tại trang 22, chỉ tiêu 0115. Tỷ lệ đô thị hóa, mục "1. Khái niệm, phương pháp tính". Theo quy định của Luật quy hoạch đô thị năm 2009 thì "Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn." Do đó, đề nghị nghiên cứu quy định về "dân số trong khu vực nội thành, nội thị và thị trấn (thuộc địa giới hành chính phường, thị trấn)" để tính toán tỷ lệ đô thị hóa cần phù hợp với khái niệm đô thị nêu trên - cụ thể cần tính cả dân số khu vực ngoại thành của thành phố, ngoại thị của thị xã và thị trấn.

- **Thứ ba**, tại trang 96, 98, 99; chỉ tiêu "0713. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội"; chỉ tiêu "0714. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế"; chỉ tiêu "0715. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp"; đề nghị xem lại có hai mục 2 nhỏ trùng nhau là "2. Phân tổ chủ yếu" và "2. Kỳ công bố".

- *Thứ tư*, tại trang 208, chỉ tiêu "1703. Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành", mục "3. Kỳ công bố" dự thảo quy định công bố tháng, quý, năm nhưng nguồn số liệu từ tại mục "4. Nguồn số liệu" lại quy định từ cuộc điều tra doanh nghiệp. Cuộc điều tra doanh nghiệp được thực hiện 1 năm một lần không thể đáp ứng được kỳ công bố tháng, quý. Vì vậy đề nghị xem lại nguồn số liệu của chỉ tiêu này.

2. Đối với phụ lục II "*Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*" về cơ bản nhất trí, tuy nhiên qua thực tiễn triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác tại địa phương, để nâng cao khả năng phục vụ của ngành Thống kê đối với cấp ủy, chính quyền thì một tiêu chí quan trọng là thông tin thống kê phải đảm bảo tính kịp thời. Do đó UBND tỉnh Hà Giang đề xuất điều chỉnh thời gian cung cấp thông tin đầu vào và thời gian công bố GRDP ở mỗi số kỳ như sau:

2.1. Về thời gian cung cấp thông tin đầu vào phục vụ biên soạn GRDP

- Kỳ ước tính GRDP quý I: Ngày 16 tháng 3 hàng năm;
- Kỳ sơ bộ GRDP quý I, ước 6 tháng: Ngày 16 tháng 6 hàng năm;
- Sơ bộ quý II và 6 tháng, ước tính quý III và 9 tháng: Ngày 16/9 hàng năm;
- Sơ bộ quý III và 9 tháng, ước tính quý IV và cả năm: Ngày 12 tháng 11 hàng năm;
- Sơ bộ GRDP quý IV và cả năm: Ngày 16 tháng 3 năm kế tiếp.

* *Lý do đề nghị điều chỉnh*: Ngày 17 tháng cuối quý các nghiệp vụ ở cơ quan cục đều phải hoàn thành báo cáo gửi về vụ chuyên ngành, do đó số liệu đầu vào phục vụ biên soạn GRDP quý các Cục Thống kê có thể cung cấp cho Tổng cục Thống kê vào ngày 16 tháng cuối quý. Riêng kỳ sơ bộ quý I, ước 6 tháng chúng tôi đề xuất lui thời gian về 16/6 hàng năm để thông tin đầu vào đảm bảo độ tin cậy hơn, từ đó khắc phục sự chênh lệch số liệu giữa kỳ ước tính và sơ bộ.

2.2. Về thời gian công bố số liệu GRDP

- Kỳ ước tính GRDP quý I: Ngày 22 tháng 3 hàng năm;
- Kỳ sơ bộ GRDP quý I, ước 6 tháng: Ngày 22 tháng 6 hàng năm;
- Sơ bộ quý II và 6 tháng, ước tính quý III và 9 tháng: Ngày 22/9 hàng năm;
- Sơ bộ quý III và 9 tháng, ước tính quý IV và cả năm: Ngày 20 tháng 11 hàng năm;
- Sơ bộ GRDP quý IV và cả năm: Ngày 22 tháng 3 năm kế tiếp.

* *Lý do đề nghị điều chỉnh*: Báo cáo tình hình KTXH quý UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng cuối quý, đồng thời trong khoảng thời gian từ 25 đến 30 tháng cuối quý Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường diễn ra nhiều cuộc

họp quan trọng, ở các cuộc họp này luôn có nội dung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH quý trước và đề xuất giải pháp cho quý tiếp theo. Do đó nếu chỉ tiêu GRDP ước quý I và ước quý III công bố vào ngày 30 tháng 3 và 30 tháng 9 như dự thảo thì sẽ không đảm bảo tính kịp thời và sẽ không hiệu quả. Riêng kỳ sơ bộ GRDP quý I, ước 6 tháng nếu công bố vào 25/5 như dự thảo thì quá sớm vì các kỳ họp đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH của Tỉnh ủy và UBND tỉnh thường tổ chức vào cuối tháng 6; kỳ họp HĐND tỉnh thường diễn ra vào đầu tháng 7. Việc thu thập và ước tính thông tin đầu vào và công bố thông tin quá sớm sẽ ảnh hưởng đến chất lượng số liệu.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê Hà Giang;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu VT, KTTH. *ng*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đức Quý

Trần Đức Quý

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/CTK-TH

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2022

V/v nghiên cứu góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu;
- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

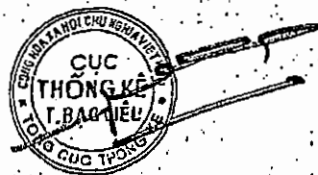
Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 85/UBND-TH ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê Bạc Liêu thống nhất với dự thảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PPCĐ và Quản lý chất lượng thống kê;
- Ban LĐ (để b/c);
- Lưu: VT; TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Hải

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 42 /CTK-PPCĐ

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2022

“V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý CLTK - TCTK

Thực hiện theo công văn ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Vụ Phương Pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức triển khai lấy ý kiến góp ý dự thảo các văn bản trên đến lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Cục Thống kê. Các ý kiến cơ bản đều thống nhất với bản dự thảo.

Cục Thống kê báo cáo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý CLTK - Tổng cục Thống kê xem xét và tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT+TH

KT. CỤC TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH
ĐỒNG THÁP
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Cục Thống kê
19-01-2022 10:12:46
+07:00
Phạm Văn Hoàng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /CTK-TH

Tây Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh cơ bản thống nhất với nội dung các dự thảo đã xây dựng.

Riêng dự thảo Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) để cho mọi đối tượng dễ sử dụng, cũng như đáp ứng yêu cầu phục vụ địa phương, Cục Thống kê Tây Ninh có một số ý kiến như sau:

- Trong Quy trình có một số từ thuộc chuyên môn sâu về thống kê cần bổ sung đề mục giải thích từ ngữ, như các từ: giá sản xuất; giá so sánh; giá hiện hành; biên soạn GDP đồng thời theo 03 phương pháp (phương pháp sản xuất, phương pháp sử dụng, phương pháp thu nhập); tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình; tiêu dùng cuối cùng của chính phủ; tích lũy tài sản cố định, tích lũy tài sản lưu động, thuế sản xuất; số liệu ước tính; số liệu sơ bộ; số liệu chính thức....

- Về thời gian công bố số liệu GRDP, trong dự thảo quy định kỳ 6 tháng và ước năm là tương đối phù hợp đảm bảo theo yêu cầu phục vụ địa phương. Tuy nhiên, đối với kỳ quý I và 9 tháng hàng năm theo Dự thảo là ngày 30/3 hàng năm và ngày 30/9 hàng năm là chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ địa phương.

Theo Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, tại điều 13 có quy

định thời hạn UBND các tỉnh gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ là vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo. Do vậy việc công bố số liệu GRDP để phục vụ báo cáo quý I vào ngày 30/3 và 9 tháng vào ngày 30/9 là không đáp ứng yêu cầu đầy đủ toàn diện về tình hình kinh tế xã hội của địa phương để báo cáo Chính phủ. Do vậy, Tây Ninh đề nghị dời lên tương ứng là ngày 20/3 đối với kỳ quý I và ngày 20/9 đối với kỳ 9 tháng hàng năm để phù hợp hơn đối với địa phương.

Trên đây là các ý kiến góp ý, Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê tham khảo và hoàn chỉnh dự thảo theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Đình Bửu Quang

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /CTK-TKTH

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn nhất trí và không có ý kiến bổ sung thêm.

Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CTK;
- Phòng TKKT, TKXH, TTTTK;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Lê Tuấn

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /CTK-TKTH

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia góp ý vào dự thảo
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê
quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu
GDP, GRDP

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện Công văn số 9148/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 31/12/2021 và công văn số 24/UBND-KT5 ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc xin ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu nội dung trong dự thảo, Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong dự thảo và không có đề xuất gì thêm.

Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Phong

Số 29 /BC-CTK

Vinh Long, ngày 18 tháng 1 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Công văn số 418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê Vinh Long đã chỉ đạo các phòng chuyên môn cơ quan Cục Thống kê, kết hợp cùng các phòng chuyên môn có liên quan của các Sở, ngành tỉnh Vinh Long, nghiên cứu đóng góp ý kiến dự thảo trên. Qua nghiên cứu, tổng hợp ý kiến,.. Cục Thống kê Vinh Long đóng góp ý kiến như sau:

Thứ nhất, Chỉ tiêu 0203 (Tỷ lệ lao động qua đào tạo)

- Phần khái niệm và phương pháp tính

Yếu tố thứ hai của khái niệm: “Hoặc người chưa qua một trường lớp đào tạo nào nhưng do tự học, do được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên họ đã có được kỹ năng, tay nghề, tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật có bằng, chứng chỉ cùng nghề và thực tế đã từng làm công việc này với thời gian từ 3 năm trở lên (hay còn gọi là công nhân kỹ thuật không bằng/chứng chỉ)”

Đề nghị sửa thành

“Hoặc người đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ dưới 03 tháng đã có chứng chỉ; người chưa qua một trường lớp đào tạo nào nhưng do tự học, do được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên họ đã có được kỹ năng, tay nghề, tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật có bằng, chứng chỉ cùng nghề và thực tế đã từng làm công việc này với thời gian từ 3 năm trở lên (hay còn gọi là công nhân kỹ thuật không bằng/chứng chỉ)”

- Phần Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

+ Tổng cục Thống kê: Chủ trì phân tổ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ;

+ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì phân tổ lao động qua đào tạo không có bằng, chứng chỉ.

Đề nghị sửa thành

+ Tổng cục Thống kê: Chủ trì phân tổ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ 03 tháng trở lên;

+ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì phân tổ lao động qua đào tạo có chứng chỉ dưới 03 tháng và không có bằng, chứng chỉ.

Thứ Hai, Chỉ tiêu 0209 (Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc)

+ “Wi: Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong thời gian tham chiếu” đề nghị sửa thành “Wi: Thu nhập của lao động làm công ăn lương, tự kinh doanh trong thời gian tham chiếu”;

+ “Li: Số lao động làm công ăn lương tại thời điểm điều tra” đề nghị sửa thành “Li: Số lao động làm công ăn lương, tự kinh doanh tại thời điểm điều tra”

Lý do đề nghị: Nhằm thống nhất giữa khái niệm và phương pháp tính thu nhập bình quân một lao động đang làm việc.

Hai Ba, Chỉ tiêu 0801 (Diện tích cây hàng năm)

Có thể do lỗi khi chuyển từ Word sang PDF nên có nhiều từ không có nghĩa như:

+ Các lo pháp tính dimột.....trong vụ.Q;

+ Các lo pháp tính dimột.....Qcây trồng bình thường. Trong m;

+ Các lo pháp tính dimột.....tron muống, mừng toi ra.

Trên đây là báo cáo kết quả góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Cục Thống kê Vĩnh Long. Trân trọng báo cáo /.

Nơi nhận:

- Vụ PPC&QLCLTK;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, PPC&QLCLTK.



CỤC TRƯỞNG

Ký bởi: Hà Văn Ban

Email: hvban.ctlk@vinhlong.gov.vn

Cơ quan: Cục Thống kê, Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Ngày ký: 18-01-2022 16:56:14

Hà Văn Ban +07:00

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /CTK-TH

Tây Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh cơ bản thống nhất với nội dung các dự thảo đã xây dựng.

Riêng dự thảo Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) để cho mọi đối tượng dễ sử dụng, cũng như đáp ứng yêu cầu phục vụ địa phương, Cục Thống kê Tây Ninh có một số ý kiến như sau:

- Trong Quy trình có một số từ thuộc chuyên môn sâu về thống kê cần bổ sung đề mục giải thích từ ngữ, như các từ: giá sản xuất; giá so sánh; giá hiện hành; biên soạn GDP đồng thời theo 03 phương pháp (phương pháp sản xuất, phương pháp sử dụng, phương pháp thu nhập); tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình; tiêu dùng cuối cùng của chính phủ; tích lũy tài sản cố định, tích lũy tài sản lưu động, thuế sản xuất; số liệu ước tính; số liệu sơ bộ; số liệu chính thức....

- Về thời gian công bố số liệu GRDP, trong dự thảo quy định kỳ 6 tháng và ước năm là tương đối phù hợp đảm bảo theo yêu cầu phục vụ địa phương. Tuy nhiên, đối với kỳ quý I và 9 tháng hàng năm theo Dự thảo là ngày 30/3 hàng năm và ngày 30/9 hàng năm là chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ địa phương.

Theo Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, tại điều 13 có quy

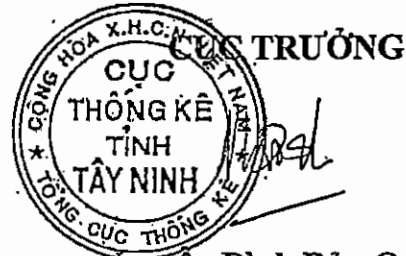
định thời hạn UBND các tỉnh gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ là vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo. Do vậy việc công bố số liệu GRDP để phục vụ báo cáo quý I vào ngày 30/3 và 9 tháng vào ngày 30/9 là không đáp ứng yêu cầu đầy đủ toàn diện về tình hình kinh tế xã hội của địa phương để báo cáo Chính phủ. Do vậy, Tây Ninh đề nghị dời lên tương ứng là ngày 20/3 đối với kỳ quý I và ngày 20/9 đối với kỳ 9 tháng hàng năm để phù hợp hơn đối với địa phương.

Trên đây là các ý kiến góp ý, Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê tham khảo và hoàn chỉnh dự thảo theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Đình Bửu Quang

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH GIA LAI

Số: /CV-CTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 01 năm 2022

V/v Góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: - Tổng cục Thống kê

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

Qua nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành, Chi cục Thống kê các huyện, thành phố và Khu vực, Cục Thống kê tỉnh Gia Lai xin ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Dự Thảo Nghị định: Thống nhất với bản dự thảo.
2. Phụ lục 1: Dự Thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Thống nhất với bản dự thảo.
3. Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thống nhất với bản dự thảo.
4. Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia: Thống nhất với bản dự thảo.
5. Danh mục hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh:

Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp tại mã số T1902: “Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh, Công an tỉnh”, đề nghị sửa lại là “Công an tỉnh”.

6. Danh mục hệ thống chỉ tiêu cấp huyện:

Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp tại mã số H0223: “Phòng Kinh tế”, đề nghị sửa lại là “Phòng Kinh tế - Hạ tầng”.

Chỉ tiêu số 41 bình quân thu nhập đầu người 1 tháng theo điều tra khảo sát mức sống dân cư Việt Nam cơ quan chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp là Chi cục Thống kê cấp huyện; nhưng số mẫu điều tra chọn mẫu chỉ đại diện cho cấp tỉnh sẽ không đảm bảo suy rộng cho cấp huyện và xã.

Chỉ tiêu số 42 không có trong hệ thống chỉ tiêu cấp huyện.

7. Danh mục hệ thống chỉ tiêu cấp xã: Thống nhất với bản dự thảo.

- Chỉ tiêu số 06 và 07, cột 03(Nhóm/tên chỉ tiêu, phân tổ chủ yếu) nội dung Số cơ sở, lao động trong các cơ sở kinh tế; Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp vì 2 chỉ tiêu này cấp xã, phường, thị trấn cũng không in sách; trong Tổng điều tra do cấp trên tổng hợp và đưa xuống cấp xã rồi cấp xã lại báo cáo lại thấy không hợp lý, hơn nữa trong Hệ thống chỉ tiêu cấp huyện đã có phân tổ đến cấp xã.

Trên đây là ý kiến tham gia của Cục Thống kê tỉnh Gia Lai Kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - Tổng cục Thống kê, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT, TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Đình Tám

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ ĐẮK NÔNG

Số: 29 /CTK-TKTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy
định nội dung chỉ tiêu thống kê

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê -
Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Danh mục hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã;

Công văn số 85/UBND-KTTH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc giao Cục Thống kê phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu tham gia góp ý theo các nội dung của Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông tổng hợp một số ý kiến góp ý như sau:

1. Đối với Dự thảo Nội dung Nghị định và các phụ lục kèm theo

Sau khi tập trung nghiên cứu dự thảo: (1) Nội dung của Nghị định; (2) Phụ lục 1 Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia; (3) Phụ lục 2 Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; (4) Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia. Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông nhất trí với Dự thảo nội dung của Nghị định và các Phụ lục kèm theo.

2. Đối với Dự thảo hệ thống danh mục chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã

a. Hệ thống danh mục hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh

- Nhóm 07. Bảo hiểm

Stt 51,52,53. Mã số T0713, T0714, T0715: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Đề nghị bỏ từ “tỷ lệ”, thay vào “số người”. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập đổi lại là: Chủ trì: Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh. Phối hợp: Cục thống kê.

- Nhóm 08. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Stt 56. Mã số T0801: Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập bổ sung thêm cơ quan đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nhóm 13. Công nghệ thông tin và truyền thông

Stt 81, 82, 83, 84. Mã T1304, T1305, T1306, T1308 Số lượng thuê bao điện thoại; Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động; Tỷ lệ người sử dụng internet; Số lượng

thuê bao truy nhập internet băng rộng. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập đổi lại là: Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông. Phối hợp: Cục thống kê tỉnh.

- Nhóm 18. Mức sống dân cư

Stt 124. Mã số T1804: Thu nhập bình quân đầu người một tháng chia theo huyện, quận, thị xã, thành phố. Đề nghị bỏ phân tổ cấp huyện vì mẫu điều tra không đủ đại diện.

- Nhóm 19. Trật tự an toàn xã hội

Stt 129. Mã số T1901: Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập đề nghị bỏ Sở giao thông vận tải.

b. Hệ thống danh mục chỉ tiêu cấp huyện

- Nhóm 01. Đất đai, dân số và bình đẳng giới

Stt 02. Mã số H0102. Dân số, mật độ dân số. Đề nghị bỏ phân tổ độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, thành thị nông thôn, xã/phường/thị trấn vì mẫu điều tra Biến động dân số hàng năm không đại diện đến cấp huyện, xã nên không thu thập được số liệu này.

- Nhóm 02. Kinh tế

Stt 14, 15, 16. Mã H0207, H0208, H0209: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Đề nghị bỏ từ "tỷ lệ", thay vào "số người". Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập đổi lại là: Chủ trì: Bảo hiểm xã hội cấp huyện. Phối hợp: Chi cục thống kê.

Stt 28. Mã H0222: Doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đề nghị hàng năm bỏ chỉ tiêu này vì Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa hàng năm cỡ mẫu cấp huyện nhỏ, không đồng đều nên số liệu suy rộng tính đại diện không cao.

- Nhóm 3. Xã hội môi trường

Stt 41. Mã số H0312. Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng chia theo phân tổ xã/phường/thị trấn. Đề nghị bỏ chỉ tiêu này vì mẫu Khảo sát mức sống dân cư hàng năm không đại diện đến cấp huyện, xã nên không thu thập được chỉ tiêu này.

c. Hệ thống danh mục chỉ tiêu cấp xã (không có ý kiến)

Trên đây là ý kiến góp ý của Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông. Báo cáo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (bc);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG



Hồ Ngọc Quang

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /CTK-TH
V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định
nội dung chỉ tiêu thống kê

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - UBND tỉnh Đắk Lắk;

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 28/UBND-TH, ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê.

Cục Thống kê góp ý như sau:

• **Đối với danh mục Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh**

- Nhóm 7. Bảo hiểm

STT 51,52,53. Mã số T0713, T0714, T0715: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Đề nghị bỏ từ "tỷ lệ", thay vào "số người". Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập đổi lại là: Chủ trì: Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh. Phối hợp: Cục thống kê.

- Nhóm 18. Mức sống dân cư

STT 124. Mã số T1804: Thu nhập bình quân đầu người một tháng chia theo huyện, quận, thị xã, thành phố. Đề nghị bỏ phân tổ cấp huyện vì mẫu điều tra không đủ đại diện.

- Nhóm 19. Trật tự an toàn xã hội

STT 129. Mã số T1901: Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập đề nghị bỏ Sở giao thông vận tải.

• **Đối với danh mục Hệ thống chỉ tiêu cấp huyện**

- Nhóm 1. Đất đai, dân số và bình đẳng giới


STT 2. Mã số H0102. Dân số, mật độ dân số. Đề nghị bỏ phân tổ độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, thành thị nông thôn, xã/phường/thị trấn vì mẫu điều tra Biến động dân số hàng năm không đại diện đến cấp huyện, xã nên không thu thập được số liệu này.

- Nhóm 3. Xã hội môi trường

STT 41. Mã số H0312. Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng chia theo phân tổ xã/phường/thị trấn. Đề nghị bỏ chỉ tiêu này vì mẫu Khảo sát mức sống dân cư hàng năm không đại diện đến cấp huyện, xã nên không thu thập được chỉ tiêu này.

Trên đây là ý kiến góp ý của Cục Thống kê. Trân trọng báo cáo UBND tỉnh, Sở kế hoạch Đầu tư để biết, theo dõi; Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Cục;
- Lưu: VT, TH (Ttra). 

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Quang Phước

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /CTK-TH

Phú Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước; chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Qua nghiên cứu các văn bản kèm theo công văn số 9418/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cục Thống kê tỉnh Phú Yên cơ bản thống nhất các nội dung như dự thảo.

Đề dự thảo được hoàn chỉnh, Cục Thống kê tỉnh Phú Yên tham gia một số ý kiến như sau:

(1). Về dự thảo Nghị định của Chính phủ:

Đánh số trang theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Nghị định về công tác văn thư.

(2). Về quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Tại mục V, bước 3, điểm b "*Biên soạn số liệu GRDP*" trang số 4, dòng số 4 tính từ trên xuống, dự thảo có nêu "*Cơ quan thống kê cấp tỉnh phối hợp với cơ quan thống kê trung ương thực hiện rà soát, kiểm tra, phân tích số liệu GRDP lần đầu gửi ý kiến góp ý và giải trình số liệu về cơ quan thống kê trung ương*"

Đề nghị bổ sung như sau: "*Cơ quan thống kê cấp tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan và cơ quan thống kê trung ương thực hiện rà soát, kiểm tra, phân tích số liệu GRDP lần đầu gửi ý kiến góp ý và giải trình số liệu về cơ quan thống kê trung ương*"

(3) Về danh mục nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia:

Dự thảo phân công Sheet KHĐT "*Mã số QG 2110: Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người*".

Đề nghị bỏ chỉ tiêu này trong Sheet KHĐT vì Sheet TNMT đã có chỉ tiêu “*Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người*” thuộc Chủ trì của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là văn bản góp ý dự thảo “Nghị định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Cục Thống kê tỉnh báo cáo Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Cao Đăng Viễn

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/CTK-TKTH

Quảng Trị, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến dự thảo Danh mục
chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Thư công tác của vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc xin ý kiến dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã; Cục Thống kê Quảng Trị đã có Thư công tác gửi các Phòng nghiệp vụ và các Chi cục Thống kê trực thuộc về việc tham gia ý kiến dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

Qua nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, Cục Thống kê Quảng Trị cơ bản thống nhất với nội dung của Danh mục chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã dự thảo. Cục Thống kê Quảng Trị tham gia thêm một số nội dung như sau:

1. Góp ý hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh

- Chỉ tiêu: Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn và cơ cấu chi (Mã số T0604)
Cơ quan phối hợp bỏ Chi cục thuế.

- Bổ sung thêm ở chỉ tiêu: Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu (Mã số T0804) phân tổ theo huyện/quận/thị xã/thành phố là “**đổi với cây lúa**”. Vì Theo phương án điều tra năng suất, sản lượng cây trồng thì chỉ có cây lúa là có thể phân tổ đến cấp huyện, còn lại các cây trồng khác đều không có mẫu đại diện cấp huyện nên không phân tổ đến cấp huyện.

- Đối với chỉ tiêu: Số lượng gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (Mã số T0806) phân tổ loại hình chăn nuôi là trang trại, đề nghị cần làm rõ khái niệm trang trại ở đây theo Thông tư 02 ngày 28/2/2020 của Bộ NN&PTNT hay theo Luật Chăn nuôi 2020. Theo phương án điều tra chăn nuôi hàng năm không có đối tượng điều tra là các trang trại. Tổng điều tra NTNN thì 5 năm mới điều tra trang trại (Theo TT 02) 01 lần, nên phân tổ theo trang trại hàng năm sẽ không thực hiện được nên cần nghiên cứu, xem xét lại nội dung này.

- Chỉ tiêu: Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (Mã số T0811) đổi thành (Mã số T0810), ngược lại chỉ tiêu Diện tích thu hoạch thủy sản (Mã số T0810) đổi thành (Mã số T0811).

- Đối với chỉ tiêu: Sản lượng thủy sản (Mã số T0812) không phân tổ đến cấp huyện/thị xã/thành phố vì theo phương án điều tra thủy sản hiện tại, không có mẫu đại diện cấp huyện/thị xã/thành phố, cần xem xét lại.

- Đối với chỉ tiêu: Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp (Mã số T0907) sửa nội dung của nguồn số liệu “ Điều tra năng lực sản xuất của một số sản xuất công

nghiệp” thành “Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm sản xuất công nghiệp”.

- Chỉ tiêu: Tỷ lệ nghèo đa chiều (Mã số T1802) nếu cơ quan chủ trì là Cục Thống kê thì hàng năm ngành thống kê phải tiến hành điều tra để có số liệu Tỷ lệ hộ nghèo cấp tỉnh, huyện, xã và Danh sách hộ nghèo để cơ quan chức năng có cơ sở cấp số hộ nghèo. Điều này không khả thi, vì vậy nên để Cơ quan chủ trì là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Các Chỉ tiêu mức sống dân cư từ (Mã số T1805) đến (Mã số T1808) Tỷ lệ dân số... nên sửa lại là Tỷ lệ hộ dân cư; hàng năm Tỉnh rất cần chỉ tiêu này để đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, nhưng Cục Thống kê công bố 2 năm 1 lần, trong lúc đó dữ liệu hành chính của các cơ quan liên quan thì chỉ có số liệu về số hộ.

- Chỉ tiêu: Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông (Mã số T1901) cơ quan chủ trì là Công an tỉnh nên sửa lại là Ban an toàn giao thông tỉnh.

2. Góp ý hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện

- Cần nghiên cứu, xem xét chỉ tiêu: Dân số, mật độ dân số (Mã số H0102) mà các Phân tổ là: Độ tuổi; Tình trạng hôn nhân; Trình độ học vấn; Thành thị/nông thôn; Xã/phường/thị trấn có kỳ công bố hàng năm. Vì Kết quả điều tra mẫu biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình; điều tra lao động - việc làm hàng năm chỉ suy rộng đến cấp tỉnh, TĐT và điều tra giữa kỳ mới suy rộng đến cấp huyện và cấp xã.

- Về quy mô dân số (Mã số H0102) cần có sự cung cấp thông tin từ cơ quan Công an trên cơ sở khai thác cơ sở dữ liệu dân cư để có thông tin. Do vậy nguồn thông tin cần bổ sung nội dung là báo cáo của UBND phường, xã và khai thác dữ liệu hành chính của cơ quan Công an.

- Bổ sung chỉ tiêu: Số lượng (tỷ lệ nữ tham gia, làm lãnh đạo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp) sau chỉ tiêu H0107 để đánh giá chỉ tiêu về giới.

- Chỉ tiêu: Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp (Mã số H0202) đề nghị kỳ công bố hàng năm và nguồn số liệu từ khai thác dữ liệu hành chính chế độ báo cáo của Phòng Nội vụ.

- Chỉ tiêu: Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu (mã số H0214) là cần nghiên cứu và xem xét lại vì Theo phương án điều tra năng suất sản lượng cây trồng thì chỉ có cây lúa là có thể thực hiện được, còn lại các cây trồng khác đều không có mẫu đại diện cấp huyện nên cấp huyện không thực hiện được.

- Chỉ tiêu: Số lượng gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (Mã số H0216) đề nghị bổ sung thêm phân tổ (phường, xã) đối với trâu bò và vật nuôi khác ngoài lợn, gà, vịt, ngan.

- Cần nghiên cứu, xem xét chỉ tiêu: Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu (Mã số H0217) vì điều tra chăn nuôi hàng quý là điều tra mẫu, kết quả chỉ suy rộng đến cấp tỉnh.

- Đối với chỉ tiêu: Diện tích rừng trồng mới tập trung (Mã số H0218) nên bổ sung thêm ở phần "Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp" đơn vị phối hợp là các Hạt kiểm lâm (Do chức năng của các Hạt kiểm lâm là theo dõi diễn biến rừng).

- Chỉ tiêu: Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (Mã số H0220) đổi thành (Mã số H0221); ngược lại chỉ tiêu Diện tích thu hoạch thủy sản (Mã số H0221) đổi thành (Mã số H0220).

- Chỉ tiêu mã số H0309, H0310: Đề nghị sửa nội dung là Số ca phát hiện, số ca tử vong thay cho Số ca trên một trăm nghìn dân vì tần suất xuất hiện của chỉ tiêu này đối với cấp huyện ít, đồng thời dân số cấp huyện nhiều đơn vị chưa đạt mức quy mô 100.000 người.

- Cần nghiên cứu, xem xét chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng của xã/phường/thị trấn (Mã số H0312). Vì Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam cỡ mẫu chưa đại diện để suy rộng đến cấp xã/phường/thị trấn.

- Nên thêm chỉ tiêu: Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp và một số sản phẩm chủ yếu; vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý hàng năm

- Cần nghiên cứu 1 chỉ tiêu kinh tế tổng hợp chung nhất và dễ tính toán nhất để đánh giá mức độ phát triển kinh tế của cấp huyện, vì hiện nay cấp huyện rất cần chỉ tiêu này.

3. Góp ý hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã


- Bổ sung chỉ tiêu: Số vụ ly hôn, chỉ tiêu này tại Hệ thống chỉ tiêu cấp huyện mã số H0104 có phân tổ đến cấp xã.

- Chỉ tiêu: Số lượng gia súc, gia cầm và vật nuôi khác (Mã số X0207) chỉ có đối với gia súc là trâu, bò và vật nuôi khác ngoài lợn, gà, vịt, ngan thì có thể thực hiện được do được điều tra toàn bộ từ cấp thôn.

- Chỉ tiêu: Số hộ dân cư nghèo đa chiều (Mã số X0310) đề nghị xem xét phân tổ nguồn thu, nhóm thu nhập vì phân tổ này khó thực hiện được.

Trên đây là ý kiến tham gia của Cục Thống kê Quảng Trị, đề nghị Vụ Phương pháp chế độ nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận: *U*
- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Đình Dương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /CTK-TH

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 145/VP-TH ngày 10/01/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng) đề nghị Cục Thống kê chủ trì, phối hợp sở, ngành liên quan nghiên cứu, góp ý gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Qua nghiên cứu Dự thảo Nghị định; Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (chi tiết theo Bộ, ngành); Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cục Thống kê Sóc Trăng tổng hợp ý kiến góp ý là cơ bản thống nhất với các Dự thảo (đến ngày 19/01/2022 có 2/23 đơn vị phản hồi theo văn bản xin ý kiến của Cục Thống kê) và có góp ý như sau:

(1) Đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia:

- Mã chỉ tiêu: 1305, 1306, 1308, 1311, 1312, 1320, 1321 cơ quan chủ trì thực hiện là Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: 0405, 0406, 0407 cơ quan chủ trì thực hiện là Bộ Xây dựng, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: 0713, 0714, 0715 cơ quan chủ trì thực hiện là Bảo hiểm xã hội Việt Nam, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê. ✓

- Mã chỉ tiêu: 0609, 0707 cơ quan chủ trì thực hiện là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: 1009 cơ quan chủ trì thực hiện là Bộ Công thương, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: 0103, 0111, 0113, 0114 cơ quan chủ trì thực hiện là Bộ Tư pháp, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: 0203 cơ quan chủ trì thực hiện là Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: 0405, 0406, 0407 cơ quan chủ trì thực hiện là Bộ Xây dựng, cơ quan phối hợp thực hiện là Tổng cục Thống kê.

(2) Đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh

- Chỉ tiêu T0110, T0111 cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp là Sở Tư pháp, cơ quan phối hợp là Cục Thống kê.

- Chỉ tiêu T0405, T0406 cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp là Sở Xây dựng, cơ quan phối hợp là Cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: T0713, T0714, T0715 cơ quan chủ trì thực hiện là Bảo hiểm xã hội tỉnh, cơ quan phối hợp thực hiện là Cục Thống kê.

- Mã chỉ tiêu: T0807 cơ quan chủ trì thực hiện là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan phối hợp thực hiện là Cục Thống kê.

(3) Đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện

Bổ sung thêm 02 chỉ tiêu thuộc lĩnh vực kinh tế

- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản Phân theo ngành kinh tế.

- Doanh thu của cơ sở sản xuất công nghiệp.

(4) Mã số chỉ tiêu: cần tương ứng thống nhất từ mã số chỉ tiêu thống kê quốc gia và mã số chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Ví dụ như: Chỉ tiêu diện tích và cơ cấu đất, tương ứng 4 cấp là: 0101, T0101, H0101, X0101.

Trên đây là ý kiến góp ý xin gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Sóc Trăng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TH.



Dương Hoàng Sals

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /CTK-TKTH

Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

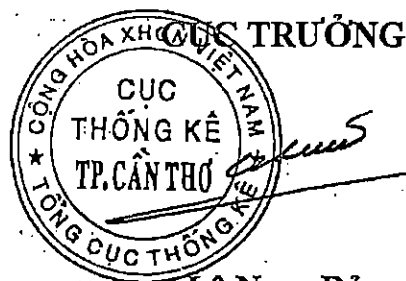
Căn cứ Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 22/VPUB-TH ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu, rà soát nội dung dự thảo và các Phụ lục I; II, Cục Thống kê thành phố Cần Thơ thống nhất với tất cả các nội dung đã nêu trong dự thảo.

Cục Thống kê gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, và Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng TKTH.



Lê Ngọc Bảy

✓
Người ký: Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang
Email: kiengiang@gso.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế
hoạch và Đầu tư
Thời gian ký: 18.01.2022 16:01:59 +07:00

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 15 / CTK-TH

Kiên Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và quản lý chất lượng TK

Ngày 31/12/2021, Cục Thống kê nhận được công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xin ý kiến về dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Qua nghiên cứu Cục Thống kê có ý kiến như sau.

Thông nhất với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm:

- (1) Dự thảo Nghị định;
- (2) Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu TK thuộc hệ thống chỉ tiêu TKQG;
- (3) Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (4) Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê, kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê để báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Dương Văn Hùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29 /CTK-TH

Trà Vinh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê
- Tổng cục Thống kê

Căn cứ Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Công văn số 35/UBND-THNV ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo Nghị định và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sau khi nghiên cứu và tổ chức lấy ý kiến đóng góp dự thảo nội dung Nghị định, Cục Thống kê tổng hợp các ý kiến như sau:

Về thời gian công bố số liệu GRDP, đề nghị điều chỉnh thời gian công bố số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng vào **ngày 20 tháng 9 hằng năm** (dự thảo quy định ngày 30 tháng 9 hằng năm) do UBND tỉnh quy định các ngành phải hoàn thành và gửi báo cáo về UBND tỉnh chậm nhất ngày 22 hàng tháng.

Trên đây là ý kiến đóng góp nội dung dự thảo Nghị định xin gửi về Tổng Vụ phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - Tổng cục Thống kê tổng hợp hoàn thiện dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Dũng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/CTK-TH

Long An, ngày 17 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu thống kê
thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc
gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng
sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản
phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện công văn 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước; chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau quá trình nghiên cứu bản dự thảo Nghị định và các phụ lục có liên quan kèm theo công văn trên, Cục Thống kê Long An thống nhất cao với các nội dung trong bản dự thảo. Kính phân hồi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê được rõ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các phòng Nghiệp vụ;
- Lưu: VT, TH.



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BR-VT

Số: 14 /CTK-TH


V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

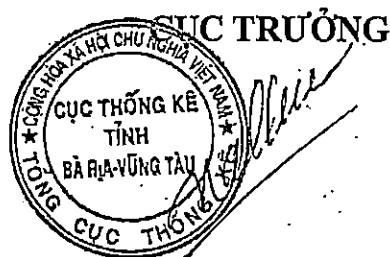
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhất trí với kết cấu dự thảo.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Thu

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

Số:33 /CTK-TKTH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc HTCT TKQG và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê)

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu tài khoản quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

Ngày 19/5/2021, Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa đã tham gia góp ý nội dung dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê theo Công văn số 2540/BKHĐT-TCTK ngày 05/5/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Về việc xin ý kiến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê”. Do vậy, Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa nhất trí cao nội dung dự thảo đã nêu trên và không tham gia góp ý kiến.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PPCĐ & QLCLTK (TCTK);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TKTH.



Lê Thị Trúc Phương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65 /CTK-TKTH

Quảng Nam, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý các dự thảo Nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê Quảng Nam đã triển khai đến các đơn vị liên quan nghiên cứu góp ý, kết quả góp ý thống nhất với các dự thảo: dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia, dự thảo Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và thống nhất với bảng phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam kính báo cáo đề Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê theo dõi, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKTH.

TRƯỞNG


Lê Quý Đạt

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45 /CTK-TKTH

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ
thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy
trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GDP, GRDP), Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng có một số ý kiến sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

2. Đối với nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (*Phụ lục I*) và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Phụ lục II*), Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và bổ sung một số nội dung sau:

2.1. *Phụ lục I. Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.*

Cục Thống kê cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo.

2.2. *Phụ lục II. quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP)*

- **Phần IV.** Quy định biên soạn,

+ **Mục 5:** đề nghị bổ sung “Các chỉ tiêu giá trị sản xuất (GO), giá trị tăng thêm (VA) tính theo giá cơ bản. Các chỉ tiêu GO, VA, GDP và GRDP được biên soạn theo 3 khu vực kinh tế, ngành kinh tế cấp 1, cấp 2, loại hình kinh tế, theo giá hiện hành và giá so sánh.

+ **Mục 6, điểm c:** đề nghị bổ sung “Thông tin do cơ quan thống kê cấp tỉnh thu thập, tổng hợp từ thông tin của các sở, ban, ngành cung cấp, chế độ báo cáo thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh”

- **Phần V.** Quy trình biên soạn

+ **Bước 1, điểm b:** đề nghị bổ sung thêm nguồn (4) chế độ báo cáo thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh.

- **Phần VII. Công bố số liệu GDP và GRDP**

+ **Mục 3, điểm b:** đề phục vụ cho báo cáo kinh tế - xã hội quý I và báo cáo 9 tháng, đề nghị nên quy định thời gian công bố số liệu GRDP ước tính quý I thành “ngày 25 tháng 3 hằng năm” và thời gian công bố số liệu ước tính 9 tháng thành “ngày 25 tháng 9 hằng năm”.

Các nội dung khác Cục Thống kê cơ bản thống nhất.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kính gửi quý Vụ xem xét, tổng hợp và hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: -43 /CTK-TH
V/v triển khai Văn bản số
9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Tổng cục Thống kê

Cục Thống kê Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Tổng cục Thống kê lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

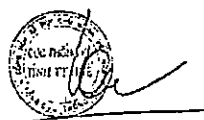
Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê Thừa Thiên Huế thống nhất với ý kiến Dự thảo Nghị định nêu trên.

Cục Thống kê kính báo Tổng cục Thống kê để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,TH.

CỤC TRƯỞNG



Ngô Liêu

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THANH HOÁ

Số: 38 /CTK-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 về việc tham gia ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 157/UBND-THKH ngày 05/01/2022 về việc giao góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê Thanh Hóa tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung cụ thể như sau:

1. Dự thảo Nghị định: Điều 3, đề nghị thay cụm từ “Các Bộ trưởng” thành “Bộ trưởng”.
2. Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Cơ bản thống nhất như dự thảo.
3. Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP): Cơ bản thống nhất như dự thảo. Tuy nhiên, thời gian công bố số liệu GRDP sơ bộ quý I, ước tính quý II và 6 tháng đầu năm vào ngày 25/5 hằng năm là quá sớm so với kỳ họp 6 tháng đầu năm của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tổ chức họp vào đầu tháng 7 hằng năm). Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh thời gian công bố phù hợp.
4. Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia: Cơ bản thống nhất như dự thảo.

Trên đây là góp ý của Cục Thống kê Thanh Hóa đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đề nghị Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi (để b/c);
- Lưu: VT, TH.



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hiệp
Nguyễn Mạnh Hiệp

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36 /CTK-TKTH

Ninh Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 01/UBND-VP2 ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc góp ý Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình đã có văn bản số 19/CTK-TKTH ngày 06/01/2022 gửi các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia góp ý vào các Dự thảo. Kết quả tổng hợp các ý kiến góp ý như sau:

I. Dự thảo 2, Phụ lục I: Nội dung các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

1. Ngân hàng Nhà nước

- Trang 82:

+ **Chỉ tiêu 0701:** Công thức tính trong dự thảo hiện nay là công thức tính “Tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng” đây chỉ là một thành phần trong “Tổng phương tiện thanh toán”, không phải là toàn bộ “Tổng phương tiện thanh toán”. Việc dự thảo trình bày chỉ ghi là “Công thức tính” để gây hiểu lầm đây là cách tính chỉ tiêu 0701 “Tổng phương tiện thanh toán”.

+ **Chỉ tiêu 0702:** Phần khái niệm trong dự thảo hiện nay đang nêu là khái niệm về “Tổng phương tiện thanh toán”, không phải là khái niệm về Tỷ lệ “Tổng phương tiện thanh toán so với Tổng sản phẩm trong nước”.

2. Bảo hiểm xã hội

- Trang 96:

+ **Chỉ tiêu 0713:** Mục b: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đang viết là: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội là phần trăm số người tham gia bảo hiểm y tế trong tổng dân số. Đề nghị sửa lại là: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội là phần trăm số người tham gia bảo hiểm xã hội trong tổng dân số.

3. Cục thống kê

- Trang 99:

+ **Chỉ tiêu 0715:** Mục b: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm **thất nghiệp** đang viết là: Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế là phần trăm số người tham gia bảo hiểm y tế trong tổng dân số (có thể do copy nhầm, chưa sửa).

Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ người tham} \\ \text{gia bảo hiểm y tế} \\ \text{(\%)} \end{array} = \frac{\text{Số người tham gia bảo hiểm y tế}}{\text{Dân số cùng thời điểm}} \times 100$$

- **Trang 106:** Từ đoạn 3 “Phương pháp tính ...” rất nhiều lỗi chính tả, đề nghị soát lại.

- **Trang 108:** Mục 1.3: Xem lại khái niệm **diện tích cây lâu năm trồng mới** đang khác khái niệm trong giải thích phiếu điều tra diện tích cây lâu năm của Phương án điều tra Diện tích cây nông nghiệp ban hành theo Quyết định 1501/QĐ-TCTK ngày 18/10/2019.

- Trang 109:

+ **Chỉ tiêu 0803:** Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu: Phần phân tổ ở trang 110 lại phân theo **thành phần kinh tế** nhưng phần diện tích phân tổ theo **loại hình kinh tế**?

4. Công an tỉnh

- Trang 224:

+ **Chỉ tiêu 1904:** Hệ số an toàn giao thông đường bộ gồm:

- Hệ số tương đối so với 100.000 dân là số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông trên 100.000 dân.

- Hệ số tương đối so với 10.000 phương tiện là số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông trên 10.000 phương tiện.

Chỉ tiêu này Công an tỉnh góp ý đề TCTK là cơ quan thu thập, tổng hợp do chỉ tiêu dân số do TCTK công bố, các chỉ tiêu về số vụ tai nạn, số người chết, số người bị thương hàng tháng, quý, năm Bộ Công an đã cung cấp chỉ tiêu này.

II. Dự thảo 3, Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1. Cục Thống kê

- **Bước 3: Biên soạn số liệu GDP, GRDP** - Mục b: Biên soạn số liệu GRDP

- Cơ quan thống kê Trung ương biên soạn số liệu VA, thuế sản phẩm, trợ cấp sản phẩm, GRDP theo giá trị, cơ cấu, tốc độ phát triển và gửi cơ quan thống kê cấp tỉnh xem xét, rà soát và cho ý kiến góp ý về kết quả biên soạn số liệu GRDP lần đầu; (Nên bổ sung gắn với thời gian trước bao nhiêu ngày ...)

- Cơ quan thống kê cấp tỉnh phối hợp với cơ quan thống kê Trung ương thực hiện rà soát, kiểm tra, phân tích kết quả biên soạn số liệu GRDP lần đầu; gửi ý kiến góp ý và giải trình số liệu về cơ quan thống kê Trung ương; (**Thời gian góp ý thường quá ngắn nên quy định thời gian**).

Bước 4: Công bố và phổ biến số liệu GDP, GRDP

Số liệu GDP, GRDP được công bố theo lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước và phổ biến qua các hình thức chủ yếu sau: Trang thông tin điện tử của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh; họp báo, thông cáo báo chí; phương tiện thông tin đại chúng và các xuất bản ấn phẩm (**Sửa thành các ấn phẩm xuất bản**).

Trên đây là một số ý kiến góp ý cho nội dung các dự thảo, Cục Thống kê Ninh Bình đã tổng hợp trân trọng báo cáo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê. *Nguyễn Văn Đồng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng;
- Lưu: VT; TKTH.



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /CTK-TH

Yên Bái, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê;
- UBND tỉnh Yên Bái.

Thực hiện công văn số 9418/BKHDT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; và công văn số 03/UBND-TKTH ngày 04/1/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về việc giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, và tổng hợp các ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các phòng nghiệp vụ và Chi cục Thống kê các huyện, thành phố, khu vực, Cục Thống kê tỉnh Yên Bái cơ bản nhất trí với các nội dung của dự thảo.

Cục Thống kê tỉnh Yên Bái kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê tổng hợp tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

KT CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đỗ Thị Bích Diệp

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /CTK-TH

Bắc Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê (Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê)

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu nội dung, các chi tiêu của từng lĩnh vực đã thể hiện ở dự thảo Nghị định, Phụ lục 1, Phụ lục 2. Cục Thống kê Bắc Giang nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị định; Phụ lục 1 Dự thảo nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia; Phụ lục 2 Dự thảo quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê Bắc Giang báo cáo Tổng cục Thống kê nghiên cứu, xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.



Đông Văn Sùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45 /CTK-TH

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý thông tin thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31/12/2021 của Tổng cục Thống kê về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê giao cho phòng Thống kê Tổng hợp chủ trì phối hợp với các phòng nghiệp vụ cơ quan Cục Thống kê, Chi cục Thống kê khu vực các huyện, thành phố nghiên cứu và cho ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Nghị định, dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Các ý kiến tham gia đều nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và không có ý kiến gì thêm.

Cục Thống kê tỉnh Sơn La gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Ngô Thị Thu

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ NAM ĐỊNH

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/CTK-TKTH

Nam Định, ngày 14 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê

Thực hiện Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê tỉnh Nam Định cơ bản nhất trí với nội dung trong Văn bản và có một số ý kiến tham gia như sau:

Trong **Phụ lục 2**: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Phần V “Quy trình biên soạn”, Mục 2, Bước 3 “Biên soạn số liệu GDP, GRDP”, Ý b “Biên soạn số liệu GRDP”, khoản thứ 5 “Cơ quan thống kê Trung ương gửi kết quả biên soạn số liệu GRDP cuối cùng về cơ quan thống kê cấp tỉnh để thống nhất sử dụng và công bố”: **Đề nghị sửa lại là** “Cơ quan thống kê Trung ương **thông báo** kết quả biên soạn số liệu GRDP cuối cùng về cơ quan thống kê cấp tỉnh để thống nhất sử dụng và công bố”.

+ Phần VI “Trách nhiệm biên soạn”, Mục 1, Ý a “Cơ quan thống kê Trung ương”, khoản thứ 1 “Chịu trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin trên địa bàn và từ các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty; kiểm soát, phân tích, xử lý, hoàn thiện thông tin đầu vào”: **Đề nghị sửa lại là** “Tổ chức thu thập thông tin trên địa bàn và từ các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty; kiểm soát, phân tích, xử lý, hoàn thiện thông tin đầu vào”.

+ Phần VI “Trách nhiệm biên soạn”, Mục 1, Ý b “Cơ quan thống kê cấp tỉnh”, khoản thứ 1 “Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu ước tính, sơ bộ theo kế hoạch công tác hàng năm...”, khoản thứ 2 “Chịu trách nhiệm báo cáo số liệu thống kê trên địa bàn và phối hợp

với cơ quan thống kê Trung ương thống nhất các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP”, khoản thứ 3 “Chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra, góp ý số liệu GRDP”: **Đề nghị sửa lại là**, khoản thứ 1 “Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu ước tính, sơ bộ theo kế hoạch công tác hàng năm...”, khoản thứ 2 “Báo cáo số liệu thống kê trên địa bàn và phối hợp với cơ quan thống kê Trung ương thống nhất các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP”, khoản thứ 3 “Rà soát, kiểm tra, góp ý số liệu GRDP”.

+ Phần VI “Trách nhiệm biên soạn”, Mục 2, Ý b “Cơ quan thống kê cấp tỉnh”, khoản thứ 1 “Chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu chính thức theo kế hoạch công tác hàng năm...”, khoản thứ 2 “Chịu trách nhiệm báo cáo số liệu thống kê chính thức trên địa bàn và phối hợp với cơ quan thống kê Trung ương...”, khoản thứ 4 “Chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra, góp ý số liệu GRDP chính thức năm”: **Đề nghị sửa lại là**, khoản thứ 1 “Thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu chính thức theo kế hoạch công tác hàng năm...”, khoản thứ 2 “Báo cáo số liệu thống kê chính thức trên địa bàn và phối hợp với cơ quan thống kê Trung ương...”, khoản thứ 4 “Rà soát, kiểm tra, góp ý số liệu GRDP chính thức năm”.

+ Phần VIII “Trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương”, Mục 2 “Trách nhiệm của các địa phương”: Đề nghị, (1) bỏ Ý e vì đã nằm trong Ý b; (2) sắp xếp lại thứ tự Ý đ đứng sau Ý b.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Nam Định xin gửi Quý Vụ để tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TKTH.



CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Ty

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÁI BÌNH

Số: 10 /CTK-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, chỉ tiêu GRDP và Dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý Chất lượng thống kê.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê Thái Bình đã triển khai nghiên cứu và có ý kiến góp ý như sau:

Cục Thống kê nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

Cục Thống kê nhất trí với nội dung dự thảo Phụ lục II: QUY TRÌNH BIÊN SOẠN CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC, CHỈ TIÊU TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG. Dự thảo đã giải quyết được cung cấp thông tin chỉ tiêu GRDP cho cấp tỉnh bổ sung theo kỳ quý, 9 tháng. Đặc biệt kỳ năm đã cung cấp thông tin kịp thời vào thời gian 20/11 đảm bảo địa phương sử dụng trong các kỳ họp HĐND. Và quy định rõ công bố GRDP do thủ trưởng cơ quan thống kê cấp tỉnh thực hiện.

Góp ý một số nội dung sau:

Cục Thống kê nhất trí với nội dung dự thảo Phụ lục I: NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA; và xin có một số ý kiến như sau:

Trang 45: Trình bày lại mục 5. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp. Do liên dòng cuối của mục 4 phía trước.

Trang 54: Mục a) *Kỳ quý phân tổ theo* trong mục 2. Phân tổ chủ yếu, chỉ tiêu 0501 “**Tổng sản phẩm trong nước (GDP)**”. *Bổ sung thêm*: Riêng quý I, phân tổ theo vùng; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Như vậy mới đảm bảo quy trình của Phụ lục II.

Trang 106: có một số lỗi chính tả cần sửa.

Đồng thời, thực hiện Thư công tác về việc xin ý kiến về Dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã. Cục Thống kê đã nghiên cứu bản dự thảo và nhất trí với các chỉ tiêu, tên chỉ tiêu: Đã cập nhật các chỉ tiêu Thu nhập bình quân

đầu người đến cấp tỉnh, huyện; Chỉ tiêu Chỉ số phát triển con người HDI; Chỉ tiêu Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đến cấp huyện; Thu chi ngân sách nhà nước đến cấp xã... và một số chỉ tiêu đã đáp ứng Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh như: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường... Các chỉ tiêu đưa ra đều có tính khả thi cao. Tuy nhiên, biểu mẫu để thực hiện Hệ thống chỉ tiêu cần phù hợp với Chế độ báo cáo của Bộ, Ngành cập nhật mới nhất đến thời điểm hiện tại.

Cục Thống kê Thái Bình đưa ra một số góp ý cụ thể như sau:

*** Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh**

+ Chỉ tiêu T0109: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh góp ý Kỳ công bố có thể là 5 năm do mẫu điều tra hàng năm chưa đảm bảo đủ lớn, sự biến động về tuổi thọ trung bình năm trước, năm sau không lớn (công bố chỉ tiêu này ở các kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở; Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ);

+ Chỉ tiêu T0114: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh góp ý có thể chỉ tính Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã được đăng ký khai (do trẻ em trên 01 năm trong điều kiện hiện nay về cơ bản đã được đăng ký khai sinh). Nguồn số liệu bổ sung từ dữ liệu hành chính.

+ Chỉ tiêu T0506: Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trên địa bàn góp ý có thể chỉ tính Chi phí logistics so với giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu (đảm bảo tính khả thi về nguồn lực, phạm vi nguồn dữ liệu)

+ Chỉ tiêu T0812: Sản lượng thủy sản góp ý có thể thiết kế phương án điều tra để thêm kỳ công bố là 6 tháng

+ Chỉ tiêu T0907: Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp góp ý lên thu thập lồng vào điều tra doanh nghiệp hàng năm, kỳ công bố hàng năm, chủ trì thu thập là Cục Thống kê.

+ Chỉ tiêu T1318: Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến góp ý bổ sung Nguồn thông tin khai thác từ dữ liệu cơ sở hành chính (lý do về cơ bản khi thực hiện giao dịch người dân đều phải khai báo số CMND)

*** Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện**

+ Chỉ tiêu T0105: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh góp ý có thể chỉ tính Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã được đăng ký khai (do trẻ em trên 01 năm trong điều kiện hiện nay về cơ bản đã được đăng ký khai sinh). Nguồn số liệu bổ sung từ dữ liệu hành chính.

*** Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã**

+ Chỉ tiêu T0105: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh góp ý có thể chỉ tính Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã được đăng ký khai (do trẻ em trên 01

nằm trong điều kiện hiện nay về cơ bản đã được đăng ký khai sinh). Nguồn số liệu bổ sung từ dữ liệu hành chính.

*** Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh**

+ Chi tiêu T0109: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh góp ý Kỳ công bố có thể là 5 năm do mẫu điều tra hàng năm chưa đảm bảo đủ lớn, sự biến động về tuổi thọ trung bình năm trước, năm sau không lớn (công bố chỉ tiêu này ở các kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở; Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ);

+ Chi tiêu T0114: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh góp ý có thể chỉ tính Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã được đăng ký khai (do trẻ em trên 01 năm trong điều kiện hiện nay về cơ bản đã được đăng ký khai sinh). Nguồn số liệu bổ sung từ dữ liệu hành chính.

+ Chi tiêu T0506: Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trên địa bàn góp ý có thể chỉ tính Chi phí logistics so với giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu (đảm bảo tính khả thi về nguồn lực, phạm vi nguồn dữ liệu)

+ Chi tiêu T0812: Sản lượng thủy sản góp ý có thể thiết kế phương án điều tra để thêm kỳ công bố là 6 tháng

+ Chi tiêu T0907: Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp góp ý lên thu thập lồng vào điều tra doanh nghiệp hàng năm, kỳ công bố hàng năm, chủ trì thu thập là Cục Thống kê.

+ Chi tiêu T1318: Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến góp ý bổ sung Nguồn thông tin khai thác từ dữ liệu cơ sở hành chính (lý do về cơ bản khi thực hiện giao dịch người dân đều phải khai báo số CMND)

*** Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện**

+ Chi tiêu T0105: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh góp ý có thể chỉ tính Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã được đăng ký khai (do trẻ em trên 01 năm trong điều kiện hiện nay về cơ bản đã được đăng ký khai sinh). Nguồn số liệu bổ sung từ dữ liệu hành chính.

+ Bổ sung chỉ tiêu kinh tế: Số dự án công trình triển khai thực hiện trên địa bàn huyện. Kỳ công bố: năm. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp: Chi cục Thống kê huyện; cơ quan phối hợp các phòng ban huyện liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn.

+ Chi tiêu H0202: Bổ sung thêm nguồn số liệu Dữ liệu hành chính địa phương.

+ Chi tiêu H0311: Sửa báo cáo của phòng thống kê thành báo cáo của Chi cục Thống kê huyện.

*** Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã**

+ Chi tiêu T0105: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh góp ý có thể chỉ tính Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi đã được đăng ký khai (do trẻ em trên 01

nằm trong điều kiện hiện nay về cơ bản đã được đăng ký khai sinh). Nguồn số liệu bổ sung từ dữ liệu hành chính.

* Thêm chỉ tiêu Số hộ dân cư của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do nhiều chỉ tiêu thống kê liên quan đến “hộ”

Cục Thống kê Thái Bình trân trọng gửi đơn vị đề tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: TH, VT.

CỤC TRƯỞNG



Trương Bá Phúc

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /CTK-TH

Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành của tỉnh; của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị thuộc Cục Thống kê, tỉnh Hưng Yên tham gia một số ý kiến sau:

I. DỰ THẢO NỘI DUNG NGHỊ ĐỊNH

Tỉnh Hưng Yên hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến bổ sung khác.

II. DỰ THẢO PHỤ LỤC 1

1. Đối với chỉ tiêu 0113. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được khai sinh

- Nguồn số liệu: Sửa nguồn dữ liệu “từ các cuộc điều tra thống kê” thành “Dữ liệu hành chính và chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia”.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:

+ Cơ quan chủ trì: “Tổng cục Thống kê” thành “Bộ Tư Pháp” vì Tổng cục Thống kê không có cuộc điều tra nào thu thập cho thời điểm 31/12 và các cuộc điều tra thống kê chỉ là điều tra chọn mẫu. Bên cạnh đó, chỉ tiêu này trong các chương trình, đề án của Chính phủ đều giao cho Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện, hướng dẫn.

+ Cơ quan phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Y tế

2. Chỉ tiêu 0114. Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử

- Nguồn số liệu: Bổ sung thêm “Dữ liệu hành chính”.

3. Chỉ tiêu 0202. Số lao động có việc làm trong nền kinh tế

- Khái niệm: Bổ sung vào sau “Laō động có việc làm là tất cả những người từ đủ 15 tuổi trở lên, trong thời gian tham chiếu” cụm từ “(7 ngày trước thời điểm quan sát)”.

4. Chỉ tiêu 0203. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo

- Bổ sung vào sau “thời gian tham chiếu” cụm từ “(7 ngày trước thời điểm quan sát)”.

5. Chỉ tiêu 0204. Tỷ lệ thất nghiệp

- Bổ sung vào sau “thời gian tham chiếu” cụm từ “(7 ngày trước thời điểm quan sát)”.

6. Chỉ tiêu 0208: Năng suất lao động

- Phân tổ chủ yếu: bổ sung thêm “Vùng”.

- Nguồn số liệu: thay “Nhu nguồn số liệu của chỉ tiêu 0501” bằng nguồn số liệu cụ thể.

7. Chỉ tiêu 0301. Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở kinh tế

- Bổ sung thêm phân tổ: “Loại hình kinh tế”.

8. Chỉ tiêu 0501. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

- Bổ sung thêm khái niệm giá trị tăng thêm.

9. Chỉ tiêu 0722. Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước

- Bổ sung thêm cơ quan phối hợp là: Tổng cục Thống kê

10. Chỉ tiêu 0807. Diện tích rừng trồng mới tập trung

- Bổ sung thêm nguồn số liệu là: Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

11. Chỉ tiêu 1502. Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học

- Bổ sung thêm phân tổ theo loại hình

12. Chỉ tiêu 1503. Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông

- Bổ sung thêm phân tổ theo vùng

- Trong công thức tính sử dụng “cấp học t” và “năm học k” thống nhất với chỉ tiêu 1501, 1502.

13. Chỉ tiêu 1506. Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp

- Bổ sung cơ quan phối hợp là: Bộ Giáo dục và Đào tạo

14. Chỉ tiêu 1608. Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân

- Bổ sung cơ quan phối hợp là: Tổng cục Thống kê

15. Chỉ tiêu 1609. Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân

- Bổ sung cơ quan phối hợp là: Tổng cục Thống kê

16. Các vấn đề khác

Đối với các chỉ tiêu có chung một phần hoặc toàn bộ nguồn số liệu: Theo dự thảo TCTK đang đề nguồn số liệu giống chỉ tiêu trước hoặc sau đó. Tuy nhiên, tỉnh Hưng Yên góp ý nên nêu rõ nguồn số liệu của từng chỉ tiêu dù có trùng nguồn số liệu với chỉ tiêu khác để người sử dụng dễ theo dõi.

III. DỰ THẢO PHỤ LỤC 2

Trang 3, mục b. Biên soạn số liệu GRDP: Bỏ đoạn “Sau khi thống nhất kết quả tính toán, cơ quan thống kê Trung ương phối hợp với cơ quan thống kê cấp tỉnh hoàn thiện báo cáo giải trình kết quả biên soạn số liệu GRDP” vì trùng với ý cuối cùng của mục này.

IV. DỰ KIẾN PHÂN CÔNG

(Tỉnh Hưng Yên không có ý kiến)

Trên đây là một số ý kiến tham gia góp ý vào nội dung dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục Thống kê trân trọng báo cáo Tổng cục Thống kê và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Hưng Yên (để báo cáo);
- Đ/c Cục trưởng CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Đào Trọng Truyền

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /CTK-TH

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê.

Thực hiện văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định nêu trên, Cục Thống kê thành phố Hà Nội cơ bản nhất trí và có một số ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị định

- Tại Điều 2: Đề nghị sửa cụm từ "*ban hành trước tháng 12 năm 2021*" thành trước thời điểm ban hành Nghị định này.

2. Đối với Phụ lục 2

- Tại Phần V. Quy trình biên soạn (Bước 4. Công bố và phổ biến số liệu GDP, GRDP): Đề nghị chuyển nội dung "*các hình thức lưu giữ thông tin điện tử*" sang Bước 5. Lưu trữ số liệu GDP, GRDP.

- Tại Phần VII. (Thời gian công bố số liệu GRDP): Để phù hợp với lịch phổ biến Báo cáo kinh tế - xã hội quý I, 6 tháng và 9 tháng đề nghị sửa lại thời gian công bố số liệu GRDP như sau:

+ Số liệu ước tính quý 1: Ngày 29 tháng 3 hằng năm.

+ Số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: Ngày 29 tháng 9 hằng năm.

+ Số liệu sơ bộ quý 4 và cả năm theo quý: Ngày 29 tháng 3 năm kế tiếp.

3. Đối với dự kiến phân công thực hiện chỉ tiêu thống kê thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

- Chỉ tiêu mã số 1707 (Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam): Đề nghị bổ sung thêm cơ quan phối hợp là Bộ Công an.

Trên đây là ý kiến góp ý của Cục Thống kê thành phố Hà Nội về dự thảo dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trân trọng kính gửi Quý Vụ tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.



CỤC TRƯỞNG

Cục Thống kê thành phố Hà Nội
Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch
và Đầu tư
19-01-2022 08:02:39 +07:00

Đậu Ngọc Hùng

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 / CTK-TH

Hải Dương, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc
hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
và quy trình biên soạn GDP, GRDP

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 32/UBND-VP ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê Hải Dương đã nghiên cứu dự thảo và có một số ý kiến tham gia như sau:

1. Phụ lục I: Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

- Cần nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể trong nội dung các chỉ tiêu thời điểm công bố đối với từng loại số liệu (ước tính, sơ bộ, chính thức), kỳ công bố (tháng, quý, năm) cụ thể là khi nào. Ví dụ: Số ước tính hàng tháng công bố trước ngày 29 tháng báo cáo; số sơ bộ trước ngày 15 tháng sau tháng báo cáo. Số ước tính hàng quý công bố trước ngày 29 tháng cuối quý; số sơ bộ trước ngày 15 tháng sau tháng cuối quý.

- Chỉ tiêu 0102 (Dân số, mật độ dân số): Mục 1 (Dân số trung bình) có các phân tổ chủ yếu theo giới tính; dân tộc; tôn giáo; độ tuổi; tình trạng hôn nhân; trình độ học vấn... Vì vậy, các mục 2 (Dân số theo giới tính), mục 3, 4, 5, 6, 7 cần sửa thành các tiểu mục của mục 1 (Dân số trung bình); không thể đánh số mục ngang hàng với "dân số trung bình".

- Chỉ tiêu 0208 (Năng suất lao động): Công thức tính dựa trên chỉ tiêu GDP và "Tổng số người làm việc bình quân". Nếu chỉ tiêu "Tổng số người làm việc bình quân" tương ứng "Số lao động có việc làm trong nền kinh tế" trong cùng thời kỳ tham chiếu thì đề nghị bổ sung nguồn số liệu của chỉ tiêu này thêm chỉ tiêu 0202 (Số lao động có việc làm trong nền kinh tế).

- Chỉ tiêu 0213 (Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ): Đề nghị quy định cụ thể trong khái niệm thời

điểm nào (VD: ngày 31/12 hàng năm) để xác định cơ quan có lãnh đạo chủ chốt là nữ để tính tỷ lệ, để cách hiểu chỉ tiêu được khoa học, thống nhất.

- Chỉ tiêu 0515 và 0516 (Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics, chi phí logistics trong tổng sản phẩm trong nước): Đề nghị bổ sung, làm rõ hoạt động logistics gồm các ngành kinh tế có mã ngành cụ thể theo phân ngành kinh tế (nếu đã xác định được rõ mã ngành kinh tế).

- Chỉ tiêu 0713 và 0715 (Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp): Đề nghị xem lại phương pháp tính hai chỉ tiêu này. Vì người tham gia BHXH chỉ nằm trong độ tuổi lao động theo quy định của Luật Lao động; do vậy tỷ lệ người tham gia BHXH cần tính trên “dân số trong độ tuổi lao động” chứ không thể tính theo “tổng thể dân số”. Hiện nay theo Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị) cũng có xây dựng mục tiêu 1.2 trong đó có chỉ tiêu “Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, tham gia bảo hiểm thất nghiệp”.

- Chỉ tiêu 1507 (Số sinh viên đại học trên 10.000 dân): Đề nghị bỏ phân tổ chủ yếu theo “tỉnh, thành phố”; vì phân tổ này không phản ánh đầy đủ bản chất đào tạo, dạy nghề của các tỉnh, thành phố. Nếu địa phương nào có nhiều trường cao đẳng, đại học thì tỷ lệ này sẽ cao nhưng số sinh viên theo học tại các trường đó đa số lại ở địa phương lân cận. Chỉ tiêu này chỉ phù hợp đánh giá cho cả nước hoặc theo Vùng.

2. Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Về thời gian công bố số liệu GRDP, đề nghị điều chỉnh kỳ ước tính quý II và 6 tháng là ngày 30/5 hàng năm; để thời gian tính toán, biên soạn kéo dài hơn (từ 5 ngày lên 10 ngày), tương tự như các kỳ ước tính khác trong năm.

Trên đây là các ý kiến tham gia dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Thống kê Hải Dương tổng hợp báo cáo Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Phạm Bá Dũng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /CTK- TKTH

Hòa Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v tổng hợp ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê;

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định, Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình tham gia ý kiến, đề xuất như sau:

A. Dự thảo Nghị định: hoàn toàn nhất trí với nội dung trong dự thảo;

B. Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Có ý kiến như sau:

1. Tại điểm a mục 1.1 phần 1 Phụ lục I (trang 2), cụm từ: “+ Đất sử dụng mục đích đất quốc phòng, an ninh gồm đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai” đề nghị sửa thành “+ Đất sử dụng mục đích đất quốc phòng, an ninh gồm đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai năm 2013”

2. Tại điểm b mục 1.1 phần 1 Phụ lục I (trang 3): Về khái niệm người sử dụng đất đề nghị chỉnh sửa nội dung đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai năm 2013; cụm từ: “... Nhà nước giao đất để quản lý trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Luật đất đai.” đề nghị sửa thành: “... Nhà nước giao đất để quản lý trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Luật Đất đai năm 2013.”

3. Tại điểm c, Mục 1, Chỉ tiêu 0401 “Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội”

Đề nghị bỏ cụm từ “chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng” trong phần “Chia theo khoản mục đầu tư” (Trang 44) “Trong đó, vốn đầu tư xây dựng cơ bản là bộ phận chiếm tỉ trọng lớn nhất, mặc dù không gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng; chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất; tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất”. Sửa thành: “Trong đó, vốn đầu tư xây dựng cơ bản là bộ phận chiếm tỉ trọng lớn nhất, mặc dù không gồm chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất; tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất”.

Lý do: bỏ cụm từ “chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng”, theo điều 5 khoản 2, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý đầu tư xây dựng quy

định: “ Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng, gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng ...”.

4. Tại điểm a, Mục 1, Chỉ tiêu 0601 “Thu NSNN và cơ cấu thu” (Trang 76)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm thu NSNN theo đúng quy định tại Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN. Thu NSNN bao gồm:

- Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của các luật thuế.
- Lệ phí do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật.
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phân-được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.
- Các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, gồm:
 - a) Lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
 - b) Các khoản thu hồi vốn của Nhà nước đầu tư tại các tổ chức kinh tế;
 - c) Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước;
 - d) Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước;
 - đ) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - e) Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (bao gồm cả gốc và lãi), trừ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.
- Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.
- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý.
- Tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; tiền sử dụng khu vực biển; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật.

- Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước ở địa phương.

- Thu từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 11 Luật ngân sách nhà nước.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

5. Tại điểm a, Mục 1, Chỉ tiêu 0604 “ Chi NSNN và cơ cấu chi” (Trang 78)

Đề nghị sửa đổi, bổ sung khái niệm chi NSNN theo đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật NSNN.

Chi NSNN bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

- Chi dự trữ quốc gia.

- Chi thường xuyên cho các lĩnh vực:

a) Quốc phòng;

b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội;

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên

đoàn lao động-Việt-Nam, Đoàn thanh-niên cộng sản-Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi hỗ trợ thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

- Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do Chính phủ, chính quyền địa phương cấp tỉnh vay.

- Chi viện trợ của ngân sách trung ương cho các Chính phủ, tổ chức ngoài nước.

- Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

- Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

C. Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Tại điểm a, mục 6, phần IV “*Thông tin do cơ quan thống kê trực tiếp thu thập, xử lý và tổng hợp từ các cuộc điều tra, tổng điều tra, chế độ báo cáo thống kê quốc gia, dữ liệu hành chính*” sửa thành “*Thông tin do cơ quan thống kê trung ương, địa phương trực tiếp thu thập, xử lý và tổng hợp từ các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, chế độ báo cáo thống kê quốc gia, dữ liệu hành chính*”.

2. Đề nghị Quy định rõ trong Nghị định một số số liệu cơ bản đối với sở/ngành phụ trách cung cấp, phục vụ biên soạn GRDP trong kỳ (bằng các phụ biểu) như: Thu-Chi NSNN; Tín dụng; Vốn đầu tư....

Trên đây là một số ý kiến tham gia Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Cục Thống kê Hòa Bình báo cáo Tổng cục Thống kê để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TH.



Trần Văn Thạch

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42 /CTK-TKTH

Phú Thọ, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn bản số 15/UBND-KTTH ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về công tác thống kê, tỉnh Phú Thọ có ý kiến như sau:

Sau khi triển khai nghiên cứu dự thảo Nghị định, tỉnh Phú Thọ cơ bản nhất trí với các nội dung trong dự thảo và có một số ý kiến góp ý đối với dự thảo Phụ lục II- Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Xem xét việc biên soạn và công bố số liệu GRDP cho các địa phương theo Quý, với các lý do sau:

- Nhu cầu sử dụng số liệu GRDP quý của các địa phương là không nhiều (Báo cáo Tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Đề án 715 của Tổng cục Thống kê đã đánh giá có 30/63 Cục Thống kê đề nghị bổ sung biên soạn số liệu GRDP theo quý); ở một số địa phương, mong muốn có để biết, không sử dụng để đánh giá trong các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Đối với quý, các địa phương chỉ cần căn cứ vào các chỉ tiêu thống kê phản ánh kết quả phát triển của các ngành, lĩnh vực để điều hành, không cần thiết phải căn cứ vào kết quả tăng trưởng kinh tế.

- Việc biên soạn số liệu GRDP là công việc khá phức tạp, tập trung nhiều nhân lực và thời gian của ngành Thống kê và các ngành liên quan; trong khi vào thời điểm cuối các quý, các Cục Thống kê phải tập trung nhiều thời gian cho việc triển khai các cuộc điều tra;

- Việc tính toán kết quả sản xuất của một số ngành, lĩnh vực theo quý là khá phức tạp, nhất là lĩnh vực nông nghiệp có tính chất mùa vụ; mặt khác, mẫu điều tra thống kê giảm, dẫn đến việc đánh giá kết quả của các ngành, lĩnh vực khó khăn hơn;

- Việc biên soạn và công bố số liệu GRDP theo quý dẫn tới việc công bố số liệu GRDP giữa các kỳ khá gần nhau, nhất là kỳ 9 tháng và cả năm; nếu số liệu giữa các kỳ có sự chênh lệch lớn, sẽ ảnh hưởng đến lòng tin của người sử dụng thông tin thống kê và khó khăn cho các Cục Thống kê trong việc giải trình số liệu.

2. Tại phần VI, mục 2 – Biên soạn số liệu GDP, GRDP chính thức năm:

Đối với việc công bố số liệu GRDP chính thức năm: Không nên công bố theo ngành kinh tế cấp 2. Chỉ công bố theo khu vực kinh tế, thành phần kinh tế và theo ngành kinh tế cấp 1.

Qua thực hiện Đề án 715 cho thấy, việc công bố số liệu GRDP theo ngành kinh tế cấp 1 cũng chưa thực hiện được đầy đủ theo quy định, một số ngành kinh tế, nhất là các ngành kinh tế hạch toán toàn ngành khó có cơ sở để giải trình số liệu.

Trên đây là một số ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của tỉnh Phú Thọ, Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ kính gửi Tổng cục Thống kê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Phan Trọng Tấn (để b/c);
- CT, các PCT Cục Thống kê;
- Các phòng thuộc CTK;
- Lưu: VT, P.TKTH.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hiền Minh

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 07 /CTK-TH
V/v tham gia góp ý dự thảo.

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn bản số 15/UBND-TH ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước.

Sau khi nghiên cứu dự thảo và trên cơ sở tổng hợp các ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành có liên quan. Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang tổng hợp một số ý kiến tham gia vào các dự thảo như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị định;

Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến gì cần bổ sung thêm.

2. Đối với dự thảo Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Cục Thống kê và các sở, ban, ngành có ý kiến như sau:

- Đối với nhóm chỉ tiêu số 01(trang 1). Chỉ tiêu số 0102(trang 4). Dân số, mật độ dân số, Sở Khoa học và Công nghệ có tham gia ý kiến:

Tại mục 2. Dân số theo giới tính (trang 5): Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm "khái niệm, phương pháp tính" cho thống nhất với các mục.

Tại mục 6. Dân số theo dân tộc (trang 8): Cục Thống kê có tham gia ý kiến đề nghị ban soạn thảo quy định rõ về khái niệm về dân số, dân tộc, cụ thể như sau: Tên dân tộc của một người được quy định tại giấy khai sinh, căn cước công dân. Trường hợp không xác định được bằng giấy khai sinh, căn cước công dân thì thường được quy định theo dân tộc của người cha. Đối với một số dân tộc còn theo chế độ mẫu hệ, thì tên dân tộc được ghi theo dân tộc của người mẹ.

Sở Tư pháp cũng tham gia ý kiến về khái niệm của Dân số theo dân tộc: Để đảm bảo theo quy định của Luật hộ tịch đề nghị thay từ "xác định" thành từ "tổng hợp" và bỏ các từ "Tên", "thường" và cụm từ "Đối với một số dân tộc còn theo chế độ mẫu hệ". Sửa đổi, bổ sung cụm từ trên thành: "Trong thống kê dân số, dân tộc được thu thập dựa trên cơ sở tự tổng hợp của đối tượng điều tra. Dân tộc của một người được quy định theo dân tộc của cha hoặc mẹ, trường hợp cha, mẹ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của con theo thỏa thuận của cha mẹ (được ghi trong Giấy khai sinh)".

- Về nhóm chỉ tiêu số 0111(trang 19). Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu. Sở Tư pháp có tham gia các ý kiến cụ thể như sau:

Tại phần I. Số cuộc kết hôn. Phần khái niệm, mục d (trang 19). Kết hôn có đủ điều kiện theo Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký. Đề nghị thay từ “Kết hôn” bằng từ “Hôn nhân thực tế” và sửa cụm từ thành “Hôn nhân thực tế có đủ điều kiện theo quy định của luật hôn nhân gia đình nhưng không đăng ký”.

Về khái niệm phần Kết hôn không đủ điều kiện theo Luật hôn nhân và gia đình mục d (trang 19). Theo ý kiến của Sở Tư pháp nội dung này không thể được gọi là kết hôn vì vậy đề nghị bổ sung cụm từ “Sống chung như vợ chồng” và sửa đổi, bổ sung cụm từ thành: “Sống chung như vợ chồng không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”. Đề nghị bỏ chỉ tiêu: “Sống với nhau như vợ chồng” tại mục d (trang 19).

- Đối với nhóm chỉ tiêu số 02 (trang 23). Lao động, việc làm và bình đẳng giới. Tại phần phân tổ chủ yếu của các chỉ tiêu. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có tham gia ý kiến: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung phân tổ thêm chỉ tiêu dân tộc.

Tại chỉ tiêu số 0210 (trang 32). Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng. Cục Thống kê và Ban Tổ chức Tỉnh ủy có tham gia ý kiến: Đề nghị thay thế cụm từ “giữ các chức vụ” bằng cụm từ “tham gia”. Cụ thể như sau: Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng là số phần trăm phụ nữ tham gia trong các cấp ủy đảng so với tổng số người tham gia các cấp ủy đảng.

Tại chỉ tiêu số 0213 (trang 34). Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề nghị bổ sung thêm cụm từ “khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở”. Cụ thể như sau: Tỷ lệ cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở, cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy cũng đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm chỉ tiêu thu thập, cụ thể như sau: Số cơ quan, đơn vị các cấp có tỷ lệ nữ trên 30% để đưa vào nội dung trong các báo cáo đánh giá năm và theo giai đoạn.

- Đối với chỉ tiêu số 06 (trang 78). Tài chính công. Nhóm chỉ tiêu số 0601(trang 78). Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu. Sở Tài chính có tham gia ý kiến về phần khái niệm, nội dung: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụ thể các khoản thu ngân sách đã được quy định tại Điều số 35, 37 Luật Ngân sách nhà nước đã được Quốc hội ban hành năm 2015. Tại nhóm chỉ tiêu số 0604 (trang 79). Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi. Phần khái niệm, nội dung: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụ thể các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước đã được quy định tại Điều số 36, 38 Luật Ngân sách nhà nước.

- Đối với chỉ tiêu số 20 (trang 229). Tư pháp. Nhóm chỉ tiêu số 2001 (trang 229). Số vụ án, số bị can đã khởi tố. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có tham

gia ý kiến tại phần 2. Phân tổ chủ yếu: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung phân tích cụ thể theo nhóm tội danh (theo Chương của Bộ luật hình sự) cho phù hợp với phân tổ chủ yếu của cơ quan Tòa án. Bổ sung thêm chỉ tiêu số bị can là đảng viên.

Ngoài ra, phụ lục mới chỉ liệt kê số liệu bị can đã khởi tố mới, bị can đã truy tố mới, chưa thể hiện được cụ thể cơ quan Công an và Viện kiểm sát đã giải quyết án chi tiết như thế nào (số vụ án tạm đình chỉ, đình chỉ...). Đề nghị bổ sung thêm nội dung kết quả giải quyết án cho đầy đủ hơn.

- Đối với các nhóm chỉ tiêu còn lại Cục Thống kê và các sở, ban, ngành nhất trí với các chỉ tiêu, khái niệm, phương pháp tính đã nêu trong dự thảo.

3. Đối với dự thảo Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tại phần IV. Quy định biên soạn (trang 2). Phần 2 có ghi: Tổ chức công bố số liệu GDP, GRDP theo quy định của Luật Thống kê và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Cục Thống kê có tham gia góp ý sửa lại nội dung, cụ thể như sau: Tổ chức công bố số liệu GDP, GRDP theo quy định Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

- Tại phần VI. Trách nhiệm biên soạn (trang 4). Tại mục 3. Thời gian cung cấp các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP của kỳ ước tính và sơ bộ. Sở Tài chính có ý kiến đề nghị xem xét, điều chỉnh thời gian cung cấp số liệu sơ bộ GRDP quý 3 và 9 tháng, ước tính quý 4 và cả năm, do số liệu thu, chi ước thực hiện của quý 4 và cả năm tại thời điểm ngày 10/11 hàng năm sẽ có độ chênh lệch tương đối lớn so với kết quả thực hiện.

Trên đây là một số nội dung tham gia góp ý vào dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê Tuyên Quang trân trọng báo cáo Tổng cục Thống kê và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (thực hiện);
- Cục trưởng, PCT CTK TQ;
- Lưu VT-TH.



Phạm Hùng Sơn

Số: 13 /CTK-TH

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v Tham gia góp ý dự thảo Nghị
định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ & QLCL thống kê – TCTK

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo “Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Qua nghiên cứu Cục Thống kê tỉnh Hà Giang hoàn toàn nhất trí với dự thảo Nghị định, đối với phụ lục I và phụ lục II chúng tôi có một số ý kiến tham gia với ban soạn thảo như sau:

1. Phụ lục I “Nội dung chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia” đề nghị xem xét lại một số chỉ tiêu sau:

- *Thứ nhất*, tại trang 9, mục “7. Dân số theo tôn giáo”. Đề nghị chỉ tiêu này nên tổng hợp và thu thập thông tin với kỳ công bố 5 năm; nguồn số liệu bổ sung vào Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ để thu thập chỉ tiêu này.

Lý do: Trong những năm gần đây chỉ tiêu này thay đổi tương đối nhanh, để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh chỉ đạo điều hành của các cấp ủy, chính quyền từ trung ương đến địa phương thì cần công bố 5 năm.

- *Thứ hai*, tại trang 22, chỉ tiêu 0115. Tỷ lệ đô thị hóa, mục “1. Khái niệm, phương pháp tính”. Theo quy định của Luật quy hoạch đô thị năm 2009 thì “Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn.” Do đó, đề nghị nghiên cứu quy định về “dân số trong khu vực nội thành, nội thị và thị trấn (thuộc địa giới hành chính phường, thị trấn)” để tính toán tỷ lệ đô thị hóa cần phù hợp với khái niệm đô thị nêu trên - cụ thể cần tính cả dân số khu vực ngoại thành của thành phố, ngoại thị của thị xã và thị trấn.

- *Thứ ba*, tại trang 96, 98, 99; chỉ tiêu “0713. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội”; chỉ tiêu “0714. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế”; chỉ tiêu “0715. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp”; đề nghị xem lại có hai mục 2 nhỏ trùng nhau là “2. Phân tổ chủ yếu” và “2. Kỳ công bố”.

Thứ tư, tại trang 106, chỉ tiêu “0801. Diện tích cây hằng năm”, nội dung phương pháp tính”, đề nghị kiểm tra lại lỗi chính tả.

“Phương pháp tính dimột diện tích trong một vụ chỉ trồng một loại cây hằng năm nhất định với mật Cây tr pháp tính dimột diện tích trong một vụ chỉ trồng một loại cây hằng năm nhất định với mật độ cây trồng bình thường. Trong một vụ sản xuất, có thể trồng một lần như lúa,

+ Các lo pháp tính dimột diện tích trong một vụ chỉ trồng một loại cây hằng bao nhiêu lần trong vụ. Q

+ Các lo pháp tính dimột diện tích trong một vụ chỉ trồng một loại cây hằng bao nhiêu lần trong vụ. Qcây trồng bình thường. Trong m

+ Các lo pháp tính dimột diện tích trong một vụ chỉ trồng một loại cây hằng bao nhiêu lần tron muống, mùng toi, ra”

- **Thứ năm**, tại trang 208, chỉ tiêu ”1703. Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành”, mục “3. Kỳ công bố” dự thảo quy định công bố tháng, quý, năm nhưng nguồn số liệu từ tại mục “4. Nguồn số liệu” lại quy định từ cuộc điều tra doanh nghiệp. Cuộc điều tra doanh nghiệp được thực hiện 1 năm một lần không thể đáp ứng được kỳ công bố tháng, quý. Vì vậy đề nghị xem lại nguồn số liệu của chỉ tiêu này.

2. Đối với phụ lục II “Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” về cơ bản chúng tôi nhất trí, tuy nhiên qua thực tiễn triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác tại địa phương, để nâng cao khả năng phục vụ của ngành đối với cấp ủy, chính quyền thì một tiêu chí quan trọng là thông tin thống kê phải đảm bảo tính kịp thời. Do đó chúng tôi đề xuất điều chỉnh thời gian cung cấp thông tin đầu vào và thời gian công bố GRDP ở mỗi số kỳ như sau:

2.1. Về thời gian cung cấp thông tin đầu vào phục vụ biên soạn GRDP

- Kỳ ước tính GRDP quý I: Ngày 16 tháng 3 hàng năm;
- Kỳ sơ bộ GRDP quý I, ước 6 tháng: Ngày 16 tháng 6 hàng năm;
- Sơ bộ quý II và 6 tháng, ước tính quý III và 9 tháng: Ngày 16/9 hàng năm;
- Sơ bộ quý III và 9 tháng, ước tính quý IV và cả năm: Ngày 12 tháng 11 hàng năm;

- Sơ bộ GRDP quý IV và cả năm: Ngày 16 tháng 3 năm kế tiếp.

* **Lý do đề nghị điều chỉnh:** Ngày 17 tháng cuối quý các nghiệp vụ ở cơ quan cục đều phải hoàn thành báo cáo gửi về vụ chuyên ngành, do đó số liệu đầu vào phục vụ biên soạn GRDP quý các Cục Thống kê có thể cung cấp cho Tổng cục Thống kê vào ngày 16 tháng cuối quý. Riêng kỳ sơ bộ quý I, ước 6 tháng chúng tôi đề xuất lui thời gian về 16/6 hàng năm để thông tin đầu vào đảm bảo độ tin cậy hơn, từ đó khắc phục sự chênh lệch số liệu giữa kỳ ước tính và sơ bộ.

2.2. Về thời gian công bố số liệu GRDP

- Kỳ ước tính GRDP quý I: Ngày 22 tháng 3 hàng năm;
- Kỳ sơ bộ GRDP quý I, ước 6 tháng: Ngày 22 tháng 6 hàng năm;
- Sơ bộ quý II và 6 tháng, ước tính quý III và 9 tháng: Ngày 22/9 hàng năm;
- Sơ bộ quý III và 9 tháng, ước tính quý IV và cả năm: Ngày 20 tháng 11 hàng năm;
- Sơ bộ GRDP quý IV và cả năm: Ngày 22 tháng 3 năm kế tiếp.

* *Lý do đề nghị điều chỉnh:* Báo cáo tình hình KTXH quý UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng cuối quý, đồng thời trong khoảng thời gian từ 25 đến 30 tháng cuối quý Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng, ở các cuộc họp này luôn có nội dung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH quý trước và đề xuất giải pháp cho quý tiếp theo. Do đó nếu chỉ tiêu GRDP ước quý I và ước quý III công bố vào ngày 30 tháng 3 và 30 tháng 9 như dự thảo thì sẽ không đảm bảo tính kịp thời và sẽ không hiệu quả. Riêng kỳ sơ bộ GRDP quý I, ước 6 tháng nếu công bố vào 25/5 như dự thảo thì quá sớm vì các kỳ họp đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH của Tỉnh ủy và UBND tỉnh thường tổ chức vào cuối tháng 6; kỳ họp HĐND tỉnh thường diễn ra vào đầu tháng 7. Việc thu thập và ước tính thông tin đầu vào và công bố thông tin quá sớm sẽ ảnh hưởng đến chất lượng số liệu.

Trên đây là ý kiến tham gia đóng góp của Cục Thống kê tỉnh Hà Giang vào dự thảo "Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hà Giang;
- Vụ Phương pháp chế độ & QLCL thống kê;
- Lưu VT.

CỤC TRƯỞNG



Trần Vĩnh Nội

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /CTK-TH

Hà Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý CLTK, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sau khi nghiên cứu Cục Thống kê Hà Nam cơ bản nhất trí với nội dung, kết cấu Dự thảo và xin tham gia ý kiến như sau:

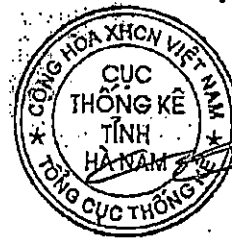
Chỉ tiêu 0203 (Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo) đề nghị xem xét giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp cả lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ và lao động qua đào tạo không có bằng, chứng chỉ để đảm bảo một đầu mỗi thuận lợi cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, dạy nghề hàng năm của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

Cục Thống kê Hà Nam tham gia góp ý, trân trọng gửi quý Vụ xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trịnh Văn Quân

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /CTK-TH

Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý các dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng nhất trí với nội dung của các dự thảo đã đề ra và không có ý kiến gì thêm.

Cục Thống kê thành phố Hải Phòng trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Lê Gia Phong

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/CTK-TKTH
V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Công văn 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 17/UBND-KTTH ngày 05/01/2021 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê đã có Công văn số 11/CTK-TKTH ngày 10/01/2022, gửi các Sở, ban, ngành và cơ quan đơn vị có liên quan về việc tham gia ý kiến vào dự thảo. Qua tổng hợp kết quả góp ý cho thấy, các Sở, ban, ngành và cơ quan đơn vị có liên quan đều nhất trí với nội dung của dự thảo; chỉ có đề nghị cụ thể sau:

Đối với “Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”, đề nghị sửa lỗi soạn thảo nội dung phương pháp tính diện tích gieo trồng đối với phương thức trồng trần (ở trang 108 thuộc chỉ tiêu “0801. Diện tích cây hằng năm”).

Cục Thống kê trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- LĐ Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

Q. CỤC TRƯỞNG



Vũ Minh Giang

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38 /CTK-TKTH

Cao Bằng, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng đã triển khai lấy ý kiến trong toàn ngành Thống kê Cao Bằng. Qua triển khai, nghiên cứu, rà soát có các ý kiến như sau:

1. Về thể thức văn bản:

Đối với dự thảo Nghị định, trình bày số trang của văn bản cần đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản (thể thức văn bản áp dụng theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư).

2. Về nội dung:

Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tại Mục VI. Trách nhiệm biên soạn:

+ Ý 3) Thời gian cung cấp các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP: Sơ bộ GRDP quý 3 và 9 tháng, ước tính quý 4 và cả năm nên để thời gian ngày 20 tháng 11 hàng năm như các kỳ ước quý 1 và 6 tháng, số liệu ước cập nhật sẽ đầy đủ hơn.

- Tại Mục VII. Công bố số liệu GDP và GRDP

+ Ý 3) Thời gian công bố: số liệu GRDP sơ bộ quý 3 và 9 tháng, ước tính quý 4 và cả năm nên để thời gian ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Trên đây là các ý kiến góp ý của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG



Phạm Thị Phương

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11 /CTK-TH

Cà Mau, ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội
dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ
tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng
sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý CLTK, Tổng cục Thống kê.

Căn cứ công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch
và Đầu tư về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê
thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản
phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo, Cục Thống kê tỉnh Cà Mau cơ bản thống
nhất với dự thảo và có một số ý kiến đóng góp như sau:

Đối với Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước,
chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP), thành phố trực thuộc Trung ương.
Cục Thống kê Cà Mau kiến nghị không tính GRDP quý vì không cần thiết, hàng
năm chỉ cần tính GRDP 6 tháng và năm là đủ để đánh giá tình hình phát triển kinh
tế xã hội của tỉnh.

Phần VI. Trách nhiệm biên soạn

a) Cơ quan thống kê Trung ương

Bổ sung: Thông báo số liệu GRDP của các tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh để thống nhất sử dụng.

b) Cơ quan thống kê cấp tỉnh

Bổ sung: Căn cứ số liệu GRDP do cơ quan thống kê Trung ương thông
báo, công bố số liệu GRDP theo ngành kinh tế cấp 1; phối hợp với cơ quan thống
kê Trung ương, các sở, ban, ngành giải trình số liệu GRDP.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Cà Mau đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TH



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 33 /CTK-TKTH
V/v tham gia đóng góp ý kiến
dự thảo Nghị định quy định nội
dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ
thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống
Kê - Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện công văn số 05/UBND-TH ngày 04/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao cho Cục Thống kê Bắc Kạn chủ trì triển khai và thực hiện nội dung yêu cầu của công văn số 9418/BKHĐT-TCTK của Bộ KH&ĐT.

Ngày 05/01/2022 Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn đã có công văn số 04/CTK-TKTH gửi các Sở, ban, ngành và địa phương lấy ý kiến đóng góp theo nội dung trong công văn số 9418/BKHĐT-TCTK của Bộ KH&ĐT.

Qua tổng hợp các ý kiến tham gia đóng góp của các Sở, ban, ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn về cơ bản các Sở, ban, ngành và các địa phương đều nhất trí và không có ý kiến bổ xung với 4 nội dung đã đưa ra yêu cầu đóng góp ý kiến, gồm:

- + Dự thảo Nghị định;
- + Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- + Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cục Thống kê Bắc Kạn xin báo cáo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - Tổng cục Thống kê để tổng hợp gửi Bộ KH&ĐT trình Chính phủ sớm ban hành Quyết định để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- UBND tỉnh
- Lãnh đạo Cục
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG



Triệu Tiên Ban

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 72 /CTK-TKTH

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 01 năm 2022.

V/v ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê,
Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên cơ bản nhất trí với nội dung các tài liệu:

- (1). Dự thảo Nghị định;
- (2). Dự thảo Nội dung chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- (3). Dự thảo Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (4). Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, phù hợp với nhu cầu thông tin và tình hình thực tế nguồn số liệu tại địa phương, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên có một số ý kiến như sau:

1. Đối với Dự thảo Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Đối với chỉ tiêu GRDP, chỉ nên công bố 02 kỳ (6 tháng và cả năm); số liệu GRDP theo quý được tính toán và gửi Cục Thống kê cấp tỉnh để tham khảo, phục vụ cấp uỷ, chính quyền địa phương trong công tác dự báo tình hình kinh tế của địa phương. Hơn nữa, để đảm bảo tính thống nhất giữa các kỳ công bố chỉ tiêu GRDP theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là 02 kỳ (6 tháng và cả năm).

- Tại phần VI, Mục 3. Thời gian cung cấp chỉ tiêu phục vụ biên soạn GRDP và phần VII, mục 3 thời gian công bố số liệu GRDP nên được điều chỉnh sớm hơn

để Cục Thống kê cấp tỉnh có số liệu phục vụ các kỳ họp của UBND tỉnh hiện nay.
Cụ thể là: Đề nghị điều chỉnh thời gian công bố số liệu GRDP như sau:

- + Số liệu ước tính Quý 1: Thay ngày 30/3 thành “ngày 25/3 hằng năm”.
- + Số liệu sơ bộ Quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: đề nghị thay ngày 30/9 hằng năm thành “ngày 25/9 hằng năm”.
- + Số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 4 và cả năm: đề nghị thay ngày 20/11 hằng năm thành “ngày 15/11 hằng năm”
- + Số liệu chính thức cả năm từng quý: đề nghị thay ngày 20/11 năm kế tiếp bằng “ngày 30 tháng 10 năm kế tiếp”.

- Chỉ tiêu “0102. Dân số, mật độ dân số”: Nên bổ sung cơ quan phối hợp là “Bộ Tài nguyên và Môi trường” vì nguồn số liệu cần có để tính chỉ tiêu mật độ dân số là điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng đất.

- Các chỉ tiêu: “0104. Tỷ suất sinh thô”, “0105. Tổng tỷ suất sinh”, “0106. Tỷ suất chết thô” nên bổ sung cơ quan phối hợp thu thập và tổng hợp là Bộ Y tế.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG



Trần Quang

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc

Số:50 /CTK-TKTH

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 01 năm 2021

V/v góp ý ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê,
Tổng cục Thống kê

Tiếp nhận công văn số 64/VPUB-KTTH ngày 06/01/2022 của VP UBND tỉnh Ninh Thuận và thực hiện văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Thống kê Ninh Thuận đã triển khai lấy ý kiến trong Ban lãnh đạo và các Công chức phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê, các ý kiến góp ý được tổng hợp, như sau:

- 100% thống nhất ý kiến về:

+ Dự thảo Nghị định Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Phụ lục II Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Bảng Dự kiến phân công thực hiện chỉ tiêu thống kê thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia;

- Về phần Phụ lục I, về cơ bản thống nhất nội dung dự thảo; có ý kiến nêu nội dung cần bổ sung thêm một số chỉ tiêu, cụ thể như sau:

+ Trong tháng 11/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 31/CT-TTg về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển

bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; và trong danh mục chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành ngày 10/01/2022 (Theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 10/01/2022), các chỉ tiêu giao Cục Thống kê phối hợp tính toán là: (1). Tỷ trọng đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP; (2). Tốc độ tăng năng suất lao động; (3). Tỷ trọng đóng góp của kinh tế biển vào GRDP; (4). Tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP.

Vì vậy, trong phụ lục I cần bổ sung: **Tỷ trọng GTTT của kinh tế biển trong tổng sản phẩm trong nước** (cơ sở để tính cho cấp tỉnh, thành phố); **phân tổ đến cấp tỉnh, thành phố.**

Đối với chỉ tiêu: **Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)** (mã số 0513) và **Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung** (mã số 0514) cần **phân tổ đến cấp tỉnh, thành phố** (theo ý kiến như đã nêu trên);

Như vậy, để tính được chỉ tiêu trên thì chỉ tiêu **Tích lũy tài sản** (mã số 0505) cũng cần được **phân tổ đến cấp tỉnh, thành phố**; ✓

+ Chỉ tiêu: **Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi** (mã số 0805), số lượng gia cầm khác (Ở mục b về số lượng gia cầm): Chim cút, bò cày, đà điểu,... nên bổ sung chính thức vào chỉ tiêu để tính số lượng và sản lượng sản phẩm **Chim yến**. Bởi vì, hiện nay trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Khánh Hòa và một số tỉnh khác,.. người dân nuôi chim yến với số lượng tương đối nhiều; chi phí bỏ ra nuôi rất thấp (chỉ một lần ban đầu) nhưng đem lại thu nhập rất cao do vậy đưa chỉ tiêu **Chim yến** vào để tính giá trị là phù hợp.

Các chỉ tiêu còn lại thống nhất theo dự thảo, không có ý kiến khác.

Trên đây là ý kiến góp ý của Cục Thống kê Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TKTH.

TRƯỞNG
CỤC
THỐNG KÊ
TỈNH
NINH THUẬN
Nguyễn Văn Hương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 53 /CTK-TH
V/v bổ xung góp ý dự thảo Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu thống kê.

Điện Biên, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý thông tin thống kê (Tổng cục Thống kê - BKH&ĐT);
- UBND tỉnh Điện Biên.

Thực hiện Công văn số 30/UBND-TH ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê. Cục Thống kê tỉnh Điện Biên được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo; tổng hợp, tham gia ý kiến bằng văn bản trực tiếp gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh (để báo cáo) trước ngày 20/01/2022.

Ngày 07/01/2022, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên đã ban hành Công văn số 13/CTK-TH về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê gửi các Sở, ban, ngành tỉnh; Chi cục Thống kê huyện, thị xã, khu vực.

Tính đến hết ngày **18/01/2022** Cục Thống kê tỉnh Điện Biên đã nhận được các ý kiến góp ý như sau:

1. Có 09 ý kiến nhất trí của Chi cục Thống kê huyện, thị xã, khu vực.
2. Có 09 ý kiến Sở, ban, ngành tỉnh nhất trí gồm: (1) Bảo hiểm Xã hội tỉnh; (2) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (3) Viện Kiểm Sát; (4) Sở Ngoại vụ; (5) Công An tỉnh; (6) Cục Thuế tỉnh; (7) Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên; (8) Tòa án nhân dân tỉnh; (9) Sở Khoa học và Công nghệ;

Cục Thống kê đã tổng hợp ý kiến góp ý trên địa bàn tỉnh, kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê và UBND tỉnh theo công văn số 45/CTK-TH ngày 19/1/2022.

3. Trong 2 ngày 19-20/1/2022 Cục Thống kê nhận thêm 05 ý kiến của các sở, ngành. Trong đó:

+) 03 Ý kiến đồng ý với dự thảo: (1) Sở Lao động Thương binh và Xã hội; (2) Sở Y tế; (3) UBND huyện Mường Nhé.

+) 02 Ý kiến góp ý: (1) Sở Thông tin và Truyền thông; (2) Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Cục Thống kê xin tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý đến hết ngày 20/1/2022 như sau:

4.1. Ý kiến đã tham gia:

* *Sở Tư pháp và Sở Tài chính*: Đối với Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm căn cứ: “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

* *Sở Tư pháp*: Điều 2, đề nghị sửa như sau để nội dung được đầy đủ, chính xác: “*Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20... và thay thế Nghị định số 97/2016 ND - CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ năm 20.... và quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và các quy định về quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”.

4.2. Ý kiến bổ xung:

* *Sở Thông tin và Truyền thông*: Phụ lục II “*Chỉ tiêu 1304. Số lượng thuê bao điện thoại*” và “*Chỉ tiêu 1307. Số lượng thuê bao truy cập Internet băng rộng*” đề nghị kỳ công bố số liệu thực hiện theo quý, năm (bỏ kỳ công bố số liệu theo tháng) nhằm giảm tần suất thực hiện báo cáo cho các doanh nghiệp.

* *Sở Giáo dục và đào tạo*:

+ *Chỉ tiêu 1501 (trang 195), đề nghị bổ sung một số chỉ tiêu thống kê, gồm: Số học sinh mầm non bình quân một giáo viên; Số học sinh mầm non bình quân một lớp học; Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường; Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đến trường. Đồng thời, quy định rõ khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê nêu trên;*

+ *Chỉ tiêu 1507 (trang 199) "Số sinh viên đại học trên 10.000 dân" theo phân tổ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đề nghị cơ quan xây dựng dự thảo chỉ tiêu thống kê điều chỉnh phương pháp tính thành "(tổng số sinh viên đang học đại học có hộ khẩu thường trú tại tỉnh đang theo học tại các trường chuyên nghiệp)/Dân số cùng thời điểm) * 10.000". Đồng thời bổ xung hướng dẫn chi tiết phương pháp tổng hợp nguồn số liệu "số sinh viên đang học đại học có hộ khẩu thường trú tại tỉnh đang theo học tại các trường chuyên nghiệp"*

Trên đây Cục Thống kê tỉnh Điện Biên tổng hợp ý kiến góp ý trên địa bàn tỉnh, kính gửi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê tổng hợp/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Thọ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BÌNH THUẬN

Số: 17 /CTK-TKTH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư "Về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương". Cục Thống kê góp ý như sau:

1. Dự thảo Nghị định Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *Thống nhất như dự thảo.*

2. Phụ lục II: Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *Thống nhất như dự thảo.*

3. Bảng Dự kiến phân công thực hiện chỉ tiêu thống kê thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia: *Thống nhất như dự thảo.*

4. Phụ lục I: Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; góp ý bổ sung như sau:

- **Chỉ tiêu 0513:** Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP): Khi phân tổ cần phân tổ đến cấp tỉnh.

- **Chỉ tiêu 0514:** Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung: Khi phân tổ cần phân tổ đến cấp tỉnh.

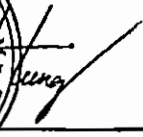
- **Chỉ tiêu 0203:** Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, cần sửa lại câu từ là: "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo bằng các hình thức".

Bổ sung thêm chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo được cấp bằng hoặc chứng chỉ nghề”. ✓

Trên đây là góp ý của Cục Thống kê Bình Thuận vào dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG
CỤC
THỐNG KÊ
TỈNH
BÌNH THUẬN

Phạm Quốc Hùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :44 /CTK-TH

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi:

- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Vụ Phương pháp chế độ và Phổ biến Thông tin.

Thực hiện công văn 66/ UBND - TH1 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao Cục Thống kê thừa ủy quyền UBND tỉnh báo cáo và công văn 9418/ BKHĐT-TCTK của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã tổng hợp các ý kiến góp ý của các Sở, Ban, ngành trên địa bàn đối với các nội dung như sau:

(1) Dự thảo Nghị định: Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định tuy nhiên tại Điều 2: Nên ghi lại như sau:

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng... năm ...20... đồng thời thay thế Nghị định số 97/2016/NĐ - CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ...

(2) Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Thống nhất như dự thảo.

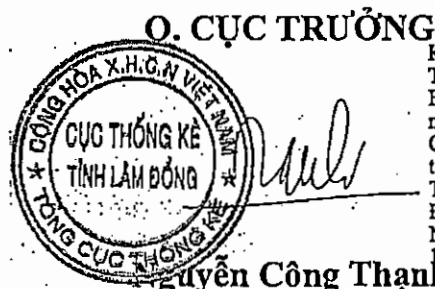
(3) Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thống nhất như dự thảo.

(4) Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia: Thống nhất như dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH, VT.



Ký bởi: Nguyễn Công
Thạnh
Email:
ncthanhdo@gso.gov.vn
Cơ quan: Cục Thống kê
tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục
Thống kê, Bộ Kế hoạch và
Đầu tư
Ngày ký: 18-01-2022
13:49:46 +07:00

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ KON TUM

Số: 20/CTK-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê

Thực hiện Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê Kon Tum đã triển khai đến các đơn vị thuộc Cục Thống kê để nghiên cứu góp ý dự thảo, gồm:

- (1) Dự thảo Nghị định;
- (2) Phụ lục 1: Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- (3) Phụ lục 2: Dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (4) Dự kiến phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cục Thống kê tỉnh Kon Tum thống nhất theo bố cục và nội dung của Dự thảo.

Cục Thống kê tỉnh Kon Tum báo cáo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê./. ~~CĐKT~~

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, TH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đỗ Văn Hiệp

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /CTK-TH
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản
phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Thực hiện yêu cầu nội dung của Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND TP (để b/c);
- Lưu TH, VT.

**KT CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Ký bởi: Cục Thống kê
Email: ctk@phn.gov.vn
Cơ quan: Thành phố
Hồ Chí Minh
Ngày ký: 20-01-2022
16:11:57 +07:00

Trần Phước Tường

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH HẬU GIANG

Số: 28 /CTK-TKTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

Thực hiện Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Công văn số 167/VP.UBND-NCTH ngày 12/01/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu, Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang ~~thống nhất~~ với các dự thảo về Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, báo cáo về Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /BC-CTK

Bến Tre, ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quy định nội dung
chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ
tiêu thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong
nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm
trên địa bàn tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý CLTK

Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, qua phối hợp nghiên cứu với các phòng nghiệp vụ, Cục Thống kê tỉnh Bến Tre thống nhất với nội dung dự thảo, không có góp ý thêm.

Cục Thống kê tỉnh Bến Tre báo cáo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề b/c);
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG
CỤC
THỐNG KÊ
TỈNH
BẾN TRE
TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
★ ★

Nguyễn Tiên Dũng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG NGÃI

Số: 39 /CTK-TH

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 144/UBND-KTTH ngày 12 tháng 01 năm 2022, kèm theo Công văn số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê Quảng Ngãi đã triển khai việc lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Qua đó, có ý kiến tham gia như sau:

I. Đối với dự thảo Nghị định:

Thống nhất như Dự thảo.

II. Đối với Phụ lục 1- Dự thảo nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia:

- Chỉ tiêu 06. Tài chính công

+ Chỉ tiêu có Mã số GQ 0601 “Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu”: Đối với phân tổ theo kỳ năm, đề nghị thay thế “Ngành kinh tế” thành “Mục lục ngân sách”.

+ Chỉ tiêu có Mã số GQ 0604 “Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi”: Tại mục phân tổ chủ yếu, đề nghị điều chỉnh như sau:

a) Kỳ tháng, quý phân tổ theo: **Lĩnh vực.**

b) Kỳ năm phân tổ theo:

- Mục lục ngân sách;

- **Lĩnh vực;**

- Chức năng;

- Bộ/ngành;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 01 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....55.....
	Ngày: 20.01.2022
	Chuyên: BG. 24.01.2022
Số và ký hiệu HS:.....	

- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

III. Đối với Phụ lục 2- Dự thảo quy trình biên soạn GDP và GRDP:

Cơ bản thống nhất với Dự thảo, tuy nhiên có ý kiến đề nghị về thời gian công bố số liệu GRDP cho phù hợp với địa phương như sau:

- Số liệu ước tính quý 1: Dự thảo ghi Ngày 30 tháng 3 hằng năm. Kính đề nghị điều chỉnh lại Ngày 25 tháng 3 hằng năm.

- Số liệu sơ bộ quý 1, ước tính quý 2 và 6 tháng: Dự thảo ghi Ngày 25 tháng 5 hằng năm; thống nhất như Dự thảo.

- Số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: Dự thảo ghi Ngày 30 tháng 9 hằng năm. Kính đề nghị điều chỉnh lại Ngày 25 tháng 9 hằng năm.

- Số liệu sơ bộ quý 3 và 9 tháng, ước tính quý 4 và cả năm: Dự thảo ghi Ngày 20 tháng 11 hằng năm. Kính đề nghị điều chỉnh lại Ngày 15 tháng 11 hằng năm.

- Số liệu sơ bộ quý 4 theo quý và cả năm: Dự thảo ghi Ngày 30 tháng 3 năm kế tiếp; thống nhất như Dự thảo.

- Số liệu chính thức cả năm theo từng quý: Dự thảo ghi Ngày 20 tháng 11 năm kế tiếp. Kính đề nghị điều chỉnh lại Ngày 15 tháng 11 năm kế tiếp.

IV. Đối với Dự kiến phân công thực hiện danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia:

- Chỉ tiêu có Mã số QG 0203 “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo”, đề nghị cần tách riêng Trong đó: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ”, vì trong các Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội có bao gồm cả 2 chỉ tiêu này.

- Đề nghị bổ sung thêm Chỉ tiêu “Số cơ sở, số lao động kinh tế cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản” để thể hiện đầy đủ các cơ sở kinh tế trên địa bàn, bao gồm: Doanh nghiệp; cơ sở hành chính, sự nghiệp; hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản (đã có trong Danh mục); cơ sở cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (đề nghị bổ sung).

Cục Thống kê Quảng Ngãi kính báo cáo UBND tỉnh và Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47 /CTK-TH

Bình Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:..... 47..... Ngày: 17.01.2022
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi:

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

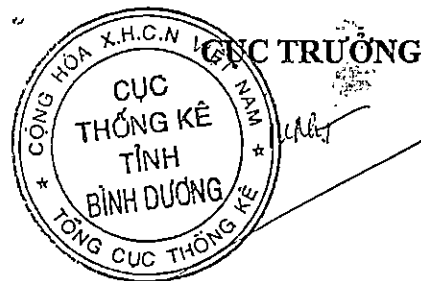
Thực hiện công văn số 9418/BKHĐT-TCTK, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngày 07/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn số 55/UBND-KT giao Cục Thống kê góp ý dự thảo gửi Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và đầu tư) và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương xin thống nhất với dự thảo không có ý kiến đóng góp, kính báo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Ngô Văn Mít

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

DANH SÁCH CÁC TỈNH/TP TRỰC THUỘC TW GÓP Ý HỆ BIỂU

STT	STT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Ý kiến	Ghi chú
	1	02	Hà Giang	Có góp ý	
	2	04	Cao Bằng	Có góp ý	
	3	08	Tuyên Quang	Có góp ý	
	4	10	Lào Cai	Có góp ý	
	5	11	Điện Biên	Có góp ý	
	6	14	Sơn La	Có góp ý	
	7	15	Yên Bái	Có góp ý	
	8	17	Hòa Bình	Có góp ý	
	9	19	Thái Nguyên	Có góp ý	
	10	20	Lạng Sơn	Có góp ý	
	11	24	Bắc Giang	Có góp ý	
	12	25	Phú Thọ	Có góp ý	
	13	30	Hải Dương	Có góp ý	
	14	31	Hải Phòng	Có góp ý	
	15	33	Hung Yên	Có góp ý	
	16	35	Hà Nam	Có góp ý	
	17	36	Nam Định	Có góp ý	
	18	37	Ninh Bình	Có góp ý	
	19	38	Thanh Hóa	Có góp ý	
	20	40	Nghệ An	Có góp ý	
	21	42	Hà Tĩnh	Có góp ý	
	22	44	Quảng Bình	Có góp ý	
	23	48	Đà Nẵng	Có góp ý	
	24	49	Quảng Nam	Có góp ý	
	25	52	Bình Định	Có góp ý	
	26	54	Phú Yên	Có góp ý	
	27	58	Ninh Thuận	Có góp ý	
	28	60	Bình Thuận	Có góp ý	
	29	66	Đắk Lắk	Có góp ý	
	30	70	Bình Phước	Có góp ý	
	31	72	Tây Ninh	Có góp ý	
	32	79	TP Hồ Chí Minh	Có góp ý	
	33	80	Long An	Có góp ý	
	34	82	Tiền Giang	Có góp ý	
	35	87	Đồng Tháp	Có góp ý	
	36	89	An Giang	Có góp ý	
	37	94	Sóc Trăng	Có góp ý	

Số: 32/CTK-TH

Hà Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Vụ Thống kê Tài khoản quốc gia – TCTK

Thực hiện văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và ĐT về việc xin ý kiến vào “Hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh”. Để có ý kiến tham gia từ các đơn vị có liên quan trực tiếp tới việc tổ chức, thực hiện hệ thống biểu mẫu theo quy định, ngày 23/02/2022 Cục Thống kê tỉnh Hà Giang ban hành văn bản số 24/CTK-TH đề nghị các Sở, ngành tham gia ý kiến đối với dự thảo. Tổng hợp ý kiến tham gia, có một số kiến nghị với ban soạn thảo như sau:

Thứ nhất: Các biểu thu, chi ngân sách nhà nước chưa có sự thống nhất về nội hàm với các biểu mẫu quy định theo thông tư của Bộ Tài chính, cụ thể: Hiện nay trong quá trình điều hành và quyết toán các nội dung thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm, các tỉnh/thành phố đang áp dụng các nội dung thu NSNN và chi NSNN theo mẫu biểu số 61, 62 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Vì vậy để đảm bảo tính liên thông và tránh việc phải sử dụng nhiều loại biểu mẫu cho cùng một chi tiêu, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét sử dụng các nội dung thu, chi ngân sách nhà nước theo nội hàm quy định tại các mẫu biểu của Bộ Tài chính đã ban hành.

Thứ hai: Tại biểu số 03/TTQG quy định về một số chi tiêu tiền tệ, ngân hàng, đề nghị xem xét lại đối với một số nội dung sau:

(1) Về đơn vị tính “Triệu đồng”, đề nghị sửa đổi thành đơn vị tính “Tỷ đồng” để đồng nhất với đơn vị tính của các chỉ tiêu tại biểu 01/NHNN.

(2) Đề nghị sửa đổi tên chỉ tiêu “Dư nợ huy động vốn” thành chỉ tiêu “Số dư huy động vốn” cho thống nhất với chỉ tiêu tại biểu 01/NHNN và đúng với thuật ngữ ngân hàng.

(3) Tại mục giải thích khái niệm và phương pháp tính cần giải thích rõ các khái niệm về “dư nợ tín dụng” và “huy động vốn để đồng nhất với khái niệm đã giải thích tại biểu số 01/NHNN.

(4) Tại phần giải thích ghi “Khái niệm và phương pháp tính” nhưng trong phần giải thích mới chỉ đề cập đến phân khái niệm. Đề nghị bổ sung phương pháp tính cho thống nhất với biểu 01/NHNN.

Cục Thống kê tỉnh Hà Giang đề nghị ban soạn thảo xem xét điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP UBND tỉnh (để biết);
- Lưu VT.

CỤC TRƯỞNG



Trần Vĩnh Nội

(4) Tại phần giải thích ghi “Khái niệm và phương pháp tính” nhưng trong phần giải thích mới chỉ đề cập đến phần khái niệm. Đề nghị bổ sung phương pháp tính cho thống nhất với biểu 01/NHNN.

Cục Thống kê tỉnh Hà Giang đề nghị ban soạn thảo xem xét điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP UBND tỉnh (để biết);
- Lưu VT.

CỤC TRƯỞNG



Trần Vinh Nội

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ
tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ
tiêu thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm
địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương

(Dự thảo)

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng cơ bản nhất trí, có một số ý kiến như sau:

1. Biểu 04/NLNTS: Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

- Tại Mục I. Trồng trọt phần cây hàng năm thay đơn vị tính “nghìn ha” thành “ha” để thống nhất với báo cáo định kỳ hàng năm do một số loại cây có diện tích rất ít đưa đơn vị tính “nghìn ha” có những cây sẽ không phát sinh số liệu.

- Tại Mục II. Chăn nuôi: thay “số tỉnh có dịch” thành “số huyện, quận, thành phố, thị xã” có dịch vì đây là báo cáo áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Biểu 05/NLTS: Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu

Phần trồng trọt sửa đơn vị tính: “Nghìn ha” sửa thành “Nghìn tấn”

3. Biểu 06/CNXD: Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ

- Cột B: “Tên công trình” sửa thành “Tên công trình/dự án”

- Cột C: “Tên doanh nghiệp thi công công trình” sửa thành “Tên chủ đầu tư” vì các công trình có nhiều hạng mục và có nhiều doanh nghiệp tham gia thi công các hạng mục riêng.

- Cột 1: “Tổng giá trị công trình” sửa thành “Tổng mức đầu tư”

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng gửi Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu: VT, ..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

- Cột 1: “Tổng giá trị công trình” sửa thành “Tổng mức đầu tư”

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng gửi Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu: VT, ..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TUYÊN QUANG

Số: 36 /TH-CTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia góp ý về hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê.

Kính gửi: - Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia (Tổng cục Thống kê);
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Văn bản số 504/UBND-TH của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc góp ý vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê.

Sau khi nghiên cứu hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia, cùng với sự đóng góp ý kiến của các Sở ban ngành, Cục Thống kê Tuyên Quang cơ bản nhất trí với hệ biểu trên và tham gia đóng góp một số ý kiến như sau:

1. Tại các Biểu: số 01/TKQG, số 02/TKQG, số 03/TKQG, số 04/TKQG đề nghị ghi rõ ngày nhận báo cáo thay vì ghi theo Tiết 3, mục IV quy trình biên soạn GDP, GRDP.

2. Biểu số 01/TKQG, Biểu số 02/TKQG

Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang đề nghị xem xét, điều chỉnh như sau:

- Đối với kỳ số liệu ước tính quý IV và cả năm điều chỉnh từ ngày 10/11 năm báo cáo sang tháng 12 năm báo cáo, do tại thời điểm ngày 10/11 hàng năm thực hiện số liệu ước tính quý IV và cả năm sẽ không sát với kết quả thực tế thực hiện.

- Đối với kỳ số liệu chính thức điều chỉnh từ ngày báo cáo 10/11 năm kế tiếp sang ngày 10/12 năm kế tiếp. Do tại điểm c, khoản 5, điều 1 Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước có quy định: " Chốt số liệu quyết toán lần cuối cùng: Số liệu được lấy hết ngày 30/11 năm sau. Trường hợp sau ngày 30/11 vẫn còn điều

chính số liệu quyết toán năm trước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải có thuyết minh."

- Đề nghị bỏ chi tiêu "Chi trợ giá mặt hàng chính sách" trong biểu số 02/TKQG do nội dung trên không được quy định là một lĩnh vực riêng theo điều 38 luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015.

3. Đối với các Biểu: số 04/TKQG, số 05/TKQG, số 06/TKQG, số 07/TKQG, số 08/TKQG

Cục Thống kê Tuyên Quang nhất trí với nội dung biểu theo hệ thống chi tiêu thống kê.

Cục Thống kê Tuyên Quang trân trọng góp ý./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục trưởng, PCT CTK TQ;
- Phòng TK TH;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Hùng Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 307 /UBND-TH

Lào Cai, ngày 21 tháng 01 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định nội dung chỉ tiêu thống kê
thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê
quốc gia

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 9418/BKHĐT-TCTK ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

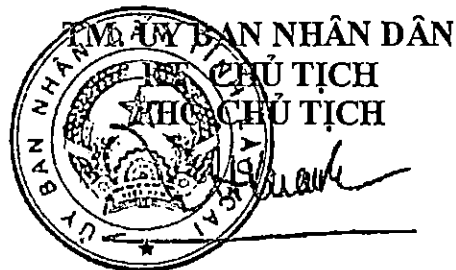
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, UBND tỉnh Lào Cai nhất trí cao với nội dung, bố cục trong các dự thảo. Tuy nhiên, UBND tỉnh Lào Cai có ý kiến góp ý như sau: Dự thảo Nghị định tại trang 20, mục I số vụ ly hôn, phần 1 Khái niệm, phương pháp tính (Số vụ ly hôn là số vụ đã được tòa án xử cho các cặp vợ chồng được ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị sửa thành: *Số vụ, việc ly hôn là số vụ, việc đã được Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo Luật Hôn nhân gia đình*); đề nghị bổ sung thêm từ “Việc” ở mục công thức tính: Tỷ suất ly hôn = Số vụ, việc ly hôn/Dân số trung bình.

Sau khi Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chính thức ban hành, đề nghị Tổng cục Thống kê sớm có văn bản hướng dẫn chi tiết tới các địa phương để các địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện thống nhất, kịp thời.

Trên đây là một số tham gia góp ý của UBND tỉnh Lào Cai, đề nghị Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT1;
- Chánh Văn phòng;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.



Hoàng Quốc Khánh



Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 481 /UBND-TH

Điện Biên, ngày 24 tháng 02 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với hệ biểu
quy định tại Nghị định quy định nội
dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống
chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong
nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa
bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Kính gửi:

- Cục Thống kê tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 1019/KHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW (có văn bản kèm theo), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu nội dung hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo; tổng hợp, tham gia ý kiến bằng văn bản trực tiếp gửi Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh (để báo cáo) trước ngày 05/3/2022.

Nhận được văn bản này, Cục Thống kê tỉnh chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT (b/c)
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đức Toàn

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:112 /CTK-TH

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Kính gửi:

- Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh Sơn La.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-CTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW. Cục Thống kê tỉnh Sơn La được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu dự thảo Nghị định và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo; tổng hợp, tham gia ý kiến bằng văn bản trực tiếp gửi Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh.

Tổng hợp ý kiến góp ý, Cục Thống kê tỉnh Sơn La tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại nội dung **“Biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn GDP,GRDP/ biểu mẫu áp dụng cho UBND tỉnh, thành phố/ Biểu số 08/TMDV Doanh thu một số ngành dịch vụ”**

Chỉ tiêu **“94 Hoạt động các hiệp hội tổ chức khác”**: Số liệu chỉ tiêu này căn cứ kết quả điều tra thực hiện 5 năm 1 lần, hàng năm không có số liệu để báo cáo.

2. Tại nội dung **“Dự thảo 2/ phụ lục I Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia”**

Chỉ tiêu 1501 (trang 195) đề nghị bổ sung chỉ tiêu thống kê gồm: Số học sinh mầm non bình quân một giáo viên; Số học sinh mầm non bình quân một lớp học; Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường; Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đến trường. Đồng thời quy định rõ khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê nêu trên.

3. Tại nội dung “**Biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn GDP, GRDP/ biểu mẫu áp dụng cho UBND tỉnh, thành phố**”

Biểu số 01/TKQG “Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn”. Đề nghị bỏ chỉ tiêu Hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu (mã số 45) do chỉ tiêu này không tính vào quyết toán tổng thu ngân sách trên địa bàn.

4. Tại biểu số 04/NLTS

Phần I, mục 1, Cây hàng năm, Đơn vị tính: Nghìn ha

Đề nghị sửa: Đơn vị tính: Ha

5. Phần II: Mục 1,2,3,4 chỉ tiêu : Số tỉnh có dịch

Đề nghị sửa: Tên chỉ tiêu “ Số huyện có dịch”, đơn vị tính: Huyện

Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (gia cầm): ĐVT: Con

Đề nghị sửa: Đơn vị tính: Nghìn con

6. Tại biểu số 5/NLTS

Phần I. Trồng trọt: Đơn vị tính: Nghìn ha


Đề nghị sửa: Tấn

Trên đây là ý kiến góp ý của Cục Thống kê Sơn La, kính gửi Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - Tổng cục Thống kê tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh Sơn La./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Ngô Thị Thu

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

Số: 133/CTK-TH

V/v tham gia ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản Quốc gia - Tổng Cục Thống kê

Thực hiện văn bản số 418/UBND-TKTH ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc tham gia ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo như nội dung đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022. Trong đó, giao Cục Thống kê nghiên cứu, tham gia ý kiến.

Trên cơ sở triển khai, trao đổi với các sở, ngành của tỉnh và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan, Cục Thống kê tỉnh Yên Bái có ý kiến về các mẫu biểu đề biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh như sau:

Cơ bản nhất trí với các mẫu biểu trong hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tuy nhiên đề nghị sửa lại một số nội dung trong các biểu.

1. Biểu số 03/TKQG: Một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng và hoạt động kinh doanh xổ số, hoạt động bảo hiểm

Đề nghị sửa đổi lại tên chỉ tiêu và loại chỉ tiêu để phù hợp và đồng bộ với báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh.

Trong biểu, chỉ tiêu mã số 12 “II. Dự nợ huy động vốn” đề nghị sửa lại là “Nguồn vốn huy động” và chia ra các loại chỉ tiêu theo biểu sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Quý...
...	...	
II. Nguồn vốn huy động	12	

Chỉ tiêu	Mã số	Quý...
<i>Trong đó: Huy động > 12 tháng</i>	...	
1. Tiền gửi		
1.1. Theo loại tiền tệ		
- Bằng đồng Việt Nam		
- Bằng ngoại tệ		
1.2. Theo cơ cấu tiền gửi		
- Tiền gửi các thanh toán		
- Tiền gửi tiết kiệm		
2. Giấy tờ có giá		

2. Biểu số 06/CNXD: Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ

Cột C: Đề nghị thay đổi tên chỉ tiêu “Tên doanh nghiệp thi công công trình” bằng “Tên chủ đầu tư/Ban quản lý dự án”. Vì một công trình có rất nhiều doanh nghiệp thi công nên khó khăn trong việc liệt kê theo tên doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Yên Bái thực hiện theo nội dung văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK, ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kính mong Vụ Hệ thống tài khoản Quốc gia - Tổng Cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Vụ Tài khoản quốc gia - TCTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 320 /UBND-THNV

Hoà Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào vào hệ biểu
theo Công văn số 1019/BKHĐT-
TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến vào vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến như sau: Cơ bản nhất trí với các nội dung của Dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau:

Phần II. Biểu áp dụng cho UBND tỉnh, thành phố:

- Biểu số 01/TKQG

+ Tại mã số 28 Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán) bổ sung thêm 02 chi tiêu: *Thu từ thu nhập sau thuế; Thu khác.*

+ Tại mã số 38 mục 1. Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; bổ sung thêm 01 chi tiêu: *Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.*

- Biểu số 04/NLTS

Mục II. Chăn nuôi

+ Tại STT 166, 168, 170, 172: Đề nghị sửa đổi đơn vị tính là “con” thành “con/kg”. Vì đơn vị tính cho mức hỗ trợ đối với gia súc quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 5 của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ là đồng/kg.

+ Tại STT 174: đề nghị sửa đổi bổ sung cột chỉ tiêu “6.2. Bò” thành 2 loại là “6.2.1. Bò thịt và 6.2.2. Bò sữa”. Vì Tại Biểu số 05/NLTS Mục II. Chăn nuôi có sản phẩm Sữa bò tươi ở cột sản phẩm.

- Biểu số 08/TMDV

Đơn vị báo cáo là UBND tỉnh, thành phố; Đơn vị nhận báo cáo là: Tổng cục Thống kê.

Tuy nhiên theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình điều tra Thống kê quốc gia đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến tại Công văn số 714/BKHĐT-TCTK ngày 28/01/2022 về việc xin ý kiến dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia thì các cuộc điều tra hàng tháng và hàng năm về doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục thống kê) chủ trì thực hiện. Trong đó hàng tháng, năm thu thập các thông tin về thương mại và dịch vụ (tổng mức doanh thu bán buôn, bán lẻ, tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận tải hàng hóa...). Các nội dung này trùng với nội dung trong biểu số 08/TMDV: Doanh thu một số ngành dịch vụ thuộc Dự thảo Nghị định. Do đó thống nhất trong việc chỉ đạo xây dựng biểu, gửi và nhận báo cáo đề nghị giao đơn vị báo cáo là Tổng cục thống kê.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNV (NT.06b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quách Tất Liêm

TCTK

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **618** /UBND-TH

Thái Nguyên, ngày **22** tháng 02 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
Số:.....105.....	ĐẾN
Ngày: 23.02.2022	Ngày: 25.02.2022
Chuyên: BG. 28.02.2022	Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....	Số và ký hiệu HS:.....

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số:....6715.....	ĐẾN
Ngày: 25.02.2022	Ngày: 25.02.2022
Chuyên:.....	Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Cục Thống kê tỉnh

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có gửi kèm theo), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê; văn bản tham gia ý kiến gửi về Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05/3/2022, đồng thời báo cáo UBND tỉnh.

Căn cứ chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH *HT*
- Lh/CV31.12bq *HT*

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Trọng Chung

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 156 /CTK-TKTH

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến hệ biểu quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện công văn số 618/UBND-TH ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến hệ biểu quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên cơ bản nhất trí với nội dung của dự thảo, xin bổ sung ý kiến như sau:

(1) Dự thảo hệ biểu. Tại Biểu số 03/TKQG: Một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng và hoạt động kinh doanh số số, hoạt động bảo hiểm: Chỉ tiêu Huy động vốn trong biểu là ngắn hạn, trung và dài hạn. Tuy nhiên ở địa phương hiện nay chỉ tiêu này là không kỳ hạn và có kỳ hạn. Đề nghị Vụ xem xét để đồng nhất phạm vi tính toán phù hợp với địa phương.

(2) Dự thảo Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên đã tham gia ý kiến theo lộ trình của Tổng cục Thống kê và đến nay dự thảo đã được sửa đổi nên Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên nhất trí, không có ý kiến bổ sung thêm.

Trên đây là ý kiến tham gia của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên vào dự thảo hệ biểu quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *264*/UBND-THNC

Lạng Sơn, ngày *10* tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:..... <i>76</i>
	Ngày: <i>14.3.2022</i>
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại biểu số 04/NLTS:

- Phần I, Mục 1, cây hàng năm: Đơn vị tính "Nghìn ha"

Đề nghị sửa như sau: Đơn vị tính "Ha".

- Phần II, mục 1, 2, 3, 4, 5: Chỉ tiêu "Số tỉnh có dịch"

Đề nghị sửa như sau: Tên chỉ tiêu "Số huyện có dịch" và đơn vị tính là "Huyện".

2. Tại biểu số 05/NLTS:

- Phần I, Trồng trọt: Đơn vị tính "Nghìn ha"

Đề nghị sửa như sau: Đơn vị tính "Tấn".

- Đề nghị phần cuối các mục 1, 2, 3... của biểu số 05/NLTS bổ sung chỉ tiêu "Các sản phẩm khác" để các tỉnh bổ sung sản phẩm trọng tâm của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê;
- Cục Thống kê;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, ĐV;
- Lưu: VT, THNC (ĐTK).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *264*/UBND-THNC

Lạng Sơn, ngày *10* tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại biểu số 04/NLTS:

- Phần I, Mục 1, cây hàng năm: Đơn vị tính "Nghìn ha"

Đề nghị sửa như sau: Đơn vị tính "Ha".

- Phần II, mục 1, 2, 3, 4, 5: Chỉ tiêu "Số tỉnh có dịch"

Đề nghị sửa như sau: Tên chỉ tiêu "Số huyện có dịch" và đơn vị tính là "Huyện".

2. Tại biểu số 05/NLTS:

- Phần I, Trồng trọt: Đơn vị tính "Nghìn ha"

Đề nghị sửa như sau: Đơn vị tính "Tấn".

Đề nghị phân cuối các mục 1, 2, 3... của biểu số 05/NLTS bổ sung chỉ tiêu "Các sản phẩm khác" để các tỉnh bổ sung sản phẩm trọng tâm của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê;
- Cục Thống kê;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, ĐV;
- Lưu: VT, THNC (ĐTK).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH LẠNG SON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86 /CTK-TKTH

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia,
Tổng cục Thống kê

Thực hiện công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn nhất trí với nội dung dự thảo do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo và tham gia một số ý kiến như sau.

1. Tại biểu số 04/NLTS:

- Phần I, Mục 1, cây hàng năm: Đơn vị tính "Nghìn ha"

Đề nghị sửa: Đơn vị tính "Ha"

Phần II, mục 1, 2, 3, 4, 5: Chỉ tiêu "Số tính có dịch"

Đề nghị sửa: Tên chỉ tiêu "Số huyện có dịch" và đơn vị tính là "Huyện"

2. Tại biểu số 05/NLTS:

- Phần I, Trồng trọt: Đơn vị tính "Nghìn ha"


Đề nghị sửa: Đơn vị tính "Tấn"

- *Đề nghị phần cuối các mục 1, 2, 3... của biểu số 05/NLTS bổ sung thêm chỉ tiêu "Các sản phẩm khác" để các tỉnh bổ sung sản phẩm trọng tâm của tỉnh.*

Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn gửi Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CTK;
- Phòng TKKT;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Lê Tuấn
Trần Lê Tuấn

Số: 502 /SKHĐT-THQH

Bắc Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê ngành quốc gia.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện nội dung Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch tại Công văn số 644/UBND-TH ngày 20/02/2022 về việc tham gia góp ý vào hệ biểu quy định chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành quốc gia. Sau khi nghiên cứu nội dung các hệ biểu kèm theo dự thảo Nghị định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cơ bản nhất trí và có một số ý kiến tham gia góp ý, như sau:

- Biểu số 01/TKQG: Về việc Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quý, năm.

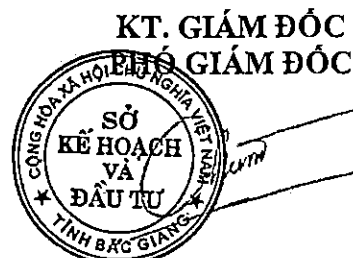
- Biểu số 02/TKQG: Về việc Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quý, năm.

Dự thảo quy định đơn vị cung cấp là Kho bạc Nhà nước tỉnh cung cấp 2 biểu số liệu trên. Tuy nhiên, hệ thống biểu quy định thời gian cung cấp số liệu ước tính hàng quý trước 10 ngày (quý I ngày 20/3, quý III ngày 20/9), riêng quý 2 và 6 tháng ngày 20/5; quý IV và cả năm ngày 10/11). Số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh thường cung cấp đến thời điểm báo cáo và không ước được cả tháng. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) xem xét nghiên cứu số liệu của các chỉ tiêu này đến thời điểm báo cáo.

Trên đây, là nội dung tham gia góp ý dự thảo hệ biểu tại dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/b);
- GD Sở;
- Lưu: VT, THQH.



Dương Ngọc Chiên

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 113/CTK-TKTH

V/v tham gia ý kiến đối với hệ thống biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, chỉ tiêu GRDP tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thống kê (qua Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia)

Thực hiện Văn bản số 512/UBND-KTTH ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ đối với hệ thống biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, chỉ tiêu GRDP tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là dự thảo Nghị định) theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022; sau khi phối hợp với các cơ quan liên quan để triển khai nghiên cứu, tỉnh Phú Thọ có ý kiến như sau:

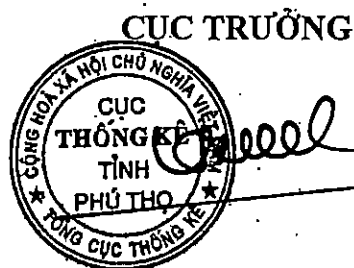
Tỉnh Phú Thọ cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo của Nghị định.

Tuy nhiên, tại Biểu 04/NLTS: Đối với các loại cây lâu năm, hiện nay chỉ điều tra diện tích 01 lần/01 năm vào thời điểm 15/11 nên việc báo cáo chỉ tiêu "Diện tích hiện có và diện tích cho sản phẩm nhưng không thu hoạch" theo kỳ 6 tháng sẽ rất khó khăn. Do đó, đề nghị Tổng cục Thống kê trong xây dựng phương án điều tra cây lâu năm, cần đảm bảo thông tin để báo cáo các chỉ tiêu này.

Trên đây là ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị định của tỉnh Phú Thọ, Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ kính gửi Tổng cục Thống kê. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Phan Trọng Tấn (để b/c);
- CT, các PCT Cục Thống kê;
- Các phòng thuộc CTK;
- Lưu: VT, TKTH.



Nguyễn Hiền Minh

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 110/CTK-TH

Hải Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý dự thảo hệ biểu thu thập
thông tin đầu vào thực hiện
quy trình biên soạn GDP, GRDP

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP; Cục Thống kê Hải Dương đã nghiên cứu dự thảo và có một số ý kiến tham gia như sau:

1. Các biểu số 01/TKQG, 02/TKQG và 03/TKQG đề nghị quy định rõ trong phần giải thích về “thời kỳ, thời điểm của số liệu cần báo cáo”. Ví dụ, báo cáo Thu, Chi ngân sách nhà nước quý I hàng năm thì cần tổng hợp số liệu đến ngày 15/3 hay ước tính đến 31/3? Báo cáo một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng là số liệu ước thời điểm 31/3?

2. Biểu 02/TKQG: Đề nghị bổ sung vào phần giải thích nội dung ghi phiếu các giải thích IV (chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính); V (chi dự phòng ngân sách); VI (chi viện trợ); VII (các nhiệm vụ chi khác).

3. Biểu 03/TKQG: Đề nghị tách riêng thành 02 báo cáo, vì: Phân báo cáo tiền tệ, ngân hàng (dư nợ tín dụng, dư nợ huy động vốn) là số liệu thời điểm; phân báo cáo hoạt động kinh doanh xô số, hoạt động bảo hiểm là số liệu thời kỳ. Việc kết hợp chung trong một báo cáo dễ gây nhầm lẫn, khó hiểu; đồng thời, khi triển khai ở các tỉnh vẫn cần phải tách riêng thành các biểu báo cáo khác nhau để triển khai đến các sở, ngành.

4. Biểu 04/NLTS: Đề nghị bổ sung thêm chỉ tiêu “Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản” với các nội dung: Diện tích thả nuôi, Diện tích thu hoạch, Diện tích bị thiệt hại. Vì đa số các tỉnh miền Bắc không nuôi trồng các loại thủy sản như trong dự thảo báo cáo (cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng) nên sẽ không đánh giá được đầy đủ tiến độ sản xuất thủy sản của địa phương.

5. Biểu số 08/TMDV: Đề nghị bổ sung thêm phần giải thích nội dung biểu với các nội dung về thời điểm báo cáo, thời kỳ của số liệu cần báo cáo .

Trên đây là các ý kiến tham gia dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu GDP, GRDP; Cục Thống kê Hải Dương báo cáo Tổng cục Thống kê theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Phạm Bá Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1729/UBND-TH

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 104.53..... Ngày: 18.3.2022
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê;
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

ĐẾN	Số: 81..... Ngày: 16.03.2022 Chuyên: 1.03.2022 (giấy)
Số và ký hiệu HS:.....	

Thực hiện Công văn 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng góp ý đối với Hệ biểu quy định tại Nghị định áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố như sau:

- Biểu số 04/NLTS: Các chỉ tiêu trong biểu chủ yếu mang tính thời điểm và được phân tổ theo từng quý, tuy nhiên kết quả một số cuộc điều tra thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản kết quả tổng hợp theo mùa vụ, 6 tháng, năm, do đó không có nguồn số liệu để phân tổ theo từng quý;

- Tại Mục "II. Chăn nuôi" Biểu số 04/NLTS đề xuất nghiên cứu lại chỉ tiêu "Số tỉnh có dịch", chỉ tiêu này áp dụng với báo cáo của cả nước.

- Biểu số 05/NLTS: "*" : Số liệu năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê" đề xuất sửa thành "*" : Số liệu năm trước năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê"

- Biểu 06/CTHT: Cột C- Tên doanh nghiệp thi công công trình: Chỉ tiêu này Chủ đầu tư không báo cáo được do một công trình có nhiều hạng mục do nhiều doanh nghiệp thi công.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thống nhất và tham vấn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục TKTP;
- CVP;
- Phòng TH;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

1000

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TP HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /CTK-TH

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng có một số ý kiến góp ý đối với Hệ biểu quy định tại Nghị định áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố như sau:

- Biểu số 04/NLTS: Các chỉ tiêu trong biểu chủ yếu mang tính thời điểm và được phân tổ theo từng quý, tuy nhiên kết quả một số cuộc điều tra thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản kết quả tổng hợp theo mùa vụ, 6 tháng, năm, do đó không có nguồn số liệu để phân tổ theo từng quý;

- Tại Mục "II. Chăn nuôi" Biểu số 04/NLTS đề xuất nghiên cứu lại chỉ tiêu "Số tỉnh có dịch", chỉ tiêu này áp dụng với báo cáo của cả nước.

- Biểu số 05/NLTS: "*" Số liệu năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê" đề xuất sửa thành "*" Số liệu năm trước năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê"

- Biểu 06/CTHT: Cột C- Tên doanh nghiệp thi công công trình: Chỉ tiêu này Chủ đầu tư không báo cáo được do 1 công trình có nhiều hạng mục do nhiều doanh nghiệp thi công.

Cục Thống kê Hải Phòng kính gửi Vụ Hệ Thống tài khoản quốc gia đề tổng hợp ý kiến trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.



CỤC TRƯỞNG

Lê Gia Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1729/UBND-TH

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

HOẢ TỐC

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng góp ý đối với Hệ biểu quy định tại Nghị định áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố như sau:

- Biểu số 04/NLTS: Các chỉ tiêu trong biểu chủ yếu mang tính thời điểm và được phân tổ theo từng quý, tuy nhiên kết quả một số cuộc điều tra thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản kết quả tổng hợp theo mùa vụ, 6 tháng, năm, do đó không có nguồn số liệu để phân tổ theo từng quý;

- Tại Mục "II. Chăn nuôi" Biểu số 04/NLTS đề xuất nghiên cứu lại chỉ tiêu "Số tinh có dịch", chỉ tiêu này áp dụng với báo cáo của cả nước.

- Biểu số 05/NLTS: "*" Số liệu năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê" đề xuất sửa thành "*" Số liệu năm trước năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê"

- Biểu 06/CTHT: Cột C- Tên doanh nghiệp thi công công trình: Chỉ tiêu này Chủ đầu tư không báo cáo được do một công trình có nhiều hạng mục do nhiều doanh nghiệp thi công.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thống nhất và tham vấn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục TKTP;
- CVP;
- Phòng TH;
- Lưu: VT



Lê Anh Quân

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/CTK-TH

Hung Yên, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến biểu mẫu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống
kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu
tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm
trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

Qua triển khai nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc Cục Thống kê, tỉnh Hưng Yên tham gia một số nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với Biểu mẫu áp dụng cho các Bộ, ngành của Trung ương

Tỉnh Hưng Yên nhất trí, không có ý kiến khác.

2. Đối với Biểu mẫu áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty

Tỉnh Hưng Yên nhất trí, không có ý kiến khác.

3. Đối với Biểu mẫu áp dụng cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tỉnh Hưng Yên tham gia một số nội dung sau:

1) Các biểu thuộc lĩnh vực tài khoản quốc gia:

- Qua triển khai tại địa phương cho thấy: một biểu do nhiều đơn vị thực hiện, việc ghép lại như vậy sẽ khó khăn cho địa phương trong công tác triển khai thực hiện, cụ thể:

+ Biểu số 01/TKQG: thu thập thông tin từ Cục Thuế tỉnh các mục (I, II, IV, V); mục III thu thập thông tin từ Kho bạc nhà nước tỉnh.

+ Biểu số 02/TKQG: chi ngân sách địa phương thu thập từ Sở Tài chính tỉnh; chi ngân sách của các đơn vị trung ương từ Kho Bạc nhà nước tỉnh.

+ Biểu 03/TKQG: mục A thu thập từ Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh; mục B thu thập từ Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh; mục C thu thập từ Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- Các biểu báo cáo là biểu mẫu chung, bao gồm 4 quý và cả năm, đề nghị có hướng dẫn chi tiết hơn đối với việc thực hiện đối với từng quý (quý I thực hiện những cột nào?, quý 2 thực hiện những cột nào,...)

- Biểu số 03/TKQG “Một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng và hoạt động kinh doanh xố số, hoạt động bảo hiểm”

Sửa tên chỉ tiêu mang mã số 12 “II. *Dư nợ huy động vốn*” thành “II. *Số dư huy động vốn*”.

2) Đối với Biểu số 04/NLTS “Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản”

a) Chung toàn biểu

- Tại mục “Ngày nhận báo cáo”, sửa “*mục IV Quy trình biên soạn GDP, GRDP*” thành “*mục VI Quy trình biên soạn GDP, GRDP*”;

- Thêm cột “*Mã số*” cho từng chỉ tiêu để thuận lợi cho công tác thu thập, tổng hợp số liệu. Do số liệu trong biểu cần nhiều cơ quan phối hợp cung cấp thông tin;

- Tại phần ghi chú: Sửa cụm từ “*tại thời điểm*” thành “*ước tại thời điểm*” do tính chất số liệu khi không có kết quả điều tra chính thức tại thời điểm báo cáo.

- Các biểu báo cáo là biểu chung, bao gồm 4 quý và cả năm, đề nghị có hướng dẫn chi tiết hơn đối với việc thực hiện đối với từng quý (quý I thực hiện những cột nào?, quý 2 thực hiện những cột nào,...)

b) Tại mục “I. Trồng trọt”

- Sửa tên chỉ tiêu “*Cây hàng năm*” thành “*Cây hàng năm*”;

- Với chỉ tiêu “*Diện tích mất trắng*”, thêm cụm từ “Trong đó” trước 2 nguyên nhân mất trắng (Do thiên tai, do dịch bệnh) vì còn có lí do mất trắng khác như: phá hoại từ động vật, con người.

- Bỏ chỉ tiêu “*Diện tích mất trắng do thiên tai*” tại mục “1.5 Rau các loại” do bị lặp;

- Chuyển chỉ tiêu “*Diện tích thiệt hại không thể khôi phục*” tại mục “2.Cây lâu năm” xuống làm một phân tử của chỉ tiêu “*Diện tích mất trắng*” do sự tương đồng về ý nghĩa chỉ tiêu.

c) Tại mục “II. Chăn nuôi”

- Sửa chỉ tiêu “*Số tỉnh có dịch*” thành “*Số huyện có dịch*”. Đồng thời, tạo ghi chú giải thích huyện là đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm: huyện, thị xã, thành phố; sửa đơn vị tính từ “*tỉnh*” thành “*huyện*”;

- Sửa tên chỉ tiêu “*Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (trâu, bò)*” thành “*Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (gia súc: trâu, bò, lợn, dê, hươu)*” do Bệnh lở mồm long móng là bệnh gây ra trên động vật móng guốc chẵn như lợn, bò, trâu, hươu, dê.

d) Mục “IV. Thủy sản”

- Bổ sung thêm chỉ tiêu “*Diện tích nuôi trồng thủy sản*”, kỳ báo cáo: 6 tháng, cả năm;

- Với chỉ tiêu “*Diện tích mất trắng*” và “*Diện tích thiệt hại*”, thêm cụm từ “Trong đó” trước 2 nguyên nhân mất trắng (Do thiên tai, do dịch bệnh) vì mất trắng vẫn còn nguyên nhân khác như: do ô nhiễm, do con người,...

3) Đối với Biểu số 05/NLTS “*Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu*”

- Sửa hướng dẫn cách tính tại cột “So sánh (%)” từ “ $3=2/1$ ” thành “ $3=2/1*100$ ”;

- Sửa chỉ tiêu “*Cây hàng năm*” thành “*Cây hằng năm*”;

- Sửa chỉ tiêu “2. *Cây lâu năm cho sản phẩm*” thành “2. *Cây lâu năm*”. Nếu cần thu thập chỉ tiêu phản ánh Diện tích thì đưa sang Biểu số 04/NLTS “*Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản*” và cần ghi rõ tên chỉ tiêu là “*Diện tích cho sản phẩm*”;

- Cần quy định phạm vi của chỉ tiêu “*Sản lượng nuôi trồng*” tại mục IV. Thủy sản là không bao gồm giống thủy sản, do sản lượng nuôi trồng giống thủy sản có thể tính là vạn con/triệu con mà khó quy sang chung đơn vị là tấn.

4) Đối với Biểu số 06/CNXD “*Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ*”

- Sửa tên biểu “*Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ*” thành “*Danh mục Dự án/Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ*”;

- Sửa tên cột D trong biểu từ “*Mã công trình*” thành “*Mã ngành đầu tư*”; tên cột 2 trong biểu từ “*Sơ bộ quý trước*” thành “*Sơ bộ thực hiện quý trước*”; tên cột 3 trong biểu từ “*Ước tính quý báo cáo*” thành “*Ước tính thực hiện quý báo cáo*”;

- Bổ sung cột “*Mã chủ đầu tư: 1-Nhà nước; 2-Ngoài nhà nước; 3-FDP*” tương tự Biểu số 07/CNXD “*Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm*”;

- Tại mục Hướng dẫn cách ghi, bổ sung “*công trình có tổng nguồn vốn đầu tư từ 70 tỷ đồng trở lên*” cho thống nhất với Hướng dẫn cách ghi tại Biểu số 07/CNXD “*Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm*”.

5) Đối với Biểu số 07/CNXD “*Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm*”

- Sửa tên biểu từ “*Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm*” thành “*Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm*” cho logic với Hướng dẫn ghi biểu;

6) Đối với Biểu số 08/TMDV “Doanh thu một số ngành dịch vụ”

- Bổ sung ngành M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ, tương ứng là các ngành cấp 2 thuộc ngành này; ngành R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí, tương ứng là các ngành cấp 2 thuộc ngành này;

- Bổ sung Hướng dẫn nguồn số liệu đưa vào biểu này.

Còn các nội dung khác của Dự thảo, tỉnh Hưng Yên hoàn toàn nhất trí.

Trên đây là ý kiến góp ý Hệ biểu của tỉnh Hưng Yên, Cục Thống kê trân trọng báo cáo Tổng cục Thống kê và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê
(Vụ HT TKQG đề b/cáo);
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Đ/c Cục trưởng;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Đào Trọng Truyền

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93 /CTK-TH

Hà Nam, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia, Tổng cục Thống kê;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Công văn số 394/VPUB-TH ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cục Thống kê Hà Nam được giao tổng hợp ý kiến góp ý từ các Sở, ngành về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Quá trình thực hiện Cục Thống kê Hà Nam đã nghiên cứu và tổng hợp xem xét các ý kiến từ các Sở, ngành; cơ bản nhất trí với các nội dung của hệ biểu nêu trên và có tham gia ý kiến như sau:

Trong nội dung hệ biểu cấp tỉnh có 2 biểu số 04/NLTS cùng nội dung chỉ tiêu, chỉ khác nhau về thời gian (01 biểu năm trước năm báo cáo và 01 biểu năm báo cáo). Đề nghị quý Vụ xem xét lại ký hiệu mẫu biểu để tránh trùng lặp, gây hiểu lầm trong quá trình thực hiện.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trịnh Văn Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /UBND-VP2

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố

Nam Định, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Thực hiện Văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu dự thảo hệ biểu và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Nam Định cơ bản nhất trí và có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Biểu số 04/NLTS: Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản
 - Đề nghị bổ sung thêm một số cây trồng hàng năm và cây lâu năm.
 - Số TT 194, mục 2.3: Diện tích bị thiệt hại từ 70%, sửa thành: Diện tích bị thiệt hại dưới 70%.
 - Số TT 197- 205, mục 3(Tôm thẻ chân trắng): Bỏ chỉ tiêu thâm canh, lý do vì chưa có văn bản Nhà nước nào quy định khái niệm này.
 2. Biểu 05/NLTS: Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản
 - Đề nghị bổ sung thêm sản phẩm một số cây trồng hàng năm và cây lâu năm.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trân trọng góp ý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê;
- Đ/c Trần Lê Đoài – PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Lê Đoài

Số: 71 /CTK-TKTH

Ninh Bình, ngày 05 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
quốc gia và quy trình biên soạn chỉ
tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ
tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia;
- UBND tỉnh Ninh Bình.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 19/UBND-VP2 ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình đã có công văn số 32/CTK-TKTH ngày 24/02/2022 triển khai đến các đơn vị đề nghị nghiên cứu, góp ý. Kết quả tổng hợp các ý kiến góp ý như sau:

1. Biểu 01/TKQG, 02/TKQG: Mục 2. Thời gian báo cáo, đối với các kỳ báo cáo quý 3 bổ sung thêm quý 3 và 9 tháng.

2. Biểu 03/TKQG: Sửa chỉ tiêu “Dư nợ huy động vốn” thành “Số dư huy động vốn”. Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh các chỉ tiêu về “Dư nợ tín dụng”, “Huy động vốn” theo từng loại tiền tệ không có phân tổ “Ngắn hạn”, “Trung và dài hạn”.

3. Biểu 04/NLTS: Các chỉ tiêu về “Tiến độ gieo trồng”, “Tiến độ thu hoạch” trong “Cây hàng năm”: không thu thập số liệu các kỳ 6 tháng, 9 tháng và cả năm vì số liệu này tương ứng với các kỳ quý II, quý III, quý IV.

- Biểu số 04/NLTS - Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản như sau: Mục II - Chăn nuôi đề nghị sửa Chỉ tiêu “Số tỉnh có dịch” thành “Số huyện có dịch”; đơn vị tính từ “Tỉnh” thành “Huyện”. Lý do: vì đơn vị gửi báo cáo là UBND các tỉnh, thành phố do đó đơn vị tính phải là huyện.

Về thời gian nhận báo cáo: Đề nghị quy định rõ, cụ thể ngày nhận báo cáo (để các sở, ngành báo cáo sang UBND tỉnh phù hợp với báo cáo lên các Bộ,

ngành). Ví dụ: Hiện nay Sở Nông nghiệp và PTNT đang thực hiện báo cáo theo Thông tư số 17/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT; hạn gửi báo cáo từ ngày 20-23 hàng tháng thì cũng sẽ gửi sang UBND tỉnh như thế, như vậy có phù hợp với quy định về thời gian trong biểu báo cáo này không?

4. Biểu 05/NLTS: Sửa đơn vị tính của mục I. Trồng trọt “Nghìn ha” thành “Nghìn tấn” vì mục đích của biểu là thu thập sản lượng các loại cây trồng.

Cục Thống kê Ninh Bình trân trọng báo cáo Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia và UBND tỉnh. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; TKTH.



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/CTK-TH

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý kiến dự thảo hệ thống biểu
kèm theo Nghị định quy định nội dung
chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình biên soạn
chỉ tiêu GDP, GRDP.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....69..... Ngày: 04.3.2022
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê):

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Văn Thi tại Công văn số 2532/UBND-THKH ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao góp ý kiến dự thảo hệ thống biểu kèm theo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP, theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 về việc xin ý kiến dự thảo hệ thống biểu kèm theo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP. Sau khi nghiên cứu dự thảo hệ thống biểu; trên cơ sở phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan và căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa; Cục Thống kê Thanh Hóa tham gia đóng góp ý kiến như sau:

1. Đối với các biểu thuộc lĩnh vực Tài khoản quốc gia (Biểu số 01/TKQG, Biểu số 02/TKQG và Biểu số 03/TKQG); các biểu thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng (Biểu số 06/CNXD, Biểu số 07/CNXD); biểu thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ (Biểu số 08/TMDV): Thống nhất như dự thảo.

2. Đối với các biểu thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:

- Biểu số 04/NLTS: Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau: Mục II: Chăn nuôi : Các dòng có số thứ tự 163, 165, 167, 169, 171 dự thảo là “Số tính có dịch”, sửa lại là “Số huyện có dịch”. Mục 2 của Mục IV: Thủy sản: Dòng có số thứ tự 194 “Diện tích bị thiệt hại từ 70%”, sửa lại là “Diện tích bị thiệt hại dưới 70%”; dòng có số thứ tự 213 “Diện tích nuôi trồng thủy bị xâm nhập mặn”, sửa lại là “Diện tích nuôi trồng thủy sản bị xâm nhập mặn”.

- Biểu số 05/NLTS: Thống nhất như dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Cục Thống kê Thanh Hóa đối với dự thảo hệ thống biểu kèm theo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP. Cục Thống kê Thanh Hóa trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như trên (đề b/c);
- PCTTT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi (đề b/c);
- Lưu: VT, TH.

Q. CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hiệp

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /CTK-TH

Nghệ An, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cục Thống kê tỉnh Nghệ An căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ bản nhất trí với hệ biểu bổ sung vào dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP và góp ý một số nội dung như sau:

I. Về Dự thảo Phụ lục 2: quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP

Phần “VII. Công bố số liệu GDP và GRDP”, mục “3. Thời gian công bố”, điểm “b. Số liệu GRDP”, có quy định:

- Số liệu ước tính quý 1: Ngày 30 tháng 3 hàng năm; *đề nghị chuyển sang ngày 24 tháng 3 hàng năm để phục vụ kỳ họp UBND cấp tỉnh quý 1*

- Số liệu sơ bộ quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: Ngày 30 tháng 9 hàng năm; *đề nghị chuyển sang ngày 24 tháng 9 hàng năm để phục vụ kỳ họp UBND cấp tỉnh 9 tháng*

Như vậy, phần “VI. Trách nhiệm biên soạn”, mục “3. Thời gian cung cấp các chỉ tiêu phục vụ biên soạn số liệu GDP, GRDP”, điểm “a) Kỳ ước tính và sơ bộ” và thời gian báo cáo các biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn GDP, GRDP áp dụng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố cần điều chỉnh lại để Tổng cục Thống kê có thời gian tính toán và biên soạn số liệu:

- Thời gian báo cáo ước tính GRDP quý 1: Ngày 20 tháng 3 hàng năm; cần báo cáo sớm hơn, chuyển thành ngày 17 tháng 3 hàng năm.

- Thời gian báo cáo sơ bộ GRDP quý 2 và 6 tháng, ước tính quý 3 và 9 tháng: Ngày 20 tháng 9 hàng năm; cần báo cáo sớm hơn, chuyển thành ngày 17 tháng 9 hàng năm.

4. Biểu số 05/NLTS - Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu

Đề nghị sửa lại đơn vị tính của các chỉ tiêu diện tích, sản lượng cho phù hợp với báo cáo cấp tỉnh. Cụ thể: “Nghìn ha” thành “Ha”, “Nghìn tấn” thành “Tấn”.

Vậy Cục Thống kê tỉnh Nghệ An báo cáo quý Cơ quan để biết và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để b/c);
- Lưu: VT, P.TKTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Cục Thống kê tỉnh Nghệ An
ngthong@ngta.gov.vn
Ying Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
01-01-2022 09:00:27 96200

Nguyễn Trung Kiên

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74 /CTK-TH

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý Hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ
tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ
tiêu thống kê quốc gia

Kính gửi:

- Tổng cục Thống kê;
- Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia.

Thực hiện Công văn số 1019 /BKHĐT-TCTK, ngày 18/2/2022 của Bộ kế hoạch Đầu tư về việc góp ý Hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi rà soát tổng hợp ý kiến góp ý từ các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan, Cục Thống kê Hà Tĩnh có một số ý kiến như sau:

1. Về bố cục, thể thức: Nhất trí như dự thảo.

2. Về nội dung

- Đối với biểu số 1/Bộ, ngành: Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do bộ ngành quản lý.

+ Cột “ước tính 12 tháng so với kế hoạch” sửa lại thành “ước tính 12 tháng”.

+ Cột “19 = 15+16+17” sửa lại thành “19 = 15+16+17+18”.

- Đối với biểu số 01/TKQG: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chi tiêu:

+ Chỉ tiêu “Thu hồi vốn, thu hồi cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của *ngân sách* nhà nước” mã số 34 không có chỉ tiêu này cần sửa lại thành “Thu hồi vốn, thu hồi cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của *ngân hàng* nhà nước”.

+ Chỉ tiêu “Hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu” mã số 45 sửa lại thành “Hoàn thuế GTGT” thống nhất với tabmis và báo cáo quyết toán ngân sách.

- Đối với biểu số 03/TKQG: Một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng và hoạt động kinh doanh xổ số, hoạt động bảo hiểm.

+ Đề nghị thay cụm từ “*đư nợ huy động vốn*” tại phần II mục A của Biểu 03/TKQG thành cụm từ “*Huy động vốn*”: Theo định nghĩa, *đư nợ* là khoản các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng cho khách hàng, còn *huy động vốn* là khoản tiền gửi của khách hàng tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, do đó sử dụng cụm từ “*đư nợ huy động vốn*” là không phù hợp.

+ Tại khoản 2 mục A, phần giải thích nội dung biểu số 03/TKQG, đề nghị sửa đổi như sau “Số dư các khoản cấp tín dụng và số dư nguồn vốn huy động tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước

ngoài”. Bổ sung cách ghi biểu đối với nguồn vốn huy động.

- Đối với biểu số 4/NLTS: Một số chỉ tiêu về nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Mục II Chăn nuôi: Chỉ tiêu “Số tinh có dịch” nên bỏ chỉ tiêu này vì đây là báo cáo đơn vị cấp tỉnh hoặc đổi tên chỉ tiêu thành “Số huyện, thành phố, thị xã có dịch”.

- Đối với biểu số 5/NLTS: Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu.

Mục I: Trồng trọt đơn vị tính toàn bộ mục I là “nghìn ha” cần đổi lại đơn vị tính là “nghìn tấn” vì đây là biểu sản phẩm nông nghiệp.

Trên đây là tổng hợp các ý kiến góp ý của Cục Thống kê và các các Sở, ban, ngành. Cục Thống kê Hà Tĩnh báo cáo Tổng cục Thống kê, Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng nghiệp vụ VP Cục;
- Lưu VT.HC.

CỤC TRƯỞNG

Trần Thanh Bình

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG BÌNH**

Số: 89 /CTK-TH

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 2 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê Quảng Bình có ý kiến như sau:

- Cơ bản nhất trí với các nội dung của Dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đối với dự thảo Phụ lục 2 - Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

+ Đề nghị sửa các cụm từ “quý 1, quý 2, quý 3, quý 4” thành “quý I, quý II, quý III và quý IV” cho thống nhất.

+ Tại Mục VIII. Trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương, điểm 2. Trách nhiệm của các địa phương:

“e) Các sở, **ban ngành** cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin phục vụ biên soạn GRDP cho cơ quan thống kê cấp tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân về thông tin thuộc lĩnh vực phụ trách cung cấp cho cơ quan thống kê cấp tỉnh” *đề nghị sửa thành* “e) Các sở, **ban, ngành** cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin phục vụ biên soạn GRDP cho cơ quan thống kê cấp tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thông tin thuộc lĩnh vực phụ trách cung cấp cho cơ quan thống kê cấp tỉnh”.

- Đối với hệ biểu tại tập tin “03.-Mau-bao-cao-ap-dung-UBND-tinh-tp.final_”:

+ Các Biểu 04/NLTS (Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản), Biểu 05/NLTS (Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu), Biểu 06/CNXD (Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ), Biểu 07/CNXD (Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm), Biểu 08/TMDV (Doanh thu một số ngành dịch vụ): Đơn vị báo cáo: “UBND tỉnh, thành phố” *đề nghị sửa thành* “Cục Thống kê tỉnh, thành phố”. Vì trong “Phụ lục II Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” (Kèm theo Nghị định) thì quy định cơ quan thu thập, xử lý tổng hợp thông tin đầu vào là Cơ quan thống kê cấp tỉnh, không có quy định nào có đơn vị báo cáo là UBND tỉnh, thành phố.

Các Biểu này giao cho UBND tỉnh báo cáo, nhưng khả năng cao UBND tỉnh sẽ giao cho Cục Thống kê chủ trì thực hiện và cuối cùng, Cục Thống kê vẫn là cơ quan chịu trách nhiệm giải trình số liệu.

+ Ngày nhận báo cáo ở các biểu: “Theo tiết 3, mục IV Quy trình biên soạn GDP, GRDP”, nhưng “tiết 3, mục IV Quy trình biên soạn GDP, GRDP” không liên quan đến ngày nhận báo cáo, vì vậy đề nghị xem lại.

Trên đây là góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê Quảng Bình đề nghị Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia xem xét bổ sung, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, Phòng Thống kê Tổng hợp.

CỤC TRƯỞNG



Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình
04-07-2022 15:11:56 +07:00

Trần Quốc Lợi

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 115/CTK-TKTH

Quảng Trị, ngày 01 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 620/UBND-TH ngày 21 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tham gia ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua nghiên cứu dự thảo hệ biểu, Cục Thống kê Quảng Trị thống nhất với nội dung hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tham gia thêm một số nội dung như sau:

- Đối với Biểu số 01/BTC của Bộ Tài chính, thêm mục “4. Các khoản huy động đóng góp” để cho đồng bộ với các mục nội dung của Biểu số 01/TKQG áp dụng đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Để mục “A. Một số chỉ tiêu tiền tệ, ngân hàng” của “Biểu số 03/TKQG- Một số chỉ tiêu tiền tệ, ngân hàng và hoạt động kinh doanh xổ số, hoạt động bảo hiểm” của UBND tỉnh, thành phố thực hiện được thuận lợi. Tổng cục Thống kê nên tham mưu cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành biểu mẫu báo cáo đối với các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố có nội dung các chỉ tiêu trùng với nội dung các chỉ tiêu trong “Biểu số 03/TKQG” áp dụng cho UBND tỉnh, thành phố.

- Đối với “Biểu số 02/TKQG- Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn” của tỉnh, thành phố, số liệu mục “Chi hoạt động quản lý Ngân hàng Nhà nước” không có trong Biểu báo cáo chi ngân sách nhà nước trên địa bàn do Sở Tài chính/Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện mà số liệu phải thu thập tại Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố. Do đó, Tổng cục Thống kê nên có văn bản hướng dẫn cụ thể cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cách thu thập số liệu chỉ tiêu này để có sự thống nhất nguồn số liệu thông tin đầu vào.

- Trong Biểu số 04, 05/NLTS, đối với các chỉ tiêu ở mục "1. Cây hàng năm" và diện tích rừng trồng mới tập trung ở mục "3. Lâm nghiệp" có đơn vị tính là "Nghìn ha" sửa lại đơn vị tính là "Ha". Đối với mục "II. Chăn nuôi" của "Biểu số 04/NLTS" sửa chỉ tiêu có cụm từ "Số tỉnh có dịch bệnh" thành "Số huyện có dịch bệnh" và đơn vị tính "Tỉnh" sửa lại là "Huyện".

Cục Thống kê Quảng Trị báo cáo đề Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Trần Anh Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 1227/UBND-TH

V/v thực hiện Công văn số
1019/BKHĐT-TCTK
ngày 18 tháng 02 năm 2022
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK, ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước; chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có ý kiến sau:

1. Thống nhất với nội dung biểu mẫu áp dụng đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm các biểu sau:

- Biểu số 01/TKQG và Biểu số 02/TKQG: Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn. Giao Cục Thống kê thành phố chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng, Sở Tài chính thành phố thực hiện.

- Biểu số 03/TKQG: Một số chỉ tiêu về tiền tệ, ngân hàng và hoạt động kinh doanh xổ số, hoạt động bảo hiểm. Giao Cục Thống kê thành phố chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Đà Nẵng, Bảo hiểm xã hội thành phố, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đà Nẵng thực hiện.

- Biểu số 04/NLTS và Biểu số 05/NLTS: Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu. Giao Cục Thống kê thành phố chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

- Biểu số 06/CNXD: Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ. Giao Cục Thống kê thành phố chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Ban Quản lý dự án Đầu tư và xây dựng thành phố và quận, huyện thực hiện.

- Biểu số 08/TMDV: Doanh thu của một số ngành dịch vụ. Giao Cục Thống kê chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Du lịch thực hiện.

2. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) xem xét lại nội dung Biểu số 07/CNXD: Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm. Chỉ tiêu năng lực mới tăng (năng lực thiết kế và đơn vị tính) là chỉ tiêu khó thu thập, nhiều doanh nghiệp không nắm được chỉ tiêu này nên không báo cáo,

một số doanh nghiệp đơn vị tính của năng lực thiết kế khác với đơn vị tính của ngành Thống kê quy định. Vì vậy chỉ tiêu này thường báo cáo không đầy đủ, khó khăn trong công tác thu thập và tổng hợp.

3. Về thời gian gửi báo cáo: đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thời gian gửi báo cáo đối với các biểu 04/NLTS; 05/NLTS; 06/CNXD; 07/CNXD; 08/TMDV vào ngày 20 của tháng cuối quý.

Trên đây là một số ý kiến về hệ biểu báo cáo thu thập thông tin đầu vào phục vụ tính GRDP áp dụng cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND thành phố Đà Nẵng kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đồng thời đề nghị các sở, ban, ngành liên quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thống kê thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đà Nẵng;
- Kho bạc Nhà nước Chi nhánh Đà Nẵng;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Du lịch;
- BQL Dự án ĐTXD TP và quận, huyện
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đà Nẵng.
- Chủ tịch UBND TP (để b/cáo);
- Lưu: VT, TH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Kỳ Minh

SAO Y

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/BKHĐT-TCTK

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

V/v xin ý kiến hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống
kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ
tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu
tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:



- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Tập đoàn, Tổng công ty.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê đã được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021. Để triển khai thực hiện Luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và gửi xin ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình hoàn thiện Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy cần thiết phải bổ sung hệ biểu vào Phụ lục 2 (dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để hướng dẫn các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện quy trình.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị quý Cơ quan, đơn vị cho ý kiến về hệ biểu nêu trên.

Ý kiến góp ý bằng văn bản của quý Cơ quan, đơn vị xin gửi về Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội và theo địa chỉ thư điện tử: taikhoanquocgia@gso.gov.vn trước ngày 05/3/2022.

Dự thảo hệ biểu đã được đăng tải trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ: <https://www.gso.gov.vn> trong mục "Văn bản, Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP".

(Thông tin chi tiết xin liên hệ anh Lê Trung Hiếu, Vụ trưởng Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, điện thoại: 024 7304 6666 (máy lẻ 3663), di động 0912 281 585).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan, đơn vị. *HL*

KI, BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Quốc Cường

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VI, TCTR. *MS*

larmid-22/02/2022 10:36:20 larmid

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 969 /UBND-TH

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2022

V/v thực hiện Công văn
số 1019/BKHĐT-TCTK
ngày 18 tháng 02 năm 2022
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

CỤC THỐNG KÊ TP. ĐÀ NẴNG	
ĐẾN	Số: 71
	Ngày: 25/2/2022.
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi:

- Cục Thống kê thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Đà Nẵng;
- Kho bạc Nhà nước Chi nhánh Đà Nẵng;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Du lịch;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đà Nẵng.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gửi kèm theo); Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

Đề nghị Cục Thống kê thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố có ý kiến về hệ biểu nêu trên theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022; báo cáo UBND thành phố trước ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện, báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND TP (để b/cáo);
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Kỳ Minh

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG NAM**

Số: 132 /CTK-TH

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị
định quy định nội dung chi tiêu thống
kê thuộc HTCT thống kê quốc gia

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 05 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK, ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 991/UBND-TH ngày 22/2/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê Quảng Nam cơ bản thống nhất với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và góp ý bổ sung như sau:

Tại biểu số 05/NLTS: Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu

1. Mục I. Trồng trọt: đơn vị tính của các loại cây hằng năm và cây lâu năm cho sản phẩm, đề nghị sửa lại đơn vị tính: nghìn tấn.

2. Tại cột: kế hoạch năm báo cáo, đề nghị sửa lại: năm báo cáo.

Cục Thống kê Quảng Nam góp ý với nội dung như trên kính báo cáo đề Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG


Lê Quý Đạt

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 215 /CTK-TH

Bình Định, ngày 02 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản
phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Bình Định.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 856/UBND-TH ngày 23 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc góp ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê Bình Định đã tổ chức hội thảo, lấy ý kiến góp ý của các phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục và Chi cục Thống kê cấp huyện; Cục Thống kê Bình Định tổng hợp các góp ý như sau:

- Đối với Biểu áp dụng cho Bộ, ngành và Biểu áp dụng cho Tập đoàn, Tổng công ty: thống nhất.
- Đối với Biểu áp dụng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố:
 1. Các biểu số 01/TKQG, 02/TKQG, 03/TKQG: thống nhất.
 2. Biểu số 04/NLTS “Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm và thủy sản”:
 - + Từ số thứ tự 3 đến số thứ tự 55, số thứ tự 178 đề nghị sửa đơn vị tính “nghìn ha” thành “ha” để phù hợp với số liệu thống kê thực tế tại địa phương;
 - + Các số thứ tự 167, 169, 171, đề nghị sửa tên chỉ tiêu “Số tỉnh có dịch” thành “số huyện có dịch” và sửa đơn vị tính “tỉnh” thành “huyện”;
 3. Biểu số 05/NLTS “Sản phẩm nông, lâm và thủy sản chủ yếu”:
 - + Mã số từ 01 đến 25, đề nghị sửa đơn vị tính “nghìn ha” thành “tấn”; vì đây là biểu thu thập số liệu về sản phẩm;

Đề phù hợp với số liệu thống kê thực tế tại địa phương, đề nghị mã số từ 26 đến 30, mã số 32, mã số từ 35 đến 40, sửa đơn vị tính “nghìn tấn” thành “tấn”; mã số 31 sửa đơn vị tính “triệu quả” thành “nghìn quả”; mã số 34 sửa đơn vị tính “nghìn m³” thành “m³”.

4. Các biểu 06/CNXD “Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ”; 07/CNXD “Năng lực mới tăng của các dự án/ công trình hoàn thành trong năm...”; 08/TMDV “Doanh thu một số ngành dịch vụ” đề nghị bổ sung thời gian cụ thể tại quy định “Ngày nhận báo cáo”; Đơn vị tính đề nghị sửa “triệu đồng” thành “tỷ đồng”.

Cục Thống kê Bình Định kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh tổng hợp./.

fanhuu

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, P.TKTH.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 889 /UBND-TH

Phú Yên, ngày 01 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....623..... Ngày: 03.3.2022.
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Tiếp nhận đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tại văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

Qua nghiên cứu dự thảo, UBND tỉnh Phú Yên có ý kiến góp ý như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi kèm văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đề dự thảo được hoàn chỉnh, UBND tỉnh Phú Yên tham gia ý kiến như sau:

Qua xem xét các biểu chi tiêu liên quan (mẫu báo cáo áp dụng UBND các tỉnh/thành phố, tập tin 03.-Mau-bao-cao-ap-dung-UBND-tinh-tp.final), đề nghị bổ sung biểu báo cáo đối với lĩnh vực “Công nghiệp” và “Xây dựng” để có đủ nguồn số liệu đầu vào báo cáo Tổng cục Thống kê biên soạn và tính toán chỉ tiêu GRDP.

Trên đây là văn bản góp ý đối với dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. UBND tỉnh Phú Yên báo cáo Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ



Số: 115 /CTK-TKTH

Ninh Thuận, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v Góp ý dự thảo hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống
kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ
tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu
tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành
phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê

Tiếp nhận công văn số 619/VPUB-KTTH ngày 21/02/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Ninh Thuận và thực hiện công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê đã triển khai trong Ban lãnh đạo Cục và các phòng nghiệp vụ Cục Thống kê Ninh Thuận; các ý kiến đóng góp được tổng hợp, cụ thể như sau:

- 100% cơ bản có ý kiến thống nhất hệ biểu và thời gian báo cáo cung cấp thông tin, từ Biểu 01 - 08;

- Riêng đối với:

+ Biểu 04/NLTS “Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản” cần bổ sung vào 2. **Cây lâu năm** là *cây Nho*.

Bởi cây Nho là cây ăn trái được trồng trên đất Ninh Thuận với diện tích tương đối lớn, cũng đã có thương hiệu về sản phẩm “Nho Phan Rang-Ninh Thuận” và là cây chủ lực, có thu nhập ổn định của nông dân ở địa phương. Vì vậy đưa vào để theo dõi và tính giá trị của cây nho là phù hợp với địa phương và cả nước.

+ Biểu 05/NLTS “Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu”, cần bổ sung vào 2 loại sản phẩm, cụ thể: sản lượng Nho (như đã nêu ở trên); ngoài ra ở mục II. **Chăn nuôi**: bổ sung sản lượng thịt *Dê, cừu và tổ yến*.

* Với dê, cừu là 02 con cũng là chủ lực của địa phương, số lượng nuôi tương đương với số lượng bò có trên địa bàn và cũng là loại có thương hiệu “Dê núi Ninh Thuận”;

* Đối với *chim yến* hiện nay cũng đang được các hộ đầu tư phát triển, cho thu nhập tương đối cao và ổn định.

Do vậy, với cây nho và 03 con (Dê, cừu và chim yến ở Ninh Thuận) nên đưa vào để theo dõi số lượng và tính giá trị là cần thiết.

Ngoài ý kiến trên không có ý kiến khác.

Trên đây là ý kiến đóng góp về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Cục Thống kê Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vp UBND tỉnh;
- LĐ CTK;
- Lưu: VT, TKTH.



Nguyễn Văn Hương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BÌNH THUẬN

Số: 64 /CTK-TKTH

V/v góp ý hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ
tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ
tiêu thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm
trên địa bàn tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 839/VP-TH ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh “Về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”; theo đó UBND giao Cục Thống kê nghiên cứu, góp ý các nội dung và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) theo yêu cầu tại Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi trao đổi với các sở, ngành có liên quan, hầu hết đều thống nhất và có góp ý như sau:

1. Mẫu báo cáo áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh

- Biểu số 04/NLTS: “Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản”: Mục II. Chăn nuôi: 1. Cúm gia cầm đến mục 5. Bệnh... : Chỉ tiêu “Số tỉnh có dịch” và đơn vị tính là “Tỉnh” đề nghị sửa tên chỉ tiêu “Số quận/huyện/thị xã có dịch”, đơn vị tính là “quận/huyện/ thị xã”

- Biểu số 07/CNXD: “Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm...”.

Đề nghị sửa tên biểu thành: “Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành”. Vì biểu này báo cáo theo quý, trường hợp kỳ báo cáo quý I/2022, cột 4: Thực hiện quý trước báo cáo (là quý IV/2021) thì dự án/công trình hoàn thành của năm báo cáo là không hợp lý.

2. Các biểu mẫu đều thiếu người lập biểu, người duyệt biểu và thủ trưởng đơn vị.

Trên đây là góp ý của Cục Thống kê Bình Thuận vào dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TKTH.



CỤC TRƯỞNG

Phạm Quốc Hùng

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /CTK-TKTH

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 3 năm 2022

“V/v góp ý theo đề nghị tại văn
bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày
18/02/2022 của Bộ Kế hoạch
và Đầu tư”

Kính gửi: - Tổng cục Thống kê (Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia);
- UBND tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK, ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Công văn số 1320/UBND-TH, ngày 21 tháng 2 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, trùng với nội dung của văn bản 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cục Thống kê được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu và chủ động có văn bản góp ý theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Tổng cục Thống kê. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Cục Thống kê đã ban hành công văn số 31/CTK-TKTH ngày 23/02/2022 gửi các đơn vị liên quan, đề nghị có văn bản góp ý và gửi về Cục Thống kê tỉnh trước ngày 03/3/2022 để tổng hợp; tuy nhiên đến nay một số đơn vị không có văn bản trả lời (*có phụ lục kèm theo*).

Qua tổng hợp kết quả góp ý của các đơn vị vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kết quả như sau:

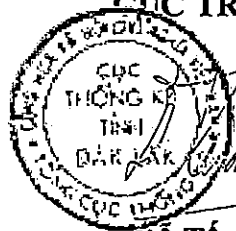
1) Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022.

2) Đề dự thảo được hoàn chỉnh, thông qua xem xét các biểu chi tiêu liên quan (mẫu báo cáo áp dụng UBND các tỉnh/thành phố, từ trang 90 đến trang 134 tại văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Đề nghị bổ sung **biểu báo cáo đối với lĩnh vực “Công nghiệp” và “Xây dựng”** để có đủ nguồn số liệu đầu vào báo cáo Tổng cục Thống kê biên soạn và tính toán chỉ tiêu GRDP.

Trên đây là văn bản góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chi tiêu tổng sản phẩm trong nước, chi tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk báo cáo Tổng cục Thống kê nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Đỗ Tấn Xuân

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/CTK-TKTH

Bình Phước, ngày 02 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và qui trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu nội dung các biểu áp dụng cho Ủy ban nhân dân, Cục Thống kê tỉnh Bình Phước có một số góp ý như sau:

Về cơ bản nhất trí với dự thảo, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, nội dung biểu mẫu 04/NLTS và biểu mẫu 05/NLTS: cột đơn vị tính trong biểu đề nghị sửa lại cho phù hợp với cấp tính (có biểu gửi kèm theo).

Trên đây là một số nội dung góp ý của Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để b/c);
- Lưu: VT, TKTH.



Biểu số 04/NLTS
Ban hành theo Nghị định số

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NÔNG,
LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
Quý Năm

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh, tp:.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Ngày nhận báo cáo:

Theo tiết 3, mục IV Quy trình biên soạn GDP, GRDP

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo						
			Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
A	B	C	8	9	10	11	12	13	14
162	II. Chăn nuôi	x	x	x	x	x	x	x	x
163	1. Cúm gia cầm	Số tính cơ direct	Tính						
164		Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (gia cầm)	Con						
165	2. Tả lợn châu Phi	Số tính cơ direct	Tính						
166		Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (lợn)	Con						
167	3. Lở mồm long móng	Số tính cơ direct	Tính						
168		Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (trâu, bò)	Con						
169	4. Viêm da nổi cục	Số tính cơ direct	Tính						
170		Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy (trâu, bò)	Con						
171	5. Bệnh ...	Số tính cơ direct	Tính						
172		Số lượng vật nuôi bị tiêu hủy	Con						

Biểu số 05/NLTS

Ban hành theo Nghị định số

.....

Ngày nhận báo cáo: 20/3 hàng năm

SẢN PHẨM NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN CHỦ YẾU

Năm

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh, tp:

Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thống kê

Sản phẩm	Đơn vị tính	Mã số	Năm trước năm báo cáo*	Kế hoạch năm báo cáo	So sánh (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
I. Trồng trọt					
1. Cây hàng năm					
- Lúa	Nghìn ha	01			
<i>Trong đó:</i>					
+ Lúa đông xuân	Nghìn ha	02			
+ Lúa hè thu	"	03			
+ Lúa thu đông, vụ ba	"	04			
+ Lúa mùa	"	05			
- Ngô/bắp	"	06			
- Sắn/Mỳ	"	07			
- Mía	"	08			
- Rau các loại	"	09			
- Hoa các loại	"	10			
2. Cây lâu năm cho sản phẩm					
- Điều	Nghìn ha	11			
- Hồ tiêu	"	12			
- Cao su	"	13			
- Cà phê	"	14			
- Chè búp	"	15			
- Dừa	"	16			
- Xoài	"	17			
- Chuối	"	18			
- Thanh long	"	19			
- Dứa/thơm/khóm	"	20			
- Sầu riêng	"	21			
- Cam	"	22			
- Bưởi	"	23			
- Nhãn	"	24			
- Vải	"	25			

II. Chăn nuôi					
Trâu	Ngành-tân	26			
Bò	"	27			
Lợn	"	28			
Gia cầm	"	29			
+ Trong đó: gà	"	30			
Trứng gia cầm	Triệu-Nghìn-quá	31			
Sữa bò tươi	Ngành-tân	32			
III. Lâm nghiệp					
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn-ha	33			
Sản lượng gỗ khai thác	Nghìn-tấn	34			
IV. Thủy sản					
1. Sản lượng nuôi trồng		Ngành-tân	35		
Trong đó: + Cá tra	"	36			
+ Tôm sú	"	37			
+ Tôm thẻ chân trắng	"	38			
2. Sản lượng khai thác		"	39		
Trong đó: + Khai thác biển	"	40			

*: Số liệu năm báo cáo được cập nhật khi có số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Người ký: Ủy
ban nhân dân
tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh
Tây Ninh
Thời gian ký:
09.03.2022
15:18:42 +07:00

Số: 821 /UBND-TH
V/v góp ý hệ biểu chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ
tiêu thống kê Quốc gia

Tây Ninh, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

UBND tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có ý kiến góp ý như sau:

1. Về tiêu đề

- Biểu áp dụng cho UBND tỉnh, thành phố: Đề nghị điều chỉnh và ghi cụ thể đơn vị thực hiện báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ (Ví dụ: Biểu 01/TKQG và 02/TKQG do Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh báo cáo; 03/TKQG do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh báo cáo; các biểu 04/NLTS, 05/NLTS, 06/CNXD, 07/CNXD, 08/TMDV do Cục Thống kê tổng hợp báo cáo,..).

- Các biểu do các Sở, ngành báo cáo: Giao cho Cục Thống kê tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố thực hiện việc giám sát, hướng dẫn, tiếp nhận, xử lý tổng hợp và báo cáo Tổng cục Thống kê theo thời gian quy định.

2. Nội dung từng biểu mẫu

Biểu 01/TKQG; 02/TKQG; 03/TKQG; 04/NLTS; 05/NLTS: Một số nội dung trong dự thảo giải thích biểu, đơn vị tính của các chỉ tiêu trong các biểu đề nghị sửa lại cho phù hợp với cấp tỉnh hoặc bổ sung khoản thu ngân sách.

(Các nội dung góp ý này có đánh dấu trực tiếp vào phụ biểu dự thảo gửi kèm trên Hệ thống Trục liên thông văn bản Quốc gia eGov).

Trên đây là ý kiến góp ý của UBND tỉnh Tây Ninh, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Cục TK;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

(Lưu)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trọng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 165 /CV-CTK

Về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia.

Thực hiện yêu cầu nội dung Công văn số 1019/BKHĐT- TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đóng góp ý kiến về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê gửi công văn đến các Sở, Ngành liên quan để lấy ý kiến về hệ biểu nêu trên.

Về các biểu liên quan phục vụ biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, thống nhất với dự thảo phụ lục.

Đối với 8 biểu phục vụ biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê báo cáo kết quả thực hiện và các ý kiến như sau:

- Biểu 01, 02 về thu chi ngân sách: đã thực hiện đúng biểu mẫu, chỉ còn chỉ tiêu “Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định” hiện chưa có thông tin.

- Biểu 03: Chỉ tiêu huy động vốn (bằng tiền đồng và ngoại tệ) đề nghị bỏ phần tổ ngắn hạn, trung dài hạn và sửa tên chỉ tiêu “ Dư nợ huy động vốn” thành “ Huy động vốn”

- Biểu 06, 07: chưa thu thập đầy đủ theo thời hạn báo cáo của tất cả các Ban Quản lý dự án.

- Thống nhất với dự thảo về quy định Đơn vị gửi báo cáo là Ủy ban Nhân dân Tỉnh/Thành phố để có cơ sở cho các Cơ quan liên quan thu thập, tổng hợp và báo cáo số liệu các biểu.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: TH, VT.

CỤC TRƯỞNG
Ký bởi: Cục Thống kê
Email: ck@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày ký: 29-03-2022
17:03:15 +07:00
Nguyễn Khắc Hoàng



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 130/CTK-TH

Long An, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Tổng cục Thống kê (Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia).

Thực hiện công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công văn số 1617/UBND-KTTC ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Long An về việc thực hiện văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê Long An đã triển khai, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các bộ phận nghiệp vụ Cục Thống kê để nghiên cứu góp ý các biểu mẫu áp dụng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau quá trình nghiên cứu, rà soát các chỉ tiêu trong tám biểu mẫu thuộc các lĩnh vực tài chính; ngân hàng; xổ số; bảo hiểm; nông, lâm nghiệp và thủy sản; đầu tư và xây dựng; lĩnh vực dịch vụ. Tất cả các cơ quan, đơn vị cơ bản đều thống nhất với hệ biểu Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thiết kế, xây dựng. Bên cạnh đó, có một số góp ý với các nội dung sau:

Phần Giải thích nội dung Biểu 01/TKQG - Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giải thích nội dung Biểu 02/TKQG - Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời gian báo cáo ở phần a. Kỳ ước tính bỏ dòng "*Đối với số liệu chính thức năm là số liệu cả năm: Ngày báo cáo là 30/10 của năm sau*", vì đã có ở phần c. Kỳ chính thức và phần kỳ chính thức phải ghi đầy đủ "*Đối với số liệu chính thức năm là số liệu cả năm: Ngày báo cáo là 10/11 của năm sau*".

Biểu 04/NLTS. Phần II. Chăn nuôi: chỉ tiêu số tỉnh có dịch không phù hợp đối với cấp tỉnh đề nghị bỏ hoặc thay thế số huyện, thị xã, thành phố có dịch.

Biểu 05/NLTS. Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu. Mục I. Trồng trọt, đơn vị tính cho cây hàng năm và cây lâu năm cho sản phẩm đề nghị sửa lại là "Nghìn tấn" không phải là "Nghìn ha".

Trên đây là một số ý kiến góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Cục Thống kê Long An.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT;
- LĐ Cục;
- Các phòng Nghiệp vụ;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Văn Chuẩn

TAK

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1195 /UBND-TH

Tiền Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2022 VÀ ĐẦU TƯ

V/v góp ý về hệ biểu theo đề nghị
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN	Số: ... <u>8949</u> ...
	Ngày: <u>14.3.2022</u>
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

ĐẾN	Số: ... <u>66</u> ...
	Ngày: <u>07.3.2022</u>
	Chuyên: <u>BK. 16.3.2022</u>
	Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng Cục Thống kê,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nhận được Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến góp ý như sau:

- **Biểu số 01/TKQG: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Biểu số 02/TKQG: Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

+ Kỳ báo cáo: Đối với số liệu chính thức năm nên thống nhất lại là ngày 30 tháng 10 năm sau hay ngày 10 tháng 11 năm sau; Vì tại điểm a. ở dòng cuối cùng có qui định đối với kỳ ước tính năm "Đối với số liệu chính thức năm là số liệu cả năm, ngày báo cáo là ngày 30 tháng 10 năm sau" nhưng tại điểm b. Đối với kỳ chính thức "ngày báo cáo là ngày 10 tháng 11 năm kế tiếp".

+ Đề nghị sửa "b. Đối với kỳ chính thức" sửa lại "c. Đối với kỳ chính thức"; Vì trùng với điểm b. Đối với kỳ sơ bộ.

- **Biểu số 04/NLTS: Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:**

Đề nghị bỏ các dòng có số thứ tự 163, 165, 167, 169, 171, 172, 173, 174, 175, 176 hoặc đổi lại nội dung chỉ tiêu cho phù hợp với báo cáo của các tỉnh. Vì những dòng này chỉ phù hợp với báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, đề nghị Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT (Trần Văn Dũng);
- VPUB: CVP, P.TH (H);
- Lưu: VT. lưu

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 129 /CTK-TH

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu qui định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và qui trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện tinh thần tại Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc “xin ý kiến hệ biểu qui định tại Nghị định qui định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và qui trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”;

Thực hiện yêu cầu tại Công văn số 289/VPUBND-THVX ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về việc “góp ý hệ biểu qui định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và qui trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

Sau khi nghiên cứu hệ biểu và ý kiến của các ngành, Cục Thống kê tổng hợp lại như sau:

1. Sự cần thiết phải ban hành hệ thống biểu

(1) Theo mục “Phục lục II, Mục IV. Qui định biên soạn, Mục 6. Nguyên thông tin biên soạn” theo qui định tại mục này thì các thông tin thu thập để tính toán chỉ tiêu GDP và GRDP như sau:

a) Thông tin do cơ quan thống kê trực tiếp thu thập, xử lý và tổng hợp từ các cuộc điều tra, tổng điều tra, chế độ báo cáo thống kê quốc gia, dữ liệu hành chính;

b) Thông tin do cơ quan thống kê trực tiếp thu thập, tổng hợp từ các thông tin của các bộ, ngành và các tổng công ty

c) Thông tin do cơ quan thống kê cấp tỉnh thu thập, tổng hợp từ các sở, ban, ngành cung cấp, báo cáo.

(2) Trong trường hợp số liệu UBND tỉnh, thành phố khác với số liệu của

TCTK thu thập thì xử lý như thế nào?

(3) Việc giao UBND các tỉnh, TP báo cáo về Tổng cục Thống kê các chỉ tiêu trên dẫn đến việc các tỉnh, TP phải thiết lập một hệ thống để điều tra, thu thập, tổng hợp các thông tin trên, điều này có đúng với các qui định hiện tại và có chồng chéo, trùng lặp không (dữ liệu trong các báo cáo trên không phải là dữ liệu hành chính).

2. Nội dung các biểu

2.1. Biểu số 06/CNXD

(1) Tại biểu số 06/CNXD về Công trình trọng điểm thực hiện trong kỳ và biểu số 07/CNXD về Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm, đề nghị cần nêu rõ số liệu báo cáo tại các kỳ báo cáo (*theo từng quý*) là **giá trị khối lượng thực hiện** hay **giá trị thanh toán (giải ngân)** để các Chủ đầu tư báo cáo thống nhất, theo đúng yêu cầu.

(2) Biểu số 06/CNXD (*Công trình trọng điểm thực hiện theo kỳ*): Đề nghị định nghĩa rõ hơn về công trình trọng điểm (*có thể ví dụ*); bổ sung cột ghi tên chủ đầu tư, cột ghi thời gian hoàn thành theo hợp đồng (*không bao gồm thời gian gia hạn thực hiện hợp đồng*).

2.2. Biểu số 07/CNXD

(1) Hiện nay, đối với dự án đầu tư có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước/ dự án FDI đang được báo cáo theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Do đó, tại biểu số 07/CNXD về Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm, đối với dự án đầu tư có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước/ dự án FDI: đề nghị xem xét, rà soát các Mẫu biểu được quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT để thực hiện đồng bộ và đúng theo quy định.

(2) Biểu số 07/CNXD (*Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm*): Đề nghị bổ sung cột ghi tên doanh nghiệp thi công, cột ghi thời gian hoàn thành theo hợp đồng (*không bao gồm thời gian gia hạn thực hiện hợp đồng*); làm rõ năng lực mới tăng và đơn vị tính (*có thể ví dụ*).

2.3. Biểu số 04/NLTS

- Diện tích thiệt hại và Diện tích mất trắng không thể khôi phục khác nhau

như thế nào?

- Đề nghị làm rõ tiến độ gieo trồng theo vụ phân theo quý trong năm, cách ghi như thế nào?

Vụ Đông xuân tại Đồng Tháp kéo dài qua 2 năm vậy ghi như thế nào

2.4. Một số vấn đề khác

Đề nghị điều chỉnh lại đơn vị tính cho các biểu cấp tỉnh, ví dụ:

Nghìn ha => ha; Nghìn tấn => tấn ...

Vì số lượng ở cấp tỉnh không nhiều.

Cục Thống kê Đồng Tháp kính chuyên Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên
- VP UBND Tỉnh (để báo cáo)
- Lưu: VT, TH.



Phạm Văn Hoàng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTK-TKTH

An Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê

Qua nghiên cứu nội dung hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê tỉnh An Giang có ý kiến đóng góp như sau:

1. Biểu áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

- Biểu số 01/TKQG; Biểu số 02/TKQG; Biểu số 04/NLTS; Biểu số 05/NLTS; Biểu số 06/CNXD; Biểu số 07/CNXD: Đề nghị ghi rõ Nguồn số liệu để thực hiện.

- Biểu 05/NLTS: Cột (2) Kế hoạch năm báo cáo: Xây dựng Kế hoạch hằng năm không phân chi tiết sản phẩm như danh mục chỉ tiêu trong biểu (Phần I. Trồng trọt).

- Hệ biểu này khi được ban hành, UBND tỉnh sẽ giao cho Cục Thống kê tổ chức thực hiện vì thế đề nghị Tổng cục Thống kê bổ sung các kỳ báo cáo vào Kế hoạch công tác hàng năm.

2. Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh theo Kế hoạch công tác hằng năm của Tổng cục Thống kê: tháng 3 và quý 1 vào ngày 25/3; tháng 9 và 9 tháng vào ngày 25/9 nhưng thời gian công bố số liệu GRDP cho địa phương: Số liệu ước tính quý 1: Ngày 30/3 hằng năm; Số liệu ước tính 9 tháng: 30/9 là không phù hợp, số liệu không kịp thời, chỉ mang tính chất tham khảo.

- Kỳ công bố số liệu vào ngày 20/11 hằng năm Tổng cục Thống kê công bố số liệu ước tính GRDP năm cho các tỉnh, thành phố, thời điểm này chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của lãnh đạo địa phương và không đáp ứng được công tác xây

dựng kế hoạch hàng năm của tỉnh (thời điểm này BCH Đảng bộ tỉnh và HĐND tỉnh đã thông qua ước tính KT-XH năm báo cáo, xây dựng Kế hoạch KT-XH năm sau)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Huỳnh Quang Minh

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ SÓC TRĂNG**

Số: 90 /CTK-TH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia,
Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 868/VP-TH ngày 25/02/2022 đề nghị Cục Thống kê chủ trì, phối hợp các sở ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, có ý kiến đóng góp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo yêu cầu tại văn bản nêu trên.

Qua nghiên cứu dự thảo hệ biểu (gồm 08 biểu) phục vụ biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê Sóc Trăng cơ bản thống nhất với các chỉ tiêu trong từng biểu, thời điểm của số liệu và thời gian báo cáo và có ý kiến như sau:

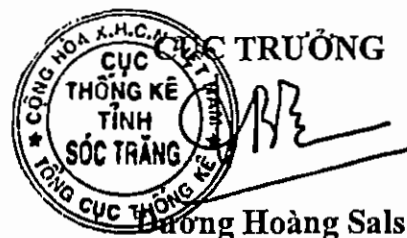
- Đối với Biểu số 04/NLTS, số thứ tự dòng: 163, 165, 167, 169, 171; Chỉ tiêu: Số tỉnh có dịch; Đơn vị tính: Tỉnh là chưa phù hợp. Đề nghị bỏ các dòng này.

- Thời gian thực hiện và gửi báo cáo, vì liên quan đến kết quả của các cuộc điều tra thống kê, nhất là lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (Biểu số: 04/NLTS, 05/NLTS), chỉ tiêu như: Diện tích hiện có, diện tích trồng mới.

Trên đây là ý kiến góp ý xin gửi Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Sóc Trăng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TH.



DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH GÓP Ý HỆ BIỂU

STT	Tên Bộ Ngành	Ý kiến	Ghi chú
1	Bộ Tài chính	Có góp ý	
2	Bộ Giao thông vận tải	Có góp ý	
3	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Có góp ý	
4	Bộ Thông tin truyền thông- Tập đoàn BCVT Việt Nam	Có góp ý	
5	Ủy ban quản lý Vốn nhà nước	Có góp ý	
6	Ngân hàng NNVN	Có góp ý	
7	Tòa án nhân dân tối cao	Có góp ý	
8	Đài truyền Hình Việt Nam	Nhất trí với dự thảo	
9	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Nhất trí với dự thảo	
10	Bộ giáo dục và đào tạo	Nhất trí với dự thảo	
11	Kiểm toán nhà nước	Nhất trí với dự thảo	
12	Bộ Quốc Phòng	Nhất trí với dự thảo	
13	Bộ khoa học Công nghệ	Nhất trí với dự thảo	
14	Bộ Công Thương	Nhất trí với dự thảo	
15	Thanh tra Chính Phủ	Nhất trí với dự thảo	
16	Thông Tấn xã Việt Nam	Nhất trí với dự thảo	
17	Ủy ban dân tộc	Nhất trí với dự thảo	
18	Viện hàn lâm Khoa học công nghệ VN	Nhất trí với dự thảo	
19	Bộ ngoại giao	Nhất trí với dự thảo	
20	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí với dự thảo	
21	Bảo hiểm Xã hội VN	Nhất trí với dự thảo	
22	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch HCM	Nhất trí với dự thảo	
23	Bộ Công An	Có góp ý	
24	Bộ tư pháp	Có góp ý	
25	Bộ Xây dựng	Nhất trí với dự thảo	



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3363/BTC-THTK

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (lần 2)

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 277/TCTK-PPCĐ ngày 8/3/2022 của Tổng cục Thống kê (TCTK) về nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trong dự thảo Nghị định (tham gia lần 2) và tham gia ý kiến theo đề nghị tại công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) về hệ biểu trong quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP của dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính tham gia ý kiến như sau:

I. Về tham gia ý kiến theo đề nghị tại công văn số 277/TCTK-PPCĐ ngày 8/3/2022 về nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia trong dự thảo Nghị định (tham gia lần 2).

Đề nghị TCTK tiếp tục tiếp thu các ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia tại công văn số 1712/BTC-THTK ngày 22/2/2022. Đối với dự thảo TCTK xin ý kiến lần 2 này, Bộ Tài chính tham gia ý kiến cụ thể như sau:

1. Đối với nhóm chỉ tiêu 03. Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp.

Đối với các chỉ tiêu: 0304. Số doanh nghiệp, số lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, 0305. Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp, 0306. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp: theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KHĐT) Bộ KHĐT chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình phát triển của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác của cả nước; đồng thời TCTK đều có đầy đủ số liệu của các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế. Theo đó đề nghị TCTK; Bộ KHĐT chủ trì tổng hợp các chỉ tiêu này (theo Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính) Bộ Tài chính không có nhiệm vụ tổng hợp, đánh giá chung về tình hình tài chính doanh nghiệp của

tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, vì vậy Bộ Tài chính không có các số liệu để phối hợp tham gia.

2. Đối với nhóm chỉ tiêu 05. Tài khoản quốc gia

Đối với chỉ tiêu 0506. Tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước: đề nghị bổ sung Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan phối hợp để cung cấp các thông tin liên quan đến quỹ Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, Bộ Tài chính sẽ phối hợp cung cấp số liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và theo yêu cầu của TCTK để tính toán, xác định chỉ tiêu.

3. Đối với nhóm chỉ tiêu 06. Tài chính công

Để đảm bảo tính khả thi trong việc cung cấp số liệu, Bộ Tài chính bảo lưu ý kiến đối với việc điều chỉnh phân tổ chủ yếu của 02 chỉ tiêu **0601. Thu NSNN và cơ cấu thu và 0604. Chi NSNN và cơ cấu chi**. Theo đó, đề nghị Tổng cục Thống kê điều chỉnh như sau:

3.1. Phân tổ chủ yếu của chỉ tiêu 0601. Thu NSNN và cơ cấu thu:

+ Kỳ tháng, quý phân tổ theo các khoản thu chủ yếu (thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu, viện trợ).

+ Kỳ năm phân tổ theo:

(i) Các khoản thu chủ yếu (thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu, viện trợ);

(ii) Sắc thuế.

3.2. Phân tổ chủ yếu của chỉ tiêu 0604. Chi NSNN và cơ cấu chi:

+ Kỳ tháng, quý phân tổ theo các khoản chi chủ yếu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi,...).

+ Kỳ năm phân tổ theo:

(i) Các khoản chi chủ yếu (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi,...);

(ii) Bộ/ngành.

3.3. Đối với chỉ tiêu 0608 Dư nợ của Chính phủ:

+ Đề nghị sửa khái niệm: “Nợ Chính phủ là khoản nợ phát sinh từ các khoản vay trong nước, nước ngoài, được ký kết, phát hành nhân danh Nhà nước, nhân danh Chính phủ” (Điều 3 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017).

+ Đối với nội dung công thức tính chi áp dụng đúng đối với xác định dư nợ của một khoản vay theo đồng tiền vay, trường hợp xác định tổng dư nợ của tất cả các khoản vay thì công thức tính nêu trong dự thảo là không đúng. Vì vậy, đề nghị bỏ công thức tính và bổ sung nguyên tắc xác định dư nợ như sau:

“Nguyên tắc xác định chỉ tiêu nợ:

Để xác định chỉ tiêu dư nợ, dư nợ của các khoản vay cần phải được quy về một loại tiền chung (đồng Việt Nam). Việc quy đổi được thực hiện như sau: Các chỉ tiêu nợ tại thời điểm được chuyển đổi bằng cách sử dụng tỷ giá chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ báo cáo"

+ Đề nghị điều chỉnh nội dung phân tổ chủ yếu như sau: "Nợ trong nước và nợ nước ngoài"

+ Đề nghị điều chỉnh nội dung nguồn số liệu: "Cơ sở dữ liệu tổng hợp về nợ trong nước và nợ nước ngoài."

3.4. Đối với chỉ tiêu 0609 Dư nợ nước ngoài của quốc gia:

+ Đề nghị sửa khái niệm: "Nợ nước ngoài của quốc gia là tổng các khoản nợ nước ngoài của khu vực công (bao gồm nợ Chính phủ và nợ được Chính phủ bảo lãnh) và nợ nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không được Chính phủ bảo lãnh."

+ Đề nghị bỏ nội dung công thức tính và bổ sung nguyên tắc xác định dư nợ như trên.

+ Đề nghị phân tổ theo "Khu vực công (bao gồm nợ Chính phủ và nợ được Chính phủ bảo lãnh) và khu vực tư nhân (nợ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không được Chính phủ bảo lãnh)".

3.5. Đối với chỉ tiêu 0610 Dư nợ công:

+ Đề nghị bỏ nội dung công thức tính và bổ sung nguyên tắc xác định dư nợ như trên.

+ Đề nghị điều chỉnh phân tổ theo "Cấu phần nợ công (nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương)".

+ Đề nghị điều chỉnh nội dung nguồn số liệu: "Cơ sở dữ liệu tổng hợp về nợ trong nước và nước ngoài."

4. Đối với nhóm chỉ tiêu 07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán

4.1. Đối với chỉ tiêu 0709. Cán cân thanh toán quốc tế:

Theo quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam về nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN có nêu: "Chủ trì lập, theo dõi, dự báo và phân tích kết quả thực hiện cán cân thanh toán quốc tế". Vì vậy, đề nghị bỏ Bộ Tài chính là cơ quan phối hợp do nội dung này thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4.2. Đối với chỉ tiêu 0712. Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm:

Đề nghị TCTK sửa lại như sau:

"Tổng thu phí bảo hiểm là tổng doanh thu phí bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ và các doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe. Chi trả bảo hiểm là trả tiền bảo hiểm (bao gồm chi bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ, chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm sức khỏe).

I. Tổng thu phí bảo hiểm

1. Khái niệm, phương pháp tính

Công thức tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu} & & \text{Phí bảo} & & \text{Phí bảo} & & \text{Phí bảo hiểm} \\ \text{phí} & = & \text{hiểm} & + & \text{hiểm} & + & \text{sức khỏe} \\ \text{bảo hiểm} & & \text{phi nhân thọ} & & \text{nhân thọ} & & \end{array}$$

a) **Phí bảo hiểm phi nhân thọ:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số doanh thu phí bảo hiểm gốc sau khi trừ (-) các khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.

b) **Phí bảo hiểm nhân thọ:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số doanh thu phí bảo hiểm gốc sau khi trừ (-) các khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

c) **Phí bảo hiểm sức khỏe:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số doanh thu phí bảo hiểm gốc sau khi trừ (-) các khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe.

2. **Phân tổ chủ yếu:** Loại hình doanh nghiệp.

3. **Kỳ công bố:** Năm.

4. **Nguồn số liệu:**

- Chế độ báo cáo thống kê quốc gia.

5. **Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Chủ trì: Bộ Tài chính

- Phối hợp: Tổng cục Thống kê

II. Trả tiền bảo hiểm

1. Khái niệm, phương pháp tính

Công thức tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trả tiền} & & \text{Chi bồi thường} & & \text{Chi bồi thường} & & \text{Chi bồi thường và} \\ \text{bảo hiểm} & = & \text{bảo hiểm} & + & \text{và trả tiền bảo} & + & \text{trả tiền bảo hiểm} \\ & & \text{phi nhân thọ} & & \text{hiểm nhân thọ} & & \text{sức khỏe} \end{array}$$

a) **Chi bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số chi bồi thường bảo hiểm gốc của DNBH phi nhân thọ phát sinh trong kỳ báo cáo.

b) **Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm nhân thọ:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng số chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phát sinh trong kỳ báo cáo.

c) *Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm sức khỏe: Chi tiêu này phản ánh tổng số chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe phát sinh trong kỳ báo cáo.*

2. *Phân tổ chủ yếu: Loại hình doanh nghiệp.*

3. *Kỳ công bố: Năm.*

4. *Nguồn số liệu:*

- *Chế độ báo cáo thống kê quốc gia.*

5. *Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp*

- *Chủ trì: Bộ Tài chính*

- *Phối hợp: Tổng cục Thống kê ”.*

4.3. Đối với chỉ tiêu 0718. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu:

Đối với nội dung Khái niệm, phương pháp tính đề nghị sửa như sau: Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu là tổng giá trị của cổ phiếu niêm yết và/hoặc (đăng ký giao dịch) trên Sở Giao dịch chứng khoán tính theo giá trị thị trường tại một thời điểm xác định, được tính bằng tổng các tích giữa khối lượng cổ phiếu niêm yết và/hoặc (đăng ký giao dịch) với *giá thị trường cổ phiếu* tại một thời điểm xác định.

5. Đối với nhóm chỉ tiêu 10. Thương mại, dịch vụ

5.1. Đối với các chỉ tiêu số 1006 - Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chỉ tiêu số 1007 - Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu:

+ Việc TCTK đề nghị giữ lại phân tổ theo ngành kinh tế của hai chỉ tiêu này: Bộ Tài chính đề nghị TCTK hướng dẫn chi tiết bảng tương quan giữa mã HS và mã ngành kinh tế trong Nghị định về Chế độ báo cáo thống kê quốc gia.

+ Việc TCTK đề nghị giữ lại phân tổ theo tỉnh, thành phố của hai chỉ tiêu này: Bộ Tài chính đề nghị TCTK thống nhất việc phân tổ theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương theo doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có mã số đăng ký trên địa bàn.

5.2. Đối với chỉ tiêu số 1008 - “Cán cân thương mại hàng hóa”: Bộ Tài chính đã tham gia ý kiến tại công văn số 1712/BTC-THTK ngày 22/2/2022 gửi TCTK nhưng chưa được cơ quan soạn thảo tiếp thu. Bộ Tài chính đề nghị TCTK tiếp thu ý kiến này.

6. Đối với nhóm chỉ tiêu 11. Chỉ số giá

6.1. Đối với chỉ tiêu 1107. Chỉ số giá tiền lương:

Tại công văn số 1712/BTC-THTK ngày 22/2/2022, Bộ Tài chính đã có ý kiến việc theo dõi các chỉ tiêu này thuộc trách nhiệm của Bộ Nội vụ và Bộ LĐTB&XH, do vậy đề nghị TCTK phối hợp với các Bộ Nội vụ và Bộ LĐTB&XH để thu thập, tổng hợp số liệu phục vụ công tác thống kê đối với chỉ

tiêu này, không quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính. Tuy vậy, TCTK chưa tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ Tài chính. Vì vậy Bộ Tài chính bảo lưu ý kiến tham gia về chỉ tiêu này như tại công văn số 1712/BTC-THTK ngày 22/2/2022.

Ngoài ra, theo dự thảo của TCTK thì “*chỉ số giá tiền lương*” đo lường những thay đổi qua thời gian về mức lương (giá tiền lương) mà người sử dụng lao động trả cho người lao động”; phạm vi bao gồm cả tiền lương của cán bộ công chức (hành chính) từ nguồn số liệu “*dữ liệu hành chính*”. Việc xác định phạm vi thống kê bao gồm cả tiền lương của cán bộ công chức như dự thảo của TCTK là không cần thiết do tiền lương của cán bộ công chức có tính ổn định cao, thực hiện theo thang bảng lương theo ngạch bậc, việc thay đổi chủ yếu do tăng lương cơ sở. Vì vậy, đề nghị TCTK rà soát, bỏ đối tượng thống kê là tiền lương của cán bộ, công chức, tránh gây lãng phí nguồn lực thống kê.

6.2. Đối với chỉ tiêu số 1108 - Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu: Tại mục “*Nguồn số liệu*”: Bộ Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo sửa cụm từ “*Dữ liệu hành chính*” thành “*Chế độ báo cáo thống kê quốc gia*”.

7. Đối với nhóm chỉ tiêu 13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông.

Đối với chỉ tiêu 1321. Chi cho chuyển đổi số: theo dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với TCTK thu thập, tổng hợp số liệu chi cho chuyển đổi số từ nguồn NSNN. Tuy nhiên, Bộ Tài chính không có số liệu để cung cấp cho chỉ tiêu này, do: (i) Quyết định giao dự toán của Bộ Tài chính cho các đơn vị dự toán cấp 1 chỉ thể hiện đến từng lĩnh vực chi (chi các hoạt động kinh tế), một số Đề án/nhiệm vụ cụ thể được ghi chú cụ thể tại Quyết định giao dự toán của các đơn vị; (ii) Hệ thống mục lục NSNN theo quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 không quy định chi tiết mục, tiểu mục, loại, khoản cho chi chuyển đổi số mà được hạch toán chung vào Loại 280 (các hoạt động kinh tế) trong đó có Khoản 314 - Công nghệ thông tin (các khoản chi bố trí trực tiếp cho lĩnh vực CNTT). Do vậy, đề nghị TCTK bỏ trách nhiệm của Bộ Tài chính về phối hợp, tổng hợp chỉ tiêu này, đề nghị xem xét tổng hợp số liệu báo cáo từ Bộ Thông tin và truyền thông (nếu có).

8. Đối với nhóm chỉ tiêu 14. Khoa học và công nghệ

Đối với chỉ tiêu 1406. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: đề nghị bổ sung Bộ KHĐT là đơn vị phối hợp thu thập, tổng hợp số liệu đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN.

a) Đề nghị TCTK làm rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý bổ sung chỉ tiêu “*Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ*” trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

b) Về nguồn kinh phí cho khoa học công nghệ, đề nghị sửa lại thành:

“Chi nguồn NSNN (gồm chi đầu tư phát triển cho khoa học công nghệ, chi sự nghiệp khoa học công nghệ và chia thành ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo phân cấp).

Chi nguồn ngoài NSNN gồm chi từ doanh nghiệp (bao gồm cả chi từ Quỹ Phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp) và từ các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.

Chi nguồn tài trợ, viện trợ từ nước ngoài”.

Đối với chi tiêu này, Bộ Tài chính có thể phối hợp cung cấp số liệu các khoản chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học và công nghệ được theo dõi chi tiết theo quy định tại Thông tư 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về mục lục NSNN, bao gồm:

- Khoản 101 “Chi khoa học tự nhiên và kỹ thuật”: bao gồm các nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai, chuyển giao ứng dụng trong các lĩnh vực toán học, vật lý, thiên văn, hóa học, khoa học trái đất,...; hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ.

- Khoản 102 “Chi khoa học xã hội và nhân văn”: bao gồm các nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai trong các lĩnh vực kinh tế, tâm lý, luật pháp, ngôn ngữ, nghệ thuật,..; hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ.

- Khoản 103 “Chi khoa học và công nghệ khác”: bao gồm các hoạt động điều tra cơ bản, ứng dụng và triển khai, chuyển giao ứng dụng trong tất cả các ngành khoa học (được bố trí dự toán từ nguồn kinh phí khoa học, công nghệ); hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ.

II. Về tham gia ý kiến theo đề nghị tại công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 về hệ biểu trong quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP của dự thảo Nghị định.

1. Ý kiến tham gia chung:

- Căn cứ Luật Thống kê số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê có sửa đổi bổ sung khoản 6 điều 17 “*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương thực hiện nhiệm vụ: Xây dựng trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*”.

- Căn cứ điều 41 Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 quy định về Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia: “1) *Chế độ báo cáo thống kê cấp*

quốc gia được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”; “ 2) Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia gồm: Bộ, ngành; cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật”.

- Căn cứ điều 42 Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 quy định về Chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành: “1) Chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực”; “ 2) Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành gồm: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ đặt tại địa phương và các Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật”.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT cân nhắc sự cần thiết quy định mẫu biểu tại dự thảo nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp cần thiết đề nghị Bộ KHĐT rà soát mẫu biểu để quy định tại dự thảo Chế độ báo cáo thống kê quốc gia nhằm thống nhất nội dung và trách nhiệm báo cáo theo đúng quy định của pháp luật về thống kê.

2. Ý kiến tham gia cụ thể:

2.1. Đối với biểu mẫu áp dụng cho Bộ Tài chính:

2.1.1. Về lĩnh vực ngân sách:

2.1.1.1. Đối với mẫu biểu thuộc lĩnh vực NSNN áp dụng cho Bộ Tài chính

Bộ KHĐT đề nghị cung cấp: (1) biểu thu NSNN theo các khoản thu chủ yếu, theo sắc thuế và (2) biểu chi NSNN, trong đó chi thường xuyên chi tiết 13 lĩnh vực; (3) biểu chi phân loại theo chuẩn quốc tế - Thống kê tài chính Chính phủ (GFS). Kỳ báo cáo quý, năm; thời điểm báo cáo là ngày 22 của tháng cuối mỗi quý đối với báo cáo quý và ngày 22/12 đối với báo cáo năm. Đồng thời, đề nghị cung cấp kỳ ước tính (ước tính lần 1- trước khi kết thúc quý, năm), kỳ sơ bộ (ước tính lần 2 – số liệu sau khi kết thúc quý, năm) và kỳ chính thức (số quyết toán) vào ngày 22/12 năm kế tiếp.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

a) Về hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo

Theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, chỉ tiêu thu NSNN báo cáo cấp có thẩm quyền được phân tổ theo các khoản thu chủ yếu (thu nội địa, thu từ dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ), kỳ báo cáo tháng, quý, năm; và phân tổ theo sắc thuế đối với kỳ báo cáo là năm (kỳ

báo cáo quý không chi tiết theo sắc thuế). Chi NSNN phân tổ theo các khoản chi chủ yếu, trong đó chi thường xuyên chi tiết theo 2 lĩnh vực là giáo dục, đào tạo và dạy nghề và khoa học công nghệ (chỉ có chi NSTW mới báo cáo chi tiết theo 13 lĩnh vực - kỳ báo cáo năm).

Đối với dữ liệu chi theo hệ thống Thống kê tài chính Chính phủ (GFS) hiện đang được Bộ Tài chính nghiên cứu thí điểm chuyển đổi từ số liệu quyết toán NSNN 2018 và vẫn tiếp tục rà soát, cập nhật đối với năm 2019, 2020 để đánh giá tính chính xác của số liệu trước khi công bố, đưa vào khai thác, sử dụng.

b) Về thời điểm báo cáo

Để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, thực tế hiện nay, Bộ Tài chính đang thực hiện báo cáo: (i) tình hình thực hiện NSNN 15 ngày (báo cáo vào ngày 18-19 hàng tháng, số liệu lũy kế 15 ngày đầu tháng); (ii) tình hình thực hiện NSNN tháng/quý (báo cáo vào ngày 29-30 của tháng/tháng cuối quý, số liệu lũy kế đến ngày 25 của tháng/tháng cuối quý, ước cho cả kỳ báo cáo); (iii) ước thực hiện NSNN cả năm (ước tính lần 1, báo cáo Quốc hội vào tháng 10 năm báo cáo); (iv) đánh giá bổ sung thực hiện NSNN cả năm (báo cáo vào tháng 5 năm sau); (v) quyết toán NSNN năm (trình Quốc hội sau 18 tháng kể từ khi kết thúc năm ngân sách).

c) Về quy trình xây dựng báo cáo

Báo cáo thực hiện thu NSNN được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu TABMIS và báo cáo của cơ quan thuế, hải quan. Báo cáo thực hiện chi NSNN được tổng hợp từ báo cáo chi của các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tài chính (KBNN, Vụ Đầu tư và các đơn vị liên quan khác). Báo cáo quyết toán NSNN được tổng hợp từ báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc NSTW đã được thẩm định và quyết toán NSDP đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn.

Như vậy, với quy định của Luật NSNN hiện hành và quy trình, cách thức xây dựng báo cáo như nêu trên, việc đáp ứng đề nghị của Bộ KHĐT cả về biểu mẫu, chỉ tiêu, thời điểm báo cáo để phục vụ biên soạn GDP quý, năm là rất khó khăn. Bộ Tài chính đề xuất:

- Số liệu chi NSNN: đề nghị Bộ KHĐT tổng hợp từ số liệu thực hiện NSNN lũy kế 15 ngày hàng tháng (gửi qua Trục liên thông điện tử) và số liệu thực hiện NSNN quý, năm (báo cáo theo Nghị định 60/2018/NĐ-CP về chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia) để tính toán GDP.

- Số liệu thu NSNN theo lĩnh vực và sắc thuế quý, năm: Bộ Tài chính sẽ cung cấp từ nguồn dữ liệu Tabmis (chiết suất từ hệ thống Kho thu chi NSNN), cụ thể như sau:

+ Kỳ ước tính:

Đối với số liệu ước tính quý I: ngày báo cáo là ngày 24/3, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/3.

Đối với số liệu ước tính 6 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/6, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/6.

Đối với số liệu ước tính 9 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/9, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/9.

Đối với số liệu ước tính cả năm: ngày báo cáo là ngày 24/12, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/12.

+ Kỳ sơ bộ:

Đối với số liệu thực hiện quý I: ngày báo cáo là ngày 24/6, số liệu thực hiện thu lũy kể đến hết ngày 31/3.

Đối với số liệu thực hiện 6 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/9, số liệu thực hiện thu lũy kể đến hết ngày 30/6.

Đối với số liệu thực hiện 9 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/12, số liệu thực hiện thu lũy kể đến hết ngày 30/9.

Đối với số liệu thực hiện năm: ngày báo cáo là ngày 24/6 năm kế tiếp, số liệu đánh giá bổ sung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Với các số liệu cung cấp cho Bộ KHĐT (TCTK) theo nội dung nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị: số liệu này không phải số liệu công khai, đề nghị Bộ KHĐT (TCTK) chỉ sử dụng cho việc biên soạn dữ liệu GDP quý, năm, không chia sẻ dữ liệu cho bên thứ 3.

+ Kỳ chính thức: đề nghị khai thác số liệu quyết toán NSNN (cả thu và chi NSNN) theo Nghị định 60/2018/NĐ-CP về chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

(Biểu mẫu theo Phụ lục đính kèm công văn).

2.1.1.2. Đối với mẫu biểu thuộc lĩnh vực NSNN áp dụng cho UBND tỉnh, thành phố

Tương tự đề xuất ở điểm 2.1.1.1 nêu trên, đối với các địa phương, UBND cấp tỉnh cung cấp báo cáo số liệu chi NSDP theo chế độ báo cáo tài chính do địa phương quy định; đối với số liệu thu NSNN trên địa bàn thực hiện như sau:

- Kỳ ước tính:

Đối với số liệu ước tính quý I: ngày báo cáo là ngày 24/3, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/3.

Đối với số liệu ước tính 6 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/6, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/6.

Đối với số liệu ước tính 9 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/9, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/9.

Đối với số liệu ước tính cả năm: ngày báo cáo là ngày 24/12, số liệu thực hiện thu lũy kể đến ngày 22/12.

- Kỳ sơ bộ:

Đối với số liệu thực hiện quý I: ngày báo cáo là ngày 24/6, số liệu thực hiện thu lũy kể đến hết ngày 31/3.

Đối với số liệu thực hiện 6 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/9, số liệu thực hiện thu lũy kể đến hết ngày 30/6.

Đối với số liệu thực hiện 9 tháng: ngày báo cáo là ngày 24/12, số liệu thực hiện thu lũy kể đến hết ngày 30/9.

Đối với số liệu thực hiện năm: ngày báo cáo là ngày 24/12 năm kế tiếp.

- Kỳ chính thức: đề nghị khai thác số liệu quyết toán NSDP (cả thu và chi) trên cơ sở dữ liệu công khai NSDP tại Cổng công khai NSNN.

- Về biểu mẫu: Đề nghị sửa đổi biểu thu NSNN trên địa bàn trên cơ sở quy định báo cáo đối với UBND cấp tỉnh tại điểm c, khoản 2 điều 24 Thông tư 342/TT-BTC ngày 30/12/2016 (*Chi tiết biểu mẫu theo Phụ lục đính kèm*).

2.1.2. Về lĩnh vực Bảo hiểm:

2.1.2.1. Biểu số 03/BTC - Tổng hợp số lượng lao động thị trường bảo hiểm chia theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp bảo hiểm không phải báo cáo số liệu lao động phân chia theo tỉnh, thành phố trong các mẫu báo cáo định kỳ. Căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm của các doanh nghiệp bảo hiểm, Bộ Tài chính chỉ có thông tin tổng số lượng lao động năm của các doanh nghiệp bảo hiểm. Do vậy, việc báo cáo số lượng lao động theo tỉnh, thành phố và kỳ báo cáo quý, ước năm là không khả thi.

2.1.2.2. Biểu số 04/BTC - Một số chỉ tiêu về thị trường bảo hiểm: Bộ Tài chính đề nghị thay thế bằng 02 biểu mẫu gồm biểu mẫu quý và biểu mẫu năm. Các biểu mẫu này xây dựng trên cơ sở chỉ tiêu mà Bộ Tài chính có thể cung cấp được.

2.1.3. Về lĩnh vực Chứng khoán: Biểu số 05/BTC - Một số chỉ tiêu về thị trường chứng khoán.

- Bộ Tài chính đề nghị Bộ KHĐT rà soát, chỉnh sửa Biểu mẫu 05/BTC dựa trên danh mục các chỉ tiêu thống kê đã được quy định tại Phụ lục I, bao gồm: Chỉ tiêu số 0718 Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu; chỉ tiêu 0719. Tỷ lệ giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu so với tổng sản phẩm trong nước; chỉ tiêu số 0720. Tốc độ tăng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu; chỉ tiêu số 0721. Giá trị huy động vốn qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; chỉ tiêu số 0722. Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước; chỉ tiêu 0723. Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu; chỉ tiêu 0724. Tổng giá trị phát hành trái phiếu.

- Về phần giải thích nội dung Biểu 05/BTC: Bộ Tài chính đã có ý kiến tại công văn số 1712/BTC-THTK ngày 22/2/2022 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định nội dung chi tiêu thống kê thuộc hệ thống chi tiêu thống kê quốc gia.

- Về thời gian cung cấp thông tin các số liệu về chứng khoán và thị trường chứng khoán được cung cấp là những số liệu chính thức, không có số liệu ước tính. Vì vậy, về thời gian cung cấp thông tin, đề nghị sử dụng thời gian cung cấp chính thức (theo thời gian cung cấp chính thức nêu trong dự thảo).

2.1.4. Về lĩnh vực Hàng hóa xuất, nhập khẩu:

2.1.4.1. Đối với biểu số 06/BTC - Danh sách doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa theo loại hình E42, E52 và E82, đề nghị sửa lại như sau:

- Tên báo cáo sửa lại là “Danh sách doanh nghiệp chủ yếu xuất khẩu hàng hóa theo loại hình E42, E52 và E82”.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: Tên doanh nghiệp, mã doanh nghiệp, mã loại hình, trị giá (USD) của các tờ khai có khai báo mã phương thức thanh toán khác “KHONGTT”, trị giá (USD) của các tờ khai có khai báo mã phương thức thanh toán là “KHONGTT”.

- Bổ sung phần ghi chú biểu: “KHONGTT” là mã phương thức thanh toán đối với giao dịch không thanh toán.

2.1.4.2. Đối với biểu số 07/BTC - Danh sách doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa theo loại hình E11, E21 và E41, đề nghị sửa lại như sau:

- Tên báo cáo sửa lại là “Danh sách doanh nghiệp chủ yếu nhập khẩu hàng hóa theo loại hình E11, E21 và E41”.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: Tên doanh nghiệp, mã doanh nghiệp, mã loại hình, trị giá (USD) của các tờ khai có khai báo mã phương thức thanh toán khác “KHONGTT”, trị giá (USD) của các tờ khai có khai báo mã phương thức thanh toán là “KHONGTT”.

- Bổ sung phần ghi chú biểu: “KHONGTT” là mã phương thức thanh toán đối với giao dịch không thanh toán.

2.1.4.3. Đối với biểu 08/BTC- Danh sách doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đề nghị sửa lại như sau:

- Tên báo cáo sửa lại là “Danh sách doanh nghiệp chủ yếu có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)”.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: Tên doanh nghiệp, mã doanh nghiệp, trị giá xuất khẩu (USD), trị giá nhập khẩu (USD).

2.1.4.4. Đối với biểu 09/BTC- Xuất khẩu hàng hóa theo danh mục hàng hóa HS, đề nghị sửa lại như sau:

- Ngày nhận báo cáo: ngày 25 của tháng cuối quý báo cáo.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: Mã số hàng hóa-AHTN 8 số, mô tả hàng hóa theo mã AHTN 8 số, đơn vị tính thống kê, lượng thống kê và trị giá (USD) của tháng thứ nhất, tháng thứ hai và 15 ngày tháng thứ ba của quý báo cáo.

- Bổ sung phần ghi chú biểu: “mô tả hàng hóa theo mã AHTN 8 số được cung cấp một lần vào lần đầu tiên gửi số liệu và sẽ được cập nhật lại khi có phiên bản AHTN mới”.

2.1.4.5. Đối với biểu 10/BTC- Nhập khẩu hàng hóa theo danh mục hàng hóa HS, đề nghị sửa lại như sau:

- Ngày nhận báo cáo: ngày 25 của tháng cuối quý báo cáo.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: Mã số hàng hóa-AHTN 8 số, mô tả hàng hóa theo mã AHTN 8 số, đơn vị tính thống kê, lượng thống kê và trị giá (USD) của tháng thứ nhất, tháng thứ hai và 15 ngày tháng thứ ba của quý báo cáo.

- Bổ sung phần ghi chú biểu: “mô tả hàng hóa theo mã AHTN 8 số được cung cấp một lần vào lần đầu tiên gửi số liệu và sẽ được cập nhật lại khi có phiên bản AHTN mới”.

2.1.4.6. Đối với biểu 11/BTC-Trị giá xuất khẩu hàng hóa theo phương thức vận tải, đề nghị sửa lại như sau:

- Tên báo cáo sửa lại là “Trị giá xuất khẩu hàng hóa theo phương thức vận chuyên”.

- Ngày nhận báo cáo sửa lại là ngày 25 tháng sau quý báo cáo.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: mặt hàng chủ yếu, phương thức vận chuyên chủ yếu (đường bộ, đường không, đường thủy, loại khác); trị giá (USD) của quý báo cáo, trị giá (USD) cộng dồn đến hết quý báo cáo, tổng trị giá và trị giá của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Trong danh mục mặt hàng chủ yếu: sửa tên nhóm hàng “Than đá” thành “Than các loại”.

2.1.4.7. Đối với biểu 12/BTC-Trị giá nhập khẩu hàng hóa theo phương thức vận tải, đề nghị sửa lại như sau:

- Tên báo cáo sửa lại là “Trị giá nhập khẩu hàng hóa theo phương thức vận chuyên”.

- Ngày nhận báo cáo sửa lại là ngày 25 tháng sau quý báo cáo.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo sửa lại gồm: mặt hàng chủ yếu, phương thức vận chuyên chủ yếu (đường bộ, đường không, đường thủy, loại khác); trị giá

(USD) của quý báo cáo, trị giá (USD) cộng dồn đến hết quý báo cáo, tổng trị giá và trị giá của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Trong danh mục mặt hàng chủ yếu: sửa tên nhóm hàng “Ô tô, trong đó ô tô nguyên chiếc và ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống” thành “Ô tô nguyên chiếc”.

Nội dung các biểu mẫu đã sửa được đính kèm công văn này.

* Để đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện, đề nghị TCTK - Bộ KHĐT nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham gia của Bộ Tài chính. Trong trường hợp TCTK - Bộ KHĐT chưa đồng ý với các góp ý nêu trên thì đề nghị trao đổi, làm rõ việc không tiếp thu trước khi ban hành.

2.2. Đối với biểu mẫu áp dụng chung cho Bộ, ngành:

Biểu số 01/Bộ ngành - Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do Bộ ngành quản lý. Biểu số 02/Bộ ngành - Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm. Biểu số 03/Bộ ngành - Danh mục các dự án/công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do Bộ ngành quản lý. Đối với 03 biểu mẫu này Bộ Tài chính đã thực hiện báo cáo tại công văn số 2842/BTC-THTK ngày 29/3/2022 về cung cấp số liệu để Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tính GDP ước Quý I năm 2022 và sơ bộ năm 2021 theo công văn số 1425/BKHĐT-TCTK của Bộ KHĐT. Đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu sử dụng các chỉ tiêu báo cáo theo các biểu mẫu đã cung cấp tại công văn này.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, đề nghị Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- NSNN, QLN, HCSN, ĐT, TCNH, QLBN, TCDN, PC;
- UBCK, TCHQ, TCT, KBNN;
- Lưu: VT, THTK (3 bản). /

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC TIN HỌC
VÀ THÔNG KÊ TÀI CHÍNH
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Xuân Nam

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 1743 / BNN-KH

V/v góp ý biểu mẫu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ
tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ
tiêu thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm
trên địa bàn tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Dự thảo), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Cơ nhất trí với nội dung Dự hệ thống biểu mẫu: Tuy nhiên, cần rà soát lại các biểu áp dụng đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT, nội dung biểu mẫu một số chỉ tiêu về sản xuất và sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản (Biểu 01 và 02/BNNPTNT) chưa thống nhất với dự thảo quy định về nội dung chỉ tiêu thống kê đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý và các quy định về nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Nghị định 97/2016/NĐ-CP trước đây.

Theo quy định tại Nghị định 97/2016/NĐ-CP và dự thảo quy định về nội dung chỉ tiêu thống kê đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) lấy ý kiến, số liệu các Chỉ tiêu diện tích cây hàng năm, lâu năm (mã 0801, 0802); năng suất, sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu (mã 0803, 0804); số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi, sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu (mã 0805, 0806); diện tích rừng trồng mới tập trung, sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ (mã 0807, 0808); diện tích thu hoạch và sản lượng thủy sản (mã 0809, 0810). Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ được giao thu thập, tính toán các chỉ tiêu tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy trình (mã số 1807); diện tích rừng hiện có (mã số 2101); tỷ lệ che phủ rừng (mã số 2102) và chỉ tiêu số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại (mã số 2103).

Hơn nữa, thống kê ngành nông nghiệp và PTNT không có mạng lưới tới cấp cơ sở; số liệu thống kê ngành nông nghiệp và PTNT không phải là số liệu điều tra, số liệu thu thập thông qua báo cáo hành chính từ các Sở Nông nghiệp và PTNT, số liệu chủ yếu được ước tính theo tiến độ để phục vụ chỉ đạo điều hành nên chưa có độ tin cao để có thể sử dụng tính toán, biên soạn chỉ tiêu tổng

sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nhất là đây lại là những chỉ tiêu rất quan trọng đánh giá tăng trưởng kinh tế cả nước và tỉnh, thành phố. Do vậy, đề nghị lược bỏ các chỉ tiêu 0801, 0802, 0803, 0804, 0805, 0807, 0808, 0806, 0809, 0810 trong các biểu mẫu báo cáo số 01 và 02/BNNPTNT.

2. Một số ý kiến cụ thể

Ngoài ý kiến đề nghị lược bỏ các chỉ tiêu 0801, 0802, 0803, 0804, 0805, 0807, 0808, 0806, 0809, 0810 trong các biểu mẫu báo cáo số 01 và 02/BNNPTNT như đã đề nghị ở trên. Đối với các biểu mẫu báo cáo số 01 và 02/BNNPTNT, Bộ góp ý bổ sung như sau:

2.1 Biểu số 01/BNNPTNT. Một số chỉ tiêu về sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản

- Về số, ký hiệu biểu:

Hiện dự thảo có 2 biểu số 01/BNNPTNT nhưng khác nội dung (01 biểu yêu cầu báo cáo số liệu của năm trước năm báo cáo và 01 biểu báo cáo số liệu của năm báo cáo). Do vậy đề nghị sửa lại số, ký hiệu biểu là 01a và 01b/BNNPTNT cho chính xác.

- Về nội dung biểu:

+ *Đối với lĩnh vực trồng trọt:*

Số liệu về “Diện tích mất trắng” do thiên tai, dịch bệnh mặc dù đã được quy định trong Chế độ báo cáo thống kê Ngành (Thông tư 17/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020). Tuy nhiên, số lượng tình báo cáo số liệu này thường không đầy đủ và trễ hơn so với tiến độ vì còn phải kiểm đếm và tổng hợp từ cơ sở nên không đảm bảo độ tin cậy cao để tính toán số liệu GDP và GRDP hàng quý. Do vậy đề nghị cân nhắc bỏ số liệu yêu cầu báo cáo chỉ tiêu này theo quý đối với năm báo cáo.

+ *Đối với lĩnh vực chăn nuôi:*

Nhất trí với nội dung dự thảo đối với các chỉ tiêu Dịch cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi, dịch Lở mồm long móng, dịch viêm da nổi cục, bệnh khác... Tuy nhiên, đối với chỉ tiêu “Số lượng vật nuôi được quản lý trên hệ thống đăng ký cơ sở chăn nuôi của Bộ”: Theo Luật Chăn nuôi và một số văn bản có liên quan đã quy định việc kê khai hoạt động chăn nuôi. Song hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa hoàn thành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia lĩnh vực chăn nuôi nên chỉ tiêu về quy mô đàn gia súc, gia cầm và sản lượng sản phẩm chăn nuôi hiện chưa thu thập được qua hệ thống nói trên, vì vậy, đề xuất chưa đưa vào tính toán GDP và GRDP.

+ *Đối với lĩnh vực thủy sản:*

Nhất trí với nội dung dự thảo đối với chỉ tiêu “Số lượng tàu thuyền được gắn thiết bị hành trình”. Tuy nhiên, các chỉ tiêu “Diện tích mất trắng” và “Diện

tích bị thiệt hại dưới 70%” do thiên tai, dịch bệnh được thu thập và tổng hợp qua báo cáo hành chính từ các Sở Nông nghiệp và PTNT, số liệu này thường không đầy đủ và trễ hơn so với tiến độ vì còn phải kiểm đếm và tổng hợp từ cấp cơ sở nên không đảm bảo độ tin cậy để tính toán số liệu GDP và GRDP hàng quý. Do vậy đề nghị cân nhắc bỏ số liệu yêu cầu báo cáo chỉ tiêu này theo quý đối với năm báo cáo.

Chỉ tiêu “Diện tích nuôi trồng thủy sản bị xâm nhập mặn”, hiện chưa được quy định trong Chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và PTNT nên Bộ Nông nghiệp và PTNT không thu thập được chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu “Số lượng tàu thuyền được đăng ký, đăng kiểm”, Bộ chỉ quản lý được số tàu thuyền được đăng ký theo quy định (số liệu theo năm), còn số tàu thuyền được đăng kiểm thì Bộ chỉ thu thập được từ các trung tâm đăng kiểm do Bộ quản lý còn các đơn vị được phép đăng kiểm khác (Bộ không quản lý) không báo cáo số liệu. Vì vậy, số liệu thống kê về tàu thuyền được đăng kiểm không đầy đủ để tính GDP và GRDP.

Chỉ tiêu “Số lượng tàu thuyền vi phạm IUU”, Bộ chỉ thống kê được số liệu về “Số lượng tàu thuyền vi phạm IUU bị xử phạt” còn số liệu “Số lượng tàu thuyền vi phạm IUU không bị xử phạt” thì không được thống kê. Do vậy, số liệu về “Số lượng tàu thuyền vi phạm IUU” cũng không được thống kê đầy đủ, nên không đủ số liệu để tính GDP và GRDP.

2.2 Biểu số 02/BNNPTNT. Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu

Nhất trí với nội dung dự thảo Biểu mẫu về số liệu thuộc Cột “Kế hoạch năm báo cáo”. Đối với số liệu thuộc Cột “Năm trước năm báo cáo”: Trung tâm thường dựa vào tình hình thiên tai, dịch bệnh và kế hoạch năm để ước số liệu cả năm. Vì vậy, số liệu này không đảm bảo độ chính xác để tính GDP và GRDP. Theo quy định hiện hành, số liệu sản lượng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản do Tổng cục Thống kê công bố nên đề nghị sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê để tính toán GDP và GRDP.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Phùng Đức Tiến (đề b/c);
- Lưu: KH, VT (3).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH



Nguyễn Văn Việt

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 878/BCA-VP

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

V/v TGYK hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số: ... 841 ...
	Ngày: 18.03.2022
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Trả lời công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị Bộ Công an cho ý kiến về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và nghiên cứu những biểu mẫu có liên quan, Bộ Công an cơ bản nhất trí với nội dung của 03 biểu mẫu áp dụng cho Bộ, ngành và có ý kiến như sau:

Đề nghị ban biên soạn chỉnh lý một số nội dung tại **Biểu số 02/Bộ ngành** “Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm...”, cụ thể:

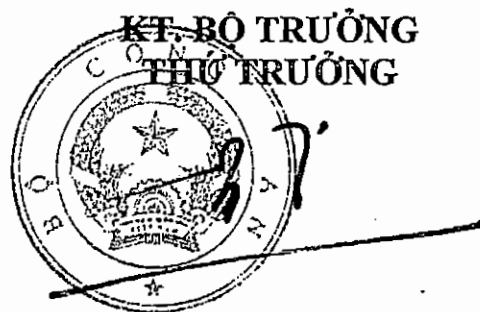
- Tại biểu mẫu, đề nghị nghiên cứu thuyết minh làm rõ thêm nội dung thuật ngữ “*năng lực mới tăng*”.
- Tại mục 2, phần “Hướng dẫn cách ghi” quy định: “Công trình hoàn thành là công trình đã hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh toàn bộ các giai đoạn thực hiện đầu tư theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật – thi công đã được duyệt, đã nghiệm thu đạt các thông số kỹ thuật và đã bàn giao cho đơn vị sử dụng (bao gồm các hạng mục công trình chính, phụ, kể cả vườn hoa, cây cảnh nếu có).”

Tuy nhiên, tại mục này có thêm quy định “Trong thực tế... Trường hợp công trình đã hoàn thành, bàn giao cho bên sử dụng những hạng mục, phần việc chính nhưng vẫn còn một số khối lượng công việc phụ phải tiếp tục hoàn thành thì *vẫn được tính là công trình hoàn thành* trong năm”, như vậy, trong hướng dẫn trên chưa có sự đồng nhất về nội hàm chỉ tiêu “công trình hoàn thành”. Đề nghị ban biên soạn nghiên cứu, chỉnh lý để thống nhất thực hiện.

Bộ Công an trao đổi để Quý Bộ tổng hợp./-ψ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VP(P7).



Thượng tướng Trần Quốc Tỏ

Số: 944 /BTP-PLHSHC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
Số: 1000
ĐẾN Ngày: 30.3.2022
Chuyên: Kế. 31.3.2022
Số và ký hiệu HS:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 12545
ĐẾN Ngày: 30.3.2022
Chuyên: ..
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là hệ biểu), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Đối với biểu mẫu áp dụng cho các Bộ, ngành đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý một số nội dung về kỹ thuật để bảo đảm thống nhất, hợp lý, khả thi, cụ thể như:

a) Về Biểu số 01/Bộ ngành

- Tại cột A Biểu số 01/Bộ ngành chỉ có mục 1 (Vốn ngân sách Nhà nước) nhưng không có mục 2, 3. Do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.

- Công thức tính cột 19 Biểu số 01/Bộ ngành đang thể hiện cách tính "19= 15 + 16 + 17". Để bảo đảm tính chính xác, đề nghị chỉnh lý công thức tính cột 19 thành "19=15+16+17+18".

- Mục "Hướng dẫn cách ghi" Biểu số 01/Bộ ngành bị trùng 2 lần. Bên cạnh đó, tại trang 8 thể hiện chưa chính xác về hướng dẫn cách ghi về báo cáo thực hiện quý 1: thời điểm 18/3, Báo cáo ước thực hiện 6 tháng: thời điểm 18, báo cáo ước thực hiện 9 tháng: thời điểm 18, Báo cáo ước thực hiện 12 tháng: thời điểm 1... Do đó, để bảo đảm chính xác, khả thi, có căn cứ triển khai thực hiện, đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý nội dung này.

b) Về Biểu số 02/Bộ, ngành

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, hướng dẫn rõ cách ghi đối với nội dung (i) các công trình tuy đã hoàn thành nhưng chủ đầu tư chưa làm thủ tục bàn giao cho bên sử dụng, hoặc đã bàn giao cho bên sử dụng trong năm nhưng chưa kết thúc công tác thanh quyết toán thì quy ước vẫn được tính là công trình hoàn thành trong năm và (ii) các công trình đã hoàn thành, bàn giao

cho bên sử dụng những hạng mục, phần việc chính nhưng vẫn còn một số khối lượng công việc phụ phải tiếp tục hoàn tất thì vẫn được tính là công trình hoàn thành trong năm và thực hiện thống kê vào biểu báo cáo nhưng sang năm sau không báo cáo nữa để tránh bị trùng lặp.

c) Về Biểu số 03/Bộ, ngành

Tại cột B mục 2 Biểu số 03/Bộ, ngành quy định về “dự án khởi chuyên tiếp”. Tuy nhiên, liên quan đến pháp luật về xây dựng không có quy định về dự án khởi chuyên tiếp mà chỉ có quy định chuyên tiếp dự án. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý để bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Do đây là các biểu mẫu theo Phụ lục 2 dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo kèm hệ biểu cùng Nghị định góp ý để bảo đảm tính toàn diện.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLHS-HC(2b).

TL. BỘ TRƯỞNG
Q.VỤ TRƯỞNG VỤ PL HÌNH SỰ-HÀNH CHÍNH



Nguyễn Thị Hạnh

Số: 960/VNPT-KHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nhận được Văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu Văn bản nêu trên, VNPT xin gửi ý kiến góp ý đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

I. Các biểu mẫu liên quan đến VNPT bao gồm:

1. Các biểu do Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo (tuy nhiên, để thực hiện nội dung này Bộ TTTT sẽ yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện báo cáo):

- 01/BTTTT: Một số chỉ tiêu về lĩnh vực thông tin và truyền thông;
- 02/BTTTT: Doanh thu lĩnh vực thông tin và truyền thông phân theo tỉnh/thành phố.

2. Các biểu do VNPT, Viettel, Mobifone báo cáo:

- 01/TCT: Một số chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh;
- 02/TCT: Doanh thu lĩnh vực thông tin truyền thông phân theo tỉnh/thành phố.

II. Góp ý chung về nguyên tắc xây dựng biểu và tổ chức triển khai thực hiện

1. Đề xuất thống nhất: (1) cách sử dụng các từ, ngữ trong toàn bộ hệ thống mẫu biểu, (2) nội hàm của các chỉ tiêu báo cáo có tính chất tương tự giữa các biểu để các doanh nghiệp thực hiện báo cáo hiểu đúng và thực hiện giống nhau.

2. Các tiêu chí thống kê cần được định nghĩa, giải thích, hướng dẫn rõ ràng; cần tham chiếu đến các quy định cụ thể của pháp luật hiện hành (nếu có), VD: Doanh thu dịch vụ viễn thông theo quy định tại Thông tư 21/2019/TT-BTTTT.

3. Đề xuất đồng bộ các chỉ tiêu báo cáo giữa biểu tổng hợp và biểu chi tiết theo tỉnh/thành phố, giữa biểu báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước và biểu báo cáo của doanh nghiệp.

4. Hệ thống mẫu biểu thống kê đã có các mẫu biểu áp dụng riêng cho doanh nghiệp. Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trao đổi với các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan để cùng thống nhất bộ chỉ tiêu báo cáo nhằm thuận tiện cho công tác tổng hợp thống kê và khai thác giữa các Cơ quan quản lý nhà nước sau này; tránh tình trạng doanh nghiệp phải đồng thời báo cáo cho Tổng cục Thống kê và Bộ quản lý chuyên ngành đối với các nội dung tương tự, hoặc có liên quan.

5. Kiến nghị có thông tin liên hệ của bộ phận hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện báo cáo để đảm bảo báo cáo đúng yêu cầu.

III. Các góp ý cụ thể:

1. Về tiêu chí thống kê số liệu Sản lượng viễn thông về thuê bao các loại (tại các biểu 01/BTTTT, 01/TCT):

- Kiến nghị làm rõ tiêu chí cụ thể để thống kê sản lượng về thuê bao, do trên thực tế có thể có nhiều tiêu chí thống kê số thuê bao như:

+ Thống kê theo hiện trạng: số thuê bao quản lý/số thuê bao đang hoạt động/số thuê bao phát sinh cước,...;

+ Thống kê tình hình biến động: số thuê bao phát triển mới/số thuê bao tháo hủy,....

- Đồng thời, VNPT kiến đề xem xét số liệu thống kê là “lũy kế” hay “tại thời điểm...”, do chỉ có số liệu phản ánh tình hình biến động (tăng/giảm) mới có số lũy kế, còn số liệu phản ánh về hiện trạng (đang quản lý, đang hoạt động,...) là số liệu mang tính thời điểm.

2. Về tiêu chí thống kê Doanh thu:

- “Doanh thu viễn thông”: Các biểu 01/BTTTT, 02/BTTTT, 01/TCT, 02/TCT đều yêu cầu báo cáo “Doanh thu viễn thông”. “Doanh thu viễn thông” có thể được hiểu đã bao gồm “Doanh thu bán thiết bị viễn thông”, tuy nhiên, tại biểu 02/TCT, “Doanh thu bán thiết bị viễn thông” thuộc mục “3. Doanh thu khác”, không thuộc mục “2. Doanh thu viễn thông”. Vì vậy, để thống nhất cách hiểu và báo cáo cho phù hợp, VNPT kiến nghị sửa “Doanh thu viễn thông” thành “Doanh thu dịch vụ viễn thông” và áp dụng thống nhất giữa các biểu 01/BTTTT, 02/BTTTT, 01/TCT, 02/TCT.

- “Doanh thu bán thiết bị viễn thông” (tại biểu 02/TCT): Theo thực tế công nghệ hiện nay đang phát triển nhiều loại thiết bị điện tử đa phương tiện; đồng thời, các Doanh nghiệp viễn thông có xu hướng chuyển sang cung cấp các gói giải pháp tích hợp Viễn thông – Công nghệ thông tin cho khách hàng, bao gồm cả phần dịch vụ viễn thông - ứng dụng/phần mềm – các thiết bị phần cứng. Việc phân tách các thiết bị phần cứng là thiết bị viễn thông/công nghệ thông tin không rõ ràng. Vì vậy, VNPT kiến nghị sửa “Doanh thu bán thiết bị viễn thông” thành “Doanh thu bán thiết bị viễn thông – công nghệ thông tin”.

- Kiến nghị có giải thích, hướng dẫn rõ cách xác định của chỉ tiêu “Doanh thu phần mềm”, “Doanh thu phần cứng”, “Doanh thu dịch vụ CNTT” tại biểu

01/BTTTT, 01/TCT, 02/TCT: Trường hợp bán lại phần mềm, cho thuê bản quyền phần mềm, cho thuê phần cứng sẽ được báo cáo doanh thu tại chỉ tiêu nào?

- “Doanh thu dịch vụ CNTT”: Tại biểu 01/BTTTT, “Doanh thu dịch vụ CNTT” chỉ là 1 phần của Doanh thu “công nghệ thông tin” (ngoài ra còn có “Doanh thu phần mềm”, “Doanh thu phần cứng”, “Doanh thu nội dung số”). Tuy nhiên, tại biểu 01/TCT, 02/TCT, phần “Công nghệ thông tin” chỉ bao gồm “Doanh thu dịch vụ CNTT”. Như vậy, để báo cáo đủ các khoản doanh thu của doanh nghiệp, “Doanh thu phần mềm”, “Doanh thu phần cứng”, “Doanh thu nội dung số” sẽ được báo cáo tại phần “Doanh thu khác”. Do đó, nội hàm số liệu doanh thu “Công nghệ thông tin” tại báo cáo của Doanh nghiệp sẽ không thống nhất với báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông. VNPT kiến nghị đơn vị soạn thảo kiểm tra, xem xét lại để đảm bảo số liệu thống kê phù hợp với mục tiêu quản lý.

- Kiến nghị có giải thích, hướng dẫn rõ cách xác định của chỉ tiêu “Doanh thu khác” trên biểu 01/TCT (*Doanh thu khác trong tổng Doanh thu từ các hoạt động SXKD của doanh nghiệp?*) và biểu 02/TCT (*Doanh thu khác trong lĩnh vực thông tin truyền thông của doanh nghiệp – chi tiết theo tỉnh/thành phố?*); trường hợp chỉ tiêu “Doanh thu khác” tại 2 biểu trên là đồng nhất thì cần xem xét chỉnh sửa tên biểu cho phù hợp, VD: nếu cùng là “Doanh thu khác” trong lĩnh vực thông tin truyền thông thì tên biểu 01/TCT đề xuất ghi rõ là “Một số chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thông tin-truyền thông”.

3. Về tiêu chí thống kê số liệu Xuất khẩu, Nhập khẩu dịch vụ (biểu 01/BTTTT, 01/TCT):

- Kiến nghị hướng dẫn rõ cách xác định số liệu: Là giá trị dịch vụ xuất/nhập khẩu (ghi Doanh thu/Chi phí; không phân biệt đã thực thu, thực chi hay chưa)? Số tiền đã thực thu/chi với đối tác nước ngoài từ xuất/nhập khẩu dịch vụ?...

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xin gửi Quý Bộ nội dung ý kiến tham gia về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia như yêu cầu. *fn*

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Tổng Giám đốc (để b/c);
 - Lưu: VT, KHĐT, NTNO.
- Số eoffice: 150711 – VBKS

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Danh

Số: 2057 /BGTVT-KHĐT
V/v góp ý kiến hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung Hệ
thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số: 137
Ngày: 04.3.2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu các biểu mẫu gửi kèm theo văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK nêu trên, Bộ GTVT có ý kiến như sau:

1. Đối với Biểu số 01/Bộ ngành, 03/Bộ ngành: Thực hiện Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công, Bộ GTVT đã cập nhật định kỳ tình hình xây dựng và giao kế hoạch, tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công do Bộ GTVT quản lý trên website Đầu tư công của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề nghị Tổng cục Thống kê khai thác thông tin số liệu của Bộ chủ quản, không bổ sung thêm biểu mẫu trong chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với bộ, ngành.

2. Đối với Biểu số 02/Bộ ngành: Theo định nghĩa về công trình hoàn thành ở phần hướng dẫn cách ghi biểu, chỉ thống kê các công trình dự án hoàn thành toàn bộ trong năm. Do đó không cần thiết cộng dồn từ đầu năm hoặc từ khởi công. Đề nghị xem xét bỏ cột 6 và 7.

Đề nghị Tổng cục Thống kê tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT (TamNTM).

TL. BỘ TRƯỞNG

KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHĐT

PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lưu Quang Thìn

Số: 1268 /NHNN-DBTK

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến hệ biểu và
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
của Bộ KHĐT

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư ✓
(Tổng Cục Thống kê)

Phúc đáp công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Quý Bộ về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bỏ Biểu số 01/NHNN "Một số chỉ tiêu về tiền tệ, thu nhập, chi phí của hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" vì các lý do sau:

1.1. Chỉ tiêu có số thứ tự từ 1 đến 13 do trùng lặp thông tin, gây gánh nặng báo cáo cho NHNN vì:

Số liệu chính thức các chỉ tiêu Tổng phương tiện thanh toán và tốc độ tăng so với 31/12 năm trước, Số dư huy động vốn của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tốc độ tăng so với 31/12 năm trước, Dư nợ tín dụng của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tốc độ tăng so với 31/12 năm trước, Lãi suất tiền gửi VNĐ bình quân, Lãi suất cho vay VNĐ bình quân đã được quy định tại Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê năm 2021 (chỉ tiêu 0701, 0703, 0704, 0705, 0706, 0708) và sẽ được cụ thể hóa bằng các mẫu biểu báo cáo tại Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia để thu thập thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. NHNN đã tham gia ý kiến tại công văn 478/NHNN-DBTK (Công văn 478) ngày 26/01/2022 đối với dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

1.2. Chỉ tiêu có số thứ tự từ 24 đến 28 không thuộc nhóm chỉ tiêu thống kê quốc gia nên việc biến động, thay đổi những chỉ tiêu này không ảnh hưởng, tác động đến chỉ tiêu tổng sản phẩm như mục đích thu thập số liệu của Quý Bộ do:

- Chỉ tiêu 26, 27 thuộc chỉ tiêu Chi cho đối tác nước ngoài: Hiện nay, NHNN đang thu thập từ TCTD số liệu chuyển tiền ra nước ngoài cho mục đích

học tập, chữa bệnh, công tác, du lịch của cá nhân là công dân Việt Nam, không phải mục đích chỉ cho đối tác nước ngoài.

- Chỉ cho học tập, chữa bệnh, công tác, du lịch là một tiêu hạng mục thuộc hạng mục cán cân dịch vụ của cán cân thanh toán quốc tế nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích chính sách của NHNN.

1.3. Các chỉ tiêu có số thứ tự từ 14 đến 23 đã được quy định tại Phụ lục Metadata của Hệ thống chỉ tiêu thống kê nguồn thông tin đầu vào phục vụ đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát của NHNN do Quý Bộ xây dựng. Theo đó, NHNN là đơn vị thực hiện cung cấp số liệu theo các chỉ tiêu 72, 73 tại Phụ lục II đính kèm công văn số 2609/BKHĐT-TCTK ngày 22/4/2020, trùng với các chỉ tiêu 5.4.1. *Thu nhập từ hoạt động tín dụng, thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ, thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác và thu về kinh doanh chứng khoán của hệ thống TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 5.4.2. Chi phí hoạt động tín dụng và chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối của hệ thống TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

2. Liên quan đến Biểu số 03/TKQG: Đề nghị bỏ chỉ tiêu có mã số từ 1 đến 21 nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa số liệu chi tiết và tổng hợp và tính khả thi trong việc thực hiện vì:

Tại công văn 478, NHNN đã đề nghị bỏ phân tổ Huy động vốn, Dư nợ tín dụng theo tỉnh, thành phố trực thuộc TW vì huy động vốn, dư nợ tín dụng phân theo tỉnh, thành phố được tổng hợp dựa trên số liệu báo cáo của các chi nhánh TCTD trên địa bàn (bao gồm các đối tượng khách hàng trong và ngoài địa bàn tỉnh, thành phố). Do đó, không phản ánh chính xác việc huy động vốn và cho vay đối với các đối tượng là khách hàng trên địa bàn.

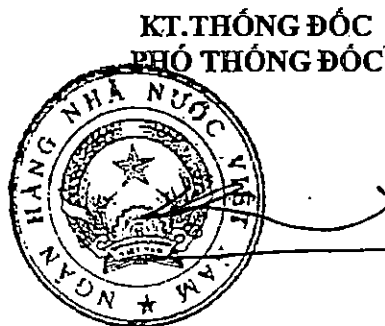
3. Liên quan đến Biểu số 01/Bộ ngành:

Đề nghị rà soát và hướng dẫn cách ghi tại cột (19) để đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu (do công thức cột (19) chưa tính cột (18)).

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Quý Bộ đề tổng hợp / *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Phạm Thanh Hà;
- Lưu: VP, DBTK, ĐTTâm. *th*



Phạm Thanh Hà

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 41/TANDTC-TH

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số: 713.....
Ngày: 09/3/2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chuyên:.....

Số và ký hiệu **HPhúc.đáp**

Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến vào dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến như sau:

- Các biểu mẫu về cơ bản được trình bày một cách khoa học, phân rõ từng đối tượng áp dụng.

- Liên quan đến những biểu mẫu cụ thể thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tối cao tham gia góp ý Biểu 01, 02, 03 áp dụng cho Bộ, ngành cụ thể: Về nội dung, thể thức của 03 biểu này được dựa trên nền tảng các biểu đã áp dụng cho các cơ quan quản lý vốn đầu tư công nên rất phù hợp, khoa học, rõ ràng. Tuy nhiên, tại Biểu số 1/Bộ ngành nên điều chỉnh từ “Chính thức” thành “Thực tế” cho phù hợp và dễ hiểu hơn

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. / *AV*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Lưu: VP, Vụ TH (TANDTC).

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Du

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

Số: 208 /THVN-VP

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (đề b/cáo);
- VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIAM VĂN PHÒNG**



Lê Quyền

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO

Số: 735 /VKSTC-C3

V/v tham gia góp ý dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số:.....787.....
Ngày: 14.3.2022.
Chuyên: BK.16.3.2022
Số và ký hiệu HS:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số:.....2928.....
Ngày: 14.3.2022
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS;.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu các hệ biểu liên quan (Biểu số 01, 02, 03 áp dụng cho các Bộ ngành), Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với hệ biểu của bản dự thảo nêu trên.

Kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung. /h

Nơi nhận: /h

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.KHNS. Thao.05b



Số: 844 /BGDĐT-CNTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê (Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia).

Thực hiện yêu cầu tại công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến góp ý về dự thảo hệ biểu bổ sung vào Phụ lục 2 dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó dự thảo hệ biểu áp dụng chung cho các bộ, ngành được quy định tại mục 1 phần I, gồm 03 biểu:

- Biểu số 01/Bộ ngành: Kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư công do Bộ ngành quản lý;

- Biểu số 02/Bộ ngành: Năng lực mới tăng của dự án /công trình hoàn thành trong năm;

- Biểu số 03/Bộ ngành: Danh mục các dự án/công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do Bộ ngành quản lý.

Sau khi nghiên cứu, rà soát Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất với cấu trúc, nội dung dự thảo các biểu nêu trên.

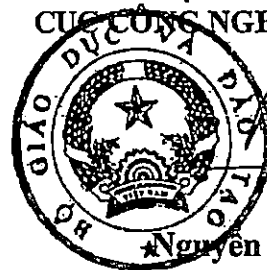
Trên đây là ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để tổng hợp.

Trân trọng./ *g/v*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- Lưu: VT, CNTT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



Nguyễn Sơn Hải

Số: 219/KTNN-PC

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến về dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số:.....68.....
ĐẾN Ngày: 08.3.2022
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(qua Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê)

Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến tham gia đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Phụ lục 2; sau khi nghiên cứu Dự thảo, Kiểm toán nhà nước nhất trí với Dự thảo hệ biểu trên.

Kính gửi Quý cơ quan tổng hợp, hoàn thiện. / *Danh***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Tổng KTNN Đặng Thế Vinh;
- Lưu: VT, PC.

**KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC***Danh*
Đặng Thế Vinh

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 625 /BQP-KHĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia ý kiến vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW

TỔNG CỤC THỐNG KÊ


Số:.....678.....
ĐẾN Ngày: 07.3.2022....
Chuyển: BK.09.3.2022....
Số và ký hiệu HS:.....

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số:.....8872.....
ĐẾN Ngày: 07.3.2022....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

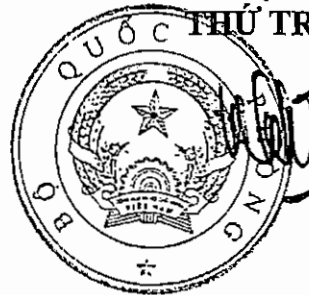
Phúc đáp văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến vào dự thảo hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Quốc phòng thống nhất bổ sung hệ biểu vào Phụ lục 2 (dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) như dự thảo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- C54;
- Lưu: VT, THBĐ. TVH 04.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Vũ Hải Sản

Số 453 /BKHCN-TTKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

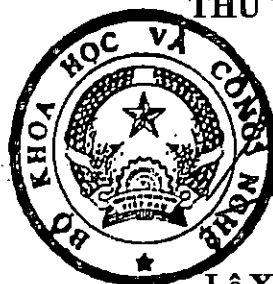
Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu và nhất trí với nội dung các biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn GDP, GRDP.

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng gửi ý kiến góp ý để Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện Dự thảo Nghị định nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TTKHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Xuân Định



Kiểm bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 04.03.2022 14:11

BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1061** /BCT-KH


Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình
biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm
trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm
trên địa bàn tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

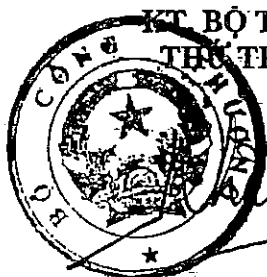
Ngày 18 tháng 02 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước.

Sau khi nghiên cứu, rà soát, Bộ Công Thương nhất trí với nội dung các biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KH (2b).



**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Số: 288 /TTCP-V.II

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2022

V/v tham gia góp ý đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: ... 8270 ...
ĐẾN Ngày: 03.3.2022

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số: 612

ĐẾN Ngày: 02.3.2022

Chuyên: .. 04.3.2022

Số và ký hiệu HS: ...

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Văn bản số 1019/BKHĐT-TCKT ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến tham gia đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ cơ bản nhất trí với các nội dung quy định tại hệ biểu.

Trên đây là ý kiến của Thanh tra Chính phủ tham gia góp ý đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

Nơi nhận: *Phu*

- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Phó TTTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA

Bùi Ngọc Lam

**THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 163 /TTX-VP

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý dự thảo hệ biểu quy định
tại Nghị định quy định nội dung chỉ
tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu
thống kê quốc gia và quy trình biên
soạn chỉ tiêu TSP trong nước.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/2/2022 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội
dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên
soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh,
thành phố trực thuộc trung ương;

Sau khi nghiên cứu, Thông tấn xã Việt Nam hoàn toàn nhất trí với dự thảo
và không có ý kiến gì khác.

Xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung. /bc

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP (THPC).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Đăng Quang
Đinh Đăng Quang

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
— Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 281 /UBNDT-KHTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung
chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống
chỉ tiêu thống kê quốc gia và
quy trình biên soạn chỉ tiêu
tổng sản phẩm trong nước, chỉ
tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn
tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT - TCTK, ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

Ủy ban Dân tộc nhất trí với kết cấu và nội dung các chỉ tiêu trong hệ biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn GDP, GRDP.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Tổng cục Thống kê;
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM



Lê Sơn Hải

Số: 402 /VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu thống kê

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có ý kiến như sau:

Viện Hàn lâm KHCNVN đã nghiên cứu hệ biểu quy định tại Nghị định và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC. N.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chu Hoàng Hà



Người ký: Bộ Ngoại giao
Email:
tll.nfa@mofa.gov.vn
Cơ quan: Bộ Ngoại giao
Thời gian ký: 04.03.2022
12:02:08 +07:00

BỘ NGOẠI GIAO

Số: *658* /BNG-QTTV

V/v xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Quý Bộ về cho ý kiến đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong lĩnh vực và phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao nhất trí với dự thảo hệ biểu của Nghị định.

Bộ Ngoại giao xin trân trọng trao đổi để Quý Bộ tổng hợp. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, QTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Quang Hiệu

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 968 /BTNMT-KHTC

V/v tham gia ý kiến về hệ biểu quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK, ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Thông nhất với nội dung biểu mẫu thu thập thông tin đầu vào thực hiện quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi kèm theo Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.Hg.

A H



BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 524 /BHXH-KHĐT

V/v tham gia ý kiến vào hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số:..... 126.....
ĐẾN Ngày: 01.3.2022...
Chuyên: Kế. B. 3. 2022...
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 18/02/2022, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với các nội dung bổ sung hệ biểu vào Phụ lục 2 (dự thảo quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT (2b).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Việt Ánh



**BAN QUẢN LÝ LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 231 /BQLL-VP

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2022

V/v đóng góp ý kiến hệ biểu quy định tại
Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê
quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu
tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng
sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm-trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu các hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh nhất trí với các hệ biểu nêu trên.

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thống kê, Bộ KH&ĐT;
- Lãnh đạo BQL Lăng;
- Văn phòng BQL Lăng;
- Lưu: VT, KHTC. B06.

**TL. TRƯỞNG BAN
PHÓ CHỦ NHẬN VĂN PHÒNG**



Trần Thanh Đông

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *928*/BXD-KHTC

Hà Nội, ngày *21* tháng *3* năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số:.....*144*.....
ĐẾN Ngày: *22.3.2022*.
Chuyển: *BK.23.3.2022*.
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

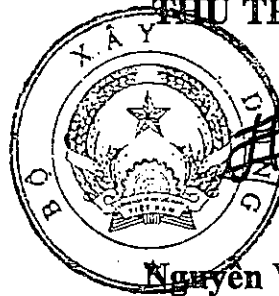
Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 714/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng thống nhất với dự thảo trên.

Trên đây là góp ý của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Sinh

DANH SÁCH CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY GÓP Ý HỆ BIỂU

STT	Tên TĐ, TCT	Ý kiến	Ghi chú
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Có góp ý	
2	TĐ bưu chính viễn thông VN	Có góp ý	
3	Công ty MOBIPHONE	Có góp ý	
4	Tổng công ty đường sắt Việt Nam	Có góp ý	
5	Tập đoàn công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	Có góp ý	
6	TĐ Dầu khí VN	Nhất trí với dự thảo	
7	Công ty Cổ phần bưu chính Viettel	Nhất trí với dự thảo	
8	Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam	Nhất trí với dự thảo	

STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Y kiến
1	Bùi Sơn Nam	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Viễn thông MobiFone	08/03/2022 14:26:04	-
2	Tạ Ngọc Nam	Trưởng ban - Ban Kế hoạch - Chiến lược	08/03/2022 14:21:52	Kính trình Anh g.2.2A

Trần Thị Phương Liên lien.phuongtran@mobifone.vn 08/03/2022 16:32:24

TAK

**TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 960/VNPT-KHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
Số: 133	ĐẾN
Ngày: 07.3.2022	Ngày: 08.3.2022
Chuyên: B.C. 10.3.2022	Chuyên:
Số và ký hiệu HS: 1019/BKHĐT-TCTK	Số và ký hiệu HS:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số: 8799	ĐẾN
Ngày: 08.3.2022	Ngày: 08.3.2022
Chuyên:	Chuyên:
Số và ký hiệu HS:	Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nhận được Văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi nghiên cứu Văn bản nêu trên, VNPT xin gửi ý kiến góp ý đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

I. Các biểu mẫu liên quan đến VNPT bao gồm:

1. Các biểu do Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo (tuy nhiên, để thực hiện nội dung này Bộ TTTT sẽ yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện báo cáo):

- 01/BTTTT: Một số chỉ tiêu về lĩnh vực thông tin và truyền thông;
- 02/BTTTT: Doanh thu lĩnh vực thông tin và truyền thông phân theo tỉnh/thành phố.

2. Các biểu do VNPT, Viettel, Mobifone báo cáo:

- 01/TCT: Một số chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh;
- 02/TCT: Doanh thu lĩnh vực thông tin truyền thông phân theo tỉnh/thành phố.

II. Góp ý chung về nguyên tắc xây dựng biểu và tổ chức triển khai thực hiện

1. Đề xuất thống nhất: (1) cách sử dụng các từ, ngữ trong toàn bộ hệ thống mẫu biểu, (2) nội hàm của các chỉ tiêu báo cáo có tính chất tương tự giữa các biểu để các doanh nghiệp thực hiện báo cáo hiểu đúng và thực hiện giống nhau.

2. Các tiêu chí thống kê cần được định nghĩa, giải thích, hướng dẫn rõ ràng; cần tham chiếu đến các quy định cụ thể của pháp luật hiện hành (nếu có), VD: Doanh thu dịch vụ viễn thông theo quy định tại Thông tư 21/2019/TT-BTTTT.

3. Đề xuất đồng bộ các chỉ tiêu báo cáo giữa biểu tổng hợp và biểu chi tiết theo tỉnh/thành phố, giữa biểu báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước và biểu báo cáo của doanh nghiệp.

4. Hệ thống mẫu biểu thống kê đã có các mẫu biểu áp dụng riêng cho doanh nghiệp. Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trao đổi với các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan để cùng thống nhất bộ chỉ tiêu báo cáo nhằm thuận tiện cho công tác tổng hợp thống kê và khai thác giữa các Cơ quan quản lý nhà nước sau này; tránh tình trạng doanh nghiệp phải đồng thời báo cáo cho Tổng cục Thống kê và Bộ quản lý chuyên ngành đối với các nội dung tương tự, hoặc có liên quan.

5. Kiến nghị có thông tin liên hệ của bộ phận hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện báo cáo để đảm bảo báo cáo đúng yêu cầu.

III. Các góp ý cụ thể:

1. Về tiêu chí thống kê số liệu Sản lượng viễn thông về thuê bao các loại (tại các biểu 01/BTTTT, 01/TCT):

- Kiến nghị làm rõ tiêu chí cụ thể để thống kê sản lượng về thuê bao, do trên thực tế có thể có nhiều tiêu chí thống kê số thuê bao như:

+ Thống kê theo hiện trạng: số thuê bao quản lý/số thuê bao đang hoạt động/số thuê bao phát sinh cước,....;

+ Thống kê tình hình biến động: số thuê bao phát triển mới/số thuê bao tháo hủy,....

- Đồng thời, VNPT kiến đề xem xét số liệu thống kê là “lũy kế” hay “tại thời điểm...”, do chỉ có số liệu phản ánh tình hình biến động (tăng/giảm) mới có số lũy kế, còn số liệu phản ánh về hiện trạng (đang quản lý, đang hoạt động,...) là số liệu mang tính thời điểm.

2. Về tiêu chí thống kê Doanh thu:

- “Doanh thu viễn thông”: Các biểu 01/BTTTT, 02/BTTTT, 01/TCT, 02/TCT đều yêu cầu báo cáo “Doanh thu viễn thông”. “Doanh thu viễn thông” có thể được hiểu đã bao gồm: “Doanh thu bán thiết bị viễn thông”, tuy nhiên, tại biểu 02/TCT, “Doanh thu bán thiết bị viễn thông” thuộc mục “3. Doanh thu khác”, không thuộc mục “2. Doanh thu viễn thông”. Vì vậy, để thống nhất cách hiểu và báo cáo cho phù hợp, VNPT kiến nghị sửa “Doanh thu viễn thông” thành “Doanh thu dịch vụ viễn thông” và áp dụng thống nhất giữa các biểu 01/BTTTT, 02/BTTTT, 01/TCT, 02/TCT.

- “Doanh thu bán thiết bị viễn thông” (tại biểu 02/TCT): Theo thực tế công nghệ hiện nay đang phát triển nhiều loại thiết bị điện tử đa phương tiện; đồng thời, các Doanh nghiệp viễn thông có xu hướng chuyển sang cung cấp các gói giải pháp tích hợp Viễn thông – Công nghệ thông tin cho khách hàng, bao gồm cả phần dịch vụ viễn thông - ứng dụng/phần mềm – các thiết bị phần cứng. Việc phân tách các thiết bị phần cứng là thiết bị viễn thông/công nghệ thông tin không rõ ràng. Vì vậy, VNPT kiến nghị sửa “Doanh thu bán thiết bị viễn thông” thành “Doanh thu bán thiết bị viễn thông – công nghệ thông tin”.

- Kiến nghị có giải thích, hướng dẫn rõ cách xác định của chỉ tiêu “Doanh thu phần mềm”, “Doanh thu phần cứng”, “Doanh thu dịch vụ CNTT” tại biểu

01/BTTTT, 01/TCT, 02/TCT: Trường hợp bán lại phần mềm, cho thuê bản quyền phần mềm, cho thuê phần cứng sẽ được báo cáo doanh thu tại chỉ tiêu nào?

- “Doanh thu dịch vụ CNTT”: Tại biểu 01/BTTTT, “Doanh thu dịch vụ CNTT” chỉ là 1 phần của Doanh thu “công nghệ thông tin” (ngoài ra còn có “Doanh thu phần mềm”, “Doanh thu phần cứng”, “Doanh thu nội dung số”). Tuy nhiên, tại biểu 01/TCT, 02/TCT, phần “Công nghệ thông tin” chỉ bao gồm “Doanh thu dịch vụ CNTT”. Như vậy, để báo cáo đủ các khoản doanh thu của doanh nghiệp, “Doanh thu phần mềm”, “Doanh thu phần cứng”, “Doanh thu nội dung số” sẽ được báo cáo tại phần “Doanh thu khác”. Do đó, nội hàm số liệu doanh thu “Công nghệ thông tin” tại báo cáo của Doanh nghiệp sẽ không thống nhất với báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông. VNPT kiến nghị đơn vị soạn thảo kiểm tra, xem xét lại để đảm bảo số liệu thống kê phù hợp với mục tiêu quản lý.

- Kiến nghị có giải thích, hướng dẫn rõ cách xác định của chỉ tiêu “Doanh thu khác” trên biểu 01/TCT (*Doanh thu khác trong tổng Doanh thu từ các hoạt động SXKD của doanh nghiệp?*) và biểu 02/TCT (*Doanh thu khác trong lĩnh vực thông tin truyền thông của doanh nghiệp – chi tiết theo tỉnh/thành phố?*); trường hợp chỉ tiêu “Doanh thu khác” tại 2 biểu trên là đồng nhất thì cần xem xét chỉnh sửa tên biểu cho phù hợp, VD: nếu cùng là “Doanh thu khác” trong lĩnh vực thông tin truyền thông thì tên biểu 01/TCT đề xuất ghi rõ là “Một số chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thông tin truyền thông”.

3. Về tiêu chí thống kê số liệu Xuất khẩu, Nhập khẩu dịch vụ (biểu 01/BTTTT, 01/TCT):

- Kiến nghị hướng dẫn rõ cách xác định số liệu: Là giá trị dịch vụ xuất/nhập khẩu (ghi Doanh thu/Chi phí; không phân biệt đã thực thu, thực chi hay chưa)? Số tiền đã thực thu/chi với đối tác nước ngoài từ xuất/nhập khẩu dịch vụ?...

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xin gửi Quý Bộ nội dung ý kiến tham gia về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia như yêu cầu. *fa*

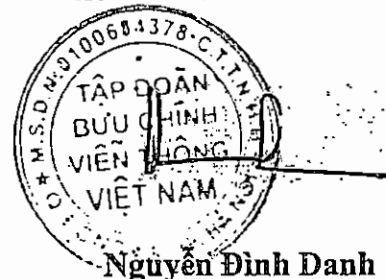
Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHĐT, NTNO.

Số eoffice: 150711 – VBKS

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Danh

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 876/MOBIFONE-KHCL

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia theo công văn 1019/BKHĐT-TCTK

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN	Số:.....72..... Ngày: 10.3.2022.
Chuyên:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Phúc đáp công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/2/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (“MobiFone”) kính gửi các nội dung góp ý theo yêu cầu như sau:

1. Về thời hạn và kì báo cáo:

- Dự thảo: yêu cầu báo cáo số liệu theo kì Quý, ngày gửi báo cáo trước ngày 15 của tháng cuối quý báo cáo.
- Căn cứ tình hình thực tế: đối với kì Quý, các số liệu báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của MobiFone được quyết toán sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trước ngày 15 của tháng cuối Quý, số liệu báo cáo là số liệu tạm ước.
- MobiFone đề xuất:
 - + Phương án 1: Điều chỉnh thời hạn gửi báo cáo theo thời hạn nộp của báo cáo tài chính Quý (45 ngày kể từ ngày kết thúc quý).
 - + Phương án 2: nếu giữ nguyên thời hạn báo cáo như dự thảo, MobiFone đề xuất báo cáo số liệu của Quý báo cáo là số liệu tạm ước. Số liệu quyết toán sẽ được báo cáo vào kì gửi báo cáo sau (cùng với số liệu tạm ước của Quý sau).

2. Về các nội dung Doanh thu yêu cầu báo cáo:

TT	Số biểu	Dự thảo	Ý kiến của MobiFone
1	01/TCT 02/TCT	Yêu cầu báo cáo các nội dung Doanh thu bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Doanh thu viễn thông- Doanh thu CNTT- Doanh thu khác	Căn cứ tình hình thực tế: các doanh nghiệp viễn thông như MobiFone hiện SXKD trong các lĩnh vực bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Viễn thông- Công nghệ thông tin- Truyền hình- Hạ tầng viễn thông/CNTT (không phải dịch vụ)- Khác → Đề xuất bổ sung mô tả/giới hạn/thống nhất nội dung báo cáo của các lĩnh vực. Đặc biệt đối với lĩnh vực Công nghệ thông tin: đề xuất thống nhất định nghĩa/mô tả để các DN thống kê một cách nhất quán (CNTT mang ý nghĩa rất rộng, có bao gồm tất cả các nền tảng, giải pháp,



TT	Số biểu	Dự thảo	Ý kiến của MobiFone
			nội dung số, truyền hình số... hay một số nội dung sẽ được báo cáo ở mục Khác?)
2	01/TCT	Lưu ý: Chỉ tiêu Doanh thu (Viễn thông, CNTT, Dịch vụ khác...) là doanh thu cộng ngang của Công ty mẹ và các công ty hạch toán phụ thuộc, các Công ty con của Tập đoàn	Đề xuất làm rõ yêu cầu thống kê là yêu cầu DN báo cáo số liệu Doanh thu hợp nhất hay chỉ Doanh thu Công ty mẹ.
3	02/TCT	Yêu cầu báo cáo các nội dung Doanh thu theo Tỉnh/thành phố	<p>Đề xuất làm rõ yêu cầu thống kê "Theo tỉnh/thành phố" là thống kê theo địa điểm sử dụng dịch vụ hay địa điểm cung cấp dịch vụ.</p> <p>Nếu thống kê theo địa điểm cung cấp dịch vụ (đầu mỗi đơn vị kinh doanh bán hàng): số liệu báo cáo là số liệu theo dõi trên sổ sách kế toán, tuy nhiên có khả năng sẽ chịu ảnh hưởng bởi các cách tổ chức kênh bán hàng khác nhau giữa các DN.</p> <p>Nếu thống kê theo địa điểm sử dụng dịch vụ (theo vị trí phát sinh dịch vụ của thuê bao): số liệu báo cáo sẽ là số liệu tổng hợp từ hệ thống báo cáo nội bộ của DN và thường không đồng nhất với số liệu trên sổ sách kế toán (theo dõi theo đầu mỗi đơn vị bán hàng). Bên cạnh đó, số liệu báo cáo theo cách này có khả năng cũng không đồng nhất cách theo dõi, tổng hợp các nội dung doanh thu theo yêu cầu của Tổng cục và giữa các DN.</p> <p>Thực tế tại MobiFone: theo dõi, tổng hợp hàng kì số liệu báo cáo Doanh thu theo đầu mỗi các Công ty Dịch vụ MobiFone Khu vực (theo phân cấp tổ chức tại Điều lệ hoạt động của MobiFone), không theo dõi đến mức phân cấp địa điểm tỉnh/thành phố → Đề xuất Tổng cục thống kê xem xét điều chỉnh yêu cầu báo cáo đối với DN phù hợp với thực tế tổ chức hoạt động của DN.</p>

Trên đây là các nội dung góp ý, đề xuất của Tổng công ty Viễn thông MobiFone.
Kính gửi Tổng cục Thống kê xem xét, tổng hợp./.

Trân trọng kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- A. Cường – TGD (để b/c);
- A. Nam – PTGD;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, KHCL.



Bùi Sơn Nam

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
**TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 482 /ĐS-KHKD

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2022

V/v Góp ý kiến mẫu biểu tại Nghị định
quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc
hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và biên
soạn chỉ tiêu GDP, GRDP.

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

Thực hiện công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Tổng cục Thống kê về việc góp ý kiến mẫu biểu tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoàn toàn thống nhất mẫu biểu số 03/TCT tại mục I của mẫu biểu. Tại mục II “Doanh thu thuần chia theo tỉnh/thành phố” hiện tại không thể cập nhật theo từng tháng, quý.

Trên đây là góp ý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Kính gửi Tổng cục Thống kê cập nhật góp ý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để cập nhật mẫu biểu thống kê.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KHKD, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Sỹ Mạnh

Số: 1007 /CNVTQĐ-CL

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2022

V/v góp ý đối với hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Số:..... 78.....

ĐẾN Ngày: 16.3.2022.

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....



Kính gửi:

- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; -
- Cục Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Quốc phòng.

Thực hiện Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và công văn số 1018/KHĐT-DT của Cục Kế hoạch & Đầu tư/BQP, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL) xin gửi ý kiến góp ý đối với dự thảo Hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Đối với Biểu số 01/TCT

- Đối với các số liệu thuê bao viễn thông, Viettel sẽ cung cấp theo đúng định nghĩa tại quyết định 1122/QĐ-BTTTT 2020 Quy định biểu mẫu các chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Về định nghĩa chỉ tiêu: Kiến nghị Tổng cục Thống kê định nghĩa cụ thể đối với chỉ tiêu “Xuất khẩu dịch vụ viễn thông” và “Nhập khẩu dịch vụ viễn thông” để áp dụng đồng nhất giữa các nhà mạng.

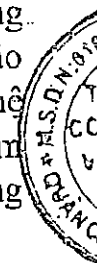
- Tại mục “Lưu ý” của mẫu biểu có ghi: “Chỉ tiêu doanh thu (Viễn thông, CNTT, Dịch vụ khác,...) là doanh thu cộng ngang của Công ty Mẹ và các Công ty hạch toán phụ thuộc, các Công ty con của Tập đoàn”.

Hiện tại, căn cứ theo đánh giá của Bộ Quốc phòng đối với doanh nghiệp, Viettel chỉ có báo cáo tài chính theo doanh thu hợp nhất của Tập đoàn và Công ty Mẹ, do đó, việc áp dụng theo chỉ tiêu doanh thu cộng ngang sẽ không còn phù hợp.

2. Đối với Biểu số 02/TCT

- Biểu 02 quy định về việc báo cáo doanh thu theo tỉnh/ thành phố theo Quý và theo các nhóm chính: i. Doanh thu viễn thông; ii. Doanh thu dịch vụ CNTT; iii. Doanh thu khác.

Với quy định này, Viettel kiến nghị Tổng cục Thống kê hướng dẫn hoặc thống nhất cụ thể do định nghĩa doanh thu đã có sự thay đổi theo quy định của cơ



quan quản lý Nhà nước. Đồng thời, do thay đổi định nghĩa dẫn đến việc xác định doanh thu viễn thông theo tỉnh thành phố sẽ chưa đảm bảo chính xác hoàn toàn với giá trị tiêu dùng thực tế tại tỉnh của thuê bao. Cụ thể:

+ Trước năm 2021: Doanh thu dịch vụ di động trả trước thuộc doanh thu viễn thông đang báo cáo theo doanh thu thẻ cào nên phản ánh đúng hoạt động bán hàng và tương đồng với số nộp thuế tại tỉnh.

+ Từ 01/01/2021: Các doanh nghiệp viễn thông hạch toán doanh thu theo tiêu dùng của thuê bao di động trả trước (theo công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18/6/2020 của Bộ Tài chính và 2758/CVT-GCKM ngày 10/7/2020 của Cục Viễn thông/BTTTT). Do đó, khi xác định tiêu dùng của thuê bao di động trả trước theo tỉnh, doanh nghiệp chỉ tạm tính theo quy định quản trị nội bộ (*thuê bao có số ngày sử dụng/ thời gian sử dụng ở đâu nhiều nhất thì tính là thuê bao tại đó và được ghi nhận toàn bộ tiêu dùng*), việc thực hiện nộp thuế VAT tại tỉnh vẫn theo bán hàng thẻ cào với thuê bao trả trước.

+ Việc xác định doanh thu theo tiêu dùng sẽ chênh lệch với tiêu chí doanh thu theo thẻ cào bán hàng ghi nhận trước 2021 và chênh lệch với doanh thu tính nộp thuế tại tỉnh hiện tại.

3. Về quy định thời hạn nộp báo cáo

+ Chế độ báo cáo các chỉ tiêu theo định kỳ Quý: Đề xuất thời gian báo cáo trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý sau.

+ Chế độ báo cáo các chỉ tiêu theo định kỳ 6 tháng đầu năm: Đề xuất thời gian báo cáo là ngày 20 tháng 7 của năm báo cáo.

+ Chế độ báo cáo các chỉ tiêu theo định kỳ năm và hết quý 4: Đề xuất thời gian báo cáo là ngày 25 tháng 1 của năm sau.

+ Lý do: Báo cáo có nhiều dữ liệu cần cập nhật chi tiết đến mức tỉnh/thành phố và thu thập số liệu từ nhiều đơn vị, Tổng Công ty thuộc Tập đoàn để tổng hợp hoàn thành 1 bản báo cáo nên cần thời gian nhiều hơn để xử lý, tổng hợp số liệu.

Kính đề nghị Tổng cục Thống kê/BKHTD, Cục Kế hoạch Đầu tư/BQP tổng hợp các ý kiến của Viettel để điều chỉnh và hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp thực hiện, đảm bảo đồng nhất tiêu chí giữa các doanh nghiệp cùng ngành và tính chính xác của dữ liệu cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước.

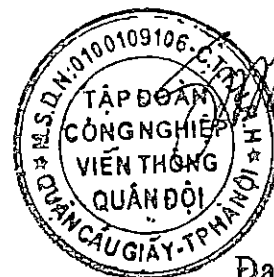
Kính báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, CL, Thuhuyen 02.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đại tá Đỗ Minh Phương

TUK

110

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104/21 DKVN-KTĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

V/v: Ý kiến về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: ... 9197 ...
Ngày: 03.3.2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
ĐẾN Số: 715
Ngày: 03.3.2022.
Chuyên: Bk. 10.3.2022.
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 28/2/2022, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nhận được công văn số 1019/BKHĐT-TCKT ngày 18/2/2022 của Quý Bộ về việc Cho ý kiến về hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sau khi rà soát các nội dung liên quan, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đồng ý với các chỉ tiêu tại Biểu số 09/TCT về Tình hình sản xuất, kinh doanh đính kèm công văn số 1019/BKHĐT-TCKT nêu trên.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kính chuyển Quý Bộ ý kiến để tổng hợp!

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - TGD PVN (e-copy, để b/c);
 - Lưu.VT, KTĐT.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đỗ Chí Thanh

Số: 3836/VTPost - CL

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

V/v góp ý hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC THỐNG KÊ	
ĐẾN SỐ: ... 200 ...	Ngày: 05.4.2022
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê

Trả lời văn bản số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Tổng cục Thống kê về việc góp ý "*Hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*". Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel hoàn toàn nhất trí với hệ biểu quy định. Căn cứ vào hệ biểu của Tổng cục Thống kê, Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel sẽ thực hiện tuân thủ theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD (đề b/c);
- Lưu: VT; CL. Ha (02b).

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thanh Sơn

TKV

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **908** /TKV-KTTC
V/v Xin ý kiến dự thảo hệ biểu quy định
tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu
thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu tiêu thống
kê quốc gia.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2022

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ĐẾN Số:..... 73
Ngày: 10.3.2022
Chuyên: B5.16.3.2022
Số và ký hiệu HS:.....

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 9416.....
Ngày: 10.3.2022
Chuyên:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện nội dung Công văn số 1019/BKHĐT-TCTK ngày 18/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến hệ biểu quy định tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ nội dung dự thảo và hệ biểu đã đăng tải trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ: <http://www.gso.gov.vn>; sau khi rà soát nội dung tại các biểu đính kèm (cụ thể Biểu số 10/TCT quy định cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam), TKV có ý kiến như sau:

TKV thống nhất với Biểu mẫu số 10/TCT : SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT THAN (Quý Năm ...)

Thời gian báo cáo: Ngày 20 tháng cuối quý

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê.

Trên đây là ý kiến về hệ biểu quy định cho TKV, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *[Signature]*
- Như kính gửi;
- Lưu VT, KTTC (2).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

[Signature]
Lê Quang Dũng

Biểu số 10/TCT

Ban hành theo Nghị định số

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT THAN

Quý Năm

Đơn vị báo cáo:

Tập đoàn Than, Khoáng sản Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thống kê

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng cuối quý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước năm báo cáo							Năm báo cáo						
			Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm	Kế hoạch năm	Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Than sạch thành phẩm	Nghìn Tấn														
1,1	Than sạch thành phẩm sản xuất	"														
1,2	Than sạch thành phẩm mua ngoài	"														
	<i>Trong đó: Nhập khẩu</i>	"														
2	Than tiêu thụ	Nghìn Tấn														
	<i>Trong đó: Xuất khẩu</i>	"														

Hướng dẫn cách ghi:

1. Báo cáo quý I: Báo cáo cột 1,8,9,16
2. Báo cáo quý II: Báo cáo từ cột 1 đến cột 3, cột 8 đến cột 11, cột 16 đến cột 18
3. Báo cáo quý III: Báo cáo từ cột 1 đến cột 5; cột 8 đến cột 13, cột 16 đến cột 20
4. Báo cáo quý IV: Báo cáo toàn bộ các cột trong biểu

Biểu số 10/TCT

Ban hành theo Nghị định số năm

.....

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng cuối c

STT	Chỉ tiêu	Tốc độ phát triển năm báo cáo so với cùng kỳ (%)							
		Cả năm	Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
A	B	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Than sạch thành phẩm								
1,1	Than sạch thành phẩm sản xuất								
1,2	Than sạch thành phẩm mua ngoài								
	<i>Trong đó: Nhập khẩu</i>								
2	Than tiêu thụ								
	<i>Trong đó: Xuất khẩu</i>								

Hướng dẫn cách ghi:

1. Báo cáo quý I: Báo cáo cột 1,8,9,16
2. Báo cáo quý II: Báo cáo từ cột 1 đến cột 3
3. Báo cáo quý III: Báo cáo từ cột 1 đến cột 4
4. Báo cáo quý IV: Báo cáo toàn bộ các cột t